

CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
SỐ 58 - MÙA XUÂN 2012



CỎ THƠM

THÁNG 03, NĂM 2012

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

NGÔ TĂNG GIAO

<giaongo@msn.com>

PHẠM VĂN TUẤN
<tuanpham1387@hotmail.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
FAX: (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.

HẢI BẰNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.

NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐINH CƯỜNG.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠİ.

VŨ HỐI. PHAN KHÂM.

NGUYỄN QUỐC KHÁI. HUY LÂM.

NGUYỄN LÂN. VŨ NAM. PHẠM TRỌNG LỆ.

PHẠM THỊ NHUNG. ĐẶNG NGUYỄN.

ĐỖ PHÚ. TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

NGUYỄN VĂN THÀNH. PHONG THU.

TIỂU THU. HỒNG THỦY.

TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.

THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ: Charlotte, NC.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM & NGUYỄN QUÝ ĐẠİ: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An (France), B. Phạm Tường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An,
B. Văn T. Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá (France), Ô. Trần Hữu Bảo,
Ô. Việt Bằng (CA), Ô.B. Phạm Bình, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đức Bình,
Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh,
B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu,
B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô.B. Ngô Chương, B. Nguyễn Hồng Cung,
Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, B. Vũ Diễm, B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung,
B. Nguyễn P.T.NgocDung, Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Senser, Ô.B. Don Van Dang,
B. Bùi Thị Đào, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Vũ Vương Đoàn,
Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức, Ô.B. Hoàng Cung Fa, Ô. Ngô Tăng Giao, Ô.B. B.S. Giang Hoàng,
B. Đỗ Thị Minh Giang, Ô.B. Sóng Việt Đàm Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao, Ô. Lý Văn Hải,
B. Rose Ngọc Hà Nguyễn, B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh,
B. Quân T. Hạnh, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền, B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiếu,
B. Nguyễn Hoa, Ô. Phạm Cao Hoàng, B. Tôn Nữ Khánh Hội, B. Tô Diễm Hồng, Ô.B. Hoàng Thế Huân,
Ô. Trần Khắc Hiếu, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng, Ô.B. Phan Tâm Hùng, Ô. Trương Hùng,
B. Thùy Hương N.T.T, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa,
Ô. Phạm Nguyễn Khôi, B. Vi Khuê, Ô. Trần Hiệu Lai, B. Võ Lại, Ô. Nguyễn Lân,
B. Nguyễn Đàm Chi Lan, B. Phạm Tố Lan, B. Nghiêm Phương Lan, Ô. Nguyễn Khoa Lân,
B. Nguyễn Tuyết Lê, Ô.B. Đạt Thu Lê, Ô. Nguyễn Ngọc Liệu, B. Vũ Thị Linh, Ô. B. Nguyễn Huy Long,
Ô. Phạm Đình Long, Ô. B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai,
B. Mai Nguyễn (VA), Ô. Vũ Nam (Germany), B. Nguyễn Phương Nga, Ô. Nguyễn Văn Nghị,
Ô.B. Vũ Đức Nghiêm, Ô. Đặng Nguyên, B. Uyên Phương Minh Nguyệt, B. Phan T. Nhẫn,
B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô. Vũ Mạnh Phát,
Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc,
Ô. Lê Quang Phùng, B. Hoàng Hữu Phước, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phương,
B. Nguyễn Trần Song Phương, Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Phi Sao, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm,
Ô. Lê Văn Tấn, B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân,
Ô.B. Nguyễn Diệu Tân (NJ), Ô. Lê Tam Thanh, Ô. Nguyễn Thanh (Paris), Ô.B. Vũ An Thanh,
B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. T.hảo Nguyễn Phạm,
B. Nguyễn Phương Thảo (Germany), B.Phong Thu, Ô. B. Trịnh Đức Thông,
B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, B. Nguyễn Tiểu Thu (Canada), B. Nguyễn Thị Thuận,
B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Lê Ngọc Thụy, Ô. Nguyễn Hữu Thứ,
Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Phạm Văn Tiến, B. Tiffany Trang Đỗ, Ô. Nguyễn Văn Toại,
Ô. Nguyễn B. Toàn, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân, B. Hoàng Minh Trân,
Ô. Tạ Quang Trung, Ô. B. Võ Trương, B. Đặng Ngọc Tú, Ô. Hoàng Lý Văn,
Ô. Yên Vi, B. Nguyễn Tường Vân (CA), B. Khánh Vân Michalek, B.S. Võ Đạm,
B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates,
Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung, B.S. Nguyễn Quốc Quân,
Sovereign Realty, INC., Harvest Moon Restaurant.

MỤC LỤC

ĐỀ	TRANG	THƠ
VĂN		
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	04	ĐÀO NGUYỄN: Vinh Danh Cỏ Thơm 09
Thư Xuân Hải Ngoại		NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: Cờ Vàng 13
NGUYỄN NGỌC BÍCH: Chúc Xuân...	08	HỒ CÔNG TÂM: Hùng Ca Sử Việt 21
NGUYỄN CHÍ THIÊN: Lời Chúc Xuân	10	PHAN KHÂM: Hoa Xuân 30
NGUYỄN QUÝ ĐÀI: Quê Hương Việt Nam...	14	MARCELLE PAPONNEAU: Je croyais... 38
ĐÀO ĐỨC CHƯỞNG: Lễ Tết Cổ Truyền	22	NGÔ TĂNG GIAO: Tôi tưởng khi già 38
HỒ TRƯỜNG AN: Ẩn Dụ Trong Văn Chương	31	CAO NGUYỄN: Tình thân 41
ĐẶNG NGUYỄN: Giọt nắng xuân	39	ĐỖ THỊ MINH GIANG: Hương mùa xuân 53
HẢI BĂNG HDB: Mùa xuân đầu tiên...	43	CUNG THỊ LAN: Tình yêu là gì? 53
TÂM VIỆT: Tết năm nay sách Việt Nam...	50	LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Cha và con 62
PHẠM THỊ NHƯNG: Tiếng đàn Thủy Kiều	54	THIÊN ĐỨC: Phù du kiếp người 62
NGUYỄN THUY: Nghĩ về một số từ...	63	VŨ THẾ HÙNG: Chân thiện mỹ 68
PHẠM HỮU BÌNH: Trả thù	69	KIM VŨ: Truth, goodness, beauty 68
ĐỖ BÌNH: Những khoảng trời riêng	77	BÙI THANH TIÊN: Xuân của hồn tôi 86
VĂN QUANG: Đi hội hoa xuân...	81	NGUYỄN VÔ CÙNG: Nhớ Tết..., Quán chiều 86
TÔN NỮ MẶC GIAO: Sài Gòn mưa vẫn rơi	87	LÝ HIẾU: Xuân qua vội 92
PHẠM VĂN TUẤN: Con chim sơn ca...	93	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: Xuân già 92
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Quan niệm về	101	NGUYỄN KINH BẮC: Xuân cảm 92
HỒ TRƯỜNG AN: Trương Anh Thụy...	109	PHAN KHÂM: Xuân nhớ 92
VŨ ĐỨC NGHIÊM: Tâm bút cho con gái	118	UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT: 127
Ỡ NGUYỄN: Sapa! Gió núi mưa ngàn	122	Nếu dở dang nhau.
NGUYỄN LÂN: Xuân ơi! Xin dừng lại	130	DIỄM HOA: Le Magique Printemps... 129
PHAN ANH DŨNG: Nhạc sĩ Nhật Ngân	133	Ý ANH: Hoa cúc 137
LINH PHƯƠNG: Những mẫu chuyện...	139	THANH THANH: Quen thuộc, Familiar 138
PHƯƠNG DUY TRƯỜNG DUY CƯỜNG	144	HOÀNG TRÙNG DŨƠNG: Xuân lạnh 147
Con điều giấy		HỌA
DIỆM TRẦN: Ngày tôi đi	148	CÁT ĐÓN SA: Mùa xuân, tranh bìa trước 01
TRƯỜNG THY: Tình tự trên vạt áo dài	150	MINH VŨ: Bến Cũ 86
CHIÊU HOÀNG: Nỗi buồn của thiên thần	155	NHẠC
TIỂU THU: Tan tác	162	VŨ ĐỨC NGHIÊM: Cờ Vàng Tung Bay 42
DIỄM CHÂU CÁT ĐÓN SA: Con Rể	169	NHẬT NGÂN: Đêm nay ai đưa em về 135
PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU:	175	NHẬT NGÂN: Một mai già từ vũ khí 136
Cái Hay Cái Đẹp của Văn Chương Việt Nam		LINH PHƯƠNG: Một vì sao rơi 142
NGUYỄN MÂY THU: Mùa xuân trên mái nhà	178	THANH TRANG: Đi giữa mùa xuân 182
PHONG THU: Nhớ một dòng sông	184	HUY LÂM – TƯỜNG VI: Từ Hôm Ấy 202
NGUYỄN QUỐC KHÁI: Tìm hiểu Nghệ thuật...	190	HÌNH ẢNH
TRẦN TAM NGUYỄN: Dòng đời trôi...	199	TRƯỜNG MINH CHÂU: Hoa mộc lan 37

TÚ NHẬT: Hoa Tulip	67	<i>CÔNG DÂN VIỆT SỬ</i> : Vũ Minh Tấn	141
SONG HÀ: Hoa đào	80	Văn Phòng BS NGUYỄN THỊ KIM DUNG	168
NGUYỄN HẰNG: Những tà áo dài...	154	THÔNG DONG TUỔI VÀNG:	174
PHẠM VĂN TUẤN: Hoa Tulips	183	Lê Thị Hàn & Lê Tạ Bích Đào	
TRƯƠNG MINH CHÂU: Hoa mai vàng	187	CD <i>NHƯ CÒN ĐẤY MÙA XUÂN</i> :	189
SINH HOẠT CỎ THƠM	205	của Thanh Trang	
NGUYỄN QUỐC KHẢI: Đài Kỷ Niệm Tổng	212	<i>LƯU HƯƠNG KÝ</i> , Nguyễn Ngọc Bích	204
Thống Thomas Jefferson tại Hoa Thịnh Đốn		<i>ẢNH TRƯỜNG KỊCH GIỚI</i> : Hồ Trường An	
TRƯƠNG MINH CHÂU: Hoa anh đào....	210	SOVEREIGN REALTY, INC.	208
		Văn Phòng BS VÕ ĐẠM	208
		HARVEST MOON RESTAURANT	209
		Phiếu Mua Báo/Gia Hạn/Quảng Cáo	210
		Văn Phòng Luật Sư	211
		IVAN WALDMAN & ASSOCIATES	
GIỚI THIỆU			
HA NGUYEN & ASSOCIATES	02		
Danh Sách Mạnh Thường Quân	04		
CHO VALENTINE của anh, thơ: Kim Vũ	41		
WASHINGTON MUSIC	62		
Văn Phòng BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	108		

Thư Xuân Hải Ngoại

Thưa quý vị,

Lá thư cho báo mùa xuân của chúng tôi được khởi viết vào cuối đông. Từ đầu mùa đến nay, tiết trời thật ấm áp như đã vào xuân. Trẻ con mong tuyết đổ con mắt để được nghỉ học, để được chơi tuyết ngoài vườn nhưng tuyết chỉ lưa thưa rơi chưa được 2 inches suốt mùa đông. Hoa daffodils đã nhú cao cả tấc. Người ta lo hoa anh đào tại Tidal Basin sẽ nở trước cả Hội Hoa Đăng vào đầu mùa xuân, cuối tháng ba.

Bầu trời mùa đông không u ám nhưng sao có những tin buồn. Danh ca Whitney Houston đã chết đột ngột như cùng định mệnh với Michael Jackson hai năm trước, để lại những tiếc thương ngơ ngẩn cho những người ngưỡng mộ. Những thứ độc dược ma men đã giết chết đời hai ca sĩ Mỹ này. Chúng ta sẽ không còn được nghe Whitney hát sống động trên sân khấu nữa. Người ca sĩ có tiếng hát cao vút trời

xanh, xuyên thấu tim óc con người, có một không hai trong thế hệ này, đã đi vào lòng đất trong mùa đông vừa qua. Thật uổng phí một đời tài hoa.

Đó là chuyện tiếng hát bên trời Mỹ. Còn bên trời Nam, tiếng hát bi hùng của người tuổi trẻ Việt Khang, đã làm khơi dậy lòng yêu nước, thương quê hương của chúng ta. Những ca nhạc sĩ trẻ, đẹp thường bán tiếng hát, phục vụ riêng cá nhân mình. Nhưng Việt Khang đã đem tiếng hát lời ca của mình phản kháng nhà cầm quyền ương hèn bán đất, nhu nhược chịu nô lệ giặc Tàu. Việt Khang than van cho số phận người dân bị đàn áp bất công nên đã bị bỏ tù.

Sự việc đó đã gây công phẫn cho người Việt khắp thế giới nổi dậy tranh đấu cho Việt Khang và những người tù lương tâm đang bị giam hãm tù đầy bên quê nhà. Người Việt tại Hoa Kỳ đã đem sự việc phản

nhân quyền của Việt Cộng trình bày với Tổng Thống Hoa Kỳ tại Tòa Bạch Ốc và Quốc Hội. Chính thể tự do, dân chủ sẽ không chấp thuận những hành xử bất lương của Cộng sản.

Đến bao giờ thì nước Việt Nam thoát khỏi nô lệ Tàu? Đến bao giờ thì nhà cầm quyền Việt Nam mở mắt, mở lòng từ thiện, thương dân tình và trả tự do cho những người chỉ có tội là yêu nước?

Chúng ta thật may mắn và hạnh phúc được sống trong thế giới mà người ta được tự do phát biểu ý kiến, tự do ca hát, tự do đọc, tự do viết. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm không chỉ có những bài biên khảo về văn chương, sáng tác thơ tình, truyện tình lãng mạn, chúng tôi vẫn có những sáng tác viết về xã hội, tình người, tình quê hương với tinh thần chống cộng là cội gốc quốc gia.

Trong khí thế sôi sục tinh thần tranh đấu cho ca nhạc sĩ Việt Khang, Cỏ Thơm số mùa xuân này đã đăng lời kêu gọi người Việt hải ngoại cũng như quốc nội với bài viết “Chúc Xuân Nhâm Thìn” của Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích trang 8, Lời Chúc Đầu Năm của Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện trang 10, bài thơ “Cờ Vàng” của Nguyễn Thị Ngọc Dung trang 13, “Quê Hương Việt Nam Không Còn Là Chùm Khế Ngọt” của Nguyễn Quý Đại, trang 14, bản nhạc “Cờ Vàng Tung Bay” của Vũ Đức Nghiêm, trang 42.

Phần nghệ thuật vẫn không thể thiếu ở hình thức và nội dung của Cỏ Thơm. Bìa trước của tập báo là tranh *Mùa Xuân* của Cát Đôn Sa. Bìa sau là hình “Đài Kỷ Niệm Tổng Thống Thomas Jefferson tại Hoa Thịnh Đốn trong mùa hoa anh đào” của Nguyễn Quốc Khải và “Hoa anh đào bên Hồ Thuý Triều

(Tidal Basin) Hoa Thịnh Đốn” của Trương Minh Châu. Vườn Cỏ Thơm trông rất xuân và vui tươi phải không, thưa quý vị?

Chúng tôi cũng xin giới thiệu cùng quý vị quý tác giả đã đến với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm lần đầu tiên trong số báo này: Phương Duy Trương Duy Cường với truyện ngắn “Con Điều Giấy” trang 144; Diệm Trần với ký sự ngắn “Ngày Tôi Đi” trang 146; Chiêu Hoàng với “Nỗi Buồn Thiên Thần” trang 155; Trần Tam Nguyên với tùy bút “Dòng Đời Trời, Con Người và Vũ Trụ” trang 197. Vì trang báo có hạn, Cỏ Thơm phải gác lại vài bài viết sẽ đăng số báo tới vì gửi tới sau.

Vườn hoa văn chương, nghệ thuật hải ngoại vẫn từng bừng nở rộ. Xin chúc mừng Nhà Văn Hồ Trường An đã cho ra đời cuốn sách *Ảnh Trường Kịch Giới*; Biên Khảo gia Nguyễn Ngọc Bích cho ra mắt tập *Lưu Hương Kỳ*; Nhà thơ Kim Vũ cho trình làng tập thơ Anh Ngữ *Cho Valentine của Anh*; Nhạc Sĩ Thanh Trang cho giới yêu nhạc thưởng thức CD *Như Còn Đấy Mùa Xuân*.

Cỏ Thơm rất vui mừng và cảm ơn Bà Vũ Thị Linh, Virginia đã đăng ký mua báo dài hạn, Bà Thương Hoff, Indiana đã mua 2 năm báo cũ và 1 năm báo mới. Bà Hương đã gọi tới toà soạn và cho hay đã biết tới báo Cỏ Thơm qua Website Cỏ Thơm <www.cothommagazine.com>. Vừa cầm những tập báo trên tay Bà Hương đã thấy quý mến rồi.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm sẽ luôn luôn cố gắng không phụ lòng quý tác giả và độc giả. Vì quý vị chính là lý do tồn tại của nền văn học Việt Nam tự do, nhân bản ở Hải Ngoại. Kính chúc quý vị một mùa xuân đẹp và nhiều tin vui.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

CHÚC XUÂN NHÂM THÌN

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Nhân dịp Xuân về, tôi xin nhân danh Nghị-hội Toàn-quốc Người Việt tại Hoa-kỳ kính gởi lời chào đến Quý Bạn trong Cơ-sở và Tạp-chí CỎ THƠM và chúc Quý Bạn một năm mới thật an-khang, sức khoẻ dồi dào, làm ăn phát đạt, gia-đình thịnh vượng, con cháu sum vầy. Chúng ta cũng không quên cầu nguyện cho Quê Hương Việt Nam của chúng ta được thanh-bình, hơn 80 triệu đồng-bào của chúng ta ở quê nhà được sung túc và sớm thoát được những ách nước, tai trời, để có một ngày tương-lai sáng lạng trong hoà-bình, tự-do, dân-chủ và nhân-ái.

Tương lại một năm qua, thế-giới đã trông thấy biết bao biến-đổi theo một chiều hướng tích-cực dù như các cường-quốc trên thế-giới đều ít nhiều rơi vào khủng-hoảng kinh tế, đe dọa dẫn đến một sự sắp xếp lại trật-tự toàn-cầu trong một tương-lai không xa.

Ngược lại, trong chính một số nước nhỏ, lòng dân đã quyết-đoán, đập đổ hết nền chuyên-chính độc-tài này đến nền chuyên-chính độc-tài khác. Ở Bắc-Phi và Trung-Đông, một nữ-cảnh-sát đập đổ quây bán trái cây của anh sinh-viên Bouazizi đã thúc đẩy anh đến chỗ tự-thiêu và làm bùng nổ cuộc cách mạng Hoa Lài--mà Trung-Cộng sợ đến nỗi không cho ai tìm đến chữ Hoa Lài trên Internet ở Trung-hoa lục-địa. Hết nhà độc-tài Ben Ali rút ở Tunisie thì đến lượt ông Hosni Mubarak rút đài ở Ai-cập và hiện đang phải ra trả lời trước toà án về những lệnh đàn áp ông đưa ra ở quảng-trường Tarir. Rồi đến Muammar Kaddafi, con người ngông nghênh không coi ai ra gì, cuối cùng cũng bị phiến-quân lôi ở trong ống cống ra, giết như một con chó dại. Ở Bahrain, nhà độc-tài cũng phải nhượng bộ, trả quyền lại cho một chính-phủ mới. Còn ở Syria, ông Bashir al Asad, dù cho quân-đội giết dân như ngoé, cũng đang chờ ngày tàn của chế-độ.

Mùa Xuân Ấ-rập, xem như vậy là không thua gì cuộc cách mạng nhưng ở Đông-Âu trong những năm cuối thập niên 1980-đầu 1990 khi cả khối Cộng-sản Liên-Xô và Đông-Âu sụp đổ. Bất kể nguồn gốc dân-tộc hay truyền-thống tôn-giáo khác nhau, hai cuộc cách mạng vùng lớn trong vòng 20 năm qua đã chứng minh một điều: không chế-độ độc-tài chuyên-chế nào có thể tồn tại được mãi mãi. Đến một lúc, lòng dân là ý Trời: nhà độc-tài hay chế-độ chuyên-chế đó phải sụp đổ vì nó phản lại lòng người với những ý-tưởng tốt đẹp bao giờ cũng muốn vươn tới cái Chí Thiện.

Gần Việt-nam hơn, gương của Miến-điện là một sự phản-tinh ngoạn-mục. Bằng một sự quyết-tâm không zích-zắc, không do dự, chính-quyền được xem là cùi hủi trong gần một nửa thế-kỷ bỗng thức-tỉnh, đập đổ sự lệ-thuộc vào Trung-Cộng, trả tự do cho hơn 600 tù-nhân chính-trị, làm hoà với phiến-quân Karen sau một cuộc chiến âm ý suốt 62 năm, tái-lập tự do báo chí và ngôn-luận, rồi hợp-pháp-hoá sinh-hoạt chính-đảng để bà Aung San

Suu Kyi có thể ra ứng cử vào mùa Xuân này, đem lại sự công-nhận và tái-lập bang-giao với Mỹ và Liên-Âu, dần trở thành một nước bình-thường trong cộng-đồng thế-giới.

Ngân ấy biến-cổ không thể không có ảnh-hưởng đến VNCS. Vì sao? Vì dân Việt-nam là một dân-tộc thông-minh, họ không thể không tự hỏi: Vì lý-do gì mà ta phải thua người dân Bắc-Phi hay Trung-Đông hoặc, gần hơn nữa là Miến-điện? Điều gì đã làm cho một dân-tộc oai hùng trên 4000 năm văn-hiến mà bây giờ phải cầm đèn đóm trên con đường đi đến dân-chủ, độc-lập và nhân-quyền thật sự nếu đó không phải là sự bất lực của một đảng một dân hại nước, đảng CSVN?

Trong năm nay, vì thế, tôi tin rằng dân VN sẽ đứng lên nắm lấy vận-mệnh đất nước vào trong tay mình và đòi lại cái quý nhất của con người, nhân-phẩm của cả một dân-tộc!

NGUYỄN NGỌC BÍCH

VINH DANH CỔ THƠM

Cỏ Thơm lần giờ trước đèn
Thoi đưa thoát thập thất niên đã tròn
Toàn ban biên tập lòng son
Tìm người hợp tác vẫn còn ả danh.
Bây giờ tình mới tỏ tình
Giai nhân tài tử chen chân bước vào.
Cơ duyên đâu bỗng lạ sao?
Chữ tài chữ mệnh đời dào cả hai.
Người quốc sắc kẻ thiên tài
Điều trong phong nhã dáng ngoài hào hoa.
Bây giờ ta lại gặp ta
Cỏ Thơm tô điểm vườn hoa tung bùng
Làm sao rạng rỡ non sông
Việt Nam vang tiếng con Rồng cháu Tiên.

Hoa Kỳ ngày 16 tháng 1 năm 2012

ĐÀO NGUYỄN

LỜI CHÚC XUÂN CỦA THI-SĨ NGUYỄN CHÍ THIỆN

Hướng đến đồng-bào quốc-nội đầu năm Nhâm Thìn 2012 xin gửi các suy nghĩ của ông Nguyễn Chí Thiện là tác-giả tập thơ Hoa Địa Ngục và tập truyện Hoả Lò với hơn 700 bài thơ nổi danh viết từ nhà tù Việt Cộng đã giam nhốt ông suốt 27 năm. Thơ thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện được phổ-biến rộng rãi trên khắp thế-giới qua nhiều ngôn ngữ.

Nhân cái dịp Tết Nhâm Thìn này, tôi là một người đã xa Tổ-quốc, đến năm nay là năm thứ 17, tôi rời nước năm 1995. Nhân dịp Tết này, cũng như thường-lệ, tôi chúc tất cả đồng-bào quốc-nội sức khoẻ dồi dào, vì có sức khoẻ mới làm được những việc khác. Nhưng tôi cũng muốn nhấn mạnh một điều.

Riêng đối với tôi, tôi coi sức khoẻ của tinh-thần, của tâm-hồn là quan-trọng hơn sức khoẻ của thể-xác. Điều này tôi cũng noi theo người xưa thôi.

Tôi thí-dụ, như bên Trung-quốc, vào những năm 1910-1920 gì đó, nhà văn Lỗ Tấn đang du học ở bên Nhật-bản, đang học nghề thuốc, đang học làm bác-sĩ thì một hôm ông xem một đoạn phim tài-liệu chiếu cái cảnh quân-đội phát-xít Nhật đánh đập người Trung-quốc thế mà những người Trung-quốc chung quanh đó vẫn cứ tươi cười như thường. Thế thì chữa bệnh cho họ làm gì? Phải chữa cái bệnh tâm-hồn của họ, chữa cái bệnh chai đá, vô cảm quan-trọng hơn là chữa bệnh, nên ông bỏ cái nghề bác-sĩ và ông quay sang viết văn, viết văn để chữa tâm-hồn.

Người thứ hai là nhà văn Nga Anton Chekhov bên Nga hồi cuối TK 19-đầu TK 20, ông cũng vốn là một bác-sĩ, nhưng ông thấy nhân-dân Nga sống bậy lăm, nên ông cũng bỏ luôn nghề thuốc và ông xoay sang nghề viết văn, chữa cái bệnh tinh-thần. Cũng như ở Việt-nam ngày xưa, ông Tú Xương cũng chúc Tết. Ông ấy chúc thiên-hạ nhiều thứ lắm, nào chúc tuổi già, chúc tuổi thọ, rồi chúc giàu, chúc sang phải không? Rồi chúc đông con nữa, đủ thứ, nhưng ông Tú Xương chỉ chúc có một loại thôi, là:

*Chúc sao cho tất cả trên đời
Vua, quan, sĩ thứ người muôn nước
Sao được cho ra cái giống người*

Bây giờ trước cái tình-trạng ở Việt-nam, nhiều nhà học-giả cùng nhà văn, nhà báo phải than phiền về cái bệnh vô cảm, cái bệnh ích kỷ, không nghĩ đến người khác, không nghĩ đến đồng-loại, và đặc-biệt là không nghĩ đến đất nước. Những điều này là do báo chí trong nước phản-ảnh. Tôi thì tôi thấy cái bệnh này cũng không phải là do lỗi ở đồng-bào mình. Nước mình nô lệ Tàu 1000 năm, rồi sống dưới chế-độ phong kiến. Sau phong kiến lại đến thực-dân Pháp rồi sau thực-dân Pháp lại đến cái anh Cộng-sản, cái anh tàn độc nhất. Ngày trước ấy, người Cộng-sản, trước khi Đổi Mới năm 1986, trước khi Liên-Xô đổ thì họ theo chủ-nghĩa Cộng-sản, họ xây dựng con người mới, có nghĩa là con người máy ấy, con người mà bầm như thế nào, điều khiển như thế nào

làm rầm rập theo thói. Những nhà văn, nhà báo, nhạc-sĩ họ là "kỹ-sư tâm-hồn," để đào tạo con người mới. Thành ra tất cả những cái gì mà từ tình yêu nam nữ lãng mạn, thơ ca, nhạc, ai mà làm mấy cái trò đó là bị tù. Hát mấy bài Thiên Thái, Suối Mơ, Nụ Cười Sơn Cước là cho đi tù hết, phải không ạ. Ai muốn biết thì nên hỏi anh Lộc Vàng, anh Toán Xôm chỉ hát mấy bài hát mà anh Toán Xôm bị 15 năm tù. Nhưng anh Toán Xôm chết rồi, anh Lộc Vàng thì còn sống. Mấy anh em khác như anh Đức Thọ v.v. chết cả rồi. Bây giờ anh Lộc Vàng đang ở Hồ Tây, Hà-nội, có cái quán cà-phê đây, nên hỏi chuyện anh ấy--anh ấy tù với tôi ở Phong-quang, anh hiện bây giờ đang mở quán cà-phê, anh ấy cũng tù 8 năm vì cái án nhạc vàng, hát những bài hát lãng mạn thôi. Nhưng Đảng CS trong bao nhiêu năm nay hết xây dựng con người mới, con người máy, bây giờ nó xây dựng những con người sống, nó cho mở rộng hoạt-động những cái chuyện đi điếm, lừa gạt, tham ô, những cái đó lan tràn tất cả khắp nơi, rồi ma tuý, rồi đủ thứ. Bây giờ các bạn thử thí dụ xem, như cái ô điếm chằng hạn, bán thân cho ngoại-quốc, bán thân trong nước để đi sang ngoại-quốc. Thử là những tổ-chức phản-động xem, nó gọi là phản-động, mình phải gọi là yêu nước, mà họp với nhau, tôi bảo đảm trong vòng một tuần là nó dẹp tan hết. Nhưng đây nó không dẹp, nó muốn cho thanh-niên đâm đầu vào những chỗ ăn chơi, mất hết sinh-khí, mất hết ý-chí, mất hết tu-cách nữa, để làm gì? Để cho chúng nó giữ quyền-lực. Chúng nó bây giờ xây dựng con người đời bại chứ không như trước.

Tôi muốn nói như thế này, ở Việt-nam mình vẫn còn nhiều người rất có lòng. Bao nhiêu người thanh-niên đã đứng lên, lên tiếng phản-đối sự xâm-lược của Trung-

quốc, phản-đối sự độc-tài, độc-đoán bóp miêng con người. Nhiều người lên tiếng lắm như giới trẻ, nhưng gần đây nhất có một người mà có lẽ đây là người đầu tiên trong giới nhạc-sĩ tham-gia vào phong trào đấu tranh, và tham-gia một cách rất độc-đáo và rất đáng kính phục. Đây là nhạc-sĩ Việt Khang đã bị bắt hồi Noel vừa rồi đó. Anh Việt Khang năm nay 40 tuổi, người Mỹ-tho, tên là Vũ Minh Trí, có vợ có con, thế mà bị bắt vì đã làm hai bài hát. Một bài là "Việt-nam ta đâu?" và một bài là "Anh là ai?" Bài "Anh là ai?" nhằm thức tỉnh bọn công-an để cho chúng nó từ bỏ những tư-tưởng súc-vật để trở về với tư-tưởng của con người, không đàn áp đồng-bào, không đàn áp những người yêu nước. Tôi muốn Tết năm nay các bạn nghe hai bản nhạc ấy của nhạc-sĩ Việt Khang. Tôi rất phục nhạc-sĩ Việt Khang. Ngoài tài nhạc ra, ngoài cái tấm lòng đối với đất nước ra và hiện bây giờ đang bị tù, anh ta còn có một cái nhìn rất sáng suốt về hiện-tình đất nước mà nhiều người ở hải-ngoại này, cũng như người trong nước, kể cả các học-giá, chưa nhìn rõ. Người ta hay nói chúng ta đang đứng trước một cái hiểm-họa Bắc-thuộc, trước cái hiểm-họa là nguy-cơ bị phương Bắc nó thôn-tính. Thế nhưng anh Việt Khang thì không, anh Việt Khang cũng như tôi, tôi cũng đã nghĩ như thế và cũng đã nói trên đài nhiều lần, nước Việt-nam bây giờ và từ một vài chục năm nay đã hoàn-toàn lệ-thuộc vào Tàu. Tàu hoàn-toàn cai trị, vì sao? Thời-đại ngày nay, không cần phải dùng súng đạn, quân-đội, không cần phải dùng những viên thái-thú của người Tàu sang nữa, mà nó chỉ cần nắm lấy một số chóp bu của đảng CS, một vài trăm người làm theo ý nó, là đủ rồi. Cho nên bọn Trung-quốc bây giờ tung hoành ở nước

Việt-nam, 90% cổ-phần đầu tư các thứ là nằm vào tay nó, 80% hàng hoá các thứ ăn uống của Tàu tràn ngập các chợ Sài-gòn, chợ Bến thành. Đây là những tin do báo chí Việt-nam nói chứ không phải tôi nói. Bao nhiêu những chuyện ngang trái mà nó làm như là chỗ không người, ví dụ như mua móng trâu, rồi môi lở v.v., tất cả các thứ tàn hại người mình như là cái chỗ rừng hoang như thế thì anh Việt Khang đã làm hai bản nhạc như đã nói trên. Các bạn phải nghe hai bài hát đó mới được. Nhưng trước hết hãy nghe bài "Việt-nam ta đâu?" Anh hỏi thế này: "Giờ đây Việt-nam còn hay đã mất mà giặc Tàu ngang tàng trên quê hương ta?" Nếu Việt Nam còn thì làm sao thằng Tàu có thể ngang tàng, có thể làm những việc nó tổn hại đến kinh tế, tổn hại đến văn-hoá, tổn hại đến đời sống của nhân-dân như thế. Chúng nó chở hàng lậu ngang-nhiên bán ngập trời ngập đất ở Việt-nam. Rồi bao nhiêu đầu tư về tay nó cả. Anh Việt Khang hỏi: "Giờ đây Việt-nam còn hay đã mất mà giặc Tàu ngang tàng trên quê hương ta?" Và, anh phải kêu lên: "Việt-nam tôi đâu? Việt-nam tôi đâu?" Mất rồi còn đâu nữa, phải không nào? Mất không phải là quân Tàu sang chiếm đóng mà là do "kẻ nhu nhược bán nước Việt-nam," anh ấy nói thế. Vậy, chúng ta phải chống ai? Anh Việt Khang nói: "Chống quân xâm-lược, chống kẻ nhu nhược bán nước Việt-nam."

Tôi có ý nghĩ như thế này: Vấn-đề Việt-nam ta bây giờ là muốn giải-quyết cái nạn Bắc-thuộc, mà chúng ta thực-tế đã bị Bắc-thuộc rồi, đã bị lệ-thuộc rồi. Cái đảng CS bây giờ, những cái tên chớp bu có quyền, thực-quyền đã thay mặt Tàu làm thái-thú cho nhân-dân Việt-nam, thì bây giờ chúng ta phải, như anh Việt Khang nói,

chúng ta đã mất nước rồi, chứ không phải chưa mất, đã lệ thuộc Tàu rồi, chứ không phải là hiềm-hoạ nữa- muốn chống giặc Tàu, không muốn lệ-thuộc vào Tàu, muốn chống được quân xâm-lược thì phải "chống kẻ nhu nhược bán nước Việt-nam." Tôi muốn đồng-bào trong nước hiểu rõ điều đó, hiểu rõ điều đó cho tôi, là "chống kẻ nhu nhược bán nước Việt-nam" vì nếu cái đảng CSVN bây giờ còn tồn tại thì có nghĩa là nó vẫn đại diện cho Tàu để cai trị Việt-nam, làm những tên thái-thú cho Tàu để cai trị Việt-nam. Mục-dịch làm gì? Mục-dịch là giữ vững ghế ngò, giữ vững tài-sản mà chúng nó đã vơ vét cướp bóc được của nhân-dân trong bao nhiêu năm cai trị. Đây là cái nguyện-vọng của tôi. Mong đồng-bào trong nước hiểu rõ là đừng có mơ hồ, đừng có ảo-tưởng một chút gì về cái đảng CSVN cả. Chừng nào mà nhân-dân Việt-nam nhận-thức được đầy đủ như vậy thì chúng ta sẽ có thể có ngày được dân-chủ-hoá, con người được có quyền làm người và cái hoạ của Trung-quốc sẽ được giải toả. Đây là nguyện-ước của tôi.

Tôi xin chứng minh tất cả những điều tôi vừa nói. Tôi còn nhớ năm 1990, Nguyễn Văn Linh này, Đỗ Mười này, Phạm Văn Đồng này sang bên Tàu để dựa vào Trung-quốc. Từ đó ông Nguyễn Cơ Thạch cũng đi dự, kiêm Bộ-trưởng Bộ Ngoại-giao, cũng đi dự. Ông Nguyễn Cơ Thạch có nói: "Hiềm-hoạ Trung-quốc xâm-lược đã bắt đầu," . Bắt đầu từ hồi đó cơ, từ 22 năm rồi. Cũng trong năm đó, khi Võ Nguyên Giáp sang Tàu, ở Bắc-kinh thì bọn Tàu nó bắt ông Giáp phải mặc-niệm, tưởng-niệm, đứng nghiêm-trang trước mồ những liệt-sĩ Trung-quốc. Liệt-sĩ Trung-quốc là ai? Là những bọn đã xâm-lăng Việt-nam năm 1979, giết hại không biết bao nhiêu đồng-bào ở biên-giới, tàn-phá đất

nước Việt-nam. Đây, những việc đó, từ hồi đó, bọn Cộng-sản đã hoàn-toàn cam tâm làm tay sai cho Trung-quốc, cho nên năm Nhâm Thìn này, tôi mong với cái khí-thế mới, với khí-thế con Rồng, với khí-thế Thăng Long của Lý-Trần-Lê, tôi tha thiết cầu mong cho đồng-bào quốc-nội, và cũng như đồng-bào quốc-ngoại, hiểu rõ tất cả những vấn-đề một cách sâu sắc, và đúng sự thật để cái hướng đấu tranh của mình không bị chệch hướng. Nghĩa là gì? Chống bọn nhu nhược bán nước, bọn tham-quan ô-lại, bọn thái-thú cho Tàu. Khi mà đảng CS không được độc-quyền nữa và Việt-nam được đa đảng, đa nguyên, được dân-chủ-hoá thì đồng-thời sự

xâm-lược của Tàu, lệ-thuộc Tàu cũng tan biến. Đây là cái cầu mong thiết tha nhất của tôi và với cái tấm lòng chân thành của con người lúc nào cũng nhớ về đất nước, tôi rất nhớ nhưng tôi không về được, là được nhìn thấy Việt-nam sớm thoát khỏi cái ách độc-tài độc-đảng, thoát khỏi cái tay sai của Tàu, để nước Việt-nam mình có thể ngóc đầu lên cùng với thế-giới. Vâng, xin chân thành chúc tất cả đồng-bào. Đây là tâm-ý của tôi và cũng là cái điều mong muốn tha thiết nhất của tôi trong dịp đầu năm Nhâm Thìn. Cám ơn!

Chuyển-tải từ Youtube của

http://www.freevietnews.com/audio/20120121_NtNguyenChiThien.m3u

CỜ VÀNG

Ta sinh dưới ngọn cờ vàng
Màu da của mẹ bốn ngàn năm nay
Ba miền huyết mạch tràn đầy
Máu tim dân Việt ơn dày quê cha
Núi sông linh khí bao la
Trung Vương liệt nữ bài ca sử truyền,
Trần Hưng Đạo sau Ngô Quyền
Bạch Đằng đánh đắm vạn thuyền ngoại xâm
Gươm thiêng vung hét mười năm
Anh hùng Lê Lợi chém bằm quân thù
Quang Trung Nguyễn Huệ phất cờ
Diệt quân xâm lược chất Gò Đống Đa
Trăm năm Pháp chiếm nước ta
Thế rồi giặc Cộng không tha dân mình

Cờ vàng quắn quai điêu linh
Ngục tù dày đọa cực hình dã man
Toàn dân nghèo khổ lầm than
Triệu người lán nạn hận tràn bể khơi
Đất lành chim đậu xứ người
Vẻ vang dân Việt xây đời thịnh hưng
Không quên dòng giống lấy lòng
Năm châu bốn bể hãy vùng đứng lên
Da vàng máu đỏ ba miền
Cùng nhau đòi lại đất thiêng cõi bờ
Đuổi loài tham bạo Cộng nô
Xây nền dân chủ, tự do tuyệt vời
Cờ vàng sọc đỏ đẹp người
Là niềm hy vọng của người Việt Nam!

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
(Virginia)

QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM

Không Còn Là Chùm Khế Ngọt

NGUYỄN QUÝ ĐẠI

Thật khó quên nơi chôn nhau cắt rún, vì trong tiềm thức của mỗi chúng ta vẫn còn những kỷ niệm buồn vui thời thơ ấu với khung trời kỷ niệm của quê hương qua tiếng chày giã gạo, tiếng gà gáy, tiếng chó sủa ở đầu làng, tiếng hát ru con à ơi, ngọt ngào hòa nhịp với tiếng ve sầu trong trưa hè nắng gắt ...

Thời gian trôi qua bốn mùa thay đổi ở xứ người, chúng ta không còn nghe tiếng rao bán xôi, bánh mì điếm tâm như ở Việt Nam, rồi một hôm hình ảnh quê hương lại hiện về thật rõ khi tôi nhận DVD khánh thành nhà thờ Tộc với đầy đủ sinh hoạt của bà con thân tộc rất cảm động, DVD có đệm nhạc phẩm “Quê Hương” của nhạc sĩ Giáp Văn Thạch phổ nhạc từ thơ của thi sĩ Đỗ Trung Quân, giọng nhạc thanh thoát, thiết tha, hấp dẫn như chùm khế ngọt ngào, gọi chúng ta nhớ làng quê Việt Nam êm đềm bên ruộng lúa, bờ tre, với con sông dài uốn khúc. Những hình ảnh xinh đẹp ấy dễ đi vào tâm hồn người viễn xứ và khơi dậy tình yêu quê hương, một thứ tình cao cả thiêng liêng của mỗi dân tộc.

*“Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày*

*Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay
Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông...”*

<http://mp3.zing.vn/bai-hat/Que-Huong-La-Chum-Khe-Ngot-Cam-Ly/IW6BUZO8.html>

Dòng nhạc tác động mạnh mẽ tâm trạng nhớ quê của hàng triệu người Việt xa xứ, lời nhạc khéo léo như kêu gọi, mời mọc quyến rũ “khúc ruột ngàn dặm” trở về quê hương qua hình ảnh quen thuộc, thiết tha của người mẹ Việt Nam, nhưng câu kết thúc của nhạc phẩm “*quê hương nếu ai không nhớ...sẽ không lớn nổi thành người*” tro trên, hỗn xược làm người nghe bị hụt hẫng và sự cảm xúc từ giọng nhạc đi vào hư không!

Theo tác giả trả lời Mặc Lâm, phóng viên đài RFA ngày 2008-10-05, câu thơ này không có trong nguyên bản mà đã bị thay đổi thêm bớt khi đăng trên tờ báo “Khăn Quàng Đỏ” và được phổ nhạc. Sau 1975 vẫn, nhạc sĩ miền Nam bị giới hạn sáng tác theo cảm xúc của mình, thơ bị cắt bỏ thêm bớt phải viết theo chỉ đạo của Đảng. Đời sống người dân nhiều năm qua gánh chịu



triền miên nạn hồi lộ, tham nhũng, cướp đất, cướp nhà... Thi sĩ Đỗ Trung Quân cùng làn sóng người trí thức và văn nghệ sĩ yêu nước năm 2011 xuống đường tại Sài Gòn chống hành động xâm lược của Tàu chiếm Hoàng Sa, Trường Sa và ra lệnh cấm đánh cá hàng năm 3 tháng, trái với luật biển quốc tế nhưng nhà cầm quyền CS Việt Nam tỏ ra nhu nhược đồng lõa với kẻ xâm lăng, hành động này gần như bán nước cho ngoại bang. Anh cũng như những người tham gia biểu tình biểu lộ tâm tình yêu nước, bị công an theo dõi, canh cửa gác nhà. Thơ của anh không còn là chùm khế ngọt ngào, anh bày tỏ sự bất đồng chính kiến của mình và làm thơ lên án chế độ “*Hãy thử sờ lên đầu mình xem...Đã mọc đuôi sam ?... “*



Nhìn lại Quê Hương, nếu chúng ta đến Ai Nam Quan, Bản Giốc, Bãi Tục Lãm, Lão Sơn phải đau lòng vì Việt Nam đã mất đi một phần đất lịch sử, Cộng Sản Việt Nam (CSVN) che dấu việc nhượng đất cho Tàu hàng chục ngàn cây số vuông để cầu vinh, bảo vệ quyền lợi của Đảng hơn quyền lợi của dân tộc và cúi đầu ca tụng tình hữu nghị Việt-Trung. CSVN xem đất nước này là của riêng, họ đứng trên đầu dân tộc, vơ vét cho tiền đầy túi, điển hình là vụ Vinashin thất thoát 5 tỷ USD, Công Ty cho thuê tài chính ALC II vỡ nợ, nhà máy điện

EVN nợ chồng chất, Công Ty Xăng Dầu Việt Nam (Petrolimex) thua lỗ trầm trọng, đất nước chúng ta đầy ngập sự giả dối, lường gạt lẫn nhau, vật giá tăng, Việt Nam là một trong 5 nước có tỉ lệ lạm phát cao nhất trên thế giới, thực trạng này sẽ làm gia tăng tỷ lệ nghèo đói, môi sinh hủy hoại, giáo dục xuống cấp, bằng cấp giả mạo lan tràn, văn hóa, đạo đức thoái hóa, đời sống người dân về mặt tinh thần lẫn vật chất ngày càng điều linh khốn khổ. Trẻ em nghèo không đủ tiền đi học phải đi bán vé số, đánh giày, lao động vất vả. Vùng cao nguyên nhiều nơi mùa đông giá lạnh trẻ em không đủ cơm ăn áo mặc, không có cầu qua sông. Nhà nước vay tiền để xây những xa lộ mới mênh mông, phô trương sự phồn vinh phú quý giả tạo, nhiều lâu đài nguy nga lộng lẫy, vũ trường, nhà hàng, khách sạn to lớn, nhiều khu giải trí cờ bạc, sân golf cho nhóm tư bản đỏ là cán bộ hưởng thụ. Dân số Việt Nam tăng nhưng bệnh viện công thì không xây dựng phát triển, một giường phải cho 3 bệnh nhân, bệnh viện tư điều trị trên 100 Euro một ngày chưa tính tiền thuốc, người dân nghèo phải chấp nhận số phận chua xót, đắng cay!

Đời sống nông thôn đã nghèo lại càng nghèo hơn, nhiều gia đình mất mùa, nợ nần chồng chất phải bán con gái, “lấy chồng“ làm nô lệ cho đàn ông Đài Loan, Đại Hàn. Trong khi đó đời sống của giai cấp giàu là những cán bộ, bộ đội từ bung biển miền Bắc vào Nam sau 30.4.75 chỉ có chiếc ba lô, đôi dép râu, thường đến chợ trời mua đồng hồ “không người lái“, radio, xe đạp... nay trở thành những triệu phú đô la, là giới lãnh đạo cai trị miền Nam, họ hưởng đủ tất cả lạc thú trên đời: nhà lầu, xe hơi, rượu ngon, gái đẹp. Họ dùng quyền lực cướp đoạt tài sản, nhà cửa, đất đai, bóc lột sức lao động, tham

những hồi lộ, buôn người (xuất cảng lao động), bán tài nguyên, rừng, biển... họ cho con du học những đại học đắt tiền nước ngoài, xài sang nhất Á Châu, mua xe loại nổi tiếng thế giới: Mercedes, BMW, Audi, Rolls-Royce, du thuyền, máy bay...

Nhờ thời Tổng thống Bill Clinton ký quyết định bỏ cấm vận Việt Nam (3.2.1994), hai nước Việt-Mỹ bình thường hóa quan hệ, chấm dứt 20 năm căng thẳng sau chiến tranh. Nhà cầm quyền CSVN có cơ hội mở cửa tiếp xúc với thế giới Tây phương, “đổi mới” kinh tế, từ đó được các quốc gia tư bản bỏ tiền vào đầu tư tại Việt Nam, đời sống ở thành phố phát triển hơn, hệ thống du lịch mở cửa chào đón du khách. Năm 2011 lượng ngoại tệ do người Việt chuyển về Việt Nam qua các hệ thống ngân hàng đạt mức kỷ lục là 9 tỷ USD, số ngoại tệ này tương đương với 8% tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam. Theo tin của hãng Reuters, tháng 12.2011 các nhà tài trợ quốc tế đã cam kết dành cho Việt Nam năm 2012 là 7,4 tỉ USD viện trợ phát triển chính thức của ODA (Official Development Assistance) - quỹ tiền tệ quốc tế giúp cho chính phủ các nước chậm tiến để phát triển kinh tế. Việt Nam là một trong 5 quốc gia đứng đầu trên thế giới tiếp nhận tiền của ODA và FDI (Foreign Direct Investment) là chương trình ngoại quốc đầu tư trực tiếp vào Việt Nam (*đừng quên rằng người ta bỏ tiền ra phải có quyền lợi, không ai cho không biếu không, họ cho tay phải, tay trái lấy lại thứ khác*). Theo ước tính của



báo kinh tế *The Economist*, tổng số nợ công của Việt Nam vào năm 2010 là 50.7 tỷ USD, chiếm 51.7% GDP. Nợ công tiếp tục tăng trong khi thâm hụt ngân sách luôn ở mức rất cao, nếu nhà nước Việt Nam không có khả năng trả nợ thì có thể dẫn đến vỡ nợ như Hy Lạp. Các đời cháu chắt chúng ta phải è lưng ra trả nợ, như tục ngữ “*người ăn ốc kẻ đổ vỏ*”.

Việt Nam ảnh hưởng Trung Cộng du nhập thứ văn hóa tạp lục, phim ảnh Tàu chiếu cả ngày trên truyền hình, dư luận cho rằng theo đà này giới trẻ Việt sẽ thuộc lịch sử Tàu hơn Việt Nam, điển hình loạt phim Lý Công Uân-Đường tới thành Thăng Long, kỷ niệm 1000 Thăng Long, thuộc loại phim lai căng mất gốc, không những sai lệch lịch sử mà có chỗ còn xuyên tạc lịch sử, được dàn dựng tại trường quay Hoàn Kiếm bên Tàu, đạo diễn, diễn viên phụ, y phục tất cả đều của Tàu!

Các chất hóa học độc hại làm gia vị thực phẩm, mùi hương nước uống từ Tàu tràn ngập vào Việt Nam từ thành thị tới thôn quê, làm ảnh hưởng sức khỏe của người dân qua nhiều thế hệ, hiện nay nhiều người bị bệnh ung thư. Đây là hành động thâm độc của Tàu, muốn giết dân tộc Việt Nam không cần súng đạn, nhưng nhà cầm quyền Việt Nam không kiểm soát để ngăn chặn. Dân trí Việt Nam còn thấp, văn minh không học mà học cái lấu cá lường lọc, gian manh của Tàu khi xử dụng hóa chất vào thực phẩm. Thế giới ngao ngán, tẩy chay sản phẩm “made in China”.

Việt Nam không thiếu nhân tài, nhưng ngành kỹ nghệ không phát triển, những hãng xưởng kỹ nghệ chỉ sản xuất hàng cho các nước Tư Bản. Nhìn lại Nam Hàn trước 1975 có hơn gì miền Nam Việt Nam, những thập niên qua nước họ phát triển mạnh về kỹ nghệ xe hơi, máy móc nổi tiếng khắp thế giới được ưa chuộng. Trong khi Việt Nam vẫn là nước lạc hậu, người ta bỏ nhà máy điện nguyên tử, thì Việt Nam vay mượn Nga 10,5 tỷ USD để xây nhà máy ở Bình Thuận. Bài học từ hai nhà máy điện nguyên tử quá đắt cho môi trường thế giới là Tschernobyl và Fukushima, tại sao Việt Nam không nhìn thấy?

Nhà báo trong nước đã viết: “*Con Người Việt Nam hôm nay đứng trước nguy cơ sa xuống tầng thấp nhất của nhân cách: từ an phận, ích kỷ, giả dối, hèn nhát, vô cảm đến đố kỵ, trơ trẽn, gian ác*”.

Nhà văn Võ thị Hào đã viết cho BBC: http://www.bbc.co.uk/vietnamese/forum/2012/02/120211_vn_land_dispute_voithhao.shtml.

Léonid Brejnev (1906-1982) - từng tin tưởng Cộng Sản sẽ toàn thắng khắp nơi trên thế giới, lúc lên nắm quyền ở Nga năm 1964 - năm 1983 phải nói nỗi tuyệt vọng: “*Xã hội chủ nghĩa gì mà 1/3 xe chạy ngoài đường là ăn cắp xăng của công, 1/3 bằng cấp là bằng cấp giả, công chức đến sở làm việc là đến để có mặt, sau đó thì đi coi hát hay đi làm việc riêng*”. CSVN còn tệ hại hơn nữa.

Thiên đường Cộng Sản đã sụp đổ, Tổng bí thư CS Liên Bang Xô Viết ông Mikhail Gorbachev giải tán đĐảng CS tháng 12.1991, ông đã khuyến cáo tại Đông Berlin (7.10.1989) “*Wer zu spaet kommt, den bestrafst das Leben (kẻ nào chậm trễ sẽ bị đền mạng)*”. Những ai còn mê ngủ theo

chủ nghĩa CS độc tài sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát.



Nhìn lại Việt Nam: có đổi mới, phát triển nhờ nhận tiền viện trợ, nhưng vẫn theo chủ nghĩa CS, cánh cửa tự do, nhân quyền khép kín, nhà tù được mở rộng cho những người yêu nước, bất đồng chính kiến, phản đối nhà cầm quyền, họ biến người dân thành con ngựa bị bịt mắt kéo xe. Người dân Việt ngày nay không còn tin vào nhà nước, họ sống trong âm thầm chịu đựng, nhưng không thể tránh được sự đè nén quá mức phải tự vệ, phản kháng mạnh như vụ Tiên Lãng, gây ra sự bất bình và phẫn nộ trong nhân dân, dư luận ồn ào trong và ngoài nước làm nhà cầm quyền CSVN đau đầu và run sợ.

Thế hệ chúng ta từng sống gắn bó với quê nhà một thời chinh chiến, đổ máu xương để bảo vệ bờ cõi tiền nhân để lại, dù ở bất cứ nơi nào trên thế giới nhưng tâm hồn luôn hướng về quê hương, không bao giờ quên những năm tháng cơ cực tù đày. Cuộc đời đầy khổ lụy, là người Việt Nam nhưng không có quyền của một công dân trên đất nước mình, dù lúc đó đã chấm dứt chiến tranh khói lửa nhưng chúng ta phải rời bỏ quê hương qua bao gian nan, vượt biển, vượt rừng đi tìm tự do bất chấp phong ba bão táp, hải tặc hãm hiếp... Tiếp theo các chương trình O.D.P. (Ordely

Departure Program), H.O. (Humanitarian Operation), làn sóng người lao động trả nợ chiến tranh xin tỵ nạn từ các nước Đông Âu, khi thiên đường CS quốc tế sụp đổ.

Người Việt hải ngoại hướng về Việt Nam luôn đấu tranh cho chủ quyền, và sự nguy cơ của dân tộc đã và đang bị cai trị dưới chế độ độc tài CS, đàn áp tôn giáo, tự do và nhân quyền không được tôn trọng. Phong trào của văn nghệ sĩ hải ngoại sáng tác nhạc thổi bùng ngọn lửa đấu tranh cùng toàn dân trong nước chống chủ trương bành trướng của Trung Cộng để Việt Nam sớm thoát cảnh đọa đày, không bị Hán hóa làm nô lệ. Trung Tâm Asia ra DVD *Hùng ca sử Việt*; Nhà sĩ, nhạc sĩ Cao Minh Hưng - trong Câu lạc bộ Tình nghệ sĩ

- sáng tác nhạc phẩm *Vùng lên cứu nước*; Nhóm Hưng ca Việt Nam với nhạc sĩ Việt Dzũng, Nguyệt Ánh, Huỳnh Lương Thiện, Trương Sĩ Lương, Xuân Nghĩa, Tuấn Minh, Tuyết Mai, Lưu Xuân Bảo đã phát hành CD 10 ca khúc *Xuống Đường*, khơi động mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của đồng bào trong và ngoài nước. Nhạc sĩ kiêm ca sĩ Hoàng Hoa (Italy) và thi sĩ Lê Trần đã góp ca khúc *Tổ Quốc Bên Trời*; Nhạc sĩ Trúc Hồ với: *Bước chân Việt Nam, Con đường Việt Nam*

và *Một ngày Việt Nam, Thiên thần trong bóng tối, Đáp lời sông núi*; Nhạc sĩ lão thành Anh Bằng với: *Đừng im tiếng, Cả nước đấu tranh, Phải lên Tiếng*, anh



Nguyễn Văn Nghệ (Munich) với nhạc phẩm: *Việt Nam-Tiếng gọi quê hương tôi* v v...

Cao trào đòi hỏi nhà cầm quyền CSVN phải trả tự do cho tất cả tù nhân chính trị và tôn giáo. Ngọn lửa đấu tranh cho công lý đang đốt cháy bạo quyền CS, may mắn cho dân tộc Việt Nam thế hệ trẻ dù sinh sau năm 1975 còn có nhân cách, yêu quê hương cùng xuống đường một cách ôn hòa để phản đối Trung Cộng xâm lược biển đảo Việt Nam. Nhạc sĩ Việt Khang uất hận nghẹn ngào trước



Bức hình thay cho lời nói chỉ có ở Việt Nam

cảnh người dân sống nghèo nàn, khổ cực đọa đày và bị hiếp đáp, anh đã sáng tác theo sự xúc cảm của tâm hồn, nặng tình đất nước với nỗi đau của một công dân Việt Nam ca khúc: *“Việt Nam Tôi Đâu?”*

*Việt Nam ơi, thời gian quá nửa đời người
Và ta đã tỏ tường rồi
Ôi cuộc đời ngày sau tàn lửa khói
Mẹ Việt Nam đau từng cơn xót dạ nhìn đời
.....
Tôi không thể ngồi yên*

*Để đời sau cháu con tôi làm người
Cội nguồn ở đâu?
Khi thế giới nay đã không còn Việt Nam....*

Nhạc phẩm “*Việt Nam Tôi Đâu?*” đi vào lòng người từ quốc nội bùng cháy lan tràn ra hải ngoại được các cơ quan truyền thông, giới văn nghệ sĩ hưởng ứng phổ biến vinh danh và ủng hộ lòng yêu nước của giới trẻ trong nước. Phong trào biểu tình chống Tàu ở Hà Nội, Sài Gòn bị công an đàn áp đánh đập, anh tiếp tục sáng tác nhạc phẩm thứ hai: “*Anh là Ai?*”

*Xin hỏi anh là ai - sao bắt tôi, tôi làm điều gì sai?
Xin hỏi anh là ai - sao đánh tôi chẳng một chút nương tay?
Xin hỏi anh là ai - sao không cho tôi xuống đường tỏ bày?
Tình yêu quê hương này, dân tộc này, đã quý nhiều đấng cay....*

*Xin hỏi anh ở đâu - ngăn bước tôi chống giặc Tàu ngoại xâm
Xin hỏi anh ở đâu - sao mắng tôi bằng giọng nói dân tôi?
Dân tộc anh ở đâu - sao đang tâm làm tay sai cho Tàu?
Để ngàn năm ghi dấu bàn tay nào nhuộm đầy máu đồng bào....*

Hai nhạc phẩm của Việt Khang thành công rực rỡ đi vào lịch sử dòng nhạc dân tộc, làm rung động hàng triệu con tim trong và ngoài nước, giọng hát anh hấp dẫn nồng nàn, tiếng nhạc du dương, một thứ âm điệu nhẹ nhàng, thiết tha mà truyền cảm, là tiếng rên xiết, gào thét của hàng triệu người con



nước Việt trước thảm họa mất nước, thôi thúc lòng người phải nghĩ tới trách nhiệm đối với quê hương. Lời nhạc không mang tính hằn học, hận thù mà lịch sự xin hỏi những người lãnh lương từ thuế của dân, sao không bảo vệ dân mà đàn áp

biểu tình chống ngoại xâm, anh là ai? sao không biết cội nguồn, nhẫn tâm đánh, đập vào mặt người biểu tình. Người Việt tỵ nạn CS ở Đức, Mỹ, Úc, Canada, Pháp... biểu tình trước các tòa Đại sứ, Lãnh sự quán Trung Cộng lên án hành động xâm lược với “cái lưỡi bò” liếm hết biển Đông. Những người yêu nước từ Hà Nội đến Sài Gòn đã xuống đường ôn hòa, bày tỏ thái độ chống quân xâm lược, thay vì giới lãnh đạo Việt Nam có trách nhiệm trước tiên đồ quê hương dân tộc phải ủng hộ lòng yêu nước, họ đã dùng quyền lực giải tán bóp chết quyền tự do của người công dân đã quy định trong Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền.

Trung Tâm ca nhạc Asia, đài SBTN, nhạc sĩ người Pháp Antoine Figali dịch ra tiếng Anh, Pháp, giới Nghệ Sĩ Hoa Kỳ ở Hollywood cũng lên tiếng ủng hộ đòi hỏi tự

do dân chủ và kêu gọi Việt Nam trả tự do cho Việt Khang.

<http://www.youtube.com/watch?v=LpevdIPe5VA>
<http://www.youtube.com/watch?v=iDWZtfErUzo&feature=related>

Là một người dân Việt Nam, có truyền thống từ hàng ngàn năm chống giặc, mong ước chúng ta hãy cùng nhau đứng lên như Nhạc sĩ Trúc Hồ kêu gọi *đáp lời sóng núi*, Việt Khang can đảm đem nhạc và tiếng hát của mình để phục vụ cho quê hương, dân tộc, anh không run sợ trước bản án tù đầy dù trên một đất nước chỉ có bạo lực cai trị, kim hãm tự do. Việt Khang bị nhà cầm quyền Việt Nam bắt bỏ tù cuối năm 2011, nhưng họ thất bại không thể bỏ tù lý tưởng của anh và những người yêu nước thuộc mọi tầng lớp chống lại nhà cầm quyền bằng

tiếng nói của lương tâm, như cụ Phan Châu Trinh đã nói:

“Một dân tộc nào có người tù về quốc sự như thế thì dân tộc ấy càng thêm vẻ vang. Một dân tộc không có người ở tù về quốc sự thì cái dân tộc ấy là khối dân tộc vô hồn thôi.”

Hy vọng với ảnh hưởng tốt của các phong trào nổi dậy: “*Cách mạng hoa lài- Mùa Xuân Ả Rập*” từ Tunisia, Ai Cập, Lybia... dân tộc Việt Nam sẽ sớm thoát cảnh đọa đầy, đón nhận ánh sáng Tự do, Dân chủ để quang phục Quê Hương.

Nguyễn Quý Đại

(Munich đầu năm Nhâm Thìn 2012)

Ghi chú :Tài liệu tham khảo và hình trên Internet

ĐẢ ĐẢO CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐÃ BẮT GIAM VÔ CỐ NHẠC SĨ YÊU NƯỚC VIỆT KHANG



ĐẢ ĐẢO CỘNG SẢN ĐÀN NƯỚC
Nhạc Sĩ Việt Khang (Võ Minh Trí)

VIỆT NAM TÔI ĐAU ? Anh Là Ai?
Việt Khang

CỘNG SẢN VIỆT NAM PHẢI TRẢ TỰ DO VÔ ĐIỀU KIỆN NHẠC SĨ YÊU NƯỚC VIỆT KHANG

• Ủy Ban Phối Hợp Đấu Tranh Chống Cộng Sản Và Tay Sai

HÙNG CA SỬ VIỆT

[1]

Hùng Vương

Hùng Vương xưa dựng nước Văn Lang
Trăm họ âu ca rộn xóm làng
Văn có... lạc-hầu lo giáo dục
Võ thì... lạc-trượng giữ an bang.
Chăn nuôi, nương rẫy... vui nhàn nhã,
Chài lưới, thủy lâm... thú rảnh rang.
Mười tám đời vua công dựng nước
Cha truyền con nối họ Hồng Bàng!

[3]

Trung Nữ Vương

Đầu voi nữ tướng chít khăn tang
Nợ nước thù nhà phải đảm đang
Hợp Phố vạn lòng dân phấn khởi
Cửu Chân muôn vó ngựa rền vang
Sáu lăm thành quách tan tro bụi
Vạn đại sơn xuyên biết đá vàng
Nhi nữ điếm tô nền tự chủ
Mê Linh, Sông Hát sử huy hoàng!



[2]

Triệu Đà cướp nước Âu Lạc

An Dương Vương dựng cố loa thành
Cạy có nỏ thần biếng giữ ranh.
Trọng Thi lân la sang dò thám
My Châu lần lửa lộ tinh anh!
Triệu Đà tiến đánh vào Âu Lạc,
Thục Đế lui binh xuống Nghệ Thanh
Lông ngỗng đưa đường, con hại bố
Giếng sâu tự tận, rử tiêu danh!

[4]

Ngô Vương Quyền

Quân ta đại phá quân Nam-Hán
Đầy Bạch-Đằng Giang đại chiến công!
Hoảng Tháo thả thuyền trên sóng nước,
Ngô Quyền đóng cọc dưới lòng sông
Thủy triều... mắc cạn thây chồng chắt,
Gươm giáo ngổn ngang máu nhuộm hồng.
Thiên cổ lưu danh trang tuấn kiệt
Thời kỳ Tự Chủ ấy Ngô Vương!

HỒ CÔNG TÂM

LỄ TẾT CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Đào Đức Chương

Tết là ngày lễ lớn định kỳ hằng năm tính theo âm lịch, có cúng lễ, ăn uống, vui chơi, hội hè theo truyền thống dân tộc. Nước ta có 11 cái Tết vào các tháng Giêng, Ba, Năm, Bảy, Tám, Chín, Mười, Chạp, và trọng đại nhất là Tết Nguyên Đán tức Tết Đầu Năm còn gọi là Tết Cả.

TẾT NGUYÊN ĐÁN

Theo ngữ nghĩa, “nguyên” là bắt đầu, khởi đầu; “đán” là sớm, buổi sáng sớm; vậy “nguyên đán” là ngày đầu năm, như chữ nguyên nhật.

Tết Nguyên Đán bắt đầu từ lúc Giao thừa (giữa giờ Tý, tức 12 giờ khuya) bước sang ngày mồng Một tháng Giêng và đến mồng Bảy mới chấm dứt. Ngày nay, cuộc sống không còn thư thả nữa, thời hạn Tết rút lại chỉ còn ba ngày, hết mồng Ba là mãn.

Giao thừa là lễ Tống Cựu Nghinh Tân, có lệ đốt pháo để tan âm khí, trừ tà, xua đuổi mọi buồn phiền và đem lại sự giòn giã vui vẻ cho năm mới. Lễ này còn gọi là cúng Hành Khiển, thường lập bàn hương án trước sân nhà với đủ phẩm vật, nhưng vẫn là “lễ quý hồ thành, bất quý hồ đa”. Tiếp theo là cúng đầu năm ở bàn thờ gia tiên, rồi đến lễ Xuất hành, đi về hướng tốt để lấy hên cho trọn một năm mới. Người ta còn hái lộc, tức là bẻ một nhánh cây nhỏ đem về nhà, tin rằng sẽ đem lại sự thành đạt tốt đẹp quanh năm. Có nơi, xin lộc bằng cách lấy nén hương đốt lễ nơi đền, chùa, đình, miếu, đem về nhà, và tin rằng đóm lửa sẽ mang lại vận đỏ cho gia đình. Ngoài ra, còn có tục Xông

nhà, chọn một thành viên nhẹ vía nhất trong gia đình, dẫn họ rời nhà trước khi trừ tịch, đợi cúng Giao thừa xong mới trở về; hoặc kén một người hàng xóm đến đập đất giùm để lấy hên.



H 1: Mai kiểng bày bán trong dịp Tết Nguyên Đán. Ảnh từ Cuongde.org

Tết Nguyên Đán còn là dịp sum họp gia đình và thăm viếng dòng họ. Đối với người chết, trên bàn thờ đèn hương không ngắt để đón mừng tổ tiên về thăm con cháu. Đối với người sống, dù ở đâu cũng về đoàn tụ với gia đình, vì Tết xa nhà là điều bất hạnh. Đối với bà con xóm làng, nhân ngày Tết họ thăm viếng và chúc tụng nhau, vì đây là dịp đông đủ nhất. Ca dao đã phân định chương trình thăm viếng:

*Mồng Một thì ở nhà cha,
Mồng Hai nhà mẹ, mồng Ba nhà thầy.*

Và sau khi cúng đưa ông bà vào chiều mồng Ba, hoặc sáng mồng Bốn thì coi như vãn Tết.

Tết Nguyên Đán, có lệ chưng hoa kiểng trong nhà, nếu không thì cũng sắm một bình hoa. Ở Miền Nam thường là hoa mai, Miền Bắc là hoa đào.

TẾT KHAI HẠ

Mồng Bảy tháng Giêng là ngày Khai Hạ. Theo sách *Phương Sóc Chiêm Thú* thì 8 ngày đầu năm, mỗi ngày tượng trưng cho một loại: mồng 1 ứng vào gà, mồng 2 là chó, mồng 3 là heo, mồng 4 là dê, mồng 5 là trâu, mồng 6 là ngựa, mồng 7 là người, mồng 8 là lúa. Ngày nào nắng ráo, trong sáng thì giống loại thuộc ngày ấy sẽ được tốt đẹp suốt năm. Vậy mồng 7 tháng Giêng là Nhân nhật, từ ấy mọi công việc hằng ngày đều trở lại bình thường và cây nêu [1] trồng trong dịp Tết cũng hạ xuống, nên còn gọi là Tết Khai Hạ. Theo tục lệ xưa, khi trồng nêu hay lúc hạ nêu đều có cúng chè xôi, ca dao còn ghi lại

Cu kêu ba tiếng cu kêu

Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè

Ăn chè trở lại ăn xôi,

Còn ba đòn bánh tét để dành hạ nêu.

TẾT THƯỢNG NGUYÊN

Rằm tháng Giêng là ngày vía của Đức Phật Tổ A-Di-Đà (Amitabhâ) nên Tết Thượng Nguyên thường tổ chức tại chùa, không riêng gì thiện nam tín nữ mà cả dân chúng đều viếng lễ rất đông, đã thành tục lệ truyền thống. Tục ngữ có câu:

Lễ Phật quanh năm

Không bằng ngày rằm tháng Giêng.

Đêm Rằm tháng Giêng còn gọi là Nguyên Tiêu, đêm đầu tiên có trăng tròn của một năm. Thời tiết vào xuân, cây cỏ xanh tươi, ngày trời trong, đêm trăng sáng, thích hợp cho việc du xuân ngoạn cảnh: “*Tháng Giêng là tháng ăn chơi*” và Nguyễn Du trong *Đoạn Trường Tân Thanh* có câu:

Cửa hàng buôn bán cho may,

Đêm đêm Hàn Thục, ngày ngày Nguyên Tiêu.



H 2 : Cây nêu ngày Tết, dựng tại chùa, ảnh từ Wikipedia.

Ngày Rằm tháng Giêng còn là ngày vía Thiên Quan, người ta làm lễ cúng sao. Dân chúng tin rằng mọi người đều có một vị sao thủ mạng trong một năm, bước sang năm mới, đổi vị sao khác. Trong chu kỳ 9 năm ứng vào 9 vị sao gồm: Thái Dương, Thái Âm, Mộc Đức, Hỏa Đức, Thổ Đức, Kim Đức, Thủy Đức, La Hầu, Kế Đô. Nếu năm trúng phải vị sao xấu như : “*Nam sao La Hầu, nữ sao Kế Đô*” thì cúng giải trừ. Đàn ông gặp sao La Hầu là xấu nhất, lễ cúng quay về hướng chánh Bắc, có bài vị “*Thiên Cung Thần Thủ La Hầu Tinh Quân*” và thắp 9 ngọn nến. Đàn bà, xấu nhất là sao Kế Đô, đặt bàn cúng quay về hướng chánh Tây, viết bài vị “*Thiên Vỹ Cung Phên Kế Đô Tinh Quân*” và thắp 20 ngọn nến.

Tết Thượng Nguyên, ngoài việc lễ Phật, giải sao hạn, nhà nhà đều cúng Gia tiên, Thổ công và Thần tài.

TẾT HÀN THỰC

Mồng Ba tháng Ba là Tết Hàn Thực, tức Tết dùng thức ăn nguội lạnh. Đó là tục lệ ở bên Tàu, do tích Giới Tử Thôi đời Xuân Thu, vào năm 654 trước Tây lịch, tại nước Tấn có loạn, Công tử [2] Trùng Nhĩ và bề tôi trốn ra nước ngoài, nhiều lúc phải ăn rau dại trừ cơm. Giới Tử Thôi lén cắt thịt đùi của mình để Trùng Nhĩ ăn cho có sức. Khi phục quốc, Trùng Nhĩ trở thành Tấn Văn Công và trọng thưởng những người có công, nhưng vô tình quên bằng Giới Tử Thôi. Sau, vua nhớ lại, cho người đi mời, thì Giới Tử Thôi đã cống mẹ vào ẩn trong núi Miên Sơn. Chúa Công tìm không ra, sai người đốt núi, hy vọng sẽ gặp được ân nhân, không ngờ Giới Tử Thôi cùng mẹ chịu chết cháy, không ra. Chúa rất thương xót, cho lập miếu thờ và cấm dân hằng năm vào mồng Ba tháng Ba không được dùng lửa, để nhớ lại ngày mẹ con Giới Tử Thôi chết.



H 3: Đền Hạ ở Vĩnh Phúc, ảnh Nguyễn Huy Trục, 1993. Tục truyền nơi đây bà Âu Cơ đẻ ra cái Bọc Trăm Trứng.

Ở Việt Nam, cũng có Tết Hàn Thực, nhưng được biến cải theo phong hóa nước nhà. Dân ta ăn Tết Hàn Thực là để nhớ đến tấm gương trung nghĩa của Giới Tử Thôi, nhưng không kiêng lửa, cũng không ăn đồ nguội lạnh. Nhà nhà nấu

chè trôi nước, còn gọi là xôi nước, để cúng gia tiên.

Những viên xôi nước bằng bột nếp màu trắng, giống như những cái trứng, nổi trong dung dịch nước đường. Gợi nhắc dân tộc ta là dòng dõi Con Rồng Cháu Tiên, bởi Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai tên là Âu Cơ, đẻ ra một cái bọc có 100 trứng, nở ra 100 con trai. Ca dao đã ghi lại sự tích truyền thuyết này:

*Sau vua Đế Lai
Gả cho Công chúa,
Đáng như phượng múa
Đẹp như bài thơ,
Tên là Âu Cơ,
Thuộc dòng TiênThánh.
Vai kẻ gối sánh
Được mấy năm tròn,
Hạ sinh bọc con,
Chứa đầy trăm trứng.
Mùa xuân mới hừng,
Thì ôi lạ thay!
Trứng Rồng nở ngay,
Trăm trai tuấn tú.*

Một hôm vua bảo Âu Cơ rằng: “Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, thủy hỏa khác nhau, chung hợp thật khó”. Bèn chia con, từ biệt nhau, nửa theo mẹ về núi, nửa theo cha xuống biển, và phong cho con trưởng (không rõ tên húy) làm vua đầu tiên nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (huyện Bạch Hạc, phủ Tam Đới, trấn Sơn Tây, năm 1899 lập tỉnh Vĩnh Yên, nay sáp nhập với Phúc Yên thành Vĩnh Phúc), xưng là Lạc Vương quen gọi là Hùng Vương [3], nối ngôi 18 đời [4]. Trong ca dao đã ghi lại cuộc chia ly đầy bịn rịn:

*Một chiều trời động,
Sóng biển gầm gào,
Rừng cây xô xao,
Cảm điều chia rẽ.
Lạc Long cận kề*

*Nói với Bà Âu:
Rằng ta ở lâu
Với nàng không được.
Ta, Rồng thuộc nước
Nàng, Tiên thuộc non
Đành chia trăm con,
Mỗi người một nửa.
Âu Cơ lệ ủa,
Yên lặng đưa chồng,
Cùng lũ con Rồng,
Theo cha xuống bể.
Đoạn rồi gạt lệ,
Đưa các con Bà,
Lướt gió bốn ba,
Lên vùng rừng rú,
Đến mùa nước lũ
Thì Bà Âu Cơ,
Bẻ lá đề thơ,
Gửi về biển rộng [5].*

Theo truyền thuyết trên, chúng ta thuộc dòng dõi Con Rồng Cháu Tiên, ca dao phản ánh niềm tự hào dân tộc:

*Trứng rồng lại nở ra rồng,
Liu diu lại nở ra dòng liu diu.*

TẾT THANH MINH

Thanh minh là cái Tết vào độ ấy bầu trời trong trẻo và sáng sủa. Tết Thanh Minh không có ngày nhất định, tùy năm, trôi sọt trong khoảng từ giữa tháng 2 đến giữa tháng 3 âm lịch và luôn luôn nằm trong ngày 4 hoặc 5 tháng 4 Dương lịch. Thử nêu vài Tết Thanh Minh ở những năm gần đây, nhằm vào:

- Ngày 30 tháng 2 năm Canh Thìn, tức ngày 4- 4- 2000, sau Xuân phân 14 ngày.
- Ngày 12 tháng 3 năm Tân Tỵ, tức ngày 5- 4- 2001, sau Xuân phân 16 ngày.
- Ngày 23 tháng 2 năm Nhâm Ngọ, tức ngày 5- 4- 2002, sau Xuân phân 15 ngày.
- Mồng 4 tháng 3 năm Quý Mùi, tức ngày 5- 4- 2003, sau Xuân phân 15 ngày.
- Ngày 15 tháng 2 năm Giáp Thân, tức ngày 4- 4- 2004, sau Xuân phân 15 ngày.

- Ngày 27 tháng 2 năm Ất Dậu, tức ngày 4- 4- 2005, sau Xuân phân 16 ngày.
- Mồng 8 tháng 3 năm Bính Tuất, tức ngày 5- 4- 2006, sau Xuân phân 15 ngày.
- Ngày 18 tháng 2 năm Đinh Hợi, tức ngày 5- 4- 2007, sau Xuân phân 15 ngày.
- Ngày 28 tháng 2 năm Mậu Tý, tức ngày 4- 4- 2008, sau Xuân phân 15 ngày.
- Mồng 9 tháng 3 năm Kỷ Sửu, tức ngày 4- 4- 2009, sau Xuân phân 15 ngày.
- Ngày 21 tháng 2 năm Canh Dần, tức ngày 5- 4- 2010, sau Xuân phân 15 ngày.
- Mồng 3 tháng 3 năm Tân Mão, tức ngày 5- 4- 2011, sau Xuân phân 15 ngày.
- Và năm nhâm thìn, Tết Thanh Minh sẽ vào ngày 14 tháng 3, tức ngày 4- 4- 2012, sau Xuân phân 15 ngày.

Tết Thanh Minh cách tiết Lập Xuân (ngày 4 tháng 2 Dương lịch) khoảng 60 ngày. Và Tết Thanh Minh, rơi vào khoảng từ giữa tháng Hai (tháng Meo) đến tháng Ba (tháng Thìn) Âm lịch. Thi hào Nguyễn Du đã tính lịch rất kỹ để viết về ý nghĩa của lễ tết này qua vãn thơ bát hủ:

*Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh Minh trong tiết tháng Ba,
Lệ là tảo mộ, hội là Đạp Thanh.*

(Đoạn Trường Tân Thanh)

Có thể nói Tết Thanh Minh là ngày của mồ mả. Mọi người đi viếng mộ gia tiên, nếu cần tu bổ, nhân ngày ấy khởi công. Nếu muốn cải táng, hay xây mộ cũng đợi dịp này, khỏi cần coi ngày tốt xấu. Có nhiều nơi dùng ngày Tết Thanh Minh để tảo mộ cho tất cả những nấm mồ vô chủ, quen gọi là mả lạn hay mả cô hồn. Việc làm này do các chức sắc trong làng đôn đốc dân chúng tham gia. Nhờ nghĩa cử đó, những mồ mả vô thừa nhận, vẫn được tồn tại với thời gian. Xong lệ viếng mộ, mọi người về nhà cúng ông bà.

Nơi đình làng cũng tổ chức lễ tế cho tất cả những người đã khuất mà không có thân nhân thừa tự.

TẾT ĐOAN NGỌ

Mồng Năm tháng Năm gọi là Tết Đoan Ngọ, hay Trùng Ngũ. Theo nghĩa “đoan” là mở đầu, “ngọ” là giữa trưa, tức là bắt đầu giữa trưa. Còn gọi là Tết Đoan Dương, nghĩa là bắt đầu lúc khí dương đang lên. Ý nói, Tết này đánh dấu sự chuyển mùa, trời bắt đầu nắng gắt nóng bức, bệnh thời khí cũng trở dậy hoành hành. Vì vậy, ngày mồng Năm tháng Năm có các tục lệ:

- Lễ cầu an, cúng tế tại đình miếu, đền chùa, xin thần linh tiêu trừ tật bệnh. Mọi nhà cũng sắm lễ cúng Gia tiên, cúng Thổ công, cầu xin gia hộ. Ngoài các lễ vật, món chè bánh canh cổ truyền, không thể thiếu trong ngày Tết Đoan Ngọ. Nhà khá giả, còn có món rượu nếp cũng được phổ biến.

- Hái lá làm thuốc vào giờ ngọ từ 11 đến 13 giờ. Dân chúng lụng sục các bờ bụi hái lộc, đem về rửa sạch, phơi trong mát cho khô, sao khử thổ; để dành sắc nước uống mỗi khi bị nhức đầu, sổ mũi, xây xẩm, cảm cúm. Tục ngữ có câu: “*Trốn như rắn mồng Năm*” để nói lên việc mọi người đồng loạt tìm hái lá thuốc, rắn rết sống ở các bụi rậm thấy động phải chạy trốn hết.

- Treo chùm lá ngải cứu trước cửa nhà để khử gió độc và trừ tà, phòng ngừa đau ốm.

- Nấu các lá có mùi thơm như sả, chanh, ngò, húng, bạc hà, khuynh diệp... lấy nước tắm trừ độc, giải cảm.

- Làm phép dọa chặt cây để mùa sau sẽ cho hoa quả.

Ngoài những tập tục phòng bệnh, còn có lệ sêu, tức là trong thời gian đợi cưới gặp phải ngày Đoan Ngọ, nhà trai phải sắm lễ vật đến biếu nhà gái. Trong dân gian có câu: “*Một năm sêu tết hai lần*” để nhắc nhở đạo con rể đối với nhạc gia. Với thầy dạy chữ,

dạy nghề, dạy võ, thầy chữa bệnh, thầy địa lý, người ban ơn cũng nhân Tết Đoan Ngọ đem biếu lễ vật để tỏ lòng tạ ơn.

Trong ca dao cũng nhắc nhở đến lễ tết này:

Tháng Tư dong đậu nấu chè,

Ăn Tết Đoan Ngọ trở về Tháng Năm.

TẾT TRUNG NGUYÊN

Rằm tháng Bảy là Tết Trung Nguyên, còn gọi lễ Vu Lan, phiên âm từ tiếng Phạn, đọc thành Ô- lam- bà- nã (Ullambana), nghĩa là cứu nạn treo ngược. Do sự tích ngài Mục Liên (Maudgalyâyana), một trong Thập đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca, và là người con nổi tiếng chí hiếu, đã đem lòng thành cứu mẹ bị mắc đọa ở địa ngục.

Vu Lan là ngày “xá tội vong nhân” những vong hồn ở địa ngục đều được thả ra, vì thế các chùa làm chay chẩn tế và cầu kinh Vu Lan. Còn các nhà cũng sắm cỗ bàn chay cúng gia tiên và đốt giấy tiền vàng bạc cùng đồ mã. Ở làng xã có lệ cúng cháo cho cô hồn tại đình, miếu; các tư gia cũng theo lệ ấy.

Trong ca dao, cũng nói đến ý nghĩa của lễ tết này:

Tháng Sáu buồn nhân bán trăm,

Tháng Bảy hôm Rằm, xá tội vong nhân.

TẾT TRUNG THU

Tết giữa mùa thu vào Rằm tháng Tám nên gọi là Tết Trung Thu, còn gọi Tết Nhi đồng, vì người ta làm nhiều đồ chơi và lồng đèn đủ kiểu dáng để bán cho trẻ em. Vào độ này thời tiết đã dịu bớt, nhưng chưa vào mùa mưa. Trăng rằm tháng Tám thường trong sáng và đẹp hơn các tháng khác. Dân chúng hưởng Tết Trung Thu qua truyền thống sau đây:

Tục rước đèn của trẻ em, mỗi đứa xách một lồng đèn trong có thắp nến hay dầu, kết hàng một thành đoàn dài, vừa đi vừa hát rất vui.

Tết Trung Thu rước đèn đi chơi

Em rước đèn đi khắp phố phường

Lòng vui sướng với đèn trong tay

*Em múa ca trong ánh trăng rằm
Đèn ông sao với đèn cá chép
Đèn thiên nga với đèn bướm bướm
Em rước đèn này đến cung trăng
Đèn xanh lơ với đèn tím tím
Đèn xanh lam với đèn trắng trắng
Trong ánh đèn rực rỡ muôn màu.*
(Bài hát Rước Đèn Tháng Tám)



H 4: Tết Trung Thu, bày bán các loại đèn lồng. Ảnh từ Wikipedia

- Tục thưởng trăng, người ta trải chiếu giữa sân, bày mâm cỗ, ngồi uống rượu ngắm trăng, hoặc ăn bánh Trung Thu uống nước trà, cuộc vui đàm đạo đến khyua mới dứt, nên còn gọi là Tết Trông Trăng. Những nơi dân cư đông đúc, các đoàn múa lân, múa rồng đi quanh phố xá, trò lèo lấy thưởng.

- Có nhiều nơi tổ chức thi làm cỗ và bánh Trung Thu, hoặc thi lồng đèn đẹp. Có nơi bày cuộc hát trống quân mang tính dân gian, đôi bên nam nữ hát đối đáp rất vui. Nhiều khi gặp những câu đố bí hiểm gay go, cần phải nhờ thầy đề thông chữ nghĩa và tài ứng đối mới giải quyết được. Có những câu hát thông thường như:

*Trống quân, trống quýt, trống còi,
Ta chẳng lấy nó, nó đòi lấy ta,*

Thành thành thành.
Trống quân anh đánh nhịp ba,
Lúc vào nhịp bảy, lúc ra nhịp mười,

Thành thành thành...

TẾT TRÙNG CỬU

Mồng Chín tháng Chín là Tết Trùng Cửu, còn gọi là Tết Trùng Dương. Theo Phan Kế Bính [6], nguồn gốc tết này từ bên Tàu, ông viết: “Nguyên từ đời nhà Hán, có người Hoàn Cảnh theo học người Phí Tràn Phòng. Tràn Phòng một bữa bảo Hoàn Cảnh rằng: mồng 9 tháng 9 nhà anh có nạn to, nên cho người nhà mỗi người may một cái túi lụa, đựng hoa thù du, buộc trên cánh tay, rồi lên chỗ cao mà uống rượu cúc, thì tiêu được nạn ấy. Hoàn Cảnh nghe lời thầy, quả nhiên bữa đó người không việc gì, mà gà chó ở nhà thì chết cả”. Do tích ấy, cứ đến ngày Trùng Cửu, người Tàu rủ nhau lên núi hái hoa thù du đem về thờ tại nhà, và tin rằng sẽ trừ được tai họa bất ngờ.

Ở Việt Nam, trước kia, các thi văn sĩ cũng có lệ ăn Tết Trùng Cửu, nhưng với ý nghĩa khác. Ngày ấy, họ rủ nhau lên núi nhưng không hái hoa như Tàu, mà để thưởng ngoạn, rồi cùng nhau uống rượu, ngâm thơ, tức cảnh, xướng họa.

TẾT TRÙNG THẬP

Mồng Mười tháng Mười có Tết Trùng Thập. Theo sách cổ của Đông Y, trong một năm, đến ngày 10 tháng 10, được tính của các cây thuốc lên cao nhất vì thời điểm đó mới kết được sắc tứ thời (Xuân, Hạ, Thu, Đông) và tích tụ đầy đủ khí âm dương, nên dùng chữa bệnh công hiệu nhất. Có thể nói ngày Trùng Thập là cái Tết của giới Đông

Y. Họ cúng lễ và sắm Tết linh đình, nên còn gọi là Tết Thầy Thuốc.

Ngoài dân gian cũng ăn Tết, nhưng với ý nghĩa khác, quen gọi Tết Cơm Mới, có tên chữ Thường Tân, nghĩa là nếm của mới vật đầu mùa. Vì vậy, họ dùng những sản vật thu hoạch ở đầu mùa để cúng tạ thần linh, lễ gia tiên và làm quà biếu cho bậc trên hay người đã thi ân cho mình; nên có thể nói, ngày Trùng Thập là Tết Tạ Ôn của Việt Nam.

Nhiều nơi lại tổ chức Tết này vào ngày Rằm tháng Mười, nên gọi là Tết Hạ Nguyên để đối với Tết Thượng Nguyên nhằm ngày Rằm tháng Giêng.

Riêng dân chúng vùng Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay là huyện ngoại thành Hà Nội) ăn Tết Cơm Mới vào ngày 21 tháng Mười, lúc đó vừa xong mùa gặt. Tục lễ sêu trong dịp Tết Cơm Mới thường có các sản vật như: gạo đầu mùa, chim ngói [7] và trái hồng.

TẾT TÁO QUÂN

Hai mươi ba tháng Chạp là Tết Ông Táo. Theo truyền thuyết, ngày xưa có hai vợ chồng thương yêu nhau, nhưng vì nghèo quá nên đành chia tay, để người vợ lấy chồng khác, sống sung túc hơn. Một hôm, nhà giàu nọ làm lễ cúng đốt vàng mã ở ngoài sân, có người ăn mày vào xin, người vợ nhận ra chồng cũ, bèn cho nhiều gạo thóc tiền bạc. Người chồng sinh nghi vặn hỏi, người vợ ức quá đâm đầu vào bếp mà chết. Thương tình vợ cũ, người ăn xin nhảy vào bếp lửa chết theo. Người chồng thấy thế, hối hận, cũng lao vào bếp chết nốt. Ngọc Hoàng thương cảm tình nghĩa của ba người, nên phong cho họ làm vua bếp, ca dao có câu:

Thế gian một vợ một chồng,

Chẳng như vua bếp hai Ông một Bà.

Trong Lão Giáo có nói: ngày 23 tháng Chạp hằng năm, Táo Quân lên trời, tâu với Ngọc Hoàng việc làm thiện ác của thế gian suốt một năm qua. Vì vậy, ta có tục cúng tiễn đưa Táo quân châu Trời vào giờ Dậu (từ 5 giờ chiều đến 7 giờ tối). Lễ cúng, ngoài thức ăn còn có chè xôi, hoa quả, rim mứt, bánh tét. Và trong lễ cúng, phải có bộ đồ cho Ông Táo bằng giấy, gồm: 3 mũ, 3 áo, số tâu Ngọc Hoàng và hình vẽ con cá chép để cưỡi lên trời. Đến ngày 30 tháng Chạp (ngày 29, nếu tháng thiếu) cũng vào giờ Dậu, lại cúng lễ rước Ông Táo trở về trần gian, tiếp tục phụng sự vua bếp. Lần này, cũng có bộ áo mũ cho ba vị, cúng xong đem đốt. Trong văn chương, các giai phẩm Xuân hay các tạp chí số phát hành vào dịp Nguyên Đán, thường có bài số Táo Quân.

Tóm lại, nước ta có nhiều lễ Tết, hầu hết có ngày nhất định, ngoại trừ Tết Thanh Minh. Còn Tết Trùng Thập, tuy được ấn định ngày, nhưng không thống nhất trên toàn quốc. Dù cho một số lễ Tết du nhập từ Trung Hoa, nhưng ta không bao giờ rập khuôn, mà đã biến đổi hẳn cho phù hợp với dân tộc lính và phong hóa Việt Nam.

Có người cho rằng, ngày xưa, lễ Tết của ta quá nhiều, choán hết thì giờ làm việc (*Tháng Giêng ăn Tết ở nhà*), lại tổ chức ăn uống linh đình (*Có đối cũng ngày Tết, có hết cũng ngày mùa*) làm hao hụt kinh tế gia đình. Xét cho cùng, dân nước ta sống về nghề nông, lại không có lệ nghỉ vào cuối tuần như các nước Tây phương, làm việc cực nhọc, ăn uống đạm bạc. Cần có những ngày lễ Tết để

ngủ ngơi, giải trí, và sắm cỗ bàn trước là để cúng gia tiên, tạ ơn thần thánh, sau là có dịp sum họp bà con ăn uống bồi bổ sức khỏe, bù lại những ngày mùa làm lụng vất vả. Hơn nữa, những lễ Tết lớn đều rơi vào dịp cây cối xong, hoặc mùa gặt đã chấm dứt, không cản trở việc sản xuất. Ngày nay, Tết Nguyên Đán và Trung Thu được coi là lớn nhất trong một năm, không khí Tết kéo dài trong nhiều ngày. Kế đến, Tết Thượng Nguyên và Trung Nguyên được tổ chức trong các đền chùa với đông người tham dự. Thứ nữa là Tết Thanh Minh, Đoan Ngọ, Táo Quân, Hạ Nguyên một số người còn nhớ đến. Các Tết khác như Khai Hạ với tục dựng nêu, Hàn Thực nấu chè xôi nước, và nhất là Trùng Cửu lên núi uống rượu ngâm thơ hầu như không còn nữa.

San Jose, 11- 11- 2011

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Cây nêu, Tết Nguyên Đán ở giữa sân trước nhà có trồng nêu, là một cây tre thẳng, trảy nhánh, còn chừa phần lá ở gần đọt, dưới chòm lá có treo lá cờ đuôi nheo dài, cái khánh và một giỏ môm đựng bánh mứt, đôi khi còn có lá phướn. Dưới gốc cây nêu, rắc vôi trắng hình cung tên để trừ ma quỷ.

[2] Con trai trưởng của vua nước chư hầu gọi là Thế tử, các con trai kế (thứ nam) đều gọi là Công tử. Con thứ mà được vua cha chọn nối ngôi, cũng gọi là Thế tử.

[3] Theo Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố phải chép là Lạc Vương mới đúng; *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* cũng chép : “Lạc tướng hậu ngoa vi Hùng tướng” nghĩa là Lạc tướng sau làm Hùng tướng (*Việt Sử Tân Biên*, quyển 1, trang 75- 76).

[4] Theo Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, trang 25: Họ Hồng Bàng làm vua nước Văn Lang truyền ngôi được 18 đời, nếu kể từ Kinh Dương Vương đến vị Hùng Vương cuối cùng, cả thảy là 20 ông vua. Nhưng theo Trịnh Văn Thanh, *Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Từ Điển* (Gia Định, Tác giả xuất bản, 1966), quyển 1, trang 534: Nếu kể Hùng Vương Đệ Nhất húy là Lộc Tục, hiệu Kinh Dương Vương và Hùng Vương Đệ Nhị húy là Hùng Hiền, tức Lạc Long Quân, hiệu Sùng Lãm thì mới đủ 18 vị vua Hùng.

[5] Kim Vũ sưu tầm và dịch; *Việt Nam Những Áng Thơ Tuyệt Tác*, song ngữ Việt Anh (Không đề nơi, tác giả xuất bản, 2003); phần một: *Truyền Thống Thơ Dân Gian*, trang 14 và 16. Trích đoạn ca dao từ câu “Ngày xưa xưa lắm” đến câu “Gửi về biển rộng...”

[6] Phan Kế Bính; *Việt Nam Phong Tục* (Sài gòn, Phong trào Văn Hóa xuất bản, 1970); trang 46.

[7] Chim ngói là giống chim cùng họ với bồ câu nhưng nhỏ hơn, lông màu nâu nhạt, sống thành đàn, ăn hạt lúa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHAN KẾ BÍNH; *Việt Nam Phong Tục*; Sài gòn, Phong Trào Văn Hóa xuất bản, 1970.

THANH LAN và VŨ NGỌC THÀNH; *Nhân Vật Đông Châu*; Sài Gòn, Trung Tâm Học Liệu xuất bản, 1968.

TOAN ÁNH; *Nếp Cũ, Tín Ngưỡng Việt Nam*, Quyển hạ; Sài Gòn, nxb TH/HCM, 1992.

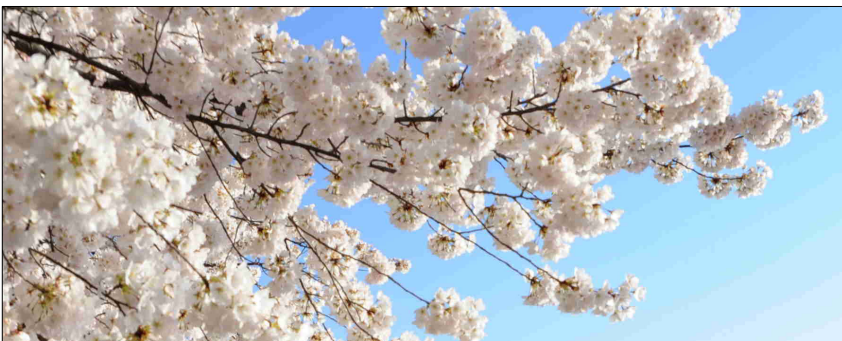
TRẦN ĐỘ chủ biên; *Văn Hóa Việt Nam*; Hà Nội, Ban Văn Hóa Văn Nghệ Trung Ương xuất bản, 1989.



Hoa Xuân

Hoa lan, hoa cúc, hoa đào
Cỏ Thơm xin gửi lời chào thăm tươi
Sang xuân đất khách quê người
Hạnh phúc trên mỗi nụ cười Cỏ Thơm

Phan Khâm



Hoa lan: PHẠM VĂN TUẤN
Hoa cúc: SONG HÀ
Hoa anh đào: NGUYỄN QUỐC KHẢI

ẨM DỤ TRONG VĂN CHƯƠNG

HỒ TRƯỜNG AN

Theo thứ tự trong bài viết, chúng ta bắt gặp:

Jeanne de Leprince de Beaumont *
Alphonse Daudet * Akira Kurosawa *
Oscar Wilde * Thủ khoa Nguyễn Hữu
Huân * Phan Văn Trị * Phạm Duy * Tô
Thùy Yên * Phạm Thiên Thư * Phạm Duy
* Võ Phiến * Nguyễn Thị Hoàng * Thân
Thị Ngọc Quế * Vi Khuê * Trương Anh
Thụ * Nguyễn Thị Thanh Bình * Đặng
Thị Quế Phượng.

Hồi 7 tuổi, tôi được nghe người thím dẫu tôi kể chuyện *Giai Nhân và Ác Quỷ* (tên nguyên gốc bằng tiếng Pháp là *La Belle et La Bête*) của Nữ Bá tước Jeanne de Leprince de Beaumont. Chuyện kể một hoàng tử bị một mù phù thủy trừ ếm trở thành con ác quỷ (quái vật đáng hơn với mình người mặt thú). Bà ta dặn chàng rằng sau này nếu có cô gái nào yêu chàng với tấm lòng chân thành thì chàng sẽ xinh đẹp trở lại. Quả vậy về sau, có một cô gái đẹp người lẫn đẹp nét, sau một thời gian sống chung với chàng, tìm ở chàng một tâm hồn cao thượng nên yêu chàng tha thiết và bằng lòng kết hôn với chàng. Tức thì chàng hiện nguyên hình trở lại một hoàng tử tuấn tú.

Cốt truyện được thi sĩ kiêm điện ảnh gia Jean Cocteau thực hiện thành phim *La Belle et la Bête* đưa hai diễn viên điện ảnh Pháp là Jean Marais và Josette Day lên tột đỉnh vinh quang.

Sau này, khi chung sống với người bạn lòng, tôi được đương sự giải thích cái ẩn dụ trong cốt truyện: Rằng khi ta yêu người nào thì đương sự dù xấu cũng hóa ra đẹp. Đó là một khía cạnh tâm lý của con người.

Rồi tới tuổi 13 tuổi, tôi tình cờ đọc truyện ngắn *La Légende de l'Homme à la Cervelle d'Or* (Truyện Kỳ Về Người Có Chiếc Sọ Vàng). Đây là một truyện ngắn trong quyển tập truyện *Lettres de Mon Moulin* (Những Lá Thư Viết Từ Nhà Cối Máy Xay Lúa) của văn hào Alphonse Daudet. Đây là sự tích một người có chiếc sọ vàng. Vàng trong sọ tạo một kho tàng phong phú cho y ta. Y ta bôi vàng ra để ăn tiêu phung phí cho tới ngày vàng gần cạn. Anh ta gặp một cô gái mũm mĩm dễ thương, nhưng lòng dạ cạn kiệt, thích tiêu xài theo hứng bốc đồng. Rồi cô ta chết đi. Anh ta lấy một số vàng còn lại trong sọ để làm lễ ma chay cho vợ thật linh đình. Sau đó, vào một buổi tối, khi phố xá lên đèn, anh ta đứng trước tủ kính một hiệu tiệm, chợt thấy đôi giày bằng xa-tanh xanh viền lông thiên nga rất đẹp. Vì quên rằng vợ mình đã chết, anh vào tiệm mua giày về tặng vợ. Người nữ thương gia đứng phía sau tiệm chợt nghe tiếng la, chạy ra thì thấy y ta tay cầm đôi giày, tay cầm nhúm vàng vấy máu, đứng nhìn bà ta với vẻ mặt đau đớn.

Trong một cuộc phỏng vấn các nhà văn nhà báo do tạp san Bách Khoa tổ chức (tôi quên mất vào năm nào, hình như năm 1979 thì phải). Về chuyện văn chương, nhạc học

giả Trần văn Khê cho biết mình thích truyện ngắn *La Légende de l'Homme à la Cervelle d'Or* " nhất. Theo ông, người có sọ vàng là nhà nghệ sĩ. Chất vàng trong xương tủy óc não của đương sự là cảm hứng của nghệ thuật để y ta dâng hiến cho cuộc đời và tạo cái đẹp cho nghệ thuật.

Đây cũng là truyện quái dị mà các học sinh ban Thành Chung trong đó có tôi mê nhất. Nhưng có lẽ bọn nhóc chúng tôi chẳng có đứa nào biết cái ẩn dụ trong truyện mà chỉ thích thú những tình tiết quái dị và éo le của tác phẩm mà thôi.

*

* *

Vào năm 1951, tôi chưa học hết ban Thành Chung, thì trên các nhật báo ở Sài Gòn loan tin cuốn phim của Nhật Bản tựa là *Rhashomon* (Lã Sinh Môn) của điện ảnh gia Akira Kurosawa đoạt giải thưởng Lion d'Or trong Đại Hội Điện Ảnh tại Venise. Đây là cốt truyện dựa theo truyện ngắn cùng tựa của văn hào Nhật Bản Ryunosuke Akutagawa (1892 - 1927). Đây là vinh dự chung cho nghệ sĩ các nước Á Châu, sau cái vinh dự của thi hào Ấn Độ Rabindranath Tagore đoạt giải Nobel văn chương qua cả nghìn bài thơ trong đó có thi tập *Les Offrandes Lyriques* (Hiến Lễ Mùa Thơ Mộng).

Chính nhờ phim *Lã Sinh Môn*, điện ảnh Nhật Bản được giới khán giả trí thức Tây Phương chú ý, và đôi tài tử hàng đầu là Toshiro Mifune và Kyo Machiko trở thành diễn viên tên tuổi quốc tế. Cốt truyện như sau: Chàng võ sĩ dắt vợ xuyên qua cánh rừng và bị ám sát. Nhà chức trách điều tra thì biết được người vợ bị tướng cướp cưỡng

hiếp. Nhưng cái chết của chàng võ sĩ thì mờ ám. Người vợ khai rằng vì thấy vợ bị cưỡng hiếp mà mình bất lực không bảo vệ được nàng nên chàng võ sĩ tự tử. Còn tướng cướp thì khai rằng sau khi nàng bị cưỡng hiếp trở nên khinh chông nên nàng bảo hấn giết chông nàng. Những nhân chứng khác trong ngôi cổ miếu, mỗi người khai khác nhau, dù mỗi lời khai của từng người (luôn cả lời khai của người vợ, của tướng cướp, của linh hồn người chông về nhập xác con đồng), tất cả đều có nhiều điểm chung, ngoài những điểm dị biệt then chốt.

Vậy đâu là sự thật? Vậy cốt truyện phim muốn nói điều gì? Muốn thắp sáng cái ẩn dụ gì? Có phải người trần mắt thịt chúng ta với nhục thân bị giới hạn nên khi đứng tại một vị trí nhỏ hẹp trong không gian, chỉ thấy một phần nhỏ, một khía cạnh của sự thực. Chỉ có Phật là đấng Chánh Đẳng Chánh giác với Phật nhãn màu nhiệm mới thấy được toàn vẹn sự thực trong vũ trụ, từ cái vĩ đại vô biên, đến cái cực vi, thấy thông suốt luôn từ trong ra ngoài, thấy đủ mọi góc cạnh phơi bày một lượt. Trong vũ trụ này, con người giống như những người mù xem con voi. Người sờ được vòi voi cho rằng voi giống như con đĩa khổng lồ. Người sờ được tai voi đổ hồ là voi giống như cái quạt. Người sờ được một chân voi nói rằng voi giống như cây cột. Người sờ được đuôi voi quả quyết voi giống cái phất trần. Nhưng thật ra, con voi gồm cả đầu, thân thể, chân, vòi, tai đuôi. Thấy được tất cả những cái đó cùng một lúc thì mới là thấy con voi đích thực.

Cuốn phim *Rashomon* gợi ý cho điện ảnh gia George Cukor thực hiện phim *The Girls* với Gene Kelly, Mitzi Gaynor, Kay Kendall, Taina Eig (1957), giúp cho điện ảnh gia Martin Ritt thực hiện phim *L'Outrage* với Paul Newman, Laurence Harvey và Claire Bloom (1965).

Vào năm 1982, tôi rời bỏ Paris, định cư luôn ở Troyes, sống chung dưới một mái nhà với người bạn lòng. Trên giá sách của đường sự có bày quyển *A Picture of Dorian Gray* (e Portrait de Dorian Gray/ Bức Chân Dung Của Chàng Dorian Gray) mà tác giả là Oscar Wilde, do Edmond Jaloux và Félix Frapereau dịch từ nguyên bản tiếng Anh (năm 1954). Oscar Wilde! Một tên tuổi lớn trong văn học sử nước Anh vào thập niên 10 của Thế Kỷ 20, tức là vào thời Đế nhị Đế Quốc bên Pháp. Chính quyển *A Picture Of Dorian Gray* cùng vở kịch *Lady Windermere's Fan* (L'Évetail de Lady Windermere/ Chiếc Quạt của Phu Nhân Widermere) và vở kịch *Salomé* (dành cho nữ hoàng kịch nghệ Pháp là Sarah Bernarhdt chủ diễn) đã đưa ông lên tuyệt đỉnh vinh quang của văn giới khắp hoàn vũ.

Cốt truyện như sau: Tại xưởng vẽ của họa sĩ Basil Hallward, Huân tước Henry ngắm bức chân dung do họa sĩ vừa hoàn thành. Đây là một bức tranh toàn bích. Huân tước gặp luôn người mẫu của bức chân dung kia. Đó là chàng quý tộc đẹp trai tên Dorian Gray, một kẻ nhạy cảm, có nghệ sĩ tính, thích sự hoàn hảo, rất ngưỡng mộ nhân sinh quan của Huân tước Henry. Tình nường của Dorian Gray là Sybil Vane là một nữ kịch sĩ lừng danh. Nhưng hôm nọ,

vì chỉ nghĩ tới người tình lang tuấn mỹ của mình trong lúc đóng tuồng nên nàng diễn xuất dửng dưng. Dorian Gray trách móc nàng và đoạn tuyệt với nàng. Sybil Vane đau khổ và tuyệt vọng nên tự tử. Lạ lùng thay, những lát sơn trên bức chân dung của chàng co rúm lại, biến khuôn mặt trong tranh của chàng xấu xí gớm ghiếc! Dorian Gray đau đớn hạ sát luôn họa sĩ Basil Hallward. Những lát sơn trên bức tranh càng co rúm thêm. gương mặt trong tranh đã xấu xí lại càng dữ tợn hơn, như khuôn mặt yêu tinh.

Thời gian trôi qua. Dù tuổi tác đã cao, nhưng Dorian Gray vẫn giữ vẻ tươi trẻ. Hình ảnh chàng trong tranh mang hết những dấu vết già nua thay thế cho chàng.

Nhưng rồi khi cảnh sát tìm ra thủ phạm hạ sát họa sĩ Basil Hallward là Dorian Gray. Họ bao vây nhà chàng. Chàng tự tử. Khuôn mặt chàng bỗng đổi ra xấu xí già nua trong khi đó, khuôn mặt chàng trong tranh lấy lại cái mỹ mao trẻ trung như khi bức tranh vừa mới hoàn thành xong.

Vậy thì bức chân dung của chàng Dorian Gray tượng trưng cho cái gì? Tác phẩm *A Picture of Dorian Gray* có cái ẩn dụ gì? Xin thưa: Chân dung trong bức tranh là hình ảnh, là cái bóng phản chiếu của nhân vật Dorian Gray. Còn cái nhân diện và vóc dáng xinh đẹp trẻ trung ở trong cuộc sống của chàng dưới cặp mắt thế nhân là một con người khả ái. Nhưng cái nhân diện và vóc dáng ấy có phải là con người đích thực của chàng đâu. Nó chủ động, gây ra ác nhân ác nghiệp; tâm hồn phong ba và ngạo mạn của chàng đưa đẩy chàng những tay vào những tội ác mà không ai biết. Cho nên chính cái

hình ảnh trong tranh mới phản ảnh nguyên vẹn con người thật của chàng. Chàng nhìn nó như con yêu tinh nhìn hình ảnh của mình trên cái kính chiếu yêu. Cho nên chàng đau khổ, kinh hãi, ghê tởm. Khi chàng tự sát, chàng đi vào cõi hư vô vĩnh cửu, bức chân dung kia không còn ai hung ác để phản ảnh nữa nên nó trở về trạng thái ban đầu: những lát sơn lấy lại vị trí cũ, lấy lại luôn màu sắc nguyên sơ. Cho nên con người trong tranh trở lại vẻ tươi trẻ và tuấn mỹ thuở trước. Lúc ấy cái tử thi của chàng phải nhận lãnh tất cả dấu vết của tâm hồn tàn ác kiêu mạn, dấu vết của ác nghiệp ác quả, luôn cả dấu vết già nua trong buổi tàn đông bóng xế.

Tóm lại, ở nhận vật Dorian Gray, cái nhân diện và vóc dáng là cái bề ngoài che đậy một tâm hồn tội lỗi. Chính bức chân dung kia mới hiển lộ và phản ảnh trọn vẹn con người đích thật của chàng. Chúng ta tìm cái ẩn dụ trong tác phẩm không khó bằng tác giả đã sáng tạo cái ẩn dụ thâm thúy phi thường. Ẩn dụ ấy như tiếng còi báo động, như hồi chuông báo tử bắt chúng ta nhìn sâu vào cái đáy thẳm của hiện hữu, nhìn các tụy đạo và cái vực sâu của nội giới con người.

*
* *

Văn chương của chúng ta, nhất là truyện ngắn, truyện dài hầu như không có ẩn dụ. Những gì hiện trên mặt chữ thì vẫn là chữ đầu nghĩa đó, không khơi dậy cho độc giả một ý tình nào khác tiềm ẩn dưới mặt chữ. Tuy nhiên, về thi ca, những nhà thơ ái quốc chống Thực Dân thường dùng đồ vật như trong bài *Cây Bắp* (của cụ Thủ Khoa

Nguyễn Hữu Huân) *Hột Lúa* (của Phan Văn Trị) để nói lên cái tâm lòng yêu nước yêu dân của mình.

Cây Bắp

*Luống chịu ba trăng trắn cõi bờ
Hiềm vì thương chút chúng dân thơ
Nương oai thích lịch ôm con đở
Vùng lĩnh nam phong phất ngọn cờ
Miễn đặng an nhà thêm lợi nước
Chi nài dãi gió lại dầm mưa
Biển hồ dầu lặng, tâm kinh bật
Giải giáp một phen chúng thủy nhờ.*

Hột Lúa

*Giã từ thành thị dạo xa chơi
Thiên hạ ai mà chẳng biết tôi
Cổis giáp vàng kia phơi chôn chôn
Bày da ngọc nọ rạn nơi nơi
Ông cha giúp nước từ bao thuở
Dòng giống nuôi dân biết mấy đời
Vì vậy liềm mình cõn nước lửa
Người đả có thẩu hồi người ôi!*

Đây là 2 bài thơ có ẩn dụ. Vậy ẩn dụ (*parabole/ métaphore*) là gì? Là những vận sự không được tác giả nói ngay như theo một đường thẳng, mà chỉ nói cong queo lòng vòng bằng cách mượn vận sự khác. *Parabole* theo nghĩa toán hình học là đường cong. Phép ẩn dụ chẳng những ngoài sự hiện diện tình ý xoàng xĩnh trên mặt chữ (nghĩa đen) của một tác phẩm văn chương. Đó cũng còn có ý nghĩa cao siêu hơn (*méta* theo nghĩa tiếng Hy Lạp là ở trên, là siêu, là vượt bậc) ở nghĩa bóng. Nếu cụ Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân và cụ Cử nhân Phan Văn Trị chỉ tả cây bắp và hột lúa sông trơn

qua dáng dấp biểu kiến (*aspect apparent*) của chúng thì họ chỉ làm hai bài ngâm vịnh lục tục thường tài. Cụ Thủ Khoa Huân đưa vào thơ tám lòng ưu thời mẫn thế đối với giang san tổ quốc thì bài thơ mới ngâm ngùi, mới có chiều sâu. Còn cụ Phan nếu không tạo nên thân thế và hình ảnh người chiến sĩ can trường cứu nước giúp dân thì bài thơ này làm sao lộng lẫy nét hào hùng và sôi bùng bùng khí phách?

Nhưng mà này, tại sao chúng ta không nghĩ rằng cụ Thủ Khoa Huân vịnh cây bắp để nói lên hoài cái bão của mình. Tại sao chúng ta không nghĩ rằng cụ Cử nhân Phan Văn Trị mượn hạt lúa để nói lên cái chí khí của mình? Điều này trước đó có vua Lê Thánh Tôn đã từng mượn người bù nhìn, thàng mõ, người ăn mày, cây chổi để nói lên công trị nước chần dân cùng cái khí tượng đế vương của mình.

Người Bỏ Nhìn

Quyền trọng ra uy trấn cõi bờ

Vốc lòng vì nước há vì đũa

Xét soi trước mặt đôi vùng ngọc

Vùng vẩy trên tay một lá cờ

Đẹp giống chim muông xa phải lánh

Để quân cây cuộc gọi không thưa

Mặc ai nhảy nhót đường danh lợi

Ơn nước đầm đìa hạt móc mưa

*

* *

Vào thời Đệ Nhất Cộng Hòa, tôi thích thơ Tô Thùy Yên trong nhóm Sáng Tạo qua bài *Đêm Qua Bắc Vàm Cống*. Sau này, tôi mới biết hai câu " *Mối sâu như nước sông*" / " *Chảy hoài mà không cạn*" trong bài thơ ấy trùng lẫn vào hai câu thơ của

Guillaume Apollinaire : " *Le fleuve est pareil à ma peine*" / " *Il s'écoule et ne tarit pas*".

Sau đó Yên sáng tác một bài thơ ẩn dụ nhan đề là *Cánh Đòng Con Ngựa Chuyền Tàu*. Yên không phải là nhà thơ tư tưởng. Còn Phạm Thiên Thư, dù là tu sĩ Phật giáo, nhưng ông vẫn loạng choạng và quờ quạng đối với cái tinh thần Bát-nhã tức là cái nền móng căn bản của tinh thần Phật giáo. Đối với Phạm Duy, triết học và tư tưởng tâm linh vẫn còn là một vấn đề mù mịt đối với ông, khi ông nhạc sĩ này đặt lời cho các bản nhạc của ông. Bên văn xuôi, Võ Phiến, qua các bài tùy bút của ông, ông nghĩ đến những cái bí ẩn trong cuộc sống ở phương diện hiện tượng thôi. Thật ra, văn chương của ông rất sâu sắc về nhân sinh quan và đẹp về thẩm mỹ. Lại nữa, trên văn đàn hay trong văn giới, văn chương không đòi hỏi phải có tư tưởng về triết học, hay phải có giáo lý của một giáo chủ nào. Cho nên, nhà văn Claude Simon dù đoạt giải thưởng văn chương Nobel, nhưng ông ta thú thật rằng văn chương của ông không chứa một triết học nào. Còn Phạm Duy và Tô Thùy Yên chỉ có thể tô điểm lời hát hoặc các câu thơ của mình bằng nhân sinh quan thoáng bóng dáng triết học qua các ngôn ngữ thần bí (*langage mystique*). Thật ra, cả hai trang sức cho lối thơ câu hát của mình bằng những ý tình khoáng áo minh triết và thánh triết, chứ không đưa thơ đưa lời hát của họ vào tinh thần minh triết và thánh triết được. Chúng ta vẫn thừa biết nhân sinh quan, ý tình chỉ nhắm vào hiện tượng của sự vật. Trong khi đó, tư tưởng triết học và tư tưởng tâm linh (tức là minh triết) thì nhắm vào

bản thể sự vật. Riêng Phạm Thiên Thu thì trang điểm cho các câu thơ của mình bằng ngôn từ trong kinh kệ (trong hai thi tập *Kinh Thi* và *Kinh Ngọc*) rất kịch cỡm. Phạm Thiên Thu làm thơ tình rất đạt. Cả bốn Mai Thảo, Phạm Duy, Tô Thùy Yên, Phạm Thiên Thu dù sao đi nữa, họ vẫn làm cho thần trí sáng tạo của mình bùng vỡ biết bao ánh sáng đẹp huy hoàng. Dù sao họ cũng vẫn đều là nghệ sĩ lớn. Thơ Tô Thùy Yên, thơ Phạm Thiên Thu, lời hát của Phạm Duy không thể đi vào cốt tủy đạo Phật hay đạo Lão như Mai Thảo, Võ Chân Cửu, Nguyễn Tôn Nhan thuở trước, như Thân thị Ngọc Quế, Như Chi, Đặng thị Quế Phương, Nhất Hạnh và Vinh Hảo sau này. Chúng ta chớ đòi hỏi nhiều hơn nữa ở họ. Họ làm văn chương bằng kiến thức chứ không làm văn chương bằng sự minh triết như Dostoievski, Georges Bernanos, Herman Hesse và (bên văn), như các thiên sử Đông Nam Á qua những bài kệ, như thơ của các đạo sư giáo phái Soufisme trong đó có nhà thơ Rumi... Soufisme là một giáo phái của Hồi giáo đặt trên tinh thần bất nhị (le non-deux/ le non-dualisme) như tinh thần của Phật giáo và Lão giáo.

Chúng ta thừa biết rằng Văn Cao, Phạm Duy và Trịnh Công Sơn sáng tác nhạc đã hay mà còn đặt lời còn hay không kém. Chúng ta hãy tìm lời của Phạm Duy trong *Lữ Hành* :

*Bánh xe tang ngoài ô
Chiếc nôi trong vườn hoa*

.....
*Người đi, đi không thôi
Ngày thế giới lên nguồn vui
Ngát như hương lúa mùa*

Sẽ lên đường trở về

Chúng ta thử đọc bài *Cánh Đồng Con Ngựa Chuyền Tàu* của Tô Thùy Yên để tìm thử cái ẩn dụ trong bài thơ này :

*Trên cánh đồng hoang thuần một màu
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu
Tàu chạy mau tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu
Cỏ cây cỏ cây lùi dài chóng mặt
Gò nổng cao rồi thung lũng sâu
Ngựa thở hào hển thở hào hển
Tàu chạy mau vẫn mau vẫn mau
Mặt trời mọc xong mặt trời lặn
Ngựa gục đầu gục đầu gục đầu
Cánh đồng a! cánh đồng sắp hết
Tàu chạy mau càng mau càng mau
Ngựa ngã lăn mình muốt như cỏ
Chấm giữa nền nhung một vết nâu*

Ngoài cách dùng các điệp ngữ để gây âm điệu xôn xao, dồn dập, hối hả, bài thơ gây cho chúng ta cái cảm tưởng sự đuổi rượt (hay là sự so tài đo sức) khốc liệt giữa một động vật (con ngựa) và một động cơ (con tàu). Sức của một động vật làm sao lao nhanh bằng một vận tốc kinh khiếp của một động cơ? Cho nên con ngựa phải ngã quy, ngã xỉu hay có thể tắt thở khi chưa đến cuối cánh đồng, còn con tàu vẫn tiếp tục cuộc hành trình cho đến đích tức là cuối mức cánh đồng. Con ngựa mệt mỏi và ngã quy ẩn dụ cho thời đại làm công việc bằng tay chân, bằng sinh lực của con người hay của gia súc đã chấm dứt. Kỷ nguyên máy móc đã có mặt và sẽ giúp nhân loại đi xa

hơn trên tiến trình sinh hoạt (được ẩn dụ bằng cuối mức cánh đồng).

Tôi tình cờ gặp bài *Ngụ Ngôn* Trong quyển *Tuyển Tập Thơ* cũng của Tô Thùy Yên. Tôi hơi ngỡ cái tựa của nó:

*Một lão mù hành khất
Bị đánh cắp cây đàn
Mưa máu chết uất ức*
*

*Một con đế anh chị
Khoác đôi cánh sét rí
Tiếng gáy mãi không ra*
*

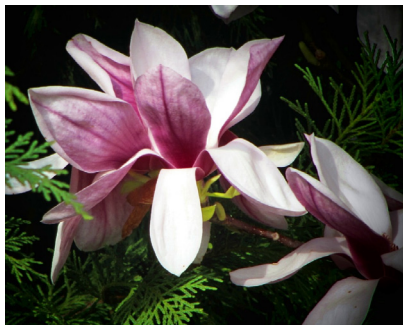
*Một con dóm khoe mình
Xài phá hết lân tinh
Ban đêm không dám lượn*
*

*Một đứa bé mồ côi
Đi tìm hoài cha mẹ
Đâu biết là những ai?*

Theo tôi, ngụ ngôn là bài thơ ẩn dụ, mượn chuyện tầm thường, chuyện khôi hài để móc xỏ, ngạo báng, đả kích thói hư tật xấu của người đời. Nhà thơ Jean de La Fontaine viết ra những bài ngụ ngôn, mượn những con vật dữ dằn và thâm độc, những con vật hợm hình kiêu căng để công kích những bọn nịnh thần (les courtisans) gây nhiều tệ đoan dưới triều đại vua Louis XIV. Bài ngụ ngôn có tính cách răn đời, dạy cho thế nhân những bài học luân lý. Bài *Ngụ Ngôn* của Tô Thùy Yên theo tôi là một bài thơ ẩn dụ ở 2 đoạn giữa. Con đế uy dững kia mất tiếng làm chúng ta liên tưởng viên chỉ huy mất giọng thì khó điều khiển ba quân thuộc hạ của y. Chúng ta cũng có thể nghĩ tới một ca sĩ có giọng hát đầy sinh lực,

nhưng giọng ấy trở nên rè rè thì cái thời vinh quang của y cũng phải chấm dứt. Con đom đóm xài hết lân tinh làm chúng ta nghĩ đến cảnh ngộ một mỹ nhân trụ lạc nên với nhan sắc tàn phai, nàng không dám chường mặt chốn dạ hội, nơi mà các vương tôn công tử say mê nàng. Cái nghĩa thâm thúy của bài thơ rất ai hoài tha thiết, chẳng có chút nhạo báng nào thì đây không phải là bài ngụ ngôn. Nó có một nồng độ truyền cảm rất đậm đà hơn, làm bàng hoàng người đọc rất lâu hơn.

Dù sao, bài thơ ẩn dụ hay bài thơ ngụ ngôn đều có cái nghĩa thứ hai hay nghĩa thứ ba ẩn dưới mặt chữ hay ở sau lưng mặt chữ, từ cái vận sự tầm thường, cả hai phóng đại ra một hoặc nhiều vận sự mệnh mông hơn, phóng chiếu vào cõi thường ngoạn chúng ta những hình ảnh và ý tình đập mạnh vào ấn tượng chúng ta. Khác nhau chăng là bài thơ ẩn dụ thường có hình thức của bài bi ca (poème saturnien). Khác nhau chăng là bài thơ ẩn dụ không cần dạy đời hay răn người, Khác nhau chăng là bài ngụ ngôn mang lấy hình thức bài thơ phóng cuồng, ngạo mạn, móc xỏ, đả kích (poème satirique).



Ảnh: Trương Minh Châu

JE CROYAIS QUE VIEILLIR...

Je croyais que vieillir me rendrait bien maussade,
 Craignant chaque saison, les années, le tapage
 Le grand vent et la pluie, l'esprit qui se dégrade,
 Les cheveux clairsemés, les rides du visage.

Et puis je m'aperçois que vieillir n'a pas d'âge,
 Qu'il ne faut point gémir, au contraire chanter.
 Et même à petits pas les jours ont l'avantage
 d'être beaux et trop courts quand ils sont limités.

Je croyais que vieillir c'était le ciel tout gris,
 Le printemps sans les fleurs, les lèvres sans sourire,
 Les fêtes sans chansons, les arbres rabougris,
 Un livre sans histoire, un crayon sans écrire.

Et puis je m'aperçois que vieillir rend bien sage,
 Que je vis chaque instant sans penser à demain,
 Que je ne compte plus les années de mon âge,
 Peu importe le temps, le crayon à la main.

Je croyais que vieillir transformerait mon âme,
 Que je ne saurais plus contempler les étoiles,
 Que mon cœur endurci n'aurait plus cette flamme
 Qui transforme la vie lorsque le ciel se voile.

Et puis je m'aperçois que les plus belles roses
 fleurissent à l'automne et sous mes yeux ravis,
 Je respire très fort ce doux parfum que j'ose
 garder pour embaumer l'automne de ma vie.

MARCELLE PAPONNEAU

TÔI TƯỞNG KHI GIÀ...

*Khi già tôi tưởng buồn sao
Mùa qua, năm hết, sợ bao chuyện đời
Xôn xao mưa gió tới bời,
Tinh thần sa sút, tóc thời điểm sương,
Nếp nhăn trên mặt chán chường.
Nhưng rồi thấy tuổi già thường vậy thôi
Dòng đời cứ mãi êm trôi,
Hãy ngừng rên xiết, để rồi hoan ca
Mặc cho ngày tháng dần qua
Dù cho ngắn hạn nhưng mà đẹp tươi.*

*Tưởng già sẽ xám màu trời
Hết hoa Xuân nở, hết cười trên môi,
Nhạc khi lể lạc vắng rồi,
Cây khô cành cỗi, sách thời còn chi
Bút hoa nét sẽ biếng ghi.
Rồi tôi chợt ngộ già thì khôn thêm
Hãy vui sống phút hiện tiền
Mặc ngày mai tới, chớ nên nghĩ nhiều
Đêm chi tuổi tác sớm chiều
Kệ thời gian, bút cứ gieo điệu vần.*

*Tưởng già thay đổi tâm hồn
Chắc là héo hắt chẳng buồn ngắm sao,
Tim chai đá, hết ngọt ngào
Lòng không còn lửa khơi bao nhiệt tình
Khi màn đêm tối giăng màn.
Rồi tôi chợt thấy trên cành hoa tươi
Mùa Thu hồng nở muôn nơi
Cho tôi vui ngắm, mắt ngời ánh quang
Ướp đầy lồng ngực hương ngàn
Giữ thơm tuổi xế chiều sang Thu rồi!*

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO
(chuyển dịch thơ)

GIỚI NĂNG XUÂN

ĐẶNG NGUYỄN

Dù Huế đang là một ngày nắng âm đầu Xuân, tôi vẫn thích ngắm Huế trong mưa phùn, gió bắt lạnh lạnh, để Huế có nét buồn riêng, buồn muôn thuở. Tôi vẫn thích những mùa Xuân thật buồn của Huế thuở thiếu thời, thật buồn để làm ra những câu thơ:
*Nghe tháng Giêng buồn như lời em ca
Nghe đêm trở mình trên ly cà phê vàng dại
Thơ tôi buồn như lời em không nói
Đêm này tôi tiễn người đi..
...Đời có van nài cũng thế thôi
Thì đón Xuân về cho đủ nghĩa hai mươi..*

Cái thời tuổi hai mươi ấy, bỏ Huế mà đi, đến khi quay về, mang đầy thương tích, cả thể xác lẫn tâm hồn, cũng như Huế, đầy thương tích... Những thương tích mà lịch sử không hàn gắn được.

*Xa Huế lâu rồi, thấy Huế thương
Muốn về uống lại nước sông Hương...*

Ngụm nước chè Trôi vừa uống vào nghe chất đắng mà vẫn thấy ngọt ngào. Huế đây. Có một chút thay đổi, nhưng không lớn lắm, không thay đổi đến chóng mặt như Sài Gòn, Đà Nẵng... Dòng sông Hương vẫn vậy, lặng lẽ, trầm ngâm, e ấp, như những người con gái Huế, trước những cái nhìn soi mói, ngoại lai, trước những chập chờn sóng gió của thời đại qua mau. Lòng người Huế u hoài, cảm xúc khi nhìn lại quê hương mình. Huế có quá nhiều mất mát. Cầu Trường Tiền dường như không đẹp như xưa nữa. Bến Thương Bạc không còn những vườn hoa gió lộng, thay vào đó là

chợ trời bán cây kiềng, chim muông, chai hũ lọ đào được dưới lòng Sông Hương. Tiếc quá cho một nét đẹp Cố Đô xưa. Mất mát lớn nhất vẫn là nét đẹp Đồng Khánh ngày nào với đàn bướm trắng mượt mà, áo dài tha thướt, tóc xõa bờ vai, nướm nướp chiều tan trường, như một dòng suối chảy ngọt ngào thơm mát làm ngơ ngần bao khách si tình. Ngày nay các em với xe máy tốc độ, nón bảo hiểm, mặt bịt khăn chỉ còn thấy hai con mắt, hấp tấp, vội vàng, trên những con đường đầy bụi bặm, thấy mà thương...

Vào Thành Nội, tự nhiên thấy Thành Nội như nghiêng về một bên. Từ cửa Thượng Tứ đi vào, bên trái toàn là đền đài, cung điện, ngày xưa không kém phần nguy nga tráng lệ. Bên phải trái lại, toàn là nhà dân, kéo dài tới Măng Cá, nhiều xóm nhà chẳng khác một làng quê, họp chung thành Quận Thành Nội. Tôi không đi thăm hoàng thành, cung điện, mà đi tìm những xóm nhỏ kỷ niệm ngày xưa. Tìm những con đường Âm Hồn, Nguyễn Huệ, Mai Thúc Loan... mà thời tuổi trẻ lang thang cùng với bạn bè trong các nhóm thi văn Thiên Thanh, Hoài Niệm với mộng lập biển, vá trời... Nhớ Xuân Thy bị thăm sát Tết Mậu Thân, Hoàng Hoa Ngự tử trận, và còn ai nữa... Những Phi Khánh, Hồng Vỹ, Ái Huyền Kim Cúc như những hình bóng đẹp một thoáng trôi qua.

Tình cờ vào một quán đặc sản Huế để ăn bánh lọc, bánh nậm, bánh bèo, nhìn lại thì quán này nằm ngay góc vườn của ngôi nhà mà đêm cuối cùng rời Huế vào quân trường Thủ Đức, tôi và bạn bè đã ở đây. Ông bà cụ chủ nhà đã ra người thiên cổ,

anh chị Vân và Mẫn cũng không còn. Huế buồn chi lạ. Có những ông thầy, nhớ mà chẳng dám đến thăm. Có những người bạn học cũ, nghe tên là đã sợ. Huế đó.

Ghé qua hồ Tịnh Tâm, nơi ngày xưa tôi cùng HV thường ra đây tâm sự. Bây giờ hồ Tịnh Tâm thật hoang tàn. Lầu bát giác giữa hồ không còn nữa. Xung quanh cỏ mọc như một cái ao hoang dã. Thấy biến thiên cuộc đời mà ngao ngán.

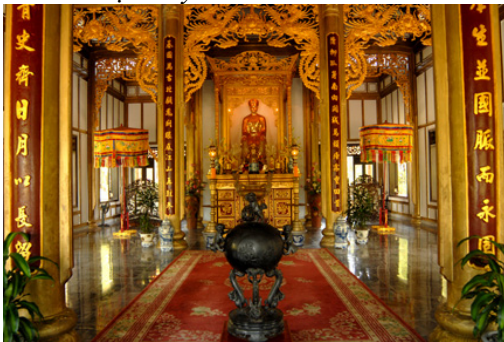
Hỏi bằng hữu Huế có chi lạ? Câu trả lời là Huế có đền thờ Huyện Trân Công Chúa mới xây rất đẹp. Tôi đi chiêm bái Công Chúa Huyện Trân. Dù đã trải qua thời gian bảy trăm năm. Lòng người dân Huế luôn nhớ ơn Huyện Trân Công Chúa. Từ điệu hát Nam Ai, Nam Bình đến những câu hò Mái Nhì, Mái Đầy, đâu đâu cũng mang nỗi buồn Huyện Trân Công Chúa:

Nước non ngàn dặm mà ra đi

Tội tình chi

Mượn màu son phấn

Đền nợ Ô Ly...



Hình Đền thờ Công Chúa Huyện Trân

Không những hy sinh vì tổ quốc, mà nàng Công Chúa ấy sau khi được giải thoát trở về cố quốc, đã theo gương Thượng Hoàng Nhân Tông thế phát quy y ở chùa Nộn Sơn, Thái Bình, thọ Bồ Tát giới Pháp Hiệu Hương Tràng. Sau khi viên tịch được dân chúng tôn

thờ là Thần Mẫu. Vua Nhà Nguyễn đã phong danh hiệu “Trai Tĩnh Trung Đẳng Thần” (Theo Văn Bia ghi chép).



Bậc cấp lên đền thờ

Hậu thế về sau, nhạc sĩ Phạm Duy cũng cảm tác một đoạn thật hay trong trường ca Con Đường Cái Quan, nghe rất u hoài :

“ ...Năm xưa trong lúc sang Xuân

Tôi theo Công Chúa Huyện Trân lên đường

Đường máu xương đã lấm oán thương

Đổi sắc hương lấy côi giang sơn..

Tôi đi theo bước ái tình

Đi cho trăm họ hòa bình ấm no

Đèo núi cao nghe gió vi vu

Thổi phấn son bay tới kinh đô...

Đền thờ được kiến trúc hòa hợp vừa cổ vừa hiện đại. Từ Tam Quan đến tháp chuông trên đỉnh núi Ngũ Phong. Một quần thể nguy nga tráng lệ. Không những chỉ thờ Huyện Trân Công Chúa mà còn thờ Thượng Hoàng Nhân Tông, Tướng Đoàn Nhữ Hài, Tướng Trần Khắc Chung, một tượng đài Phật Di Lạc và tháp chuông Hòa Bình. Ngày nay Huế có thêm một ngày lễ hội lớn: ngày Hội Huyện Trân Công Chúa, mùng 9 tháng Giêng Âm Lịch, vào dịp đầu Xuân nên dân chúng đi lễ rất đông. Huế rất chung tình chung thủy. Huế luôn nhớ công ơn tổ tiên.

Một thoáng Huế qua mau. Một thoáng Huế như trong giấc mơ, giấc mộng. Không có nhiều thì giờ để tìm thăm những kỷ niệm đã bị chôn vùi theo nhiều năm tháng. Xe chạy qua An Cựu rồi Phù Bài. Phi trường Phú Bài được xây dựng lại hoàn toàn mới. Huế tháng Giêng ít khi có những ngày nắng ấm như hôm nay. Những giọt nắng vàng buổi chiều xuyên qua cửa kính của phòng đợi phi trường làm cho tôi có cảm giác ấm lòng. Ít nhất mình cũng được nhìn lại Huế một lần. Một lần có được những giọt nắng vàng êm ái qua bao nhiêu ngày tháng chia ly, lạnh lẽo, đắng cay. Cảm ơn Huế. Cảm ơn quê hương.

Virginia, chớm Xuân 2012

Đặng Nguyên



CHO VALENTINE CỦA ANH

16 bài thơ tình trên giấy láng in với nhiều hình màu phụ bản rất đẹp của Kim Vũ
Liên lạc: <vumanhphat@gmail.com>

Tình Thân

thành phố cũ và tôi cũng cũ
chỉ bước chân quen vừa mới trở về
vậy mà lạ . đứng trên lễ cũ mới
nhận ra ngay thẳng bạn ngày xưa

ngày hai đứa tựa lưng rừng bốc lửa
muốn vung tay đấm vỡ mặt trời
cho mưa trút xuống phận người khốn khó
mát niềm tin để ngược mặt làm người

mùa rộ chết may mình chưa thoát nợ
mới còn nay cùng vỗ mấy điệu cười
mong khua dậy niềm tin đang rạn vỡ
giữa lòng đêm vật vã suốt dòng đời!

căn nhà cũ nép mình trong phố mới
qua bao thời xa xót lối vào ra
hai đứa lặng nhìn thôi . chẳng nói
còn sức đầu mơ với chuyện sơn hà

chỉ còn chút đón đưa chưa nổi tề
khi tấm lòng còn ấm rủ đôi chân
mừng ngăn cách nhưng lòng chưa đổi giọng
nghe biết liền . nhắm mắt cũng tình thân!

Cao Nguyên

SGN. Dec 01, 2011



Cờ Vàng Tung Bay

Nhạc và lời : Vũ Đức Nghiêm

Cờ vàng tung bay trên bầu trời xanh Ca-li Cờ vàng tung bay trên đường rộn ràng người
bay trên bầu trời xanh Ca-li, Nhìn cờ vàng bay, vui mừng lệ trào dâng

đi Hôm nay dưới bóng quốc kỳ, Bên nhau chung sức ước thề, Ngày về quê hương xây đắp tự
mì Bên nhau chung sức ước thề, mai đây ta.....

do Cờ vàng tung...
...sẽ trở về, Rợp trời trong gió lòng lòng bóng quốc kỳ. Vàng bay rực

rờ hờn núi sông, Tung bùng nào nức muôn lòng chờ mong Cờ vàng rực

rờ đẹp núi sông Quân dân bên nhau góp sức chung lòng. Ngày về Tổ

Quốc lòng ước mơ, Tiến lên anh em, ngày ấy ta trở về Rồi ngày giặc

tan ta về từ ngàn muôn phương Cờ vàng tung bay, ôi màu cờ vàng yêu thương. Tin vui bay

khắp phố phường, Muôn dân nô nức Cờ vàng tung bay rợp trời khắp quê hương.
xướng đường *rall.....* Rồi một ngày

mai Cờ vàng tung bay. Cờ vàng bay trên khắp quê hương.

*Chim có tổ, người có tông.
Dòng lịch sử là dòng sinh mệnh của đất nước.
Đọc lịch sử để rút tía những bài học sống hầu áp dụng trong việc bảo vệ và xây dựng đất nước. Hãy cùng cố gắng có một chân dung trung thực về cội nguồn của dân tộc Việt.*

MÙA XUÂN ĐẦU TIÊN CỦA DÂN TỘC VIỆT & Vụ Gián Điệp Đầu Tiên Trong Lịch Sử Việt Dẫn Tới 1000 Năm Tàu Đô Hộ

-Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc.NTN

Đại cương về nguồn gốc tổ tiên dân tộc Việt từ thuở lập nước

Các sử gia thuở xưa đã lấy thời điểm dân tộc Lạc Việt lập quốc là năm 2879 Trước Tây Lịch (TTL) làm mốc để viết sử. Thời điểm này ứng với thời đại Phục Hi, Thần Nông và Hoàng Đế ở Trung Hoa. Đây là thời kỳ huyền sử có nhiều thần thoại. Nhưng tới triều đại **Hùng Vương Thập Bát Diệp** gồm 18 ngành của dòng tộc Hùng Vương, mỗi ngành có nhiều đời vua; thì đó là **triều đại có thật** hiện đã được kiểm chứng qua các chính sử và ngoại sử cùng với các di tích khảo cổ (Xem *Nguồn Gốc Việt Tộc*, Phạm Trần Anh, 2007, tr.512).

Trong *Việt Sử Thông Luận* (1942), nhà cách mạng XY Thái Dịch Lý Đông A viết:

Trên giải đất Á Đông mà ngày nay gọi là Trung Hoa (tức Tàu), theo sự khảo cứu của một nhà bác học Hoa Kỳ thì từ rất cổ xưa có 3 (ba) dân tộc từng tranh nhau chiếm trung châu (delta) của miền sông Hồng Hà lên tới Thái Nguyên (Tàu) để tranh thủ lấy núi Thái Sơn hùng không chế vũ trụ. Ba giống người ấy là: Việt, Hán, Di. ...

Tại sao gọi là Việt? Việt không phải là tên chúng ta đặt ra sau này. Lúc trước, Việt gọi là **Viêm**; sau đó là **Hải Đại** vì ở tỉnh Hải Đại (Sơn Đông); rồi là **Miêu** lúc đầu tranh chống giống Hán; rồi là **Thái** khi đã chiếm lãnh Thái Sơn.

Dân Việt trước tiên đã chiếm được núi Thái Sơn và đã phát sinh ra nền văn minh của Tàu

hiện nay. Những cái gốc (phát minh) như **Hà Đồ, Lạc Thu, Nam Châm, chữ Việt**, v.v. vốn là của **Lạc Việt**.

Dân Hán mạnh hơn đã đẩy lùi dân Việt lùi dần xuống phía nam. Cuối cùng dân Việt đã dừng lại ở đất hiểm trở **Phong Châu** (Vĩnh Yên, Bắc VN) để lập quốc.

Ghi chú: Nguyên *Phong Châu* thuộc vùng Tuyên Quang, Trung Quốc. Sau này, khi lui dần về phương nam, tiền nhân mang theo địa danh *Phong Châu* xuống Vân Nam, rồi xuống Bắc Việt Nam ngày nay. “Bà Trưng quê ở *Châu Phong*”. (Xem *Nguồn Gốc Việt Tộc*, 2007, của Phạm Trần Anh; tr.526-529).

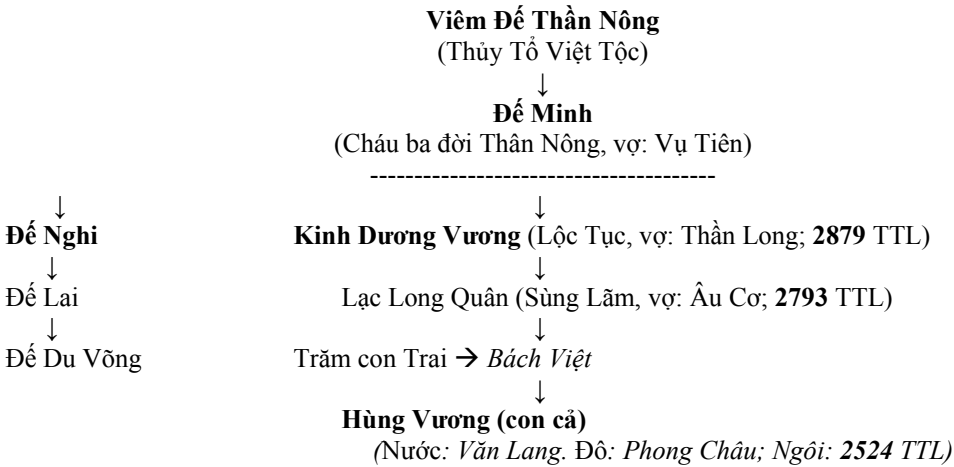
An Nam Chí của Cao Trùng Hưng (tàu) ghi: “Đất Giao Chỉ có ruộng **Lạc**. Khản ruộng đó là những **Lạc Dân**. Cai trị dân ấy là **Lạc Vương**. Giúp việc Lạc Vương là **Lạc Tướng**. Nước ấy gọi là **Văn Lang**.”

Ngoài *An Nam Chí* còn có *Lộ Sử* của La Tất (Tr. 44, *Nguồn Gốc Việt Tộc*.)

Sử gia Ngô Sĩ Liên (1479 STL) viết riêng một chương: “**Kỷ Hồng Bàng**”: Kinh Dương Vương lên ngôi vua năm 2879 TTL truyền thừa 18 đời vua Hùng Vương đến Vua Hùng Duệ Vương là vị vua cuối cùng của thời đại Hùng Vương vào năm 258 TTL (tr. 41, *Nguồn Gốc Việt Tộc*).

*

**Thời kỳ huyền sử với truyền thuyết “Con Rồng, Cháu Tiên” và bọc trứng nở 100 con trai:
Sơ Đồ Tổ Tông Việt Tộc**



(Vật Tổ (to tien): **RÔNG** (Uy & dững) & **TIÊN** (Đẹp & thọ). Chữ viết: **Môn** Nước gọi là **Làng**)

Sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* do sử gia Ngô Sĩ Liên biên soạn (1479, Hậu Lê; xem *Nguồn Gốc Việt Tộc*, tr. 78) ghi về Kỳ Hồng Bàng

Thủy tổ của ta là con cháu của [Viêm Đế] Thần Nông... Kinh Dương Vương là vị vua đầu tiên của nước Đại Việt ta cùng với thời Đế Nghi [anh của Vương] ở phương Bắc lên ngôi năm Nhâm Tuất 2879 TTL.”

(Lưu ý: chữ “Vương” ở đây chỉ tên người chứ không có nghĩa là Vua)

Đế Minh, cháu ba đời của vua Viêm Đế Thần Nông, sinh ra Đế Nghi và Vương (Lộc Tục). Đế Minh lập Đế Nghi (con trưởng) làm Vua phương Bắc và cho Vương tức Kinh Dương Vương làm Vua phương Nam.

Thời đại tiền Hùng Vương: Kinh Dương Vương đặt tên nước là **Xích Quỷ** (sử Tàu gọi xêch mé là Xích Quỷ). Vua Kinh Dương Vương lấy **Thần Long**, con gái của Chúa Động Đình và sinh ra **Lạc Long Quân** húy là **Sùng Lãm**.

Lạc Long Quân lấy Âu Cơ và sinh ra **bọc trứng nở ra 100 con trai**. Rồi, 50 con theo cha

(**Rông**) xuống miền biển; con 50 con theo mẹ (**Tiên**) lên miền núi. Đó là truyền thuyết của **Bách Việt**.

Lạc Long Quân truyền ngôi cho con cả là Hùng Quốc Vương, húy là Hùng Lân, từ năm 2524 TTL, hiệu là Hùng Vương mở ra triều đại Hùng Vương gồm 18 thế đại với 47 vua, dài 2622 năm. (tr.513 *Nguồn Gốc Việt Tộc*.)

Thời đại Hùng Vương Thập Bát Diệp

Ngoài các chính sử của người Việt và của người Tàu, các sử tích của nước Việt cổ hiện còn được ghi chép trong **Bách Việt Ngọc Phả Truyền Thư** gồm bốn (4) quyển viết bằng Hán văn do dòng tộc trưởng họ Nguyễn Đức sao chép từ năm 971 đời Đinh Tiên Hoàng. La Sư Phu Tử Nguyễn Thiếp (đời Tây Sơn) ghi chép lại cẩn thận và có thêm chú giải (xem *Nguồn Gốc Việt Tộc*, Phạm Trần Anh, 2007, tr. 487).

Theo *Ngọc Phả Truyền Thư* thì **Kinh Dương Vương** có sáu (6) vợ và 5 con trai. Hai con đầu, Nguyễn Nghiêm và Nguyễn Thôi đi tu theo bà nội là Hương Văn Cái Bồ Tát. Người con thứ ba là Nguyễn Lãm; sau đổi là Hùng Lãm rồi Sùng Lãm. Sau khi lên làm Vua, Sùng Lãm lấy tên hiệu là **Lạc Long Quân**

Lạc Long Quân có 9 vợ chính thức và 118 hoàng tử cùng 218 công chúa. Lạc Long Quân cai trị 15 tộc bộ bao gồm Hồ Bắc, Châu Kinh ở phía bắc sông Dương Tử, và Hồ Nam, Giang, Quý Châu, Vân Nam, Tứ Xuyên, Phúc Kiến, Lương Quảng xuống tới Cửu Chân, Cửu Đức, ... (Nguồn Gốc Việt Tộc, tr.487).

Ngoài cuốn *Ngọc Phả Truyền Thư* kể trên còn có hai cuốn ngọc phả nữa. Cuốn (1) *Nam Việt Hùng Vương Ngọc Phả* được biên soạn vào thời vua Lê Đại Hành (980). Cuốn (2) *Cổ Việt Hùng Thị Thập Bát Diệp Thánh Vương Ngọc Phả Cổ Truyện* do Hàn Lâm Sĩ Nguyễn Cổ biên soạn năm 1472 (Nhà Lê): **Thời đại Hùng Vương được ghi chép gồm có 47 đời vua từ 2879 TTL đến 257 TTL, tổng cộng 2622 năm.**

Mỗi dòng vua được xếp theo thứ tự Bát Quái và Thập Can.

1. Chi Càn: *Kinh Dương Vương*, sinh 2919 TTL; lên ngôi năm 2879; dài 86 năm.
2. Chi Khâm: *Hùng Hiền Vương* /Lạc Long Quân, sinh: 2825 TTL; Ngôi 2793 TTL; dài 269 năm.
3. **Chi Cấn: Hùng Quốc Vương** (húy là Hùng Lân); Ngôi: **2524** TTL; dài 271 năm; Hiệu: **Hùng Vương.**
4. Chi Chấn: *Hùng Hoa Vương* (húy Bửu Lang), sinh năm 2254 TTL; dài 342 năm.
5. Chi Tốn: *Hùng Hi Vương* (húy Bảo Long) sinh 2030 TTL; dài 200 năm.
6. Chi Ly: *Hùng Hồn Vương* (Long Tiên Lang) sinh 1740 TTL; 81 năm.
7. Chi Khôn: *Hùng Chiêu Vương* (húy Quốc Lang) sinh 1659 TTL; dài 200 năm.
8. Chi Đoài: *Hùng Vĩ Vương* (húy Văn Lang) sinh 1469 TTL; dài 100 năm.
9. Chi Giáp: *Hùng Định Vương* (húy Chân Nhân Lang) sinh 1375 TTL; dài 80 năm.
10. Chi Ất: Hùng Uy Vương (húy Hoàng Long Lang) sinh 1287 TTL; dài 90 năm.
11. Chi Bính: *Hùng Trinh Vương* (Húy Hưng Đức Lang) sinh 1211 TTL; dài 107 năm.
12. Chi Đinh: *Hùng Vũ Vương* (húy Đức Hiền Lang) sinh 1105; dài 96 năm.

13. Chi Mậu: *Hùng Việt Vương* (húy Tuấn Lang) sinh 982 TTL; dài 105 năm.
14. Chi Kỷ: *Hùng Anh Vương* (húy Viên Lang) sinh 894 TTL; dài 89 năm.
15. Chi Canh: *Hùng Triệu Vương* (húy Chiêu Lang) sinh TTL; dài 94 năm.
16. Chi Tân: *Hùng Tào Vương* (húy Đức Quân Lang) sinh 712 TTL; dài 92 năm.
17. Chi Nhâm: *Hùng Nghi Vương* (húy Bảo Quang) sinh 576 TTL; dài 150 năm.
18. Chi Quý: *Hùng Duệ Vương* (húy Huệ Vương Lang) sinh 421 TTL; dài 150 năm.

~ * ~

BÓN NGÀN NĂM VĂN HIẾN
[2879 TTL (Hùng Vương) + 1479 STL (Hậu Lê) = 4358 năm]

Tự Chủ - Tô Rồng-Tiên - Đạo Trời - Đạo Hiếu - Chữ Mên – Quân Chủ Tân Quyền – Nông Nghiệp - Đồ Đồng & Sắt (Cung Nỏ) – Pháp Chế - Lịch Pháp (Quy Lịch) – Y Dược (Châm Cứu) - Quốc Tử Giám (Đại Học) – Thi Cử - Nhạc Khí (Đàn Bầu) - Thi Phú – Hòa Đồng

*

**XUÂN DỰNG NƯỚC VĂN LANG
VUA HÙNG VƯƠNG KHAI HỘI
TẾT XÂY ĐỒ PHONG CHÁU DÂN LẠC
VIỆT KẾT ĐOÀN**

Vào đầu mùa xuân năm ấy, 15 bộ tộc Lạc Việt lần đầu tiên tụ hội tại Văn Lang (Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên) ăn mừng Tết và đồng thời ăn mừng ngày toàn thể 15 bộ tộc kết hợp lại thành một khối thống nhất lấy tên là *Nước Văn Lang* và tôn Hùng Vương là Vua. Dân Lạc Việt lập quốc từ đó.

Từ tờ mờ sáng, hàng ngàn dân từ các bộ tộc đã tề tựu đông đảo tại khu Đại Đình Văn Lang. Chung quanh là hàng chục đồng lửa cháy nghi ngút tỏa sức nóng làm bớt đi không khí giá lạnh của thời tiết đầu xuân. Hàng rừng cờ vàng tung bay phát phới. Ai cũng hơn hờ kháo nhau: “*Hôm nay các làng ta họp lại mừng dựng nước. Hùng Vương được chọn làm Vua. Có cả bộ tộc Tây Âu tham gia. Chưa bao giờ có ngày vui lớn như hôm nay.*”

Sáng nay, hoa xuân muôn sắc nở đầy đường, đầy sân, đầy ngõ. Hàng trăm mị nương, mị ê, hoàng tử, thị nữ, và thị vệ mặc quần áo đầy màu sắc. Hàng trăm thiếu nữ làng thôn cũng thật duyên dáng trong đủ bộ sắc áo xuất hiện như những bông hoa biết cười, nói, biết đi. Các chàng trai cũng thế: người nào người nấy trông thật mạnh mẽ, hăng hái. Các trẻ em ngồi hàng trước. Hàng sau là các cô lão, nam bên trái, nữ bên phải. Kế đến là các thiếu nữ và thanh niên. Chung quanh là hàng quân đặc biệt của 15 bộ tộc trang bị khiên, cung nỏ, gươm giáo sáng ngời.

Trên khán đài cao có hai Đại Kỳ, một màu vàng, một màu xanh thêu hình con Rồng. Đầu góc bên trái trên khán đài là bộ Đại Trống Đông uy nghi treo trên trên giá gỗ trạm trổ Rồng và chim Hồng, Chim Lạc. Đầu góc bên phải

Chung quanh khán đài là những cây phướn vàng và xanh bay lượn rục rờ.

Đúng đầu giờ Tỵ (9 giờ sáng), nhiều loạt trống, thanh la, kèn tù và đổ hồi vang dội báo hiệu buổi lễ sắp bắt đầu. Vua sắp xuất hiện. Vua Hùng Vương áo mào vàng son rục rờ tiến ra giữa hai hàng lạc tướng và lạc hầu nghiêm chỉnh đón chào. Trước hết nhà Vua quay về hướng Nam làm Lễ Tế Trời Đất. Sau đó là Lễ Tổ Kinh Dương Vương và Mẹ Âu Cơ. Rồi nhà vua uy nghi tiến lên ngai ngồi trước sự tung hô vang dội của quần thần và dân chúng. Đợi sự im lặng trở lại, nhà vua đồng dục cất tiếng:

Hỡi toàn thể thần dân:

Trẫm tên là Lân, họ Hùng. Hôm nay, vâng lời Vua cha Lạc Long Quân, và mẹ Âu Cơ đã trở về với cội nguồn vì vốn dòng Thần Rồng và Tiên, Trẫm phải lên nối ngôi làm Vua để chăm lo cho trăm họ. Tất cả 15 bộ tộc cũng đều mong muốn như vậy. Nay, Trẫm long trọng tuyên cáo:

Kể từ mùa xuân này, dân Lạc Việt chúng ta không còn là 15 làng riêng lẻ nữa mà tất cả kết hợp lại thành một khối lấy tên là **Nước Văn Lang**; lấy **Rồng & Tiên** làm **Tộc Tượng**; chọn **Phong Châu** làm **thủ đô**; gọi thủ lĩnh bộ tộc là **Lạc Hầu**. Toàn thần dân hãy lên tiếng hoan hô!

Đội tiếng hoan hô chấm dứt, nhà Vua tiếp tục:

Trẫm muốn nhắc nhở thân dân rằng:

Dân Lạc Việt ta vốn từ đất Thái Sơn, Trung Hoa, di xuống phương Nam vì bị giống Hán xâm lấn. Nay chúng ta chỉ còn mảnh đất ở ở cực Nam này để sinh sống. Vì vậy, 15 bộ tộc ta phải đoàn kết lại để có một lực lượng hùng mạnh sẵn sàng ngăn chặn bọn giặc Bắc phương. Toàn dân có kiên quyết chống xâm lược không? Cả đình trường vang dội tiếng hô: **Cương quyết! Cương quyết!**”

Này, các thần dân! Các đồng ruộng xanh tươi kia của nước ta từng được nhiều đàn chim hàng vạn con từ đâu *lạc* tới đâu đem theo nhiều hạt giống hoa thơm, trái lạ, nhờ đó dân ta có nhiều thức ăn hơn. Kia, trên các giải núi cao, xanh bát ngát kia cũng từng có nhiều đàn chim *cánh hồng* bay lượn như muốn nhắc nhở dân ta hãy cố vươn lên cao, cao hơn. Dân ta chịu ơn những đàn chim đó rất nhiều nên đã đặt tên chúng là *Lạc* và *Hồng* và Trẫm đã quyết định ra lệnh cho khắc hình chim Lạc và Hồng trên trống đồng hầu muôn thuở tỏ lòng biết ơn chúng.

Việt Tổ của chúng ta vốn dòng Tiên và Rồng kết hợp, nên Trẫm đã chọn hình tượng Rồng và Tiên là Vật Tổ. Tiên là biểu tượng của *vẻ đẹp nhu mì, duyên dáng, hiền hậu, bao dung*; Rồng là biểu tượng của *sức mạnh vô song, vây vùng thỏa chí, và có tài điều mưa, khiến gió làm cho ruộng có nước để cây cấy và vườn có nước để trồng trọt*. Tuy nhiên, dù phụ nữ Lạc Việt ta hiền lành nhưng cũng rất dũng cảm và sẵn sàng cầm cung nỏ theo câu: *“Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh”*. Trẫm nói vậy, có đúng không? Tất cả phụ nữ đồng ho to: *“Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh!”*

Nhà Vua cười và cất tiếng tiếp tục:

Còn nam giới nước ta tuy có uy lực dũng mãnh nhưng không bao giờ *ý mạnh hiếp yếu*. Lúc nào cũng vẫn giữ tâm *lòng nhân* làm gốc xử thế. Và, khi đất nước cần, vẫn đặt *việc nước trước việc nhà*; sẵn sàng tổng quân đánh đuổi quân Bắc Phương xâm lấn để bảo vệ độc lập của Tổ Quốc. Trẫm hỏi thần dân có sẵn sàng bảo vệ Tổ Quốc không?” Tất cả mọi người đồng hô lớn: *“Sẵn sàng!”*

Mặt trời lúc này đã lên cao, ánh nắng tăng thêm ấm áp cho không khí nơi quang trường. Khi sự im lặng đã trở lại, nhà Vua cất tiếng:

Dân Lạc Việt ta tin ở **Đạo Trời, tin có Ông Trời** tạo ra muôn vật, tin “*Trời là Cha, Đất là Mẹ*”; tin “*Trời sinh, Đất dưỡng*”; tin “*Trời sinh voi, Trời sinh cõ*”; tin Trời phú cho vạn vật *cảm tính, linh tính*, và *trí khôn* để tự quản. Trời cũng đặt ra một số luật tự nhiên để vạn vật tự tồn. Đó là *luật tuần hoàn; luật quả báo; ở hiền gặp lành; ở ác gặp ác, có nhân thì có quả*. Tin Trời tạo ra sự sống của muôn loài thì con người phải bảo vệ sự sống của muôn loài. Không ai được quyền sát hại và đó là “**Luật Bất Hại**”.

Dựa vào Đạo trời, tổ tiên ta đặt ra **Đạo Người**. Trước hết là **Đạo Hiếu**: Hiếu Sinh và Hiếu Nghĩa. *Hiếu Sinh* dạy con người phải không được sát hại mọi sinh vật nếu không cần thiết. *Hiếu Nghĩa* dạy con cái phải báo đáp công ơn nuôi nấng của cha mẹ bằng cách phải săn sóc lại cha mẹ lúc già yếu. Đó là lẽ: “*Trẻ nhờ cha, già cậy trẻ*.” *Hiếu Nghĩa* cũng dạy anh em, *nhớ câu*: “*Anh em như thể tay chân*.” để phải biết *đùm bọc lẫn nhau*; vợ chồng phải nhớ câu: “*Như chim liền cánh, như cây liền cành*” để phải *chung thủy* với nhau; bạn hữu phải nhớ câu: “*Một sự thất tín, vạn sự không tin*” để phải tôn trọng chữ *Tín* với nhau. Cuối cùng là “**Đạo Vuông Tròn**” của dân Lạc Việt ta dạy mọi người phải ăn ở với nhau “**Vuông như Đất; tròn như Trời**”, trước sau như một và phải biết “*thương người như thể thương thân*.” phải *giúp đỡ nhau khi hoạn nạn*. Đó là những giá trị xã hội, những *giềng mối của xã hội* mà dân Lạc Việt ta từng trân quý. Các thần dân phải ghi nhớ kỹ bởi vì kẻ nào ăn ở vô đạo sẽ bị Trời tru, Đất diệt. Các thần dân có ghi nhớ không?

Cả quảng đình vang dội tiếng hô: “Xin ghi nhớ!”

Nhà Vua tiếp tục:

Hôm nay, nhân mùa xuân ấm áp, chúng ta họp tại đây tuyên khai lập nước. Đã lập nước thì phải giữ nước. Muốn giữ nước thì phải đoàn kết. Khi đất nước có giặc thì mọi người phải tòng quân. Khi Vua ăn ở không phải đạo thì phải truất phế. Khi Tướng không dũng cảm thì phải cắt

chức. Khi quân hèn nhát thì phải trị tội; Khi cha mẹ không nghiêm minh; con cái bất hiếu; vợ chồng bất nghĩa, anh em bất nghi; bạn bè bất tín thì làng nước phải nghiêm trị. Trăm ban bổ như vậy, toàn thần dân tuân thủ không?

Mọi người giơ cao cánh tay và cất tiếng: “Xin tuân thủ!”

Hỡi các thần dân:

Nếu mọi người đều cố làm tròn bổn phận và nhiệm vụ của mình; vua ra vua, quan ra quan, trên phải làm gương, dưới phải noi gương; biết chia xẻ và cùng hợp tác; như thế thì lo gì đất nước ta chẳng là cường thịnh, an vui? Trăm dứt lời.

*

Kể từ mùa xuân ấy, dân Lạc Việt quả đã được sống trong cảnh thật thanh bình, thịnh trị kéo dài suốt **2622 năm** (2789 TTL – 257 TTL). Thóc lúa đầy đồng, cá tôm đầy vựa, cây trái đầy vườn, trẻ có trường để học, bệnh có thuốc để chữa, nhà nhà no ấm, an vui.

Trong thời đại các Vua Hùng, có một vài sự tích và nhân vật huyền thoại được tóm lược với ít lời bàn như sau:

(1) Sự tích chàng đánh cá nghèo Chử Đồng Tử và Công Chúa Tiên Dung (Hùng Vương thứ III):

Cha Chử chết chỉ có một cái khổ duy nhất để lại cho chàng ta để che thân. Thương cha ở dưới mồ lạnh lẽo, Chử bèn đem chiếc khổ liệm cho cha và dùng lá che thân mỗi khi đi đánh cá. Một hôm, công chúa Tiên Dung, con Vua Hùng, du ngoạn, dùng chân tắm ngay bãi cát Chử bắt cá. Chử không kịp lánh đi chỗ khác nên đành lấy cát đắp che đầu thân. Chẳng ngờ trời chuyển mưa, cát trôi đi khiến cho thân Chử bị lộ liễu kề cận chỗ Tiên Dung tắm. Tiên Dung giật mình e thẹn nhưng cũng sai thị nữ tra hỏi cho ra sự tình. Biết được nguyên do, công chúa cho Chử là người con chí hiếu. Lại tự nghĩ mình đã phạm phải lệ cấm con gái để thân lộ liễu cho trai nhìn và cũng cho là duyên tiền định, nàng xin vua cha chấp nhận cho làm vợ Chử. Vua cha thương con nên đành chấp nhận, nhưng không cho phép hai người trở về Phong

Châu. Hai vợ chồng bèn đi chu du, học Đạo Tiên và làm thuốc cứu đời. Người đời sau nhớ ơn lập đền thờ ở Đầm Dạ Trạch.

Chuyện tích này nói lên dân Lạc Việt ta từ ngàn xưa đã có một ý niệm rõ ràng và sâu xa về chữ Hiếu và chữ Trinh Tuyệt. Do đó sau này khi Phật Giáo từ Ấn Độ nhập vào VN (khoảng từ 159 STL đến 189 STL) đề cao chữ Hiếu và các phẩm hạnh khác thì dân ta đã dễ dàng hoan hỉ hội nhập.

(2) Sự Tích Thánh Gióng (Hùng Vương thứ VI)

Thánh Gióng hay Phù Đổng Thiên Vương vốn là một cậu bé sinh ra đã ba năm mà chưa nói. Lúc đó, Nhà Ân bên Tàu xưa quân xâm lấn nước ta. Tình hình nguy ngập, nhà Vua cho truyền rao chiêu mộ hiền tài cứu nước. Cậu bé bỗng bật tiếng nói xin mẹ báo sứ giả tâu vua cho đúc ngựa sắt và roi sắt để cậu đi dẹp giặc. Nhà vua cho là đã có thần nhân giúp, bèn y lời, sai đúc một con ngựa và roi bằng sắt. Khi ngựa và roi đem đến, cậu bé vươn vai trở dậy cao lớn khác thường. Rồi cậu cầm roi nhảy lên ngựa phóng đi. Trai tráng và ngay cả các cậu thiếu niên cũng phóng chạy theo. Đi đến đâu, thanh thiếu niên càng theo nhiều đến nấy. Gặp giặc, ngựa của Thánh Gióng hí ra lửa, roi vụt ra khỏi làm cho quân giặc khiếp vía chạy tán loạn; giẫm lên nhau mà chết. Cả tướng Ân cũng bị tử thương. Giặc tan, Thánh Gióng phóng lên núi biển mất. Nhà vua cho lập đền thờ.

Như vậy huyền thoại này mang thông điệp gì? Phải chăng lúc đó đất nước có được một anh hùng biết đúc sắt làm khí giới và thành lập các đội quân kỵ mã, và biết sử dụng tới lực lượng thiếu niên đánh giặc nên được người đời tôn thờ như một Thiên Tướng? Và, cậu bé Phù Đổng có thể là hiện tượng của cả trăm ngàn thiếu niên khác lúc đó cũng ào ào theo nhau đi đánh giặc nói lên khí thế “**cả nước đánh giặc**” và “**trẻ theo, già theo**”.

Dù sao, chuyện quân nhà Ân bên Tàu sang xâm chiếm nước ta là có thật và chúng đã bị thảm bại.

(3) Sự Tích Bánh Chưng, Bánh Dầy (Hùng Vương thứ VI),

Nhân ngày Tết, Tiết Liêu, một trong những người con của Vua Hùng, tiến dâng cho vua cha hai thứ bánh mới nấu lần đầu bằng thứ gạo nếp dẻo. Một thứ bánh có hình vuông gói trong lá chuối; thứ bánh kia có hình tròn không gói lá và màu trắng. Ăn thấy dẻo và rất thơm ngon. Vua hỏi tại sao làm các bánh đó. Tiết Liêu trả lời rằng được một thần nhân trong giấc mộng dạy và nói rằng: “Bánh dầy Tròn tượng trưng cho Trời; bánh chưng Vuông tượng trưng cho Đất. Vuông thì vững; tròn thì động; vuông tròn có nghĩa là có thay đổi nhưng vẫn bền vững. Nó trở thành một đạo lý: con người phải ăn ở, cư xử với nhau vuông tròn, trước sau như một. Nhà vua khen hay và ban lệnh cho dân từ đó nấu bánh chưng và bánh dầy ăn Tết để nhớ tới đạo lý này.

(4) Sự Tích Dưa Hấu (Hùng Vương thứ XVII)

Nguyên **Mai An Tiêm** vốn là người ngoại quốc được Vua Hùng thứ 17 mua làm con nuôi, nhưng sau đó vì Mai An Tiêm phạm tội kiêu mạn nên bị vua đày ra một hoang đảo ở ngoài khơi biển Thanh Hóa. May nhờ chim bạch hạc bay từ phương tây lại, tha theo một số hạt và bỏ rơi trên đảo. Ít lâu hạt mọc thành cây sinh trái thơm ngọt và An Tiêm đặt tên là **Tây qua (quả)**. Sau, An Tiêm lấy tên vợ là Việt Nga mà đặt tên cho trái dưa đó là **Việt Nga qua**. Chẳng bao lâu sau, đông đảo người từ phương kéo tới ở và trồng trái dưa đó. Vua Hùng nghe tiếng bèn cho triệu hồi vợ chồng An Tiêm về và nơi An Tiêm ở được gọi là **An Tiêm Sa Châu**. Ngày nay trái dưa hấu danh tiếng nhất sản xuất tại Hữu Cung, Quảng Ninh. Nhà học giả Hương Giang Thái Văn Kiểm ghi lại sự tích trái dưa đỏ này và cũng đã đích thân tới Hữu Cung trước tháng 3 năm 1945 để mua dưa, có trái nặng tới 7 kí lô.

(5) Sự Tích Sơn Tinh & Thủy Tinh (Hùng Vương 18)

Tương truyền rằng vào Thế Đại Hùng Vương 18 (421 TTL-271ITL), nhà Vua có một nàng công chúa xinh đẹp tên là Mị Nương đã đến tuổi cập kê. Vua bèn cho mở hội kén rể. Hai vị thần Sơn Tinh và Thủy Tinh tới cầu hôn. So tài thì hai chàng ngang ngửa, nên Vua bèn ra ước

hẹn, ai đem lễ vật tới trước và vào đúng giờ Thìn, người đó sẽ được nhận làm rể. Sơn Tinh vốn có tâm tu nên được Sách Ước và Gậy Thần, vì vậy đến rất đúng giờ và rước được Mị Nương đem về Núi Tân. Còn Thủy Tinh vốn tính bê trễ đã quen nên đến chậm một chút, đành phải nuốt hờn giận trở lại Biển Đông. Nhưng từ đó thỉnh thoảng nhớ tới Mị Nương, Thủy Tinh lại mở trận dâng nước đánh Sơn Tinh làm cho dân tình điêu đứng.

Câu chuyện Sơn Tinh và Thủy Tinh muốn truyền đạt điều gì? Có thể người đặt truyện muốn khuyên người ta phải giữ đúng giờ hẹn; không được bê trễ bởi vì “hẹn là nợ”; và vua phải công bằng với mọi người, không được tùy tiện thiên vị; các vị thần cũng phải phục tùng Vua. Truyện kể vừa để giúp vui vừa để trau dồi trí tưởng tượng của trẻ con.

(6) Sự Tích Thần Kim Quy và Nổ Thần

Thục Phán, vốn người Tây Âu và cũng là cháu của Vua Hùng, lên thay thế họ Hùng và mở ra triều đại An Dương Vương (208 – 179 TTL). An Dương Vương đổi tên nước là Âu Lạc và dời đô về Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội). Tục truyền rằng, nhà Vua được Thần Kim Quy xui khiến gặp kiến trúc sư tài ba - Cao Lỗ - giúp xây Thành Cổ Loa rất kiên cố, lại cho thêm Nổ Thần để giữ nước. Đã nhiều lần quân Triệu Đà qua hãm vây Thành Cổ Loa nhưng đều bị hàng vạn mũi tên đồng từ trên trời lao xuống làm quân sĩ dù có áo giáp cũng bị thương vong.

Sau đó, Triệu Đà thay đổi chiến lược. Đà cho sứ sang giảng hòa và lại xin con trai là Trọng Thủy sang ở rể làm con tin. An Dương Vương không nghe lời can của Cao Lỗ nên họ Cao bỏ đi. Trọng Thủy đem tiền bạc mua chuộc các quan và ngầm tổ chức nội ứng. Khi thời cơ đến, Trọng Thủy trốn về Tàu và Triệu Đà cho quân bất ngờ sang đánh nước ta. Vì có nội ứng và nổ thần không hoạt động, An Dương Vương bỏ thành chạy rồi tự vẫn. Truyện kể thêm chi tiết là Mị Nương ngồi sau lưng ngựa của vua cha, bút lông ngỗng làm dấu cho quân Triệu

đuổi theo. Tới bờ sông, Vua thấy Thần Kim Quy nổi lên chỉ vào Mị Nương và bảo đó chính là kẻ thù. Vua rút gươm chém con gái rồi nhảy xuống sông tự vẫn. Trọng Thủy đuổi tới nơi thấy Mị Nương chết, bèn cũng nhảy xuống giết tự vẫn.

Bỏ qua những nét thần thoại, ta thấy thành Cổ Loa xây rất đặc biệt kiên cố gồm 3 vòng thành cao và dài (hiện còn dấu tích) khiến quân Triệu vây hãm quá lâu ngày phải bị mệt mỏi và đói khát vì thiếu lương thực và nước. Còn nó thần thì có thể chỉ là sự sử dụng loại mũi tên bọc đồng (nặng và sắc bén). Và, thay vì dùng cung nỏ, quân sĩ Việt sử dụng hàng ngàn cây tre uốn cong để phóng ra hàng vạn mũi tên đồng lên trời rồi lao xuống đất. Với cách này, tên được bắn đi xa hơn và rớt xuống mạnh hơn, khiến áo giáp quân Triệu không chịu nổi. (Năm 1959, khảo cổ đào thấy một hầm chứa hàng vạn mũi tên đồng ở Cầu Vực, phía nam Thành Cổ Loa, Hà Nội. Xem Lịch Sử VN của GS Nguyễn Phan Quang, 200, tr. 50).

Các sử gia ta và Tàu trước đây đã chỉ ghi lại sự tích trên với nhiều vẻ huyền thoại và bi kịch hóa vai trò Trọng Thủy nhưng dường như đã che giấu hẳn cái âm mưu gián điệp của vai trò Trọng Thủy mà đạo diễn là Triệu Đà. Thực tế, sử dụng gián điệp để lấy nước trước đó đã từng xảy ra với vai trò của Lã Bất Vi (thời Xuân Thu Chiến Quốc bên Tàu) nhân vật đã khai sinh ra chế độ chuyên chế tàn bạo của Tần Thủy Hoàng (259-210 TTL).

An Dương Vương đã chỉ vì cả tin mà để cho Hán gian Triệu Đà thôn tính nước ta một cách dễ dàng và kể từ đó, dân ta rơi vào ách Tàu đô hộ 1000 năm! Hiện nay những cuộc chiến gián điệp đại loại như thế vẫn còn tiếp diễn vì đó là những cuộc chiến ít tốn hao mà đầy hiệu quả nhất.

Xin đón coi kỳ tới về Gián Điệp Lã Bất Vi.

* * *

HẢI BẢNG HDB (Arizona)

TẾT NĂM NAY, SÁCH VIỆT-NAM CÓ GÌ MỚI?

Tâm Việt

Hôm rồi, ngồi cùng bàn với tôi ở bữa cơm tất niên của Hội Cựu-sinh-viên Quốc gia Hành chánh, có anh bạn hỏi tôi: "Được biết anh vẫn theo dõi chuyện sách vở, không rõ năm nay ở hải-ngoại có sách gì đáng chú ý không anh?"

Tôi phải trả lời ngay, thật ra đã lâu rồi tôi không còn đủ sức theo dõi tình-hình xuất bản như những năm xưa khi cứ đến mùa này là các báo vội tôi một bài tổng-kết văn-học trong năm. Tuy-nhiên, nếu anh chỉ muốn nói đến tình-hình xuất bản ở miền Đông thì vì gần gũi hơn, tôi cũng có được một vài thông tin đáng tin cậy.

Nhà xuất bản Tiếng Quê Hương

Ở miền Đông Hoa-kỳ, hay ít ra ở vùng Thủ-đô, thì sinh-hoạt xuất bản tập trung ở Virginia với nhà xuất bản Tiếng Quê Hương của nhà văn Uyên Thao là năng động nhất, mỗi năm cũng phải ra đến 5-6 cuốn, phần lớn là những sách giá trị, đáng đọc. Như năm ngoái TQH đã có mấy cuốn sách dày cộm viết thật sâu sắc như *Hai mươi năm Miền Nam, 1955-1975*, của tác-giả Nguyễn Văn Lục (đặc-biệt nói rất tỉ mỉ về các phong trào tuổi trẻ và phản chiến ở trong nước), và cuốn *Việt Nam trong chiến tranh Tư hữu* của tác-giả Nguyễn Cao Quyền có tiêu-tựa là "Nhìn lại cuộc chiến 30 năm." Bên cạnh đó là mấy tác-phẩm nhẹ nhõm song không phải là không có chiều sâu hay ngậm ngùi như *Một thời oan*

trái, tiểu-luận của nhà văn Hải-quân gốc Sơn-tây Phan Lạc Tiếp hay *Những mảnh trời khác biệt*, "tuyên tập 17 tác giả thuộc Không lực VNCH" do Hoàng Song Liêm thu thập. Cũng ra năm ngoài là cuốn *Núi cao vực thẳm* của Hồ Trường An nghiên cứu "9 vóc dáng văn học VN thế kỷ 20" từ những bộ mặt nổi tiếng từ trong nước như Nghiêm Xuân Hồng, Võ Phiến, Vũ Khắc Khoan, Thanh Tâm Tuyền đến những tác-giả thuộc thế-hệ sau hoặc mới nổi lên sau này ở hải-ngoại (Đặng Phùng Quân, Trương Anh Thụy, Vũ Tiến Lập, Nguyễn Ngọc Bích); cuốn *Mao Trạch Đông, Ngàn năm công tội* của Tân Tử Lăng, một tác-giả Trung-hoa viết rất chi-tiết và sâu sắc. Trong năm 2012 TQH có *Cõi trời cõi ta*, của Hoàng Dung, một cây bút bác-sĩ viết rất hấp dẫn về khoa-học vũ-trụ và về con người. *Buồn vui đời thuyền nhân* là hồi-ký của một người Việt gốc Hoa, dù đã sống 5-7 đời ở Hải-phòng song vẫn bị trục-xuất ra khỏi VN khi Hà-nội đuổi người Hoa, cướp trắng gia-sản của những người con dân VN này--để lưu lạc sang Trung-quốc và cuối cùng đi định cư được ở Anh và rất thành công tại đó. *Lừng thừng giữa đời* của Lê Thiệp được gọi là "ký sự" nhưng nhiều phần là "hồi-ký" về thời-gian làm báo ở Sài-gòn, với nhiều vui buồn với các bạn bè trong thế-giới đệ-tứ-quyền, ở một nước VN chiến-tranh nhưng vẫn còn khá nhiều tự do ngôn-luận và báo chí. Cuối năm, TQH cũng cho ra cuốn sách biên-khảo rất giá trị của nhà văn Thụy Khuê (ở Pháp) viết về

phong trào *Nhân Văn-Giai Phẩm* cách đây hơn nửa thế-kỷ.

Cơ sở xuất bản Cỏ Thơm

Khác với nhà xuất bản Tiếng Quê Hương, được xem như một cơ-sở thuần-tuý thương mại dù như những người chủ-trương là những nhà văn, nhà thơ có cái nhìn rộng, hiểu biết về thế-giới và cuộc sống chung quanh ta, Cơ-sở Cỏ Thơm chủ-yếu là một tập hợp bạn bè thích văn nghệ và thích gặp nhau. Mỗi lần có một số Cỏ Thơm ra lò (mỗi ba tháng) là lại có một dịp để cho các cộng-sự-viên đến ăn uống chung vui với nhau, chuyện trò, nhận báo và giúp phân-phối. Cứ như trong một gia-đình nhiều con thích hội họp vậy! Nhưng không phải vì thế mà báo không có nhiều người tham-gia góp bài, từ Pháp, từ Đức, từ khắp các tiểu-bang ở Hoa-kỳ hay tỉnh-bang Gia-nã-đại, thậm chí có cả những bài từ những nẻo xa xôi như Úc, Bỉ, Hoà-lan, Anh-quốc v.v.

Dọ vậy nên Cơ-sở xuất bản Cỏ Thơm chủ-yếu phục-vụ cho nhu-cầu xuất bản của các thành-viên Cỏ Thơm mà phần lớn là sách truyện hay thơ, lâu lâu mới có một tác-phẩm tiểu-luận hay biên-khảo như của nhà phê-bình Trần Bích San hay nhà thơ Lưu Nguyễn Đạt. Chính các thành-viên Cỏ Thơm trong năm cũng có người tự-động in ấn sách của mình, kiên trì nhất là nhà văn, nhà thơ Tâm Minh Ngô Tăng Giao mỗi năm cũng có vài cuốn sách về Phật-giáo phổ-thông, khi thì làm thơ, khi thì kể chuyện, khi thì dịch sách ngoại-quốc. Trong năm 2011, chẳng hạn, tác-giả này có cuốn *Niết Bàn* dịch *Nirvana in a Nutshell* của Scott Shaw và cuốn *Phật pháp cho Trẻ em* dịch *Dharma for Children* của các tác-giả Jing Yin, Ken Hudson, W.Y. Ho và Yanfeng Liu (cả hai cuốn do Diệu Phương xuất bản). Xem ở bìa sau cuốn *Nirvana* thì Tâm Minh Ngô Tăng Giao, ngoài hai cuốn

Mưa Xuân / Spring Rain dịch thơ Anh và *Đà Lạt ngày tháng cũ*, hiện đã hoàn-tất 20 cuốn sách về Phật-pháp trong vòng 11 năm qua--rõ ràng là một thành-tích rất đáng kể. Cũng dịch sách Phật trong 1-2 năm qua nhưng đi sâu vào một số chuyên-đề là những tác-giả như Nguyên Ngọc Hoàng Thị Quỳnh Hoa dịch *Tái sinh ở phương Tây* (Reborn in the West: The Reincarnation Masters) của Vicki Mackenzie và Trần Uyên Thi dịch (rất thiện-nghệ) sách của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Trong năm, đặc-biệt đáng chú ý là tập truyện song ngữ *It Still Rains in Saigon / Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi* của nhà văn Phong Thu ở Maryland, được ra mắt rầm rộ ở nhiều nơi và cũng được đón nhận một cách khá nồng nhiệt vì tính-cách thời-sự cũng như nghệ-thuật của cuốn sách.

Một thành-viên khác của nhóm Cỏ Thơm là G.S. Phạm Văn Tuấn, ông có đam-mê viết về tiểu-sử của những người danh tiếng trên thế-giới trong mọi ngành nhưng tập trung vào những ngày như âm-nhạc, văn-học và khoa-học. Ông thường bỏ tiền túi ra in những tập này, một tập chừng 200 trang nói về khoảng mười mười lăm nhân-vật trong một quyển, có thể dùng vào một chương-trình học tập phổ-thông về thế-giới.

Sách của Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ

Sinh-hoạt từ năm 1985, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ không chủ-trương làm ăn ô ạt vì những người chủ-trương chỉ xem đây là nghề tay trái, làm để có phần đóng góp vào văn-hoá VN ở nước ngoài chứ không chủ-trương làm giàu. Vì vậy nên có người tả khá đúng nhịp độ xuất bản sách của Tổ Hợp là "tả tả." Song tả tả nhưng không chết mà còn thường được xem là có những đầu sách khá chọn lọc.

Tỷ-dụ, trong năm qua, Tổ Hợp cũng đã mang ra Tập 3 của bộ *Nhìn Lại Sử Việt* của

tác-giả Lê Mạnh Hùng, Tiến-sĩ Sử-học ở Anh, một bộ được xem là viết khá chính-xác, phong phú và đúng đắn. Tập 1, ra năm 2007, viết về giai-đoạn "từ tiền-sử đến tự-chủ" (939) và Tập 2, ra hai năm sau, đi "từ Ngô Quyền đến thuộc Minh" tức chủ-yếu nói về giai-đoạn Lý-Trần, đều đã tuyệt bản nên đã phải in lại và in thêm vì nhiều người muốn có đầy đủ cả ba tập. Đến khi hoàn-tất, Tiến-sĩ Lê Mạnh Hùng dự-tính sẽ thành một bộ 6 tập nhằm cung-cấp cho chúng ta một bộ thông-sử cập nhật và đáng tin cậy về lịch-sử nước nhà.

Trước đó, trong năm 2010, Tổ Hợp XBMD Hoa Kỳ còn tung ra một tác-phẩm rất đặc-biệt về Cải cách ruộng đất ở miền Bắc mang tên *Ngày Long Trời Đêm Lở Đất* của một tác-giả quốc-nội, ông Trần Thế Nhân. Cuốn sách, viết rất lạ, được đón nhận như một mặc-khải và lập-tức Khối 8406 ở trong nước đã xin phép đưa lên Internet và đưa vào kho những tài-liệu căn-bản về lịch-sử nước nhà trong thời-gian qua, để cho người dân mở mắt ra về sự tác hại của chủ-nghĩa CS trên đất nước ta.

Năm nay, tuy đề năm 2012 song Tổ Hợp đã hoàn-tất hai tác-phẩm từ cuối năm 2011, đó là:

Cuốn *Lưu Hương Ký*, thơ chữ Nôm và chữ Hán của Hồ Xuân Hương, tuy khám phá được ra từ những năm 1956-57 và được Trần Thanh Mại giới-thiệu ở Hà-nội từ những năm 1963-64 song 50 năm qua, việc giới-thiệu cuốn sách chỉ nhỏ giọt, không bao giờ hoàn-tất. Lại còn một thời-gian hơn 40 năm, bản gốc cuốn sách còn bị ông Đào Thái Tôn giấu đi làm của riêng nên có lúc người ta tưởng nó đã mất. Nhưng nhờ nó được tìm lại vào cuối năm 2008 nên học-giả Nguyễn Ngọc Bích đã có dịp đọc hết và bỏ thời giờ ra phiên âm và phiên dịch, chú thích lại từ đầu thành một quyển sách mẫu mực, trình bày thật đẹp với các

bài thơ Nôm/Hán ở trang bên trái, đối diện với bản Quốc-ngữ (và chú thích) ở bên phải để cho ai muốn có thể so sánh và đánh giá tác-phẩm. Theo ông Bích, ông đã giới-thiệu toàn-bộ 44 bài thơ trong sách (15 bài thơ chữ Hán và 29 bài thơ Nôm) thay vì Hà-nội cho tới nay mới giới-thiệu được có 31 trên 44 bài (chưa đầy 3/4). Không những thế, ông cho biết, ông đã sửa chữa được cả trăm lỗi trong các sách in ở Việt-nam về thơ *Lưu Hương Ký*, kể cả cuốn sách đồ-sộ (748 trang) của Tiến-sĩ Hoàng Bích Ngọc mang tên *Hồ Xuân Hương: Con người - Tư tưởng - Tác phẩm* (2003).

Ngoài ra, Hồ Trường An ở Pháp cũng có cuốn *Ảnh trường Kịch giới* là một cuốn "hồi-ký rong chơi" về điện-ảnh của Việt-nam tự do, dày hơn 400 trang. Tổ Hợp đem ra cuốn sách này vì tin tưởng là cho đến nay, không đâu có một nỗ lực tương-tự trả lại sự thật cho một nền điện-ảnh khá sống động trong mấy thập-kỷ, ít nhất cũng từ hai phim *Kiếp Hoa* và *Bến cũ* (1953) đến phim *Đất Khó* (1975) với hàng chục phim nổi tiếng làm nên một nền nghệ-thuật thứ Bảy thật đáng ghi nhớ của Việt-nam, từ *Chúng tôi muốn sống* (1956) đến *Người tình không chân dung*, *Hè muộn*, *Giờ mặt Tử-thân*, *Hồi chuông Thiên-mụ*, *Người về từ đỉnh núi*, *Con Búp-bê nhồi bông*, *Sau giờ giới-nghiêm*, *Lệ đá*, v.v. Đây phải nói là mặc dù thiếu tài-liệu, thiếu tủ phim, thiếu đủ thứ, Hồ Trường An cũng đã vận-dụng được trí nhớ phi thường của anh cũng như của một số bạn bè mê xi-nê Việt-nam để tái-tạo-dựng được gần như một cuốn bách khoa từ-điển về phim Việt-nam một thời.

Đông Xuân
Bang Trinh-nữ, Hoa-kỳ-quốc
Đêm 10/1/2012

TÂM VIỆT

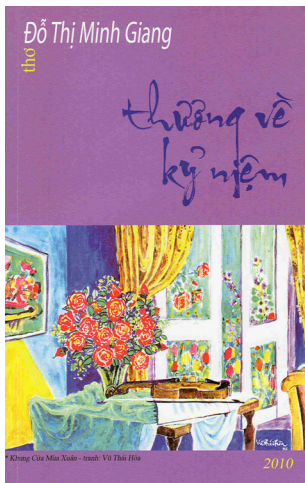
Hương Mùa Xuân

Nồng ấm xuân tình đẹp tóc tơ
Dịu dàng mùi sáu ánh trắng mơ
Ngọc ngà tinh khiết quỳnh hoa nở
Huyền ảo khung trời dệt ý thơ .

Nắng hồng rực rỡ hoa tươi thắm
Tim tím trên cành trở mộc lan
Nụ đào e ấp chào Xuân mới
Những búp hoa mai khoe cánh vàng.

Vạn thọ cúc vàng thoang thoảng hương
Thủy tiên chờ đợi đóa hoa hường
Hoàng lan yểu điệu như cô gái
Hồn bỗng mộng mơ chợt vấn vương .

Môi hồng xuân thắm lối vào yêu
Mùi tám đẹp xinh vóc mỹ miều
Anh hái lộc non thắm khấn nguyện
Trao em lưu luyến nhớ nhung nhiều.



Đỗ Thị Minh Giang

(Louisiana)

Tình Yêu là gì?

Tình yêu như cánh bướm trong vườn sắc hài hòa
Tình yêu nhẹ nhàng mang lời cay đắng dịu êm
Tình yêu đến nhưng vẫn xa cách ngàn trùng
Tình yêu đi mang hồn xao xuyên hoài mong
Tình yêu là thế nhưng người người
vẫn mong chờ
Tình yêu là thế nhưng chẳng ai thể từ nan

Tình yêu mang đến vương vấn suy tư ngày nào
Tình yêu thấm trong trái tim đang buồn đau
Tình yêu dặt ta vào khu rừng vắng lạc loài
Tình yêu bỏ ta giữa thu tím đầu đông
Tình yêu lạc lối trong chiều vắng nhạt nhòa
Tình yêu khóc thầm cho mắt ai u hoài

Tình yêu là gì khi ta còn mãi cô đơn trong
cuộc đời
Tình yêu muộn phiền xóa lời gian dối đầu môi
Tình yêu chấp chới theo cánh chim xa rời
Tình yêu ngồi đó mong chờ năm tháng gọi mời

Tình yêu là phép màu biến hóa giòng đời
Tình yêu đã cho ta nhiều men ấm nồng say
Tình yêu là gió của lá rộn ràng
Tình yêu là nắng của đất hiền hòa
Tình yêu là sóng trên cát miền man tình xa
Tình yêu là thế nhưng người người
vẫn mong chờ
Tình yêu là thế nhưng chẳng ai thể từ nan

Cung Thị Lan (Virginia)

TIẾNG ĐÀN THÚY-KIỀU

PHẠM THỊ NHUNG

Kỳ III

4. TIẾNG ĐÀN TÁI-NGỘ

(Tiếng đàn an-lạc)

(cc. 3197--3210)

Sau khi Từ Hải bị Tổng-Độc Hồ Tôn-Hiến lừa, bắn chết. Kiêu tuy quá đau-khổ nhưng vì còn nuôi hy-vọng được trở về cố-hương (*Thân tàn được thấy gốc phân là may*) nên phải nhẫn-nhục hầu đàn cho kẻ thù vừa giết chồng mình. Chẳng ngờ hôm sau Kiêu lại bị họ Hồ ép gả cho một tên Từ-Trưởng ; Hãn vội đem kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền, đưa thốc Kiêu đi. Quá tuyệt-vọng, Kiêu không thể vượt qua được nỗi thống-khổ cùng-tột này, nên đã nhảy xuống sông Tiền-Đường tìm cái chết để mong thoát nợ đoạn-trường.

May sao Sư-Bà Giác-Duyên nghe theo lời tiên-tri của Tam-Hợp Đạo-Cô, thuê dân chài giăng lưới vớt được Kiêu lên, dẫn về cho tu ở thảo-am của bà.

Kiêu nhờ đã trải-nghiệm qua bao khổ-đau của sống chết, lại nhờ được Sư Giác-Duyên dẫn-dắt cho tu-hành theo đạo giải-thoát của Đấng Thế-Tôn, nên đã sớm tinh-thức mà linh-hội được cái triết-lý nhân-sinh thâm-diệu của nhà Phật: Đời là bể khổ, thế-giới vô-thường. Con người chỉ khi nào có được cái tâm thanh-tĩnh, không còn mê-vọng, tham ái, chấp-chước...mới mong giải-thoát khỏi khổ-đau và đạt tới hạnh-phúc an-lạc, tự-tại. Kiêu đã chứng-nghiệm được phần nào điều này ngay trong cuộc sống

đơn-giản, chay-tĩnh với Sư-Bà Giác-Duyên nơi thảo-am, trên bờ sông Tiền-Đường.

Khi được tái-ngộ với gia-đình và người yêu xưa, Kiêu bị cả nhà nài-ép, và nhất là chàng Kim Trọng cứ một mực buộc Kiêu vào mối tình cũ với lời thề xưa, Kiêu bất-đắc-dĩ phải vâng theo làm lễ giao-bái nên danh-nghĩa vợ chồng. Rất may, trong đêm động-phòng, Kim Trọng là người quân-tử, khi hiểu rõ ý-nguyện tha-thiết của Kiêu là muốn được “Đem tình cầm-sắt đổi ra cầm cờ”, nghĩa là đổi tình chăn gối vợ chồng ra tình bạn-bè, vì nàng không muốn chạm đến cái thân “bướm chán, ong chường” hổ-nhục của nàng, nên đã thỏa-thuận như lời Kiêu khẩn-cầu.

Nhờ vậy, Kiêu được gan đực khơi trong, khỏi mang tiếng một đời lưu-đãng, tà-dâm và giữ được tiết-nghĩa với Từ Hải (gọi là trả chút nghĩa người). Đồng thời, từ nay Kiêu tuy sống trong gia-đình song nàng đã gỡ bỏ được những ràng-buộc của thế-tình, những hệ-lụy của nhân-sinh, để có thể an lòng tiếp-tục tiên tu theo sở-nguyện. Trong trường-hợp này tâm Kiêu vui là lẽ tự-nhiên, không còn gì có thể nghi-ngờ.

Cũng trong đêm động-phòng hoa-chúc ấy, Kim Trọng tha-thiết xin được nghe lại tiếng đàn năm xưa của Kiêu, nàng đã vui-vẻ nhận lời.

ND đã giới-thiệu Tiếng Đàn Tái-Ngộ này trong 14 câu thơ (cc.3197-3210).

A - Nội-dung bản đàn (cc.3197-3202)

Kiều bắt đầu đàn:

Phím đàn diu-dặt tay tiên

Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.

Dưới những ngón tay thoăn-thoắt bấm phím của nàng, tiếng đàn nhịp-nhàng, êm-ái vang lên... âm-thanh trầm bổng, là-lướt theo khói trầm bay, rồi nhẹ-nhàng lan tỏa vào không-gian. Kim Trọng nghe đàn:

Khúc đâu đậm-ấm dương-hòa

Ấy là hồ-điệp, hay là Trang-Sinh ?

Chàng tưởng đâu như đang nghe một khúc nhạc trầm-ấm, thiết-tha ca-ngợi lòng yêu-thương bao-la, chan-chứa tình người gửi đến muôn loài ; chẳng khác nào nắng xuân chan-hòa sưởi ấm khắp nơi-nơi.

Tiếng đàn còn gọi Kim nhớ đến chuyện Trang Chu đồng-hóa mình với bướm, thấy bướm chẳng khác gì mình ; trong tích Trang Chu ngủ mơ hóa bướm, tỉnh dậy lấy làm ngờ, không rõ mình là bướm hay là Trang Chu.

Khúc đâu êm-ái xuân-tình

Ấy hồn Thục-Đế hay mình đồ-quiên ?

Có khi Kim tưởng đâu như đang nghe một khúc nhạc dịu-dàng êm-ái, ca-ngợi tình yêu thương hồn-hậu trong-sáng của tuổi trẻ. Tiếng đàn của Kiều lần này gọi Kim nhớ đến chuyện vua Vọng-Đế nước Thục, khi chết đi hồn hóa thành chim đồ-quiên. Vậy hồn Thục-Đế hay mình đồ-quiên có khác chi đâu, tuy hai mà vẫn là một !

Như thế đủ rõ, cả hai khúc đàn Kiều vừa gảy đó, ý đàn đều mang chủ-đề đề-cao tình thương-yêu từ-bi, bao-la, bình-đẳng của con người, đã được thăng-hoa thành tình nhân-loại.

B - Nhạc-tính tiếng đàn (cc.3203-3204)

Còn về âm-sắc tiếng đàn, thì tiếng đàn tái-ngộ của Kiều, Kim nghe sao mà trong-vắt, tinh-khiết đến thế (tức không bợn một tạp-âm), Khiến chàng liên-tưởng đến hình-ảnh những hạt ngọc trai trắng-muốt (từ miệng trai) nhỏ xuống vụng biển đầy ánh trắng soi, trông mới trong-trẻo, thanh-khiết làm sao!

Trong sao! Châu nhỏ doanh-quiên

Tiếng đàn của Kiều khi lại vang lên diu-dịu, êm-êm... âm-hương của nó như còn kéo dài mãi, Kim nghe mới trầm-ấm làm sao ! Khiến chàng liên-tưởng tới hình-ảnh những hạt ngọc (ngọc thạch) mới đông nơi núi Lam-điền, dưới nắng trời êm-ả, ngọc mới đông như còn đang bốc hơi ấm:

Ấm sao ! Hạt ngọc Lam- điền mới đông.

C - Cảm-tưởng của Kim Trọng (cc.3205-3210)

Nghe Tiếng đàn tái-ngộ của Thúy-Kiều đêm ấy Kim Trọng nhận thấy thật êm-ái, uyên-chuyên và lôi-cuốn, làm chàng vô-cùng xúc-động (nào-nùng), thích-thú (xôn-xao):

Lọt tai nghe suốt năm cung

Tiếng nào là chẳng nào-nùng xôn-xao.

Khi Kiều vừa đàn xong, Kim trọng đã vội lên tiếng về sự ngạc-nhiên của chàng, vì chàng nhận ra ngay Tiếng đàn tái-ngộ đã có sự biến cung rõ-rệt. Tuy vẫn bản đàn xưa (phổ ấy), và vẫn một tay Kiều gảy (tay nào) nhưng nay tiếng đàn nghe trong-trẻo, đậm-ấm (cung bắc), mang khí-vị « vui-vầy » khác hẳn tiếng đàn bi-thiết, ai-oán (cung nam) mang khí-vị « sầu-thảm » năm xưa :
*Chàng rằng : « Phổ ấy tay nào
Xưa sao sầu-thảm, nay sao vui-vầy !*

Và chàng liền giải-thích, chẳng phải tiếng đàn của Kiều (nghệ-thuật đúng nghĩa)

nghe buồn hay vui là bởi nó phản-ảnh cõi lòng tẻ hay vui của Kiều mà ra ? Và Kiều (một nghệ-sĩ chân-chính) tránh sao khỏi rung-động, khỏi chịu ảnh-hưởng buồn vui theo hoàn-cảnh ?

*Tẻ vui cũng bởi lòng này
Hay là khổ-tận đến ngày cam-lai ? »*

Ý Kim Trọng muốn nói, suốt 15 năm luân-lạc nơi xứ người, Kiều đã phải trải qua biết bao cảnh-huống oan-khổ đắng-cay ; giờ đây Kiều đã hoàn-toàn tai qua nạn khỏi, lại được đoàn-tụ với gia-đình, với người xưa. Bởi Kiều, cảnh-ngộ nay vui, tâm nay an-lạc, tiếng đàn của nàng nghe «vui-vậy», khác hẳn với tiếng đàn «sâu-thảm» năm xưa âu cũng là lẽ tự-nhiên.

Sau khi Kim Trọng tỏ ra đã hiểu rõ tâm-ý của Thúy-Kiều qua Tiếng Đàn Tái-Ngộ ; nàng vui-mừng cuốn dây đàn lại với quyết-định từ đây sẽ bỏ đàn, dứt khoát với quá khứ mê-lâm:

*Nàng rằng: «Vi chút nghề chơi
Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu.
Một phen tri-kỷ cùng nhau
Cuốn dây từ đấy, về sau cũng chừa.»*
(cc.3211-3214)

Nhận-Xét

Chúng ta cũng nên biết, 6 câu tả tiếng đàn của Thúy-Kiều trong bản Tiếng Đàn Tái-Ngộ là ND tái-tạo từ 4 câu thơ trong bài Cầm-Sắt của Lý Thương-Ẩn, một danh-sĩ đời Đường. Những câu này không hề được nhắc tới trong bản chữ Hán KVKT của TTTT.

Đây là bốn câu trong bài Cầm-Sắt (Đàn Gấm) của Lý Thương-Ẩn :

*Trang-Sinh hiểu-mộng mê hồ-điệp
Vọng-Đế xuân-tâm thác đỗ-quyên.
Thương-hải nguyệt-minh châu hữu lệ
Lam-Điền nhật-noãn ngọc sinh yên.*

Nghĩa là, Trang-Sinh sáng sớm ngủ mơ, còn mê-mải mình là bướm / Vua Vọng-Đế gửi tình xuân, tức tấm lòng thương-tiếc nước cũ, vào chim đỗ-quyên (Theo điển, vua Vọng-Đế nước Thục mất nước. Sau khi chết, hồn hóa thành chim đỗ-quyên, tức chim cuốc, ra-rả kêu thương nhớ nước).

Chốn biển rộng, trăng sáng, hạt châu như có nước mắt / Nơi núi Lam-Điền, dưới nắng ấm mặt trời, hạt ngọc bốc hơi trông như khói.

Đã được Nguyễn Du viết lại thành sáu câu thơ lục bát (cc.3199-3204) để tả Tiếng đàn tái-ngộ chan-hoà niềm vui của Thúy-Kiều trong tác-phẩm ĐTTT của ông:

*Khúc đầu đầm-ấm dương-hòa
Ấy là hồ-điệp hay là Trang-Sinh ?
Khúc đầu êm-ái xuân-tình
Ấy hồn Thục-Đế hay mình đỗ-quyên ?
Trong sao, châu nhỏ doanh-quyên
Ấm sao, hạt ngọc Lam-Điền mới đông.*

Từ đó, một số nhà phê-bình văn-học dựa vào ý thơ của Lý Thương-Ẩn, suy-diễn vào thơ Nguyễn Du, nên cho rằng: « Tiếng đàn tái-ngộ của Thúy-Kiều vui đượm lẫn buồn » và « Văn-lý mơ-hồ, viễn-vông khó hiểu » (Lê Văn Hoè, Truyện Kiều Chú-Giải); hay : «... chính là một sự “tập cổ” ít nhiều không tránh khỏi tính chất hình thức chủ nghĩa và do đó, thiếu sự thuần nhất về nội dung cảm xúc » (Đặng Thanh-Lê, Truyện Kiều và Thể Loại Truyện Nôm) v.v. . .

Thực sự, bài thơ Cầm-Sắt (Đàn Gấm) đã gọi hứng cho Nguyễn Du viết đoạn tả Tiếng Đàn Tái-Ngộ của Thúy-Kiều. Chuyện này đã hiển-nhiên. Song Nguyễn Du đã không lấy ý thơ buồn, tả nỗi tiếc-nuối của họ Lý trước mối tình đầu tan-vỡ, mà Nguyễn Du chỉ mượn chất-liệu trong đó, rồi bằng những sáng-tạo riêng, ông lái câu thơ họ Lý theo chủ-đích của mình, để

phục-vụ cho tiếng đàn vui tái-ngộ của Thúy-Kiều.

Bởi thế, Tiếng đàn tái-ngộ của nàng Kiều đã khác hẳn ý thơ trong nguyên-tác; điều này quá rõ-ràng, như đã phân-tích ở trên.

Riêng 2 câu Lý Thương-Ẩn tả về tính-chất âm-thanh tiếng đàn :

*Thương-hải nguyệt-minh châu hữu lệ
Lam-Điền nhật-noãn ngọc sinh yên.*

Thì được Nguyễn Du lấy gần như nguyên ý (cc.3203-3204)

*Trong sao, châu nhỏ doanh-quyên
Ám sao, hạt ngọc Lam-Điền mới đông.*

Nhưng Nguyễn Du đã thêm vào hai từ “*trong*” và “*ám*” là những thuật-ngữ của âm-nhạc, làm cho 2 câu thơ tả tiếng đàn thêm rõ-ràng. Đồng thời, 2 câu thơ ấy còn được đảo trang, đưa túc-từ “*trong sao*” và “*ám sao*” lên trước chủ-từ, có mục-đích nhấn mạnh tính « *trong* » và « *ám* » của tiếng đàn:

Tiếng đàn mới « *trong* » làm sao! (khác nào) Hạt châu, tựa những giọt nước mắt trong treo tinh-khiết, nhỏ xuống vụng biển có ánh trăng soi, trông càng thêm lóng-lánh, trong-vắt!

Tiếng đàn mới “*ám*” làm sao! (như)Hạt ngọc trên núi Lam-Điền vừa đông (Núi Lam-Điền, nơi nổi tiếng có nắng ấm quanh năm, sản-sinh được nhiều ngọc quý) . Ngọc mới đông còn đang bốc hơi đã ấm, dưới nắng trời êm-ả càng thêm ấm !

Nói khác đi, Nguyễn Du đã cụ-thể-hóa tính « *trong* » và « *ám* » của tiếng đàn qua hai hình-ảnh trong-sáng và âm-áp tuyệt-vời này. Còn từ « *sao* » đi sau từ « *trong* » thì biểu-thị tính nhấn mạnh ở mức-độ làm ngạc-nhiên vì thán-phục ; nhằm đề cao tiếng đàn tuyệt-vời « *trong* » và tuyệt-vời «*ám*» của Kiều.

Với những câu thơ tả tiếng đàn trong, âm, vui-tươi, nhẹ-nhàng thanh-thoát như thế; với ý đàn ca-ngợi tình yêu-thương vị-tha, hòa ái, bình-đẳng ; xây-dựng tình người đối với nhân-loại, đối với chúng-sinh như thế, tất phải hay, phải vui là lẽ đương-nhiên ; làm sao có thể pha lẫn ý buồn trong đó được ?!

Tiếng đàn ấy đã biểu-hiện cho trạng-thái ổn-định và thanh-thản, an-lạc trong đời sống nội-tâm Thúy-Kiều. Đồng thời dự báo, cuộc đời Kiều sẽ được hoàn-toàn yên-vui ; đặc biệt, tình ân-ái vợ chồng theo thể-tục giữa chàng Kim và nàng Kiều sẽ không thể xảy ra, mà nhường chỗ cho một tình bạn tri-kỷ, tương-kính, tương-tri, như nàng Kiều đã xác-nhận:

*“Một phen tri-kỷ cùng nhau,
Tương-tri dường ấy mới là tương-tri!”
(cc.3213-3214)*

Từ đây, đôi bạn Kim Kiều đã thực sự được tận hưởng những năm tháng sống an-lạc, hạnh-phúc bên nhau, như Nguyễn Du đã thông-báo trong phần cuối truyện:

*Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
Ba-sinh đã phi mười nguyên,
Duyên đôi-lira cũng là duyên bạn-bày.
(cc. 3223-3226)*

(4) Lần đàn thứ tư, Kiều gảy đoạn tái-hồi Kim Trọng: “Nàng xắn tay lựa lại cung bậc, tùy theo tâm- sự ghép nên bản đàn, kỳ thủy xôn-xao ô-ạt, dân-dân tiếp đến dung-hòa êm-ám tình xuân,ngạt-ngào hương mới, thanh như vùng trăng lấp-ló, mềm tựa cái én dập-dìu, càng nghe càng đắm, càng ngấm càng say, tâm-thần cảm thấy phiêu-diêu bên ngoài vũ-trụ.Mỗi khi đắc ý chàng lại hết sức ngợi khen : “ lạ chưa phổ ấy tay nào? Xưa sao sâu-thắm, nay sao vui-vậy.

Cam-lai hẳn đã đến ngày, mà cơ khổ tận từ đây hết rồi.” (KVKT của TTTT. Bản dịch của Tô-Nam NĐD (sđd) tr.436.

TỔNG-KẾT

Trong ĐTTT của ND, 4 tiếng đàn của Thúy-Kiều tuy cùng một bài bản (Một Thiên Bạc-Mệnh), cùng một loại đàn (đàn Nguyệt) với chừng ấy dây đàn, chừng ấy nốt nhạc, lại do một tay Kiều gảy mà sao mỗi lần mỗi khác hẳn. Tiếng đàn ấy chẳng đã tùy theo từng tình-cảm, từng tâm-trạng vui buồn của Thúy-Kiều trong mỗi biến-cổ cuộc đời mà tạo nên biết bao biến-thái của âm-thanh, của tiết-điệu.

Cả bốn tiếng đàn đều tuyệt hay, đều tràn-ngập cảm-xúc, đều gây được sức hấp-dẫn, lôi-cuốn đến kỳ-la, làm xúc-động mãnh-liệt lòng người. Điều đó chứng-tỏ nghệ-thuật siêu-đẳng của ND khi tả những tiếng đàn trữ-tình này.

Nghệ-thuật đó chính là:ND đã sử-dụng phối-hợp một cách tinh-tế, khéo-léo nhiều yếu-tố nghệ-thuật thi-ca trữ-tình để tả tiếng đàn của Thúy-Kiều (kể cả ảnh-hưởng của tiếng đàn ấy đối với người nghe):

Trước hết,tiếng đàn (nói chung về âm-nhạc) vốn mang tính trữ-tình ở cấp độ cao hơn hẳn tiếng nói. Và thi-ca cũng mang tính trữ-tình hơn hẳn văn xuôi. ND đã tả tiếng đàn của Thúy-Kiều bằng thơ, là đã có sẵn tính nhạc trong đó, từ âm-vận, thanh luật BT,thanh sắc bóng trầm đến tiết-điệu.

Và ND đã dùng rất nhiều từ-ngữ biểu-cảm (*ngơ-ngẩn sâu, nao-nao,tan-nát, đắm-ám, nã-nùng,sâu-thắm...*) bên cạnh những từ-ngữ gợi thanh gợi hình, láy âm (*sâm-sập, xôn-xao...lã-chã...*) và những từ có giá-trị nhân mạnh như những dấu chấm than (*nào tầy! lấm thay! trong sao! ám sao!*) ; cộng với nghệ-thuật so-sánh, ẩn-dụ, hoán-dụ (*tiếng sắt/ tiếng vàng...*), nhân-cách-hóa

(*gió thắm, mưa sâu...*), điệp ngữ, đảo-trang, *thậm-xung...* Khi cần tác-giả sử-dụng nghệ-thuật thậm-xung một cách táo-bạo (đem cả máu đỏ, thịt tưa để tả tiếng đàn) ; làm cho những câu thơ tả tiếng đàn thêm nổi, thêm dồi-dào âm-hương, đậm-đà cảm-xúc; gây được ấn-tượng mạnh, làm rung-động lòng người .

ND còn pha điển-tích vào tiếng đàn, khiến tinh-tiết tiếng đàn thêm phong-phú, ý đàn thêm đậm-đà, sâu-sắc.

Đặc-biệt ND đã đem cảnh-sắc thiên-nhiên tràn-ngập vào tiếng đàn. Hầu như mỗi âm-thanh, mỗi tiết-tấu đều được diễn-tả bằng một hình-ảnh, dầu thực hay ảo, đều mang nét kỳ-thú và lãng-mạn; tiếng đàn trở nên vô-cùng hấp-dẫn (*Trong như tiếng hạc bay qua / Đục như nước suối mới sa nửa vôi/ Trong sao châu nhỏ doành-quyên/ Âm sao hạt ngọc Lam-Điền mới đông...*). Thú-vị nào hơn khi tại ta vừa nghe âm-thanh tiếng đàn, mắt ta vừa nhìn thấy hình-ảnh thi-vị, gợi cảm của tiếng đàn; sau nữa, tiếng nhạc ấy, cảnh-sắc thiên-nhiên ấy còn có tác-dụng gợi tả, giúp ta hiểu được đời sống tâm-lý rất đổi vi-tế và cũng đầy biến-động của nhân-vật.

Nói khác đi, nhờ kỹ-thuật chuyển tiếng nhạc vào điển-tích và lòng cảnh-sắc thiên-nhiên vào tiếng nhạc, ND đã đưa tiếng đàn của Thúy-Kiều ra khỏi sự đơn-sơ của ngữ-nghĩa một chiều mà giúp cho trí tưởng-tượng của độc-giả đi vào nội-dung tiếng đàn một cách dễ-dàng; hơn nữa, còn chấp cánh cho trí tưởng-tượng ấy bay xa với hai, ba tầng nghĩa, tùy vào khả-năng cảm-thụ của mỗi độc-giả.

Xét cho cùng, đây mới chỉ là tiếng nói của điển-tích ; của hình-ảnh thiên-nhiên hay qua sự phỏng thanh từ những âm-vang của vũ-trụ ; với sự liên-tưởng, suy-diễn qua ngôn từ, qua nghệ-thuật thi-ca trữ-tình của

tác-giả. Tuy nhiên, nếu chúng ta để ý về khía-cạnh âm-học và ngữ-học ta sẽ thấy được, qua những khúc đànThúy-Kiều gây trong ĐTTT, ND còn muốn nói lên tiếng nói của âm-nhạc, tức âm-thanh, tiết-tấu của tiếng đàn, để trực tả đời sống nội-tâm bèn-nhạy và phong-phú của nhân-vật này nữa.

Muốn thực-hiện điều này, ND căn-cứ ngay vào trọng-tâm tính nhạc căn-bản của thể thơ lục bát (6/8) mà ông đã chọn để thực-hiện tác-phẩm ĐTTT của mình.

Trước hết nói về tiết-tấu, tức nhịp-điệu. Nhịp-điệu căn-bản của thể thơ 6/8 với số chữ chẵn là nhịp đôi:

2/2/2 --- 2/2/2/2

Sau đến thanh luật BT, thể 6/8 chỉ có một từ thanh T ở vị-trí thứ 4 câu 6 và một từ thanh T ở vị-trí thứ 4 câu 8, còn các từ khác hầu hết là thanh B:

- 0B 0T 0B (v)
0B 0T 0B (v) 0B (v)
- 0 B 0T 0B (v)
0B 0T 0B (v) 0B (v)

Sau nữa là vần.Trong mỗi 4 câu thơ, thể 6/8 có tới 6 vần:4 cước-vận (vần cuối câu) , và 2 yêu-vận (vần giữa câu 8). Vậy mỗi câu 8 có 2 vần, nếu yêu-vận có dấu huyền (trâm-bình-thanh) thì cước-vận phải không dấu (phù-bình-thanh), hoặc ngược lại. Trong khi đó, ở các thể thơ Ngũ ngôn hay thất ngôn của Trung-Quốc chỉ có 3 cước-vận ; thơ Tây phương cũng chỉ có cước vận. Như thế, âm-vận thể 6/8 phải nói là dồi-dào, nhưng lại toàn là vần bằng (B).

Với những yếu-tố nhạc-tính căn-bản là vậy, thơ 6/8 chỉ thích-hợp để diễn-tả những nét nhạc êm-ái, nhẹ-nhàng. Trong khi đó, 4 lần Kiều đàn là 4 lần nhân-vật này đang sống trong những tình-huống rất khác nhau; tình-cảm, tâm-trạng vui buồn của Kiều tất rất khác nhau. Đặc-biệt 2 lần Kiều đàn cho Kim Trọng thường-thức, lần đầu hội-ngộ và

lần 4 tái-ngộ, ND rõ-ràng cố-ý bộc-lộ đời sống nội-tâm Kiều trực-tiếp qua âm-thanh tiếng đàn. Vậy tiếng đàn Kiều gây lên, âm-thanh tiết-tấu phải như thế nào, khiến Kim Trọng nghe mà có được những liên-tưởng, và những suy-diễn như chúng ta đã biết?

Tất-nhiên, để có được những tiếng nhạc cần-thiết cho nhu-cầu diễn-đạt tùy theo từng trường-hợp như thế, ND đã phải sử-dụng nhiều thủ-thuật riêng để hóa-giải những nhược-điểm, những hạn-chế của thể thơ 6/8 , đồng-thời tạo thêm thật nhiều chất nhạc thích-hợp cho tác-phẩm của mình.

Trước khi giải-đáp vấn-đề này, chúng ta cũng nên biết sơ qua vài điểm quan-trọng về hình-thức ngữ-âm tiếng Việt.

Tiếng Việt gồm những từ đơn âm-tiết (từ đơn) và đa âm-tiết (từ ghép, từ láy). Mỗi âm-tiết được tạo nên bởi nguyên-âm đơn hay kép đứng độc-lập (a, ôi, oai...) hay kết-hợp bởi phụ-âm đầu cộng với nguyên-âm và phụ-âm cuối (khi có khi không) gọi là vần, cộng với thanh-điệu (dấu giọng).

Mỗi bộ-phận của một âm-tiết phát ra, sẽ tùy theo vị-trí phát âm của nó , từ môi đến cuống họng và độ mở của miệng, mà người ta phân-biệt được âm-thanh nhẹ/ mạnh, trong/ đục, cao/ thấp. Đó chính là cơ-sở ngữ-âm, cho phép người ta dựa vào đây để tạo nên những từ-ngữ , những vần-điệu bổng trầm, ngân vang thanh-thoát hay nghẹn-ngào tức-tưởi tùy theo nhu-cầu diễn-đạt trong lời nói hay trong thơ văn.

Vậy ND, khi tả những tiếng đàn của Kiều, ông đã phải sử-dụng những thủ-thuật gì?

Khi cần tả nét nhạc mạnh-mẽ, trầm-hùng như khúc Hán Sở Chiến-Trường:

*Khúc(T) đầu(B) Hán(T) Sở (T)
Chiến (T)Trường (B)*

ND đã dựa vào luật BT của thể 6/8, hầu tạo thêm nhiều từ có thanh T ở những điểm BT được tự-do chọn-lựa. Kết-quả, câu 6

trên, số từ có thanh T đã chiếm tỷ-lệ cao hơn (4/6) so với số từ có thanh B (2/6).

Đồng thời, ND còn sử-dụng liên-tiếp 5/6 từ có phụ-âm đầu mà điểm phát âm ở mãi phía cuối họng, như:

KH,H,S,CH,TR. Âm phát ra đã khó, khi phát ra được rồi thì tiếng mạnh nhưng đục và trầm. Trái lại, khi cần có nét nhạc vừa giàu âm-hương, vừa êm-ái, nhẹ-nhàng, như:

*Kê-Khang, này khúc Quảng-Lãng
Một rằng lưu-thủy, hai rằng hành-vân.*

Thì ND, ngoài việc tạo thêm vần cho câu thơ, như vần “ang” (Khang, Quảng), vần “ang” (rằng, rằng); nhờ kết-hợp được nguyên-âm “a, ă” có độ mở rộng trong khẩu-âm, với phụ-âm cuối “ng” thuộc loại âm vang, nên luồng hơi phát ra được dễ-dàng, thanh-thoát.

Lại nữa, những từ: lưu, thủy, hại, vần được tạo bởi một (hay hai) bán-âm đi kèm với một nguyên-âm, có tác-dụng làm cho nhạc-tính của từ đó thêm dài ra (Tác-giả Trần Ngọc-Ninh trong bài biên-khảo Thơ Trong Truyện Kiều, gọi đó là “âm dài” thuộc loại vần phức-tạp (Truyện Thông, số 39&40, trang 310)

Ngoài ra, ND còn hoán-cải nhịp thơ đều-đặn của thể thơ 6/8 trong nhiều câu, hầu đem lại cho chúng những hình-thức chuyển-biến đa dạng, như:

*Trong / như tiếng hạc bay qua
Đục / như nước suối mới sa / nửa vơi.
Tiếng khoan / như gió thoảng ngoài
Tiếng mau / sầm-sập / như trời đổ mưa.*

Xem thế đủ rõ, ND quả là một nhà thơ có thiên-khiếu về tài thẩm-âm và về ngôn-ngữ-học. Ngày xưa, thời ND chưa có khoa âm-học, ngôn-ngữ-học như ngày nay, để có thể tách-bạch một cách khoa-học về nhạc-tính trong từng bộ-phận của âm-tiết, nhưng ND cũng như một số các thi-gia có tài của ta, do trực-cảm biết được giá-trị này nên đã

áp-dụng một cách vô-thức luật âm-thanh trong ngữ-âm tiếng Việt một cách tài-tình, quen dần trở thành kinh-nghiệm. Chẳng thế, khi cần biểu-hiện một cách sinh-động tâm-trạng phức-tạp, kể cả đời sống tiềm-thức, vô-thức của nhân-vật Kiều ở đây, ND đã tạo được biết bao cách kết-cấu trùng-điệp kỳ-thú.

BĐ1:

- *Khúc đầu Hán Sở Chiến-Trường
Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau.*

.....

- *Kê-Khang / này / khúc Quảng-Lãng
Một rằng lưu-thủy // hai rằng hành-vân.*

- *Quá quan / này / khúc Chiêu-Quân
Nửa phần luyến chúa // nửa phần tư-gia.*

.....

*Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa.*

BĐ4

- *Khúc đầu / đằm-ấm dương-hòa
Áy là hồ-điệp / hay là Trang-Sinh.*

- *Khúc đầu / êm-ái xuân-tình
Áy hôn Thục-Đế / hay mình đồ-quyên.*

*Trong sao, châu nhỏ doanh-quyên
Ấm sao, hạt ngọc Lam-Điền mới đông.*

Ta thấy:

Ngoài sự trùng-điệp một từ hay một nhóm từ trong một câu hay trong mấy câu liên-tiếp, như:

*này/này, rằng/rằng, nửa phần / nửa phần
là/là, sao/sao, Khúc đầu/ khúc đầu*

Ta còn thấy sự trùng-điệp hiện-diện cùng khắp:

Từ những sự trùng-điệp nhỏ nhất trong một âm-tiết, như sự trùng-điệp về phụ-âm đầu “kh”(khang, khúc) “qu”(quá, quan, Quân), và s (sầm-sập); về nguyên-âm “a”(khang, quảng), “ă”(lãng, rằng, rằng) và “â”(quân, phần, phần), đó là chưa kể sự trùng-điệp về vần trong câu của những từ lấy-âm (đằm-ấm) hay sự trùng-điệp liên-

tiếp của 5 từ mà vẫn có âm dài (tiếng , khoan, gió,thoảng, ngoài) ; đến sự trùng-điệp về phụ-âm cuối “ng” (khang, quang, lãng) và “ n ”(quan, quân ; phần,phần) ; cùng sự trùng-điệp về thanh BT, khi thì 4 từ có thanh T trùng-điệp trong 1 câu (Khúc đầu Hán, Sở Chiến-Trường), khi thì 5 từ có thanh B trong 1 câu (Trong sao châu nhỏ doanh quyên)

Thêm vào đó là sự trùng-điệp về nhịp-điệu trong Bản Đàn 1:

2 / 1 / 3 --- 4 / 4 (2)

Và sự trùng-điệp về nhịp-điệu trong Bản Đàn 4:

2 / 4 --- 4 / 4 (2)

v.v....

Kết-quả đương-nhiên do những sự trùng-điệp này là tạo được sự luyến-láy về âm, về nhịp, làm giàu-mạnh tính nhạc và gây được sự đa dạng về tiết-tấu. Nhờ vậy, âm-nhạc có đủ khả-năng trở thành tiếng nói trực-tiếp, biểu-hiện trung-thực được từng biến-động vui buồn nhẹ-nhàng hay những khắc-khoải, nặng trĩu ưu-tư trong đời sống nội-tâm của người nhạc-sĩ, ở đây là nhạc-sĩ Thúy-Kiều.

Cũng bởi bản-chất Thúy-Kiều vốn đa-sâu, mẫn-cảm, nên ngay khi còn thơ, qua thi văn, cảm thương cảnh-ngộ người xưa đã sáng-tác “Một thiên Bạc-mệnh” ; vừa thấy ngời mộ hoang liền động lòng trắc-ẩn ; mới nghe gần xa về cuộc đời bạc-phận của Đạm-Tiên đã dầm-dề lệ tuôn và than khóc chung cho số kiếp đàn-bà... Thế nên, trên đường đời, mỗi khi rơi vào cảnh-ngộ éo-le, bi-thiết, tránh sao khỏi rên-xiết, oán-than?! Thúy-Kiều lại gửi-gắm, phó-thác tất cả tâm-hồn, tình-cảm vui buồn, hạnh-phúc hay khổ-đau của mình cho tiếng đàn và nhập thân với tiếng đàn; tiếng đàn trở nên tiếng nói nội-tâm Kiều, hiện-thân cho mệnh Kiều. Bởi vậy, qua tiếng đàn Kiều diễn-tấu,

thính-giả biết được, theo dõi được từng biến-động tình-cảm, tâm-trạng, cũng như từng cảnh-ngộ của đời nàng. Tiếng đàn vì mang đậm nét trữ-tình như thế, nên có sức truyền-cảm mãnh-liệt, đã làm cho các thính-giả của nàng bị ảnh-hưởng, bị lôi-cuốn theo, không sao cưỡng lại được.

Tiếng đàn tài-hoa của Thúy-Kiều vô-hình-trung đã làm sâu-đậm thêm những nỗi thống-khô đoạn-trường của nàng. Những thống-khô của Kiều là gì? Chính là những biểu-hiện của sự đau-thương, bất-mãn, phản-kháng tiêu-cực của một tâm-hồn thanh-cao, của một tấm lòng trong-trắng, trung-hậu, tình-nghĩa, đã bị đời vùi-dập vào những cảnh-huông đoạn-trường éo-le hay trong những chốn xấu-xa như-nhuốc. Từ những thống-khô ấy, tâm-hồn Kiều được tô-luyện, thăng-hoa trở thành cao-cả, đúng như Alfred De Musset, một thi-sĩ lãng-mạn nổi danh của Pháp-quốc thế-kỷ 19, đã viết: “*Rien ne nous rend si grangds qu'une grande douleur.*” (không gì làm ta cao-cả bằng nỗi thống-khô).

Quả vậy, Nàng Kiều nhờ trải-nghiệm qua bao khổ-đau của sống chết, lại được Sư Bà Giác-Duyên dẫn-dắt cho tu-tập theo đạo từ-bi giải-thoát của Đấng Thế-Tôn, nên đã sớm tỉnh-thức; nàng biết đem tình thương-yêu vị-tha cao-thượng hướng về tất cả, để hóa-giải những khổ-hận xưa, đồng thời đem lại an-vui hạnh-phúc đến cho mọi người. Tâm nàng giờ đây đã được hoàn-toàn thanh-thoai, an-lạc. Tiếng đàn đoạn-trường vì thế không còn lý-do tồn-tại, như chính Kiều đã tuyên-bố:

Cuốn dây từ đây, về sau cũng chừa!

(C. 3214)

PHẠM THỊ NHUNG

(Paris)

Cha với con

Ba ơi!
Có cái gì màu đỏ
Đang bay.
Sau những tàng cây.
Mặt trời lấp ló.
Con ơi!
Chỉ là những đám mây.
Mệt mỗi cuối ngày.
Mượn sắc hoàng hôn ,
Bán hồn cho gió .
Ba ơi!
Hãy nhìn về phương Tây
cống con đến đó.
Lội qua con sông ,
Trèo lên đỉnh núi.
Con sợ gió đưa mây vào đêm tối..
Con ơi!
Hãy nhìn về phương Đông.
Núi sông khói phủ.
Đây chỉ là con suối
Và con gốc nhỏ nhoi.
Nhưng chân ba cũng mỏi lắm rồi.
Thôi ba để con đi.
Cho chân núi đầu sông vững chắc
Không cần biết Đông Tây Nam Bắc
Nhưng ba ơi!
Nắng tắt
Màu đỏ tan rồi.
Xám ngắt.
Một mình một cõi trời mây.
Biết hướng nào đưa con đến .
Ngày mai ?!

**Lam Điền
Nguyễn Thử**

PHÙ DU KIẾP NGƯỜI

Đâu rồi những dấu chân xưa?
Lang thang tìm mãi dưới mưa bóng hình...
Cây lặng thình, cỏ lặng thình.
Gió mây một cõi-Riêng mình chiêm bao.
Đêm về-Tàn đĩa dầu hao.
Bước chân luân vũ đã vào thiên thu.
Còn chẳng chỉ có lời ru.
Bên đường dong ruổi...mịt mù khói sương.
Cõi đời hư ảo vô thường.
Lung linh đôi chút niềm thương kiếp người.
Dòng thời gian chẳng ngừng trôi.
Biển tình vô hạn, cõi người phù du.
Chiều lên dốc núi sương mù.
Đong đưa giọt nhớ vi vu sợi tình.
Chiêm bao về bến vô minh
Ngộ ra mới biết phận mình sắc, không!!!

THIÊN ĐỨC

TẬP SAN CỔ THƠM
có bán tại
Washington Music
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

Nghĩ Về Một Số Từ Tiếng Việt

Nguyễn Thùy

Dân tộc Việt Nam, từ thời lập quốc đến nay, đã có một **Tiếng Nói** tức **Ngôn Ngữ Nói** mạch lạc, phổ cập khắp mọi miền đất nước và qua lịch sử càng lúc càng thêm giàu đẹp. Điều này chắc không mấy ai không đồng ý cũng như không có gì để bàn thêm. Có bàn chẳng là tìm ra những đặc tính của **Tiếng Việt** vì ảnh hưởng đến việc cấu tạo bản chất dân tộc ta, cấu tạo nên cái Tinh thần dân tộc qua quá trình lịch sử. Nhưng **Chữ Viết** tức **Ngôn Ngữ Viết** hay **Văn Tự**, thì đến nay, hầu như chưa ai quả quyết rằng dân tộc ta đã có một Chữ Viết của riêng mình và do mình. Điều này đã trở thành thắc mắc của bao thức giả đã đưa ra nhiều nghi vấn như Hoàng Đạo Thành, Lương Đức Thiệp, Vương Duy Trinh, Nguyễn Đồng Chi,.. Lối chữ **Nòng Nọc** hay **Khoa Đầu** đã được Linh Mục Lương Kim Định (đã qua đời) và Bác sĩ Nguyễn Xuân Quang (hiện ở Hoa Kỳ) nhắc đến nhưng hình như đây là lối chữ của người Mường; người viết không rõ có tài liệu nào viết bằng lối chữ Nòng Nọc này không. Chữ **Nôm** xuất hiện dưới thời nhà Trần nhưng cũng dựa theo chữ Hán và không được thông dụng nơi quảng đại nhân dân. Cho mãi đến lúc tiếp xúc với phương Tây (từ thế kỷ 17) mới hình thành chữ **Quốc Ngữ** nhưng không do dân tộc ta mà do công trình của người ngoại quốc. Tại sao? Và điều đó có ý nghĩa gì không? Bài này không nhằm trả lời thắc mắc đó mà chỉ nhằm cùng bạn đọc suy nghĩ thêm về ngôn ngữ VN qua một số từ thuần Việt thường dùng.

Trong ngôn ngữ Việt Nam, ngoài những từ **thuần Việt** (ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em, bạn bè, quê nhà, chim chóc, cỏ cây, đất nước, trời đất, phát phơ, bâng lảng,

lập loè, chắc chắn, xa gần, tốt đẹp,...) và vô số từ **Hán Việt** (từ Hán đọc theo giọng Việt) như: đạo đức, tổ tiên, tiền nhân, gia tộc, quốc gia, sơn hà, diễm phúc, triết lý, cương thường,...), còn rất nhiều từ do **ghép một từ thuần Việt với một từ Hán** như: đất tổ, quê hương, nhà văn, nhà giáo, bạn hữu, gối mộng, bờ giác, bến mê, tư riêng, thiện lành, bình lặng, đình đám, hội hè,... cùng một số từ phiên âm từ tiếng ngoại quốc: cà-phê, cao-su, xì-tốp, xì-líp, xúp (soupe), xốt (sauce), ô-tô, a-xít, bin-ding, nô-ên,...

Nơi đây, chỉ xin nêu ra một số từ **thuần Việt** (hay thuần Nôm) tiêu biểu tính cách thân thiết, thơ mộng, thể hiện nếp sống tốt đẹp của dân tộc trong lối nói hàng ngày cũng như trong thơ văn. Xin bạn đọc xem đây là bài 'phiếm luận' không mang tính cách biên khảo.

I.- Từ 'EM':

Không rõ từ **'EM'** xuất hiện từ thời nào trong ngôn ngữ VN, có thể từ lâu lắm trong dân gian nhưng chỉ để nói lên quan hệ thân thuộc cùng cha cùng mẹ trong gia đình giữa người sinh ra sau đối với người sinh ra trước. Do đó, từ **EM** thường đi chung với các từ **'Anh, Chị'**. Các từ **'Em, Anh, Chị'** lại ra khỏi phạm vi gia đình, đi vào tương giao xã hội, được dùng trong xung hô của người nhỏ tuổi hay lớn tuổi hơn trong khi tiếp xúc. Rồi từ **EM đi vào thơ văn** không rõ vào lúc nào.

Trong các truyện cổ (*Trầu Cau, Thiều phụ Nam Xương, Trương Chi-Mỹ Nương,...*) và một số áng văn Nôm (*Nhị Độ Mai, Bích Câu kỳ ngộ, Phạm Công Cúc Hoa,...*) không rõ từ **Em** có được dùng không, người viết không còn nhớ. Trong số thơ nôm theo Hán luật, từ Em cũng không được dùng (thơ của Lê Thánh, Tôn, Nguyễn Bình Khiêm, Tự Đức, Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh,...).

Trong *Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm* (bản dịch), *Lục Vân Tiên*, trong thơ của Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, ta cũng không thấy từ **EM**.

Riêng Tú Xương, trong bài ‘*Mắt ô*’, đã dùng từ **EM** để nói về người gái á-đầu, nhưng có thể vào thời Tú Xương, chữ Quốc ngữ đã được dùng, nếu chưa nơi trường ốc thì cũng trong một số người bắt đầu tiếp xúc với lối chữ mới này:

*Đêm qua anh đến chơi đây
Giày dôn (jaune) anh diện, ô tây anh cầm
Sáng ngày sang trống canh năm
Anh dậy, em vẫn còn nằm trơ trơ
Hỏi ô, ô mắt bao giờ
Hỏi em, em những âm ở không thừa
Sợ khi rày gió mai mưa
Lấy chi đi sớm về trưa với tình.*

Trong ‘*Đoạn Trường Tân Thanh*’, Nguyễn Du dùng từ **EM** nhưng chỉ để nói lên quan hệ gia đình giữa Thúy Kiều và Thúy Vân chứ không với Kim Trọng, Thúc Sinh hay Từ Hải (Với những người tình này, Kiều không xưng Em mà xưng Thiếp) :

*-Cây em, em có chịu lời
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa...
-Thì đem duyên chị kết vào duyên em
-Thì còn em đó, lọ cầu chị đây...*

Từ sau ngày chữ Quốc Ngữ được phổ cập và có lẽ do ảnh hưởng của thơ văn lãng mạn, từ **EM** được sử dụng nhiều trong thơ ca, không chỉ để nói lên thứ bậc trong gia đình hay tuổi tác trong những lần tiếp xúc ngoài xã hội mà trở thành những gởi trao tâm tình thắm thiết, những tình tự ái ân cùng những gắn bó hầu như ruột rà máu mủ.

Nhìn chung, xét về mặt ý nghĩa, từ EM cóng hiến nhiều phương diện đẹp trong cuộc sống.

a/- Trước tiên về mặt gia đình và xã hội: Từ **EM** vừa chỉ sự thông thuộc thân tình

về huyết thống, về trật tự tuổi tác vừa diễn tả sự tôn trọng, kính nể, nhường nhịn giữa các lớp tuổi đưa đến sự tương nhượng, lễ độ, lịch sự trong đối đãi giữa nhau. Khi còn xưng hô ‘**anh em, chị em**’ với nhau thì mối liên hệ còn trong vòng nể nang, tình nghĩa chứ không gây cản, hỗn hào, vô lễ. Lúc về già, hai người còn xưng hô nhau ‘**anh em, chị em**’ thì sợi dây tình cảm gia đình và xã hội vẫn còn bền vững, ngọt ngào như thuở nào.

b/- Từ EM trong quan hệ vợ chồng và tình cảm nam nữ. (người vợ hay người yêu nữ luôn xưng hô là **EM** với chồng hay với người yêu trai dù có lớn tuổi hơn). Từ **EM** diễn tả mọi yêu thương trong ràng buộc tự nguyện, trong ân tình trao gởi nối kết hai người trong cùng một cuộc sống chung, hòa đồng, dâng hiến cho nhau. Cặp vợ chồng mỗi khi bất hòa hay lúc đã cao niên mà còn gọi nhau là ‘**anh em**’ thì mối bất hòa kia sớm qua đi và tình cảm lúc về già vẫn tươi mát, ngọt ngào như thời son trẻ. Ngôn ngữ là phương tiện truyền đạt, thông giao để bày tỏ ý nghĩ, tình cảm, tâm trạng. Trong đối thoại, ngôn ngữ thường tùy thuộc vào thái độ (attitude) và giọng điệu (intonation) cho thấy cuộc đối thoại dịu dàng, thân mật hay gây cản, hỗn hào, vô lễ có thể dẫn đến dùng bạo lực. Chẳng hạn, hai người hay hai vợ chồng bất hòa với nhau có thể dùng những từ ‘ông, bà, mày, tao,..’ nhưng nếu còn dùng các từ ‘**anh, chị, em**’ thì mối bất hòa không đến nỗi gây cản quá đáng vì các từ này, tự thân, đã mang sẵn tính nhường nhịn, thân mật và nể trọng nhau.

c/- Trong yêu đương, trong đối xử ân tình nam nữ. Từ **EM** dùng chỉ người nhỏ tuổi, người tình, người con gái mà ta lưu luyến, muốn trao gởi tâm tình, cảm mến, thương yêu. Ta thử tượng tượng hai người trai và gái chưa hề quen nhau, tình cờ gặp nhau giữa đường hay nơi chợ, ... hỏi han

nhau việc gì đấy mà xưng hô ‘**anh, em**’ với nhau thì hầu như mỗi thân tình đã được thể hiện ngay để rồi tiến đến quen thân và sau đó... Nhất là chàng trai được cô gái chưa quen mà xưng với mình là **EM** thì bỗng nhiên cảm thấy ‘phơi phới’ trong lòng ra sao. Từ **EM**, do đó, có thể nói là bước khởi đầu cho yêu thương, cho nhung nhớ, cho tơ duyên vợ chồng. Và bao cuộc tình thơ mộng, đẹp tươi trọn đời hay phải gầy đờ đón đau hầu như đều do cái từ **EM** ban đầu đó. Xin nghe cô nàng Dư Thị Diễm Buồn thuật lại cái ‘*nét hư*’ của nàng hay của cô nữ sinh do từ cái ‘*nụ cười trong mắt*’ chàng trai lính chiến lúc nàng choàng vòng hoa cho chàng vào ngày Quốc Khánh VNCH:

*-Từ dạo đó dễ buồn và dễ khóc
Dễ dỗi hờn và cũng lắm âu lo
Hay dối mẹ, **Em** bắt đầu trốn học
Cô bé thơ ngây đã biết hẹn hò...*

....

*Gặp bất chợt, vui mừng không thể tả
Em tương chừng mật ngọt rót vào lòng
Nâng tà áo, tay xoay xoay nón lá
Trước cổng trường **Anh** đợi có lâu không ?*

DTDB: ‘Nụ Cười Trong Mắt Anh’
(Những Ngày Xưa Thân Ái)

‘Hư quá’ mà cũng ‘đẹp đẽ’ làm sao! Có lẽ, không một cô gái hay chàng trai nào không trải qua những lần như thế. Chỉ hai tiếng ‘**Em, Anh**’ ban đầu gặp gỡ, thế là ‘mặt hồ tâm tư bắt đầu lăn tăn sóng gợn’ rồi tình ca, tình sử ‘rủ rờ’ đến để rồi, nào đâu biết ‘*Ái tình triết lý màu bi đát, Mà mực tàn canh vẫn chảy hoài*’.

d/- Từ EM trong Văn chương và thơ ca.

*Trong văn chương bình dân, từ **EM** thường được dùng không rõ vào thời kỳ nào. Trước tiên, chỉ để nói về liên hệ trong gia đình hay để nói riêng về thân phận nữ nhi rồi dần dần đi vào thơ ca qua ca dao, dân ca, nói

lên tâm tình, tâm trạng giữa gái và trai, giữa vợ và chồng :

*-Em như con hạc đầu đình
Muốn bay không nhấc nổi mình mà bay
-Từ ngày **em** về làm dâu
Thì anh dặn bảo trước sau một lời
Mẹ già dữ lắm, **em** ơi !
-Ngày ngày **em** đứng **em** trông
Trông non non ngắt, trông sông sông dài...
-Ở đây đất đỏ mây vàng
Em đi làm mướn gặp chàng làm thuê
Yêu nhau ta đưa nhau về
Làm mướn là vợ, làm thuê là chồng.
-**Em** về anh mướn khăn tay
Gói câu tình nghĩa lâu ngày sợ quên
-**Em** về để áo lại đây
Để khuya anh đắp gió tây lạnh lùng.*

e/- Từ EM dùng ‘nhân cách hóa’ mọi thứ.

Trong Văn chương, nhất là trong Thơ, từ **EM**, ngoài việc xưng hô trong tình yêu nam nữ, còn được dùng để ‘**nhân cách hóa**’ mọi thứ, diễn tả nỗi niềm triu mến thân thương hoặc buồn đau, trách móc, lầy hờn, nhưng bao giờ cũng chan chứa tình tự ngọt ngào, yêu đương, thương xót, quyến luyến, xót xa hay tủi buồn, trách móc. Tất cả đều được gọi bằng **EM**, trở thành **EM** một cách thơ mộng, thân thương. Trăng, mây, sương, gió, núi sông, cây cỏ, hoa lá, cả địa cầu, trời đất, tinh tú, quê hương, ngôi nhà, thôn xóm, cả dân tộc, quốc gia, lịch sử, ngôi chùa, đình làng, quyền sách, chiếc bàn, cây bút, nói chung là vạn vật, cả sự kiện không gian, thời gian, kể cả Nghệ thuật, Khoa học, Triết lý,... Tất cả, dù là sự vật vô tri, vô tình cũng được ‘**nhân cách hóa**’ qua từ **EM** hiền hòa, dễ thương, dễ mến dù lắm khi bi thiết, não nề. Đối với nhà thơ, tất cả đều trở thành những ‘**người yêu, người tình**’ để được gọi bằng **EM** thì vị, ngọt ngào ân ái cho dù đây là những gì đã gây cho mình nhức nhối, buồn đau. **Nhân cách hóa mọi sự vật, đây là đặc quyền dành cho nhà thơ nhà**

văn, đặc quyền của thơ ca mà không một bộ môn nghệ thuật nào có được.

-Xuân Diệu đã gọi Thơ là **EM** :

*-Thơ ta hơ hớ chưa chồng
Anh yêu muốn cưới mà không tí giờ
Mùa thi sắp tới, **EM** Thơ
Cái hôn âu yếm xin chờ năm sau.*

Đỗ Bình đã gọi cây súng M.16 là **EM**:

*-**EM** bay
vào lẩn trong tinh đầu
hay rủ hồn đầu
dưới vực sâu...*

Phương Hà đã gọi bức tường Bá Linh bằng **EM**:

*-**EM** gục xuống là điều phải lẽ
Vì đời gian có tồn tại bao giờ...
-Dưới chân **EM** bao lớp người ngã gục
Sau lưng **EM** những vùng đất kinh hoàng...*

Hình tượng siêu hình, ẩn nhiệm đã đưa nhà thơ long đong trên đường luân lạc giữa cõi thế phù trầm, trở về lại với chính mình, sống với nguồn cội ban sơ nơi mình và nơi tất cả, đã được Nguyên Sa mượn qua từ **EM** để diễn tả:

*-Có phải **EM** về đêm nay
Trên con đường chạy dài hoa cỏ
Cho lòng anh trở lại với lòng anh...*

Đinh Hùng trong bài thơ ‘Kỳ Nữ’ đã mượn từ **EM** để nói đến một hình tượng nghệ thuật hay một hình tượng huyền nhiệm nào đó hầu giao phó cả định mệnh mình cho **EM** định đoạt :

*-Ta đặt **EM** lên gai thờ nữ sắc
Để cho **EM** biện hộ kiếp ngày sau
Vì người **EM** có bao phép nhiệm màu
Một sợi tóc đủ làm nên kinh ngạc...*

Lời thơ Phương Hà trong bài thơ ‘Nguyệt Ánh’:

*-Mười năm không ánh trăng
Đêm nay **EM** về đó....*

EM trong bài thơ là nữ ca sĩ Nguyệt Ánh giúp vui buổi Văn Nghệ của Cộng Đồng người Việt tỵ nạn Cộng sản tại Bruxelles, thủ đô Bỉ Quốc năm 1985. Hiện thực là thế nhưng âm hưởng lời thơ đưa dẫn chúng ta đến những gì xa xôi, trầm mặc, ra ngoài tầm hiện thực... Từ **EM** nơi đây là hình ảnh Quê hương đang nghìn trùng xa cách. Quê Hương về lại đó, sáng tươi, kiêu diễm sau mười năm tăm tối, âm u vì **EM**, **EM** đã về. Lời thơ giản dị, quá giản dị nhưng sao phẳng phất những nét màu lung linh, huyền nhiệm vừa như sáng rỡ huy hoàng vừa như mộng mị, liêu trai: ‘Đêm nay **EM** về đó’, ‘Có phải **EM** về đêm nay’ (Nguyên Sa), có phải :

*-Có phải nghìn thu bờ mộng cũ
Nẻo về trăng trắng gái liêu trai
Trần gian tình lạnh lòng thi tử
EM đến bên hồn, anh ngỡ ai !
(không nhớ tên tác giả)*

Người viết cũng đã gọi ‘Việt Nam, Lịch sử, Tự do, Lẽ Đạo’ bằng từ **EM** :

*-Mai đây nước lại về nguồn
Đầu non **EM** (VN) tắm sạch buồn thế gian.*

*-Tôi gặp tình **EM** (Tự do) nơi đảo hoang
Cuối mùa thế kỷ chít khăn tang
Nơi đây bao kiếp sầu hoang dại
Cười vỡ nhân gian vũ trụ tàn...*

(Pulau Bidong, ngày buồn)
*-**EM** (Lẽ Đạo) đẹp bắt đời phải khổ đau
Tôi yêu nên cảnh thế gian sầu
Đất trời, vũ trụ cong cùng phẳng
Tôi cánh thuyền đêm, **EM** hải âu....*

(Nhớ)

Trong thơ ca, từ **EM** còn dùng theo tính cách ‘phiếm chỉ đại danh từ’ thay cho từ **AI** hay từ **Người** hầu thêm âu yếm, thân thương trong mọi nhắc nhở, nhắn nhủ, gởi trao. Từ **EM** do đó nhiều khi không chỉ một đối tượng

rõ mặt mà mượn qua hình ảnh đối tượng đó để ám chỉ một hình ảnh, một sự kiện nào còn xa xôi, ẩn nhiệm:

-Em về mấy thế kỷ sau

Nhìn trắng có thấy nguyên màu ấy không ?!

Bùi Giáng

Em nơi đây là ai ? Là cô em gái, là người tình Không phải. **Em** nơi đây là bất kể người nào, người của thế gian, người đang trong cuộc đời đa đoan, nhiều loạn...

-Em về giữ áo phù sa

Trút quân phong nhụy cho tà huy bay...

Bùi Giáng

Em trong câu thơ này không là người yêu, không là người em gái, cũng không bất cứ người nào mà là **Tổ Quốc, Quê Hương, Lịch Sử** và có thể là **Thượng Đế** hay nói theo Triết học, Đạo học là **Đạo Thể**, là **Être**.

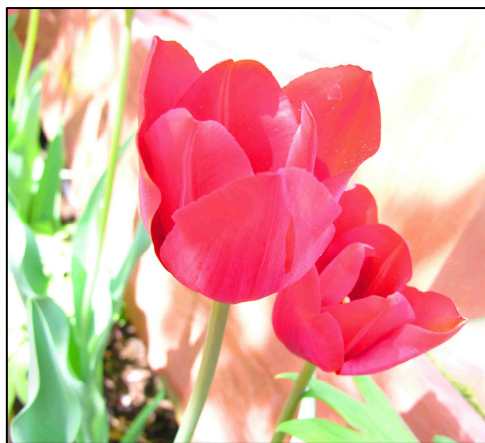
Có lẽ, chỉ riêng ngôn ngữ Việt Nam ta mới có từ **EM** độc đáo đó vừa nhẹ nhàng, hiền dịu vừa nồng ấm tình tự đậm đà, gắn bó thiết tha, nhất là được dùng để **‘nhân cách hóa’** tất cả mọi thứ dù trang trọng, thiêng liêng hay đơn sơ, bình dị, dù cao quý hay tầm thường, dù là tâm linh hay thực tiễn, dù là Thượng Đế hay quỷ ma. Nghe từ **EM**, ta cảm thấy ngay một gần gũi, cảm thông, thân ái, thân tình.

Hầu như người Việt Nam, nhất là nhà thơ, luôn xem mọi thứ, mọi điều đều là những người **EM** thân thương, duyên dáng, dễ mến để mình được đóng vai người **ANH**, người **CHI** sẵn sàng yêu thương, mến chuộng, sẵn sàng đùm bọc, chở che, san sẻ nỗi lòng, trao cho nhau nỗi ước, niềm mơ, sẵn sàng chịu đựng bao buồn đau, khổ lụy, niềm vui, nỗi nhớ, tiếng khóc, giọng hò dù trong hân hoan phấn khởi hay trầm trở bi thương, ngay cả trong lúc bông đùa, diễu cợt cùng dẫn về thông cảm, thông giao, gắn bó xóa đi những oán hờn, buồn tủi, những chia lìa ngăn cách giữa người và người, giữa người với thiên

nhiên, vạn vật. *Từ EM do đó mang tính cách Văn hóa rộng lớn, không chỉ biểu hiện lòng yêu thương mà còn nói lên tính cách hòa đồng, hảo hợp giữa con người với môi trường sinh hoạt, giữa con người với lịch sử, giữa Tiểu ngã và Đại ngã trong dòng sinh hóa chung nơi cõi hiện hữu để cuộc sống, cuộc đời thêm đẹp, thêm xinh, thêm hòa ái, mặn nồng tình nghĩa.*

Tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh, hay một thứ tiếng nào khác chắc khó có từ nào ‘đẹp’ như từ **EM** của ngôn ngữ Việt. Những từ **‘Muội, Tiểu Muội’** trong tiếng Hán, **‘chérie, chouchou, mon cœur, mon amour,...’** tiếng Pháp, **‘dear, darling,...’** tiếng Anh thường dùng để chỉ đối tượng xưng hô hơn là nói về chính mình vì thường dùng ở ngôi thứ hai (ngoài trừ từ **Muội** trong tiếng Hán) và nhất là **‘không thể nhân cách hóa được tất cả’** từ vật vô tri đến vật hữu tri, từ thần thánh đến cả ma quỷ, ngay cả ‘nhân cách hóa’ Lẽ Đạo, Đạo Thể hoặc đôi khi dùng chỉ cả Thượng Đế, chỉ ‘Être’ trong đạo học Tây phương như từ **EM** của Việt Nam. **Bỏ từ EM, ngôn ngữ VN sẽ trở nên nghèo nàn và thơ ca VN sẽ mất đi hàng hàng số lượng.**

Nguyễn Thùy (France)



Tulip: DƯƠNG NGHIỆP BẢO

CHÂN THIỆN MỸ

Chân Thiện Mỹ, ba từ trường chuyên động
trong thân ta, nung giắc mộng tuyệt vời.

Ta biết ta vốn dĩ đã khác người,
tim và óc đầy một trời ước nguyện.

Trái tim ta muốn tìm về chữ Thiện,
đến một nơi thể hiện của tình yêu,
tình gia đình an lạc biết bao nhiêu,
tìm nguồn vui trong những điều đạo lý.

Nhưng hồn ta lại nhắc ta chữ Mỹ.
Đam mê này làm ta nghĩ triền miên.
Ta thôn thức trong những giấc mơ tiên,
và rạo rức trong cơn điên cuồng nhiệt.

Khi tỉnh giấc ta suy về Sự Thật
của cuộc đời thường đã rất đắng cay.
Những con người giả dối vẫn quanh đây
cho ta buồn vào những ngày đơn lạnh.

Ta biết ta sống một đời cô quạnh,
không ai cho ta sức mạnh của niềm tin.
Chỉ riêng ta cảm nhận lời cầu xin.
Ta hiểu ta trong cái nhìn mặc khải.

VŨ THẾ HƯNG

TRUTH, GOODNESS, BEAUTY

Truth, Goodness, Beauty, the three magnetic
forces
move in my body, stoking my magnificent
dream.

I know I'm not like other humans.
My heart and mind are filled with a world of
wishes.

My heart wants to search for Goodness,
to come to a place where Love manifests itself,
a life with family, contented and tranquil,
I seek joy in moral deeds.

Yet my soul to Beauty leads,
I'm haunted day and night by passion.
I tremble in heavenly dreams,
and burn in violent madness.

Waking up, I think of Truth
in a life that has been so bitter.
All the phonies are still flocked around here,
making me spend my desolate days in sadness.

I know a lonely life I must lead,
with no one to show me the path to devotion.
I alone feel the supplication.
I understand myself in the vision of someone
divinely inspired.

English translation by

KIM-VU

TRẢ THÙ

Phạm Hữu Bình

Bữa tiệc sinh nhật thứ năm mươi hai của Ông Hoà tổ chức ở tiệm ăn Fortune đã sẵn sàng. Khách khứa đã đến đầy đủ. Họ hàng cũng đã có mặt. Nhưng ông bà Hoà chưa vào ngồi. Ông bà không muốn bắt đầu bữa tiệc mà thiếu sự hiện diện của Hồng Diệp, cô con gái út. Ai cũng biết ông bà Hoà cưng cô con gái út, xinh đẹp và học giỏi này. Năm nay Hồng Diệp mới hai mươi tuổi mà đã học năm thứ ba Đại Học Virginia.

Có tiếng ai nói lớn:

- Hồng Diệp đến kia rồi.

Mọi người nhìn ra. Một chiếc xe Honda Civic màu trắng vừa đậu lại. Người lái xe, một thanh niên cao và vạm vỡ, với nước da xạm xạm cháy nắng, xuống xe, rồi đi vòng sang bên kia mở cửa cho một thiếu nữ bước xuống. Hai người sánh bước vào tiệm. Hồng Diệp cười tươi như hoa, dắt tay Thành đến thẳng chỗ ông bà Hoà đang đứng, vòng hai tay ôm lấy cả bố và mẹ cùng một lúc, thỏ thẻ bằng tiếng Anh: “Happy Birthday, Dad” Rồi Hồng Diệp đi sang chỗ ông bà Quang ngồi sát ngay đó, vừa bả vai thân mật, vừa hỏi:

- Hai bác mạnh không?

Không đợi khách trả lời, Hồng Diệp nói uồn éo, cố ý cho Thành nghe thấy:

- Cháu đến trễ là lỗi tại anh Thành.

Cháu chờ mãi anh Thành mới tới đón. Cháu cứ lo có cô gái chân dài nào bắt cóc mất anh ấy rồi.

Thành, lúc đó đã ngồi vào một bàn gần cuối phòng cùng những người trẻ đồng lứa tuổi, nghe thế vội đứng lên:

- Vâng. Tại Thành cả. Thành mất cả giờ trang điểm, đánh phấn, tô môi, từ mười giờ đến mười một giờ rưỡi mà chưa xong.

Ai nấy cùng cười, nhất là ông bà Quang, bố mẹ Thành, mà Hồng Diệp vừa hỏi thăm. Ông bà Quang và ông bà Hoà đã quen biết nhau từ ngày còn ở bên Việt Nam, khi hai gia đình ở cùng một xóm. Hồi đó ông Quang là sĩ quan không quân, còn ông Hoà là giám đốc một chi nhánh Ngân Hàng Nông Nghiệp. Bây giờ ông bà Quang là chủ một tiệm Seven Eleven. Ông Hoà thì làm cho Ngân Hàng First Union trong khi bà Hoà là một cán sự xã hội.

Ông Quang hơn ông Hoà một tuổi nhưng có vẻ trẻ trung hơn. Thân hình cao lớn, nở nang, đôi mắt cùng cặp lông mày hơi sếch, giọng nói oang oang, ông Quang vẫn được coi là một sĩ quan có oai hơn các sĩ quan khác trong đơn vị. Trái lại, ông Hoà cao dong dong, nước da trắng xanh, cái trán rộng và hai tai to. Tuy đã năm mươi hai tuổi, nhưng ông Hoà trông giống như một thư sinh.

Bà Quang tuy không đẹp như bà Hoà, nhưng khéo trang điểm, khéo ăn mặc. Quần áo, giày dép, khăn quàng, thắt lưng bao giờ cũng hợp thời trang và nhịp nhàng màu sắc. Gia đình ông Quang và gia đình ông Hoà vẫn thân mến nhau vì bà Hoà và bà Quang là bạn cùng lớp ở trường trung học Gia Long.

Bây giờ hai gia đình càng có lý do để thân thiết nhau hơn. Hồng Điệp, con gái út ông bà Hoà, đã trở thành người yêu của Thành, con trai thứ hai của ông bà Quang. Mặc dầu chưa có lễ đính hôn chính thức, nhưng hai người đã đối xử với nhau công khai như, một cặp vợ chồng chưa cưới.

Hồng Điệp chỉ cao 5 feet 3 inches, nhưng có cái dáng của một người cao gần 6 feet. Da trắng và tóc nâu đậm, với những vòng xoắn tự nhiên, Hồng Điệp trông giống như một cô gái tây phương. Nhiều người nói Hồng Điệp đẹp hơn bà Hoà hồi còn trẻ, một hoa khôi nổi tiếng ở trường Gia Long. Với đôi mắt bồ câu, lông mi dài, hai má núm đồng tiền, và thân hình nở nang, cân đối Hồng Điệp thường nổi bật lên trong đám đông. Những ngày cuối thu, sang đông, khi Hồng Điệp đến lớp, mặc áo sweater màu đen hay màu nâu đậm bám sát người, cùng váy màu vàng nhạt thì người ta bắt gặp nhiều nam sinh mắt không chịu dời cô gái này.

Ông bà Quang nhìn cô dâu tương lai một cách triu mến và đầy hãnh diện. Ông bà thường nói riêng với nhau: “Hai đứa này thật xứng đôi.”

Khi nói thế, ông bà Quang hiểu ngầm rằng: “Thành, con trai mình cũng bảnh trai và tài ba lắm chứ!”

Thành hơn Hồng Điệp bốn tuổi. Hai năm trước, lúc học xong bằng Kỹ Sư Hoá Học, Thành quyết định đi làm để có tiền mua nhà và cưới vợ khi Hồng Điệp học xong bốn năm đại học.

Thành không dấu diếm về tự hào mỗi khi sánh vai đi cùng Hồng Điệp, nhất là hôm nay khi có đông đủ bà con ở đây.

Phần ăn uống đã xong. Nhà hàng sắp sửa mang bánh sinh nhật ra. Thành đứng

lên nói với ông bà Hoà mà cũng là nói chung với mọi người:

- Thưa hai bác. Hôm nay là sinh nhật của bác trai, Hồng Điệp có một món quà thật đặc biệt để tặng hai bác.

Hồng Điệp, tay cầm một phong bì, tiến lên đưa cho ông Hoà:

- Con có cái quà này để tặng bố mẹ.

Ông Hoà mở thư ra đọc. Ông lớn tiếng gọi Thành:

- Bác phải nhờ Thành đọc và dịch thư này sang tiếng Việt để mọi người cùng hiểu được.

Thành bước nhanh lại, cầm lấy cái thư và nói cùng mọi người:

- Cháu xin dịch đại khái thư này như sau:

“Trường Đại Học Y Khoa Virginia”

“Gửi cô Hồng Điệp Nguyễn”

“Ban Giảng Huấn Đại Học Y Khoa Virginia vui mừng báo tin cô biết”

“Ban Giảng Huấn có ấn tượng rất tốt đẹp về kết quả kỳ thi MCAT (Medical College Aptitude Test- Trắc Nghiệm Khả Năng Nhập Học Đại “Học Y Khoa) của cô”

“và đã đồng ý nhận cô vào học năm thứ nhất y khoa, bắt đầu ngày 15” “tháng chín năm nay”

“Cô có hai tuần lễ để trả lời thư này”

Tiếng vỗ tay vang dậy. Thành chờ mọi người yên lặng trở lại rồi nói tiếp:

- Như vậy có nghĩa là Hồng Điệp không phải học sang năm thứ tư đại học, tiết kiệm được tiền học phí, tiền ăn ở, chi tiêu, di chuyển, bảo hiểm, v.v.. Tổng cộng ít nhất là một trăm ngàn đô-la. Chưa kể khi ra trường sớm hơn một năm, Hồng Điệp kiếm thêm được ít ra cũng một trăm ngàn nữa. Congratulations to Hồng Điệp.

Lại một lần nữa tiếng vỗ tay vang dậy.

Có tiếng ai nói đùa Thành:

- Thế có nghĩa là Thành phải đợi thêm ít nhất là bốn năm nữa mới làm đám cưới được.

Thành cười hề hề:

- Bốn mươi năm thì khó, chứ bốn năm thì Thành chờ được.

Thành đã tính khi Hồng Diệp tốt nghiệp bác sĩ y khoa, Hồng Diệp mới hai mươi bốn tuổi và Thành hai mươi tám tuổi, cái lứa tuổi quá đẹp để thành hôn. Thành cũng có thêm ba năm nữa để dành dụm một món tiền lớn hơn cho cuộc sống chung. Hai người cũng được hưởng thụ thêm ba năm như một cặp vợ chồng chưa cưới. Ôi, thời gian này mới đẹp làm sao.

Ngày Hồng Diệp dọn vào Trường Y Khoa Virginia, Thành mượn một chiếc xe van của bạn để chở đồ đạc cho Hồng Diệp. Cái apartment nhỏ kiểu studio của Hồng Diệp là cái tổ ấm mới cho hai người mỗi khi Thành có ngày nghỉ đến thăm.

Nhưng bây giờ Hồng Diệp bận liên miên, học hành và thực tập, ít có thì giờ để vui vầy với Thành.

Một hôm Thành đến thăm, Hồng Diệp nói:

- Hôm nay một người bạn cùng lớp mời em đến ăn tiệc sinh nhật. Anh đi với em nghe?

Thành hớn hờ đáp:

- Ồ. Anh muốn đi cho vui.

Có đến gần bốn chục người ở bữa tiệc. Tất cả đều thuộc ngành y khoa. Một số là sinh viên, một số là bác sĩ đang hành nghề, một số khác là nhân viên ban giảng huấn. Họ nói chuyện, dùng ngôn từ của giới y khoa. Có những lúc một người kể chuyện khôi hài và tất cả đều cười rộ lên. Riêng một mình Thành ngồi yên, không hiểu những cách châm biếm hay pha trò của họ. Thành có vẻ ngượng ngùng. Hồng Diệp hình như cũng nhận thấy như vậy. Ô, nếu biết thế này thì Thành ở nhà cho rồi.

Những ngày tháng kế tiếp, Thành nhận thấy một sự thay đổi lớn trong cách đối xử

của Hồng Diệp với Thành. Những lời nói mất hẳn đi cái vẻ nồng nàn lúc trước. Những câu chuyện lạt lẽo cho có lệ. Hồng Diệp cũng tìm mọi cơ để tránh không gặp Thành.

Một buổi chiều đi làm về, Thành hầm hầm đi thẳng lên phòng ở lầu ba, không chào hỏi bố mẹ. Ông bà Quang nhìn nhau sững sờ. Sau một hồi, bà Quang ghé tai ông Quang nói nhỏ:

- Hai đứa chắc là cãi lộn gì với nhau rồi.

Ông Quang không bận tâm:

- Ôi, chúng nó hục hặc với nhau hôm nay, ngày mai lại làm lành ngày đây mà.

Ngày hôm sau, Thành ra khỏi nhà thật sớm. Bà Quang tò mò lên phòng con trai ở lầu ba. Bà giật nảy mình khi thấy tấm ảnh lớn của Hồng Diệp mà Thành vẫn treo ngay trước bàn học đã có vết dao rạch ngay chính giữa mặt và một giòng chữ lớn viết bằng mực đỏ, "*Hận này ta phải trả*"

Bà hốt hải chạy xuống nói với ông Quang:

- Hai đứa nó bỏ nhau rồi anh ơi. Mà Thành nó hận Hồng Diệp đến nỗi nó rạch cái ảnh Hồng Diệp ngay giữa mặt. Em chỉ sợ nó ghen tuông đến điên khùng mà giết Hồng Diệp thì sao? Liệu mình có nên nói cho anh chị Hoà biết không?

Vừa lúc đó chuông điện thoại reo. Bà Quang cầm máy lên nghe. Có tiếng bà Hoà ở đầu giây đang kia:

- Trời đất ơi! Em biết nói làm sao bây giờ. Hồng Diệp và Thành nó bỏ nhau rồi chị ơi. Thế này thì có khổ không? Hồng Diệp nói với em là nó thấy Thành không còn hợp với nó nữa. Nó thấy Thành lạt lẽo trong môi trường mới của nó. Nó nói nó đau khổ lắm nhưng nó không thể tiến tới việc hôn nhân với Thành được.

Bà Quang thở dài nảo nuột:

- Tôi biết. Hôm qua thấy cháu Thành về nhà, mặt mày cau có, là tôi biết đã có gì lủng

cùng với Hồng Điệp. Sáng nay nó bỏ đi thật sớm, không biết đi làm hay đi đâu. Tôi lên phòng nó mà tôi toát mồ hôi. Tôi thấy nó đã rạch cái ảnh Hồng Điệp ngay giữa mặt, rồi lại viết một câu: “*Hận này ta phải trả*”. Ở cái tuổi còn bông bột của nó, tôi chỉ lo nó ghen tuông mà làm những chuyện điên rồ, đại dốt thì khô cho tôi. Chị nên nói cho cháu Hồng Điệp biết mà đề phòng.

Bà Hoà cũng hoảng hốt:

- Vậy hả chị? Vâng để em bảo cháu Hồng Điệp phải coi chừng.

Khi bà Hoà kể lại cho con gái nghe những lời bà Quang nói, Hồng Điệp cười lên khanh khách:

- Mẹ ơi! Con biết anh Thành mà. Một con ruồi anh ấy còn không dám đập chết, làm sao anh ấy giết con được mà mẹ lo.

Ông Quang thấy vợ lo sợ thì cũng hoảng hốt không kém. Ông hiểu đứa con trai thứ hai này của ông. Nó đã định làm gì thì cương quyết làm cho bằng được, không có gì ngăn trở được nó. Ông còn nhớ ngày Thành mười lăm tuổi mà không biết bơi vì sợ sặc nước. Một hôm mấy cô gái học cùng lớp thách thức Thành nhảy lao đầu xuống nước ở hồ bơi như mọi học sinh ở đó. Thành ngượng ngùng nói:

- Hôm nay Thành đang bị vọp bẻ, nhưng tuần sau Thành sẽ nhảy cho mọi người coi.

Rồi Thành tìm huấn luyện viên dạy bơi và cố hết sức tập luyện nhảy lao đầu xuống nước liên tiếp ba giờ một ngày, bảy ngày một tuần. Khi đến hồ bơi ngày Thứ Tư tuần sau đó, Thành đã trở tài nhảy lao đầu xuống nước thật ngoạn mục, làm cho các cô gái thách thức Thành lần trước đã phải vỗ tay tán phục.

Thấy Thành đi về bất thường, ăn ngủ không ra giờ giấc, ông Quang thắc mắc hỏi:

- Con thay đổi công việc rồi hay sao mà bố thấy giờ giấc của con lung tung quá.

Thành thản nhiên đáp:

- Con thôi việc để đi học lại.

Ông Quang không băn khoăn gì nữa. Với người con trai trưởng và cô gái út đã có gia đình và ra ở riêng, ông bà Quang lấy làm mừng còn có Thành ở nhà. Thành đi làm thì tiền lương vẫn để riêng làm vốn, ăn ở với bố mẹ miễn phí. Bây giờ Thành đi học lại thì đối với ông bà Quang cũng không có gì thay đổi. Nhưng ông Quang nghĩ rằng việc đi học lại của Thành có liên quan đến việc Thành thù hận Hồng Điệp. Phải chăng con ông muốn tìm cách giết Hồng Điệp mà không phải dùng đến dao, đến súng?

Sáu tháng sau đó, khi Thành loan báo là Thành thi MCAT được kết quả rất khả quan và đã được nhận vào học ở Trường Đại Học Y Khoa Johns Hopkins ở Baltimore thì ông Quang nghĩ ra; “Thôi đúng rồi. Nó muốn thành một bác sĩ để sẽ dùng thuốc độc mà giết Hồng Điệp.”

Ông biết các bác sĩ là những người cứu nhân, độ thế. Nhưng họ cũng nắm trong tay một sức mạnh ghê gớm có thể “*giết người không dao*”. Ông đã nghe tin trên TiVi về một bác sĩ riêng của ca sĩ lừng danh Micheal Jackson bị đưa ra toà vì bị nghi là đã tiêm cho ca sĩ Jackson những liều thuốc quá mạnh gây ra cái chết yểu của ca sĩ này. Ông Quang cũng đọc tiểu sử Joseph Stalin, ông chòm Đảng Cộng Sản Nga Sô và biết rằng Stalin luôn luôn nghi ngờ các bác sĩ riêng của ông ta sẽ dùng thuốc độc để ám sát ông ta; nên ông ta đã bắn chết không biết bao nhiêu những bác sĩ này. Ai được ông ta chọn làm bác sĩ riêng là cầm chắc cái chết trong tay.

Ông Quang nói những mối quan tâm này với vợ. Bà Quang suy nghĩ rồi nói:

- Hồng Điệp cũng là bác sĩ. Để gì mà Thành có thể giết nó bằng thuốc độc được.

Tuy nói vậy mà bà Quang cũng không khỏi lo ngại.

Khi Thành học sang năm thứ hai y khoa thì cũng là lúc Hồng Điệp lên xe hoa. Chồng Hồng Điệp tên là Daniel Reynolds, một bác sĩ nội khoa gốc Thụy Điển, đang hành nghề và cũng là giảng viên đại học y khoa.

Thành đã mượn cơ đi chơi với bạn và suốt một tuần lễ không về nhà. Ông bà Quang hiểu hoàn cảnh của con và không bận tâm gì. Ít lâu sau, ông bà Quang vui mừng hơn khi thấy Thành có một số bạn gái, trong số này có hai cô là con gái bạn cũ của bà Quang. Nhưng Thành không có vẻ chú ý đến ai đặc biệt.

Từ ngày Hồng Điệp lấy chồng, ông bà Quang không còn chuyện trò gì với ông bà Hoà, dù chỉ bằng điện thoại. Họ không thù hằn nhau, nhưng cả hai bên đều thấy ngượng ngùng. Bà Quang vẫn nói với mọi người rằng hôn nhân là chuyện của đôi trẻ, ông bà không muốn dây dưa vào. Nhưng thực sự ông bà cảm thấy lòng tự ái của mình bị xâm phạm nặng nề. Đã hơn một năm rồi ông bà Quang cố ý tránh mặt ông bà Hoà. Cho nên hôm nay bà Quang rất ngạc nhiên khi nghe tiếng bà Hoà trên điện thoại. Sau những câu thăm hỏi sức khoẻ thường lệ, bà Hoà than thở:

- Em không hiểu tại sao mà con Hồng Điệp nhà em nó sui sẻo về đường tình duyên thế. Mới lấy chồng chưa được một năm mà đã ly dị rồi.

Bà Quang giật mình:

- Làm sao thế chị? Cháu Hồng Điệp ly dị rồi?

Tiếng bà Hoà vẫn đầy than vãn, chán chường:

- Bây giờ thì còn ly thân; nhưng luật sư cho biết chỉ ba tháng nữa là mọi thủ tục ly dị sẽ hoàn tất. Nào ai mà ngờ được. Hôm Thứ Tư đầu tháng trước, cháu Hồng Điệp được nghỉ bù sau mấy ngày trực. Nó mua đồ ăn trưa đem đến phòng mạch của chồng để cùng ăn. Khi mở cửa bước vào, nó bất gặp chồng đang ôm hôn cô thư ký. Thế là nó tìm luật sư khởi đơn ly dị liền. Chồng nó cũng không phản đối gì. May mà chúng nó chưa có con cái với nhau.

Trong bữa cơm tối ngày hôm đó, bà Quang đem chuyện Hồng Điệp ly dị ra nói với chồng và con trai. Bà có ý dò xem Thành phản ứng ra sao. Biết đâu đây chẳng là dịp để Hồng Điệp và Thành tìm lại với nhau. Nhưng Thành giận dữ nói:

- Tại sao mẹ lại mang chuyện này nói với con? Con chẳng bao giờ muốn nghe về chuyện chồng con của Hồng Điệp.

Rồi Thành vùng vằng bỏ lên phòng riêng.

Ngày hôm sau, khi Thành đã ra khỏi nhà, bà Quang lên dọn dẹp trên lầu ba. Bà sững sốt thấy Thành đã dùng một tấm ảnh Hồng Điệp dán lên tường làm đích ném phi tiêu (darts). Có đến mười phi tiêu cắm trên mặt Hồng Điệp với dòng chữ mới viết bằng mực đỏ: "Hận này ta phải trả". Thì ra Thành vẫn không ngừng tìm cách trả thù Hồng Điệp.

Thành được một người bạn cùng lớp tên Josephine mời đến dự tiệc sinh nhật tổ chức ở khách sạn Marriot. Bây giờ Thành cảm thấy hoàn toàn tự nhiên, thoải mái trong giới y khoa. Khi đến phần văn nghệ giúp vui Thành đứng lên nói:

- Tôi là Thành Trần. Để chúc mừng sinh nhật thứ hai mươi lăm của Josephine, tôi sẽ ngâm mấy vần thơ của Edgar Allan Poe về mối tình bất hủ của thi sĩ và nàng Annabel Lee

Một nữ sinh viên lên tiếng nói với Thành:
- Tôi rất thích bài thơ này của Edgar Allan Poe. Tôi tên là Katerina Ivanov. Nếu anh bạn muốn thì tôi sẽ đệm nhạc piano để anh ngâm thơ.

Thành mừng lắm:

- Thế thì còn gì bằng. Cảm ơn Katerina. Katerina ngồi vào piano và bắt đầu dạo nhạc. Thành bắt đầu lên tiếng ngâm:

*It was many and many a year ago,
In a kingdom by the sea,
That a maiden there lived whom you may know
By the name of ANNABEL LEE;
And this maiden she lived with no other thought
Than to love and be loved by me*

*I was a child and she was a child,
In the kingdom by the sea;
But we loved with a love that was more
than love-
I and my Annabel Lee
With a love that the winged seraphs of heaven
Coveted her and me.*

(Bản dịch của học giả Quảng Văn Phạm in dưới đây với sự đồng ý của dịch giả)

*Vương quốc xưa bên bờ biển cả.
Lý Lệ An, thiếu nữ tâm anh.
Tình nàng vàng vạc cao xanh
Tình ta hơn những mối tình thiên thu*

*Yêu nhau thưở còn thơ ngày ấy
Vương quốc xưa, sóng dậy bồi hồi
Tìm ta một nhịp sóng đôi
Thiên thần thượng giới ngâm ngợi hờn ghen.*

Tiếng đàn quần quyện với tiếng ngâm thơ, khi lên bổng, khi xuống trầm, lúc dồn dập, khi thánh thót, thoải mái nhẹ nhàng. Cứ

toạ vỗ tay vang dậy khi tiếng đàn chấm dứt. Có nhiều tiếng hô “Bis, Bis”. Katerina đứng lên cúi chào cử toạ. Tiếng hô “Bis, Bis” lại vang lên. Katerina xoa tay, mỉm cười:

- Để đáp lại thịnh tình của các bạn, tôi sẽ chơi bản nhạc mà nhiều bạn thích là bản Love Story mà soạn giả là Taylor Swift.

Katerina vừa chơi đàn piano vừa hát. Mọi người thích thú vỗ tay thật lâu.

Josephine, người được vinh danh trong bữa tiệc hôm nay, đứng lên trình trọng nói:

- Cảm ơn Thành và Katerina rất nhiều. Đa số các bạn đã biết Thành là sinh viên năm thứ tư Đại Học Y Khoa Johns Hopkins. Katerina cũng đang học năm thứ tư Đại Học Y Khoa Harvard. Katerina là một hoa khôi ở Thành Phố St, Petersburg bên Nga và theo gia đình sang Hoa Kỳ năm năm trước đây. Tôi hân hạnh được gặp Katerina trong kỳ luân chuyển thực tập năm ngoái. Các bạn vừa được thưởng thức tài nghệ âm nhạc của Katerina. Tôi cũng xin nói thêm rằng Katerina cũng là một họa sĩ nữa. Xin các bạn một tràng pháo tay thật lớn cho hai người bạn tài ba Thành và Katerina.

Tiên lại bắt tay và cảm ơn Katerina. Thành cũng sờ về sắc đẹp và về duyên dáng, yêu kiều của cô gái người Nga này. Với đôi mắt nâu to, mũi thẳng và cao, da trắng mịn, tóc nâu đỏ để xoã ngang vai, Katerina có cái vẻ đẹp quý phái, nếu không hẳn là vương giả. Cũng một tầm cao với Thành, Katerina có một tâm thân cân đối với những đường cong hấp dẫn. Khi mỉm cười Katerina để lộ hai hàm răng đều đặn, trắng trong, nổi bật lên giữa đôi môi đỏ hồng.

Nhạc khiêu vũ nổi lên, Thành mời Katerina nhảy một bản Valse. Chỉ vài bước là Thành thấy rõ tài nghệ của Katerina. Thành chân thật khen:

- Katerina nhảy hay quá.

Katerina cười, thẳng thắn nhận lời khen của Thành:

- Anh nghĩ vậy hả? Hồi tôi ở tiểu học và trung học, ba má tôi cho tôi học nhạc và vũ ballet vào buổi chiều Thứ Tư và sáng Thứ Bảy. Tôi đã tưởng tôi sẽ thành một ballerina chứ.

Càng quen biết Katerina, Thành càng say đắm cô gái tài ba này hơn. Katerina cũng siêu lòng trước tình yêu bộc phát hồn nhiên, chân thành của người bạn mới gặp. Chỉ một tháng sau là Thành và Katerina đã gắn bó với nhau như một cặp uyên ương.

Katerina đưa Thành lên Boston để giới thiệu với cha mẹ. Tiến Sĩ Joseph Ivanov, năm mươi lăm tuổi, cao lớn hơn ông Quang đôi chút, nhưng tóc đã đốm bạc, đưa Thành đi coi nhà kiếng của ông. Thành chăm chú nghe ông bố vợ tương lai nói về những sưu tầm thực vật đặc biệt chứa trong nhà kiếng này. Mẹ Katerina, bà Irene Ivanov, là một bác sĩ chuyên về ung thư, hiện đang giảng dạy ở Trường Đại Học Y Khoa Harvard. Đã ngoài năm mươi, nhưng bà Irene Ivanov vẫn rất đẹp, tuy không trang điểm gì. Hai ông bà chỉ có một Katerina là người con gái duy nhất. Cả hai ông bà cùng tỏ vẻ quý mến Thành.

Lễ thành hôn của Thành và Katerina được tổ chức ba tuần sau khi hai người tốt nghiệp bác sĩ y khoa. Gần bốn trăm thân bằng, quyến thuộc đã đến dự bữa tiệc cưới ở khách sạn Ritz Carlton, một trong hai khách sạn sang bậc nhất ở Boston. Trong số quan khách có cả ông bà Hoà và Hồng Điệp.

Hồng Điệp đã tái giá. Chồng mới của Hồng Điệp là một bác sĩ tên David Zenkins, gốc Ái Nhĩ Lan, ra trường cùng một năm với Hồng Điệp, nhưng hơn Hồng Điệp đến sáu tuổi.

Tuy còn ngượng ngùng đối với Thành, nhưng khi được thiệp mời, Hồng Điệp đã nhận lời đến dự tiệc cưới. Hồng Điệp muốn nhân dịp này để làm lành với Thành, một người mà Hồng Điệp vẫn còn quý mến như một người bạn.

Ông bà Quang thấy vợ chồng Hồng Điệp thì giật mình. Ông Quang nói nhỏ với vợ:

- Hôm nay chắc là lúc Thành nó muốn ám hại Hồng Điệp. Nếu có thể nào thì ai cũng cho là Hồng Điệp bị ngộ độc thôi. Không ai có thể nghi ngờ nó được. Nhất là lại có chồng Hồng Điệp ở đây. Nếu có ai nghi ngờ thì người ta nghi ngờ chồng Hồng Điệp ám hại vợ để lấy tiền bảo hiểm nhân thọ.

Bà Hoà tái mặt đi:

- Mình không thể để chuyện ấy xảy ra được. Tôi không ngờ nó hận thù Hồng Điệp lâu thế.

Ông Quang trầm ngâm:

- Tôi vẫn biết tính nó. Nó mà định làm gì thì thế nào nó cũng phải thực hiện cho bằng được. Bà còn nhớ những lần nó rạch ảnh Hồng Điệp ở giữa mặt và dùng ảnh Hồng Điệp làm đích phóng phi lao không?

- Tôi nhớ chứ. Hay là để tôi hỏi thẳng nó xem sao. Nếu nó biết mình hiểu rõ mưu đồ của nó, thì chắc nó sẽ không dám thực hiện đâu.

Ông Quang gật đầu:

- Đứng đây. Bà cứ hỏi thẳng con xem sao.

Bà Quang bước ra vừa đúng lúc xướng ngôn viên giới thiệu hai họ. Bà đi theo ông Quang lên sân khấu trong tiếng vỗ tay vang dậy. Chăm chú nhìn gia đình cô dâu, bà thấy ai cũng xinh đẹp, lộng lẫy khác thường.

Nhạc Prom and Circumstance trở lên báo hiệu cô dâu và chú rể sẽ ra mắt. Mọi người đứng lên vỗ tay chào mừng. Bà Quang thấy Thành và Katerina sao mà tương xứng thế. Bà thấy một niềm hân

hoan, tự hào tràn ngập tâm hồn và quên luôn ý định hỏi con trai bà về chuyện ám hại Hồng Điệp.

Rồi bữa tiệc bắt đầu. Các bạn bè cô dâu và chú rể lên nói những lời chúc mừng cùng đưa cột châm biếm đôi vợ chồng trẻ. Tiếng cười ròn tan khắp phòng. Xướng ngôn viên mời cô dâu và chú rể ra sàn nhảy khai mạc cuộc khiêu vũ.

Bây giờ mọi người mới có dịp quan sát kỹ cô dâu và chú rể. Katerina đội vương miện và mặc áo cô dâu bằng satin trắng toát có phủ ngoài một lớp vải màn và thắt lưng óng ánh những hạt pha lê. Thành mặc tuxedo trắng. Thành dẫn Katerina nhảy những bước điệu luyện, ngoạn mục. Có nhiều tiếng khen và vỗ tay trong cử tọa.

Đến giờ cô dâu, chú rể cùng cha mẹ hai bên đi đến từng bàn để cảm ơn quan khách. Ông bà Quang chăm chú theo dõi con trai từng cử chỉ, nhất là khi đến bàn có vợ chồng Hồng Điệp ngồi. Là người Việt duy nhất ở bàn, Hồng Điệp được các bạn cử làm đại diện. Sau khi đã nói mấy câu bằng tiếng Anh để chúc cặp vợ chồng mới cưới, Hồng Điệp cũng nói riêng với Thành một câu bằng tiếng Việt:

- Hồng Điệp phục anh Thành.

Thấy Katerina mãi nói chuyện với ba má bằng tiếng Nga, bà Quang như sực nhớ ra điều gì, kéo tay Thành ra một bên hỏi nhỏ:

- Mẹ cứ tưởng con hận Hồng Điệp và có ý định ám hại Hồng Điệp để trả thù. Vậy mà con lại mời vợ chồng Hồng Điệp đến đây hôm nay là tại sao?

Thành không dấu được vẻ ngạc nhiên:

- Sao mẹ lại nghĩ rằng con có ý định ám hại Hồng Điệp? Phải chăng vì mẹ thấy con rạch ảnh Hồng Điệp ngay giữa mặt và dùng ảnh Hồng Điệp làm đích phóng phi tiêu?

Bà Quang không chối cãi:

- Đúng vậy. Mẹ thấy rõ ràng là con oán hận Hồng Điệp ghê gớm và có ý định trả

thù. Con còn viết rõ ràng ra là “Hận này ta phải trả”.

- Mẹ ơi. Hồng Điệp bỏ con sau mấy năm trường gấn bó, vì con không phải là bác sĩ. Làm sao mà con không hận Hồng Điệp được? Con đã cho Hồng Điệp thấy con có thể làm bác sĩ. Con cũng muốn cho Hồng Điệp biết con có thể lấy được một người vợ bằng năm, bằng mười Hồng Điệp. Vợ con, Katerina, chẳng những là bác sĩ, mà còn là nhạc sĩ, họa sĩ và nhiều nữa. Tất cả những điều đó con đã thực hiện được. Con cũng vẫn còn đủ độ lượng để đối xử với Hồng Điệp như một người em gái. Đó là cách trả thù của con. Con rạch ảnh Hồng Điệp ở giữa mặt và dùng ảnh Hồng Điệp làm đích phóng phi tiêu chỉ là một cách con tự nhắc nhở con phải đạt cho bằng được mục đích của con thôi.

Có tiếng ông Quang gọi. Bà Quang vội đi ra, miệng cười toe toét.

PHẠM HỮU BÌNH

(Virginia)



Phạm Hữu Bình, Đặng Nguyên và Phạm Trọng Lệ đọc báo Cỏ Thơm trong ngày phát hành số 57.

NHỮNG KHOẢNG TRỜI RIÊNG

ĐỖ BÌNH

Bước vào cõi thơ là lắng nghe tiếng đời thổ thê, tiếng lòng thi nhân khát vọng. Tùy theo tâm cảnh, sắc màu trong mỗi tâm hồn nghệ sĩ sẽ khác với màu sắc ngoài thiên nhiên khi diễn tả cảm xúc, tư duy về đối tượng. Thi hào Nguyễn Du đã giải bày qua câu thơ Kiều:

*“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!”*

Thơ giải bày niềm tin của người thiếu phụ trong thời ly loạn, tiễn chồng ra sa trường rồi trở về với nỗi cô đơn phòng vắng qua tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm* của Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm. Trong câu thơ thi nhân đã dùng ngôn ngữ hình tượng họa một bức tranh tuyệt tác:

*“..Ngoài trông theo đã cách gần
Tuôn màu mây biếc trải gần núi xanh.”*

Không phải lúc nào thi nhân cũng làm thơ trữ tình êm ả, thổn thức lời dịu ngọt chuyện lứa đôi hạnh phúc hay đau khổ, nhưng đời mà thiếu tình như trái tim thiếu máu, tách thơ trữ tình ra khỏi thi nhân thì nhà thơ chỉ còn là cành khô, mặc dù làm một bài thơ tình hay, ý thơ đặc sắc rất khó!

*“Em về máy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không?”*
(Bùi Giáng)

Trong khi đó thơ tâm linh là một loại thơ ẩn chứa ý tưởng huyền bí cao siêu, ngôn ngữ thơ chân phương nhưng sâu sắc. Về lãnh vực tâm linh, ngay cả những vị chức sắc, cao tuổi trong tôn giáo mà vẫn còn đang nghiên cứu học đạo; thì người làm

thơ làm sao diễn đạt được sự huyền bí cao siêu về tâm linh? Một khi chưa hiểu hay không hiểu được những kỳ bí trong con người và vũ trụ thì không thể cảm được lẽ đạo để biến thành nghệ thuật thi ca? Trừ phi nhà thơ là người chịu khó nghiên cứu đạo, uyên thâm tư tưởng, hoặc được thượng đế ban cho một cảm nhận đặc biệt như «Mở Huyệt Nhân» bên Phật Giáo, và «Mặc Khải Hồng Ân» bên Thiên Chúa Giáo.

Thời nào cũng thế người đi học thì nhiều nhưng kẻ sĩ thì hiếm! Nhất là khi đất nước có chiến tranh hay bị giặc ngoại xâm, chỉ có kẻ sĩ mới dám dấn thân và lên tiếng. Thơ quê hương đất nước luôn bàng bạc trong mỗi con người, tùy theo thời thế hoàn cảnh đã tác động sự rung cảm của thi nhân. Thi sĩ Tản Đà đã trải tấm lòng qua bài thơ đầy tình tự quê hương:

*“Nước non nặng một lời thề
Nước đi đi mãi không về cùng non...”*

(Thề Non Nước)

Thơ nhập vào hồn thiêng sông núi, chuyển biến theo vòng thế sự, hòa với sự thăng trầm của dòng lịch sử dân tộc. Hồn thơ hùng hực như hỏa diệm sơn, cuộn cuộn thác lũ, ý thơ sắc bén như ngàn gươm đao, mạnh hơn vạn quân. Bài thơ là ngọn lửa kích động tinh thần yêu nước, là ý chí đấu tranh chống ngoại xâm. Xưa danh tướng Lý Thường Kiệt đã viết bài Nam Quốc Sơn hà như một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc:

*« Nam quốc sơn hà nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư. »*

Dòng lịch sử thế giới ghi lại, có một thời dẫu vó ngựa của đoàn quân Mông Cổ đã tung bụi mờ khắp muôn dặm, làm bạt vĩa trời Âu Á . Thế giặc thuở đó như sóng vỗ tiến vào nước ta, vua tôi nhà Trần một lòng giữ nước quyết chống ngoại xâm. Hưng Đạo Vương đã soạn ra một quyển *Binh Thư Yếu Lược*. Bài Hịch Tướng Sĩ, vua tôi nhà Trần đã cùng nhau một lòng đẩy lui được đoàn quân ngoại xâm.

Bài Bình Ngô Đại Cáo của thiên tài Nguyễn Trãi không những là khúc ca hùng tráng của dân tộc mà còn làm rạng rỡ nền văn học cổ điển nước nhà:

*“Tốt năng dĩ đại nghĩa, nhi thắng hung tàn,
Dĩ chí nhân, nhi địch cường bạo.”
(Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân mà thay cường bạo.)*

Ngày xưa tráng sĩ Đặng Dung đã giải bày tâm lòng trung liệt qua câu thơ đầy khí tiết:

*“Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,
Kỷ độ long tuyền đãi nguyệt ma.”
(Thù chưa trả xong đầu đã bạc,
Dưới trăng bao độ tuốt gươm mài.)*

Thi sĩ Nguyễn Bá Trạc mang nỗi sầu đất nước đã gói tâm sự mình qua bài Hồ Trường:

*“ ... Vỗ gươm mà hát
Nghiêng bầu mà hỏi
Thiên hạ mang mang ai người tri kỷ
Lại đây cùng ta cạn một hồ trường. ...
Nào ai tình nào ai say ?
Chỉ ta ta biết, lòng ta, ta hay.... »*

Nhiều khi thi nhân bị người đời gán cho là những kẻ thương vay khóc mướn, điều ấy có quá khắt khe chăng? Nhà thơ nào phải là tượng đá! Hồn thơ sẽ xanh rêu chết yếu khi chẳng còn rung cảm trước những biến đổi buồn vui của ngoại cảnh, để

hòa với nhịp sống thiên nhiên nỗi đau của tha nhân, hay tự xoa dịu niềm đau của chính bản thân mình. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã tả về đất nước và thân phận những con người trước sóng nước hải hùng của biển cả vào giai đoạn giữa thế kỷ 20 qua bài *Phương Xa* :

*«.. Lũ chúng ta, đâu thai nhâm thế kỷ
Một đôi người u uất nổi trơ vơ,
Đời kêu bạc không dung hồn giản dị
Thuyền ơi thuyền! xin ghé bến hoang sơ...»*

Có nhiều khi thơ là tiếng uất nghẹn, lời than từ đáy ngục tù, nơi giam hãm những tâm hồn yêu tự do. Thơ là nơi trú ngụ của những tâm hồn đau khổ, là tiếng vọng vào đời ngân lên tiếng nói chân chính của con tim để giải oan cho những tâm hồn thanh cao bị bạo lực truy bức đến chỗ khôn cùng ! Nhờ có thơ thi nhân trong thân phận người tù đã nương vào con chữ tìm chỗ dựa để hồn chấp cánh bay cao thoát vực sâu đầy tối tăm ! Dù trong mọi hoàn cảnh, kể cả lúc nghiệt ngã nhất thơ và thi nhân vẫn là bạn đồng hành chia xẻ những buồn vui. Thơ như dòng suối mát giúp tâm hồn thi nhân vượt thoát những sâu muộn. Nhà thơ chân chính luôn có tâm hồn thanh cao độ lượng nên đã biết yêu thiên nhiên và đồng loại. Nhà thơ Hà Thượng Nhân dù ở trong cảnh ngộ tù đầy khôn cùng, vẫn hát tiếng hát tình người :

*« Chúng ta đói khổ cách nào
Nắm tay chấp cái gian lao vẫn cười
Mùa xuân cây cỏ xanh tươi
Xác tù, lòng vẫn lòng người tự do.
Chia nhau từng hạt bo bo
Thương mình nghĩ lại thương cho kẻ thù
Mình tù hay họ là tù ?... ”*

(Xuân Trong Tù)

Ngục tối có thể giam hãm xác thân người tù nhưng ngục tối không thể giam

hâm được tâm hồn, ý chí những người bất khuất. Từ những đau thương thi nhân đã diễn tả những xúc cảm đó thành những ngọn lửa hừng hực cháy trong lòng người tự do. Ngày nay thơ là bạn đồng hành với những người xa xứ. Thơ chia xẻ niềm đau, nỗi nhớ và sự cô đơn diễn tả tâm trạng kẻ xa quê, nhưng chôn phôi hoa đây vật chất đã dần làm khô héo đi tính lãng mạn, phải nặng nợ với tình thơ lắm thi nhân mới ôm cái nghiệp dĩ vào thân lắng hồn mình vào ngoại cảnh để thấy hoa cười trong nắng mai, sợi buồn giăng cỏ úa, và nghe cả tiếng thở dài của thời gian. Nhà thơ Phương Triều mang kiếp ly hương, thâm nỗi sầu viễn xứ ngẫm chuyện thế nhân và ngậm ngùi nhìn xuân trôi:

*“... Người qua từng vết hằn binh lửa
Đời cháy bùng theo vạt chiến bào
Nửa đêm ngựa hí buồn trong gió
Xuân rụng đều hiu giọt nắng dào !”*

Tâm trạng người tha hương nào nề. Hồn quê đã gắn chặt vào kẻ xa xứ nên không hình ảnh nào của quê người có thể thay thế được. Từ ngàn xưa cho đến nay dòng sông thi ca nhân loại vẫn trôi theo tháng ngày dù có lúc thẳng trâm, khi vinh quang thơ được mùa ngự trên đỉnh cao chói vót, nhà thơ được yêu quý ca ngợi, nhưng đến lúc suy thơ và thi nhân rơi xuống tận đáy vực sâu; người đời bỏ quên, ruồng rẫy! Ở Trung Hoa vào thời đại Tần Thủy Hoàng xa xưa, bạo chúa đã đốt sách, chôn sống văn nhân, ở Việt nam dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, nhà nước vì muốn kiểm soát chặt chẽ tư tưởng quần chúng nên cấm đoán những tác phẩm viết từ những trái tim chân chính, nhiều văn nghệ sĩ đã bị cấm viết, và tù đầy! Bách hại thế mà nhà thơ muôn đời vẫn nặng gánh tình thơ chẳng ai muốn

quăng bút cho nhẹ gánh. Phải chăng trên đời nếu không có nghệ sĩ thì ai cảm được sự màu nhiệm tuyệt vời của thiên nhiên mà phổ biến! Ai chia xẻ nỗi buồn của tha nhân?...vv.. Ở cõi nhân gian đầy hệ lụy này thì nhân đóng một vai trò tích cực trong cuộc sống; ngay cả khi đã qua đời những áng thơ văn tuyệt tác đó vẫn có thể giải buồn hoặc làm điểm tựa tinh thần nâng cao ý chí với những người đồng điệu hằng thế kỷ sau, và sự đồng cảm là sợi giây nối giữa người ngàn xưa với ngàn sau. Tâm hồn thi nhân rất phong phú, cảm xúc nhạy bén nên hòa nhịp niềm đau của tha nhân bằng nghệ thuật, vì thơ còn là nơi trú ngụ của những tâm hồn thanh cao. Nhà thơ đã cảm nghiệm bằng chất liệu sống để diễn tả cảnh đời với chút thực, chút hư thành những mảng màu sắc riêng biệt qua ngôn ngữ hình tượng của thơ. Nhà thơ đã từ cái thực của cuộc đời đi vào cái mộng của đam mê để cuộc đời thăng hoa. Chỉ có cảm xúc chân thật mới có thể diễn tả bằng nghệ thuật, ngược lại nghệ thuật khơi mở cảm xúc chân thật. Nhà thơ Phùng Quán đã dùng ngôn ngữ chân phương, không văn hoa chau chuốt để diễn tả cái tâm qua từng câu chữ, dựa trên thanh âm để tạo nhịp. Bài thơ chứa nhạc tính mang chất hùng ca, ý tưởng bài thơ sâu sắc, như một thông điệp cho đời về tính trung thực của con người với tha nhân không chịu khuất phục trước bạo lực. Bài thơ Lời Mạ Dặn đăng trong Nhân Văn Giai Phẩm, xin trích vài đoạn:

*«yêu ai cứ bảo là,yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều,
Cũng không nói yêu thành ghét.
Dù ai cầm dao dọa giết
cũng không nói ghét thành yêu..*

*Tôi muốn làm nhà văn chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt
được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã.
Bút giấy tôi, ai cướp giết đi
Tôi sẽ viết văn trên đá. »*

(Lời Mẹ Dặn)

bài thơ này đã vượt thời gian thành một bài học, phương châm sống cho đời, hay ít ra cũng làm thước đo cho những kẻ cầm bút chân chính. Sau này, nhiều nhà văn trên thế giới dù bị bạo quyền áp bức vẫn dũng khí đồng đạc chống trả đòi tự do và quyền làm người mà không hề run sợ. Ngày nay thế giới đã lưu tâm hơn đối với người cầm bút, và quốc tế đã dành cho nhà văn những giải thưởng văn chương Nobel vinh dự. Ở những thế kỷ trước Nguyễn Du đã nói : «Chữ TÂM kia mới bằng ba, chữ TÀI.».

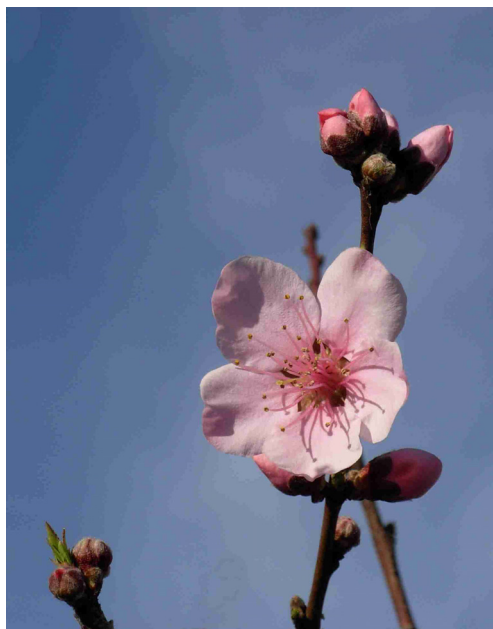
Trong vườn Thi Ca Việt Nam của đầu thế kỷ trước, khuynh hướng Đường thi dần suy tàn, nhường chỗ cho phong trào lãng mạn của thơ mới 1932- 1945 nở rộ, ảnh hưởng của dòng thơ lãng mạn Pháp khởi từ đầu thế kỷ 19. Thơ mới phá bỏ đi những luật lệ cấu trúc gò bó của thơ cũ, mà hướng về cái nhìn thẩm mỹ theo tư duy nghệ thuật, điều đó đã dẫn đến sự thông thoáng hơn, mở đường cho các thể thơ tự do, hiện đại sau này. Những nhà thơ của thời kỳ ấy đều là những tài năng xuất chúng, sáng tạo bằng con tim, trong số đó có Tố Hữu và một ít người khác, bắt đầu bằng sự nghiệp cầm bút đã nổi danh thi sĩ có tài, và có những bài thơ hay. Từ những vần thơ trữ tình cách mạng thời kỳ chống Pháp trước năm 1945, dòng thơ Tố Hữu vẫn mang tình người, đậm tình quê hương đất nước. Nhưng kể từ sau năm 1945 nhà thơ Tố Hữu đã đánh mất tính Chân Thật của con tim thi sĩ để trở thành «máy hát», chỉ biết ca tụng,

làm một thứ công cụ tuyên truyền của Đảng CS, tâm hồn ông mang tính đảng nên yêu đảng hơn tất cả ! Ông và bộ máy đảng sản xuất ra hàng loạt câu nói vắn, biến những câu về thành khẩu hiệu mang tính đại chúng để thi đua lập công, hò hét sắt máu!

Từ một nhà thơ, sống trong một cõi riêng, một vũ trụ nhỏ để phụng sự cái chân, thiện,mỹ cho đời bằng tình yêu quê hương, nhân loại, nhưng ông đã khước từ cái thế giới của thi ca, dành hết tâm hồn phục vụ đảng và quyền lực; để trở thành « cán bộ » thi đua! Chỉ có tính Chân Thật mới biến thành tính Nghệ Thuật . Họ là những vì sao loé lên sáng chói rồi tắt lịm trong vòm trời thi ca Việt Nam, khi dòng thơ vẫn chảy muôn đời.

Paris 25 11 2011

Đỗ Bình



Hoa Đào: Song Hà

Di Hội Hoa Xuân Để Nhớ Ngày Nào

VĂN QUANG

Thưa bạn đọc, bài này đến tay bạn, có lẽ đúng vào những ngày Tết Nhâm Thìn, cái Tết Nguyên Đán cổ truyền của dân tộc, hoặc bạn sẽ đọc vào những ngày đầu mùa xuân. Bạn đã nhận được quá nhiều lời Chúc Tết qua điện thoại và những tấm bưu thiếp rất đẹp. Nhưng theo phong tục cổ truyền của người Việt chúng ta, tôi cũng xin kính chúc quý bạn một năm mới Khỏe Mạnh - Vui Vẻ - Nhiều may mắn.

Những lời chúc đầu năm của tôi hết sức chân thành. Bởi có lẽ khi tuổi đã cao mới thấy được sức khỏe chính là điều đầu tiên chúng ta cần hơn cả. Sau đó mới đến sự vui vẻ trong một thân tâm an lạc. Là đại tử phú hay nghèo mạt rệp mà không yên ổn trong cuộc sống thì cũng chẳng mang lại hạnh phúc thật sự cho mỗi người. Cuối cùng là chúng ta cần đến sự may mắn trong mọi trường hợp. Trong mọi gian nan nguy hiểm, chính sự may mắn đã giúp chúng ta vượt qua tất cả. Sự may mắn quyết định số phận con người. Tôi vẫn tin vào điều đó qua những kinh nghiệm sống suốt một đời người. Chính vì thế tôi cầu mong bạn đọc sẽ gặp được tất cả những thứ đó. Những thứ không mua được, quả thật tôi cũng chẳng hiểu tại sao nó đến với người này mà không đến với người khác. Người ta gọi là “cái số”. Vâng, tôi cầu chúc các bạn sẽ gặp được cái “cái số may mắn” đó ngay từ đầu mùa xuân Nhâm Thìn.

Tôi viết bài này chỉ còn 2 ngày nữa là đến Tết. Ở Sài Gòn - hay nói chung ở VN - nhộn nhịp lắm rồi. Những chuyến tàu xuôi

ngược, những tất bật vội vàng của người đi sắm Tết, những cửa hàng cửa hiệu đầy những hoa đèn, những bao lì xì đỏ rực, những câu đối vàng chóa, những cành mai cành đào thật và giả lẫn lộn ... tất cả những thứ đó đẩy cho tâm trạng con người càng thêm xôn xao. Theo tôi thì những ngày giáp Tết mới chính là những ngày vui nhất. Từ nhiều năm nay, một số lớn người VN có anh em, họ hàng, con cháu ở nước ngoài thăm hỏi tới tấp, quà gửi tung bùng và nỗi nhớ nhung càng làm gần thêm tình nghĩa. Nhưng đến đêm Giao Thừa, dường như mọi con tim lắng xuống, không khí bỗng trở nên trang trọng hơn, những lo toan tạm thời khép lại, để cho Năm Mới tràn vào với những ước nguyện như đang thành hình trong từng con tim, từng khuôn mặt. Mọi người nói năng thận trọng hơn, thái độ hòa nhã hơn, lịch thiệp hơn và cuộc sống như lại bắt đầu sang một trang mới. Thế nên trước Tết thường vui vẻ, nhộn nhịp hơn những ngày Tết.

Tính quần chuyện đời

Nhân dịp cuối năm, xin bạn cho tôi “tính quần chuyện đời” để đánh dấu một năm lặn lội. Tôi “tả oán” vài lời của một anh “ làm dâu trăm họ” tức là anh hành nghề viết báo. Có lẽ nó cũng gần giống với những bạn đồng nghiệp khác của tôi, chỉ khác chút xíu là tôi “đa mang” quá. Những ông khác chỉ cộng tác với một tờ báo đã tóe khói, còn tôi cộng tác với nhiều báo, nhưng thật ra cũng chỉ có 1 bài gửi chung cho nhiều báo khác nhau. Các vị có trang web riêng, có blog cứ “tự nhiên” xài chung, càng vui.

Trong khi cả thành phố đang tấp nập, nháo nhác và hàng xóm đang sửa soạn lại nhà, sơn cửa, rủ nhau đi chơi chợ Tết, đi sắm Tết thì những anh viết báo như tôi vẫn cặm cụi với chiếc computer ngồi lo “chuyện bao đồng”. Riêng với tôi thì càng “lỗi thời” hơn. Bạn bè nhiều, ân tình cũng lắm nên suốt những ngày Tết chẳng bao giờ được nghỉ ngơi. Báo này nghỉ thì báo kia vẫn ra đều đều, “ông ra thì bà nghỉ, bà ra thì ông nghỉ” nên chẳng tuần nào được rảnh rang. Báo nào tôi cộng tác thường xuyên, cứ gửi bài chậm là các ông ấy kêu toáng lên, e mail, điện thoại hối thúc như hò dò. Có ông lại nghĩ “chắc có vấn đề rồi đây”. Vấn đề ở đây là các ông ấy lo cho tôi bị “hỏi thăm sức khỏe” như cái cú bị “sờ gáy, nắn gân” hai năm trước. Tôi lại phải lo viết bài sớm để anh em đỡ lo cho mình. Không có mừng một Tết và cũng chẳng có mừng hai. Làm tuốt luốt.

Xin tâm sự thành thật với bạn đọc, tôi làm thế không phải vì mưu sinh mà vì “cái nghiệp” không bỏ được và cũng không bao giờ bỏ được những tờ báo của bạn bè. Phần khác cũng vì không viết thì chẳng biết làm gì. Viết để thấy mình còn được sống và viết những điều cần phải viết để thấy mình không sống thừa. Con đường mình đã chọn thì phải đi cho hết. Buông mặc mọi thủ đoạn hiểm độc, mọi toan tính vu khống, mọi chông gai phía trước.

Bạn gần không có, bạn xa chưa về

Tôi biết năm nào ở Sài Gòn cũng chẳng đèn kết hoa ở những con đường trung tâm thành phố. Nhưng với tôi, dường như kiểu tổ chức đó “xưa” rồi. Lại “bình mới rượu cũ” thôi, chẳng còn gì đáng phải chú ý nữa. Cả tháng nay tôi không ra đến đường Lê Lợi – Nguyễn Huệ làm gì. Phần khác vì có cái xe

gắn máy cho thằng cháu vừa lên đại học, nhưng nhà nghèo quá, không đủ tiền mua xe, dù là một cái xe cũ. Tôi nghe anh tôi kể lại, thằng cháu cứ để dành được vài trăm ngàn lại đem gửi bà nội để khi lên đại học mua xe. Vậy mà đến lúc lên đại học, nó chỉ có chưa đầy một triệu, trường rất xa, có thể nó sẽ phải bỏ học. Mũi lòng và sợ thằng cháu bỏ học nên “bàn giao” ngay xe và giấy tờ cho nó. Ở Sài Gòn mà không có xe đồng nghĩa với... không có chân. Thế là tôi trở thành “người không chân”.

Thêm nữa, vào cái tuổi tôi, phản ứng chắc chắn đã chậm nhiều nên lái xe gắn máy không còn vững vàng như “anh hùng xa lộ” thuở xa xưa. Đi đâu một mình thì giao mạng cho anh xe ôm. Còn cái tật thứ ba là lười. Ở nhà mãi thành quen, chẳng muốn đi đến đâu cho yên thân. Một điều quan trọng hơn cả là không có bạn, hay đúng hơn là thiếu bạn tâm giao. Ở một nơi như trong cái xã hội này, người ta đánh mất niềm tin, khó sống chân thật, nhiều người buộc phải nói dối, phải sống hai mặt. Ngoài mặt hoan hô, trong lòng đã đảo rồi thành thói quen. Thế nên lại phải hạn chế tối đa sự giao thiệp. Cái tâm sự “bạn gần không có, bạn xa chưa về” là sự cô đơn và cũng là sự “lưu lạc” ngay trên quê hương mình.

Tôi thường “quan sát” các sự kiện qua đài truyền hình, qua báo chí và trên mạng internet, đôi khi qua điện thoại. Còn dư luận thì ra quán cà phê đầu ngõ, đầu chợ Bàn Cờ, tha hồ nghe người dân “bình luận” đủ thứ trên đời, nhất là mấy anh thợ cắt tóc là “trung tâm tin tức” của khu dân cư. Đây là thứ tin tức “thật” nhất, sống động nhất, không sợ bị thổi phồng hay bóp méo. Người ta nói, người ta kể, người ta bàn từ trong tâm, cái “tâm” của người chất phác, không được thua gì trong mọi biến chuyển thời cuộc.

Các “đẳng cấp” chơi hoa Tết

Tuy nhiên, năm nào cũng vậy, tôi dành một buổi để đi chơi hội hoa xuân vào một trong vài ngày cuối cùng của năm. Ở đây có thể bắt gặp những người đi “mót hoa cuối mùa”, tức là đào qua các khu chợ hoa vào ngày cuối cùng 29 hoặc 30 Tết. Lúc đó các chủ vườn hoa từ lục tỉnh lên, ế hàng, hoa Tết không bán được chỉ có nước mang về làm củi. Họ bán tống bán tháo để khỏi mất công, mất của chờ hoa về. Dĩ nhiên những thứ hoa đó chỉ là loại rẻ tiền. Vậy mà đôi khi cũng chọn được một vài cành ưng ý mang về chưng để các con nó mừng, bà vợ không tủi thân.

Có ba loại “chơi hoa Tết”. Loại thứ nhất là các đại gia, đại công ty, mua tận vườn những loại hoa cảnh quý hiếm. Năm nay có loại bonsai lên tới vài chục tỉ đồng cũng có “đại gia” tranh nhau mua. Ngay cả đến loại trái cây như dưa hấu, trái bưởi cũng được “trồng ép” thành những hình thù lạ mắt. Mấy năm trước đã có dưa hấu vuông, năm nay lại có dưa hấu hình bầu, bưởi hình nậm rượy, năm sau chắc chắn sẽ có dưa hấu hình chiếc xe hơi. Những thứ “hàng độc” này được bán với giá trên trời, không thể nói nó gấp bao nhiêu lần trái cây thường. Có khi một cặp bưởi ở chợ này giá 500 ngàn đồng, ở chợ khác giá gần hai triệu. Vậy mà chỉ vài hôm là thứ “trái cây siêu đẳng” này cũng hết sạch.

Loại thứ hai là loại trung lưu nhưng thích “đẳng cấp”, đi chọn hoa ngay từ phiên khai mạc để có loại hoa quả quý hiếm, có giá chừng một hai triệu, chứ chưa dám “trèo cao” như các “quý sờ tộc” và đại quan, đại gia.

Loại thứ ba là loại đời “chợ chiều” mua hoa giá “bèo” vào ngày cuối phiên chợ như tôi đã nói ở trên. Còn dân lao động chân tay

lam lũ, loại được coi là “thành phần nông cốt chính hiệu”, dường như chẳng bao giờ biết đến thú chơi hoa. Thú “chơi com” còn chưa đủ lấy gì ra mà chơi hoa?! Nhìn vào đó thì đủ biết cái khoảng cách giàu nghèo hiện nay ở VN lớn như thế nào? Và cái khoảng cách ấy sẽ mang lại hậu quả như thế nào trong tương lai? Chắc bạn đọc đã có thể dự đoán được

Vài điều đặc biệt của Hội Hoa Xuân năm nay

Hội Hoa Xuân ở vườn Tao Đàn Sài Gòn mới khai mạc hôm 25 tháng chạp. Hôm sau, tôi rủ Thanh Saigon, một cây bút mới rất tháo vát, đi thăm Hội Hoa Xuân. Ngồi sau chiếc xe gắn máy loại “phổ thông” nhất Sài Gòn, chúng tôi đến Phở Hòa dẫn bụng trước khi vào “công tác”. Đây là tiệm phở bò khá nổi tiếng trước và sau 1975. Phải thú nhận với bạn là lâu lắm rồi tôi mới ghé qua hàng phở này. Giá cả không “mềm” và cũng không “sang” như quán Phở Ta của bà Tuyết Mai, nay đã đóng cửa, nghỉ khỏe. Thường là tôi ăn sáng với những món “đặc sản chợ Bàn Cờ”. Bánh cuốn, bún ốc, bún riêu, sủi lúa, com tâm bì, bún bò, bún mọc, bún thang... không món nào quá hai chục ngàn đồng. Đây là tính theo thời giá mới sau khi xăng tăng giá. Giá cũ chỉ có 15 ngàn đồng trở lại. Lâu lâu có bạn bè chờ đi mới chịu khó mò đến hàng phở có tiếng và dĩ nhiên giá tiền cũng tham gia vào cái sự nổi tiếng này. Nó gấp đôi, gấp ba giá bình dân của chợ Bàn Cờ. Cửa hàng lúc nào cũng đầy ắp khách từ nhà dưới đến trên lầu. Muốn ăn sang một tí thì cũng phải chịu đựng một tí. Ngồi giữa chôn ba quân, nghe tiếng ồn ào cũng đủ nhức đầu. Khách vào đây chỉ để ăn rồi nhanh chóng ra đi, không có thì giờ tán chuyện gẫu ở đây.

Gần 9 giờ, chúng tôi đến vườn Tao Đàn. Trước hết gặp một sự ngạc nhiên lớn là chỗ gửi xe gắn máy chỉ có giá hai ngàn, xe đạp một ngàn đồng. Đó là chỗ lực lượng Thanh Niên tự nguyện tổ chức, làm gương cho những nơi khác. Có những chỗ gửi xe hè phố vào “thời điểm cắt cổ” này, giá trời ơi, có khi lên tới ba bốn chục ngàn là chuyện thường ngày ở huyện.

Con đường dẫn vào khu Hội Hoa Xuân được chào đón bằng hai con rồng uốn khúc, được uốn ghép bằng hoa lá cành chạy dài theo hai bên công. Khách đến thăm vẫn còn thừa thớt. Hầu hết là khách du lịch hoặc những bà con ở nước ngoài về thăm gia đình, đến xem hoa, chụp hình kỷ niệm. Hội Hoa Xuân chia làm nhiều khu, trưng bày từng loại hoa riêng biệt, nhưng cũng không khác năm trước bao nhiêu. Khu hoa lan, khu tiểu cảnh, khu cây khô, khu hoa mai, khu bonsai, khu trang trí, khu trưng bày cá cảnh. Ban tổ chức đã dành riêng một khu vực để trưng bày những biểu tượng về biển đảo, nổi bật là cột mốc chủ quyền đảo Trường Sa làm bằng hoa chính giữa khu trưng bày.

Được chú ý nhiều nhất của hội hoa là những chậu hoa lan xanh nổi bật giữa rừng hoa vàng hoa đỏ. Màu sắc rất lạ, hoa lá xum xuê che kín, không nhìn thấy thân và cành. Một điểm đặc biệt nữa của hội hoa năm nay là loại hoa đất sét. Mẫu hoa độc đáo này làm từ... đất sét. Mới du nhập về Việt Nam vài năm gần đây nhưng hoa đất Nhật Bản ngày càng chiếm được cảm tình của nhiều người vì sự lạ mắt, độc đáo, tươi tắn như hoa thật. Đất sét trắng được nhập từ Nhật Bản, sau đó được pha trộn với các màu khác nhau để tạo nên các loại thân, cành, lá hoa, treo khô lên từ 4 đến 5 tiếng. Tùy từng chất liệu bình được chọn để cắm mà giá có thể từ vài trăm đến vài triệu. Tôi đặc biệt

chú ý đến cây chuối nhỏ làm bằng đất sét, màu sắc như thật với những buồng chuối có những nải chuối và hoa chuối nhỏ xíu rất dễ thương, bày trên bàn hay trong tủ kính sẽ rất lạ. Hoa đất có màu sắc sắc sỡ, thậm chí theo nhiều người còn khen đẹp hơn cả hoa thật, lại không cần tưới tắm, chăm sóc công phu. Nếu chăm sóc tốt những bình hoa này có tuổi thọ từ 3 đến 10 năm.

Những hình bóng cũ

Chúng tôi tìm đến khu bày bán những đặc sản từ miền Trung miền Bắc mang vào. Khu này thường được bày ở bên nhà Văn Hóa Lao Động, cạnh vườn Tao Đàn. Nhưng năm nay không thấy những gian hàng của các “nghệ nhân” từ chùa Non Nước mang vào nữa mà chỉ thu hẹp thành những gian nhỏ phía gần ngoài công Hội Hoa Xuân. Cũng không thấy chị gôm Bát Tràng bày hàng loạt đồ gốm thô đặc biệt của làng quê miền Bắc này. Tôi nhớ đến khoảng bảy tám năm trước, đi cùng Phan Nghị, Vương Đức Lệ đến những khu này. Phan Nghị “tán” vợ vẫn với chị bán hàng gốm Bát Tràng vui như pháo tét. Chị bán một bộ đĩa gốm có ba chữ Phúc - Lộc - Thọ. Nhưng tôi chỉ mua có hai chữ Phúc và Lộc. Chị hỏi tại sao, tôi giải thích gọn gàng là tôi trên 70 rồi, còn mua chữ Thọ làm gì nữa. Trời thương cho sống đến tuổi này đã là may. Chị cười rất duyên và nói “Sao mà bác giống bố cháu thế, ông cũng nói vậy”. Đến nay tôi còn treo hai chữ trên hai cái đĩa Bát Tràng đó giữa nhà. Tôi nhớ năm sau tôi đi một mình, nhà chị gôm Bát Tràng hỏi thăm “ông vẫn đi với bác đâu”? Tôi nói ông ấy quy tiên từ giữa năm rồi. Chị Bát Tràng ngẩn người rồi thở dài ngâm ngùi: “Đời người ngắn quá bác nhỉ. Bác thấp giùm cháu nén hương cho ông ấy nhé”. Chị không biết tên ông khách và ông khách cũng chẳng biết tên cô bán hàng, chỉ gọi là cô gôm Bát Tràng, vậy mà

họ vẫn nhớ nhau. Hai ba năm nay tôi không gặp lại “cố nhân” đó nữa. Chẳng biết năm nay cô trôi giạt phương nào. Nhưng tôi vẫn nhớ hàm răng trắng đều và đôi má thoáng đỏ khi nụ cười của cô sáng rỡ. Tôi nhớ Vương Đức Lệ ngày nào hiền lành lặng lẽ đi bên tôi và giục tôi mua bức tượng đất bọc nhưng đồ mang hình thiếu nữ phương Tây, ngực trần, uốn éo đội bầu nước, có thể dùng để cắm hoa. Hơn mười năm rồi, tôi vẫn còn để bức tượng đó bên chiếc máy truyền hình. Bây giờ hai ông bạn tôi đã ra người thiên cổ, nhưng ngày nào tôi cũng nhìn thấy hình bóng hai ông này qua những kỷ niệm của Hội Hoa Xuân.

Thật ra trong nhà tôi chỉ có vài thứ quý nhất, đó là những kỷ niệm rất nhỏ của bạn bè. Một chai rượu, một cái bật lửa, một chiếc ly thủy tinh... đều in dấu của một người còn sống hay người đã mất. Họ vẫn ở bên nhau và bên tôi. Gia tài của tôi chỉ có thế.

Chợ Lớn năm nay có gì lạ?

Hơn 10 giờ, Thanh Sài Gòn chở tôi vòng qua đường hoa Nguyễn Huệ. Vào buổi sáng nên khách đến thăm còn rất thưa. Ngắm nhìn toàn cảnh đường hoa năm nay, có nhiều nét khác nhưng tổng thể thì vẫn như năm cũ. Nếu năm trước là chiếc cầu khi thì năm nay là chiếc guồng nước, nếu năm trước là khu hoa lan thì năm nay là khu đồng ruộng thôn dã... Dù sao con đường hoa cũng làm cho Sài Gòn mới hơn, song chỉ mới cái bề ngoài. Ghé qua khu chợ Huỳnh Thúc Kháng, mang tên Chợ Trời, cũng chẳng có gì lạ so với những ngày thường. Chúng tôi phóng xe vào Chợ Lớn thử xem đồng bào ta và người Việt gốc Hoa ăn Tết ra sao. Nhưng ngay từ đầu đường Trần Hưng Đạo, từ sau siêu thị Nguyễn Kim, không khí vắng ngắt, cứ như không có mùa xuân từ đây. Mọi sinh hoạt vẫn bình thường lặng lẽ. Suốt chiều dài đó, kéo vào

tới Chợ Lớn, gặp nhà hàng Đồng Khánh, vẫn thưa thớt. Lác đác trên vỉa hè có mấy hàng treo lủng lẳng những chùm hoa giả, phong bao, câu đối nhưng chẳng có khách nào viếng thăm. Mọi thứ như chỉ có cái Tết uể oải như chiếu lệ.

Đi sâu hơn vào dãy phố chính Trần Hưng Đạo, nơi có những nhà hàng lớn cũng chẳng hơn gì. Đường phố ở đây thông thoáng, khác hẳn Sài Gòn tấp nập. Trước năm 1975, nếu muốn đi “ăn tiệm”, hầu hết phải tìm vào Chợ Lớn mới có nhà hàng sang và món ăn ngon đủ kiểu. Phố ăn chơi chính là dãy phố này, nơi có nhà hàng lớn như Đồng Khánh, Bát Đạn, Arc En Ciel, Versailles...tôi không thể kể hết. Trước đây nhà hàng ăn Bát Đạn nổi tiếng với những món ngon, khách sạn chỉ là phân phụ. Nay thì khác, Bát Đạn chỉ còn là khách sạn, không có hàng ăn. Arc En Ciel cũng chẳng hơn gì, mặc dầu cái mặt tiền được trang trí “hoành tráng” hơn xưa. Hầu như tất cả những tiệm ăn, tiệm nhảy, nơi chôn ăn chơi đều đã chuyên hết về những khu phố Sài Gòn. Chúng tôi kiếm một quán ăn trưa cũng khó. Cái phồn thịnh năm xưa của Chợ Lớn đã hết thời, chính vì thế nên khách du lịch và người Việt ở nước ngoài về VN không còn chú ý và nhiều ông còn không bước chân vào Chợ Lớn nữa. Người ta quên phần đất này rồi. Nhưng tôi thì không thể quên, khi đi qua con đường xưa, nhà hàng cũ, những hình bóng của những người bạn thân quen hơn 30 năm xưa lại ùa về, không thiếu một ai.

Tôi đi Hội Hoa Xuân và đi Chợ Trời, nhảy vào Chợ Lớn chỉ là để tìm lại những hình bóng bạn bè từ thuở xa xưa. Mỗi năm một lần đi tìm ngày tháng cũ mang theo vào Năm Mới cho cuộc đời bớt quạnh hiu.

Văn Quang

21-1-2012

XUÂN CỦA HỒN TÔI

Ai bảo rằng Xuân chưa kịp tới?
Có em rồi : Xuân của hồn tôi
Ai bảo rằng thu hay nhạt nắng?
Có em rồi, bãi nắng mênh mông..

Quên nỗi sầu xưa, chiều xanh lá
Màu áo em nơi miền phố lạ
Một chút êm đềm.. miền man quá
Vàng trắng gọi nhớ buổi em qua..

Đêm hôm đó, hương em thơm ngát
Mắt mơ màng say đắm hồn anh
Tim tôi đó, em người nắm giữ
Cõi hồng trần.. hương lửa ba sinh..

Em đứng đó sao ngàn trùng xa cách
Ánh mắt gàn, sao lại thấy xa xăm
(Ân tình nào buông trôi trên ngọn sóng)
Nghiêng sang em, tôi thấy bóng hanh vàng

Chiều dần xuống, gió ngừng không muốn thổi
Dốc hoang vu như nhẹ lắng tiếng đời
Ngọt bùi ơi.. bay qua vùng mây trắng
Sương âm thầm.. hiu hắt mảnh tình tôi..

VA, đêm 22- 12- 11

BÙI THANH TIÊN

(gởi MKĐ)

NHỚ TẾT Ở BÀU HÀM

Ra đi dễ mấy chục xuân rồi
Nhớ thuở Bàu Hàm đón Tết chơi
Tống cựu sân nghèo hoa cợt gió
Nghinh tân bếp lạnh chuột khua nồi
Đi buồn mở cuộc liền bay vốn
Cuốc rẫy đầu mùa đã hết hơi
Rượu đế thời thì vui với bóng
Mềm môi đâu biết mếu hay cười!

NGUYỄN VÔ CÙNG



QUÁN CHIẾU

Buông xả cho lòng được thanh thoi
An nhiên nghe gió cuộn lưng đời
Bao tầng ảo mộng, sương đầu núi
Một kiếp phù sinh, bụi cuối trời
Tan hợp: hoa bèo nơi sóng cả
Đổi dời: phố thị giữa trùng khơi
Vô thường diệu lý cùng suy gẫm
Sáu nẻo mong ngày thoát khỏi thôi!

NGUYỄN VÔ CÙNG

SÀI GÒN MƯA VẪN RỜI

TÔN NỮ MẶC GIAO

Xí Muội (XM) quỳnh quáng chạy vào phòng sách kéo lung tung những cuốn sách trên kệ xuống miệng không ngừng hét gọi chồng:

- Bó! Bó! Cuốn sách “Sài Gòn Mùa Vắn Rời” của em để đâu anh biết không?

“Ngài” Tôn Thất Mặc Kệ đang “ngự” tại phòng khách, không nhúc nhích (đã bảo mặc kệ mà lị!) nhưng cũng... hết đáp lễ:

- Sách của em để mà em hỏi anh thì làm sao anh biết mà trả lời được?

XM vừa xếp lại chồng sách vừa lải nhải như tự giải thích với chính mình:

- Bữa nhận được sách của Phong Thu gọi, nhà mình đang lột thảm lót sàn bụi bay mù mịt, xê dịch lung tung em sợ lạc mất sách nên để vào một chỗ kéo tới kéo lui bây giờ không biết nó nằm đâu?

Ngài Tôn Thất vẫn... mặc kệ:

- Từ từ mà tìm, cũng nội đâu đó trong phòng sách thôi chứ mất đâu mà lo.

XM ngồi bệt xuống sàn vừa đưa mắt đọc tựa gáy những cuốn sách vừa bực mình lầu bàu nhỏ nhỏ:

- Đúng là... Mặc Kệ! Không chịu giúp người ta tìm gì cả. Chiều mai là ra mắt sách của Phong Thu rồi mà chưa đọc được chữ nào thì còn ra cái thể thống gì nữa!

XM tuy bực mình nhưng cũng không dám nói lớn sợ chồng nghe được thì lại phiền. Hai vợ chồng với hai sở thích khác nhau như thế mà lại sống chung đề huề và rất hạnh phúc thì kể cũng lạ. Vợ thì thích

viết văn, làm thơ làm thân mặc dù chẳng bằng ai. Nhưng đó là điểm tựa tinh thần, là giải trí lành mạnh để giảm bớt đi những căng thẳng giữa cuộc sống chạy đua như tên bắn của xứ người (không se xua bài bạc như những mệnh phụ khác là may lắm rồi). Còn chồng thì đắm mình vào đạo Phật, tham thiền và nghiên cứu Phật pháp để hy vọng kiếp sau sẽ được đắc thành quả “Bất thối chuyển” mới mong “độ” được cho con nhỏ XM “lộn xộn” này, rồi cùng nắm tay nhau giải thoát khỏi kiếp luân hồi.

XM tuy lí lắc lắm trò nhưng cũng biết nghe lời chồng, biết sợ phạm tội, sợ quạ báo luân hồi nên cũng chịu khó ăn năn xám hối, chịu khó đọc kinh niệm Phật, tin tưởng vào Phật Pháp theo chồng. Còn ngài TT Mặc Kệ tuy chẳng bao giờ cùng vợ đi tham dự những buổi ra mắt thơ văn, cũng chẳng bao giờ thêm đọc văn của vợ mà còn buông thông hai tiếng “vớ vẩn!” khi thấy văn của vợ được đọc giả ngưỡng mộ. Nhưng cũng biết tôn trọng, muốn viết gì thì viết, đôi lúc lại chịu khó ủng hộ làm bìa và in sách cho vợ nên XM khoái lắm! Cho nên ai nói gì cứ nói “em cũng theo anh đời đời kiếp kiếp”... hí hí... sợ chưa? Hai vợ chồng chẳng ai phạm vào điểm tựa tinh thần của ai cả, lại cùng nhìn về một hướng (đạo Phật) nên hạnh phúc chan hòa. Xin cảm ơn đời vẫn còn có anh.

Đọc tựa gáy những cuốn sách hoa cả mắt, mướt cả mồ hôi, XM đứng lên toan bỏ

cuộc thì dòng chữ “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” nằm giữa những cuốn sách khác trên nóc kệ cao nhất đập ngay vào mắt XM. Có thể chứ! “Sách quí” mà! Mắt làm sao được? XM mừng hùm kéo nó ra bật bật, dờ dờ vài trang rồi ung dung kẹp vào sách bước ra khỏi phòng sách. Đến bên bàn bếp, tay phải bóc lấy một quả hồng dòn chùi chùi vào áo (ở dờ sống lâu) đi lên lầu. Vừa đi vừa “cạm” trái hồng, tay trái cầm ly trà nóng bước vào phòng ngủ “enjoy” sách của Phong Thu.

Phong Thu là một nhà văn ở Maryland mà XM có dịp quen biết nhân một chuyến cùng đi sang Pháp tham dự buổi “Thu Tao Ngộ” cách đây hai năm do nhà văn, thơ Đỗ Bình tổ chức tại Paris (khi anh còn là chủ tịch Câu Lạc Bộ Văn Nghệ Sĩ người Việt Quốc Gia tại Pháp). XM tuy viết nhiều nhưng ít tiếp xúc với đời và đi sâu vào giới văn bút nên chẳng quen biết ai, ngoại trừ một số người giới hạn ở Mỹ. Nhờ chuyến sang Pháp XM được quen biết thêm với một số anh chị văn nghệ sĩ ở Paris, và một số nhà văn, thơ “tên tuổi” ở khắp tiểu bang trên nước Mỹ, trong số đó có Phong Thu. Chúa Nhật này (23 tháng 10 năm 2011) Phong Thu sẽ đến San Jose để ra mắt cuốn sách “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” được viết bằng song ngữ Anh Việt của cô, mà XM đã được nghe quảng cáo nhiều trên diễn đàn Internet cũng như trên báo chí, đài phát thanh và các cơ sở Thi văn đàn.

Là một người ham thích đọc và viết, XM làm sao mà không tham dự cho được? Huống chi lại là bạn văn? Chưa nhận được sách thì không nói làm gì, đằng này đã nhận được trước ngày ra mắt thì XM nhất định phải đọc cho bằng được mới thôi. Chỉ tiếc là sau này XM có cái bệnh chóng mặt khi nhìn lâu vào sách hay màn hình computer,

do đó vì lý do sức khỏe nên XM rất giới hạn viết và đọc. Vả lại hôm rày nhà cửa sửa chữa chưa xong nên rất bận rộn, nhưng cho dù bận rộn thế mấy thì XM đây cũng phải ráng đọc cho xong ngày hôm nay, để ngày mai khi đi tham dự mới thích thú nghe người ta bình phẩm và nhận định về cuốn “Sài Gòn Mưa vẫn rơi” của Phong Thu một cách chính xác được.

Và XM đã đọc xong (xúc động và đau lòng quá trời!). Xin cảm ơn bạn đã nói lên được tiếng lòng chung mà quả thật XM đây không viết được chứ không phải là không dám viết. “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” của Phong Thu theo XM là đầy đủ với cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen. Mưa ngoài trời cũng là những giọt lệ chảy ngược vào tim, và cũng là những giọt mưa đời không ngừng quất vùn vụt xuống những mảnh đời khốn khổ hiện nay của người dân tại VN. Cũng xin nói qua về “cái tôi” một chút. XM rất là đa cảm và mít ướt, một con chó bị xe cán dầy đành đạch chết trước mặt XM cũng làm cho XM xúc động khóc cả ngày trời. Một tấm ảnh em bé Phi Châu (chắc chỉ được vài tháng tuổi) chết đói nằm co quắp dưới lòng mẹ, không một mảnh áo che thân cũng khiến XM không thể nào ngủ được. Thì thử hỏi làm sao không đau xót khi hướng về đồng bào ruột thịt đang hứng chịu những “trận mưa đời” không ngừng trút xuống? Làm sao không đau lòng lo lắng trước nguy cơ lụn bại sụp đổ hoàn toàn của nền luân lý giáo dục Việt Nam với hơn 4000 năm Văn Hiến? Và sự suy đồi băng hoại của thể hệ trẻ Việt Nam ngày nay? Rồi lịch sử “Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu” có tái diễn lại chăng?

Ôi! XM có lòng nhưng không có sức, có phải XM lo “con bò trắng răng” không?

Hơn 36 năm rồi! Những cây bút cũng như những người gìn giữ và phát huy văn hóa Việt tại hải ngoại, đã không ngừng tâm huyết, tốn hao biết bao nhiêu giấy mực để viết lên những tệ trạng này. Và hôm nay thêm một Phong Thu, tác giả của 12 truyện ngắn được viết bằng song ngữ Anh Việt trong “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi”. Với một nhận định chính xác và sâu sắc, tác giả đã viết bằng tất cả tiếng lòng của mình để nói lên tất cả sự thật đau lòng mà “nhà nước ta” đã phạm phải từ khi lên cầm quyền. XM nghĩ rằng “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” sẽ được mọi người hoan nghênh và đón nhận không phải như một lời khen, mà là một ước ao, một hy vọng góp phần không nhỏ trong ánh đuốc soi đường để “nhà nước ta” thấy sai mà kịp thời sửa đổi cho dân nhờ. Trong 12 truyện ngắn của “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi”, hầu như đa số tác giả đều viết những lời chú thích của lòng mình khiến XM thích thú. Có cảm tưởng như gặp được một người bạn đồng hành biết nghĩ cho quê hương, biết thông cảm, biết đau xót cho cái đau của đồng bào ruột thịt: *“Tôi viết để chia sẻ niềm đau với đất nước và dân tộc tôi. Tôi viết để ca ngợi và cầu nguyện cho những người dũng cảm đang bị bức hại, đọa đày trong ngục tối. Tôi viết để nhớ những giọt lệ lòng, thương cho thân phận người Việt Nam máu đỏ da vàng.”*

XM đến hội trường giữa lúc Phong Thu đang rộn rịp đón tiếp quan khách và thân hữu đến tham dự buổi ra mắt sách của tác giả. Ngoài sự hiện diện của ban tổ chức gồm có bà Cao Ánh nguyệt, bà Ngọc Bích, bà Huệ Thu, bà Lê Diễm. MC Hồng Hà. Ông Lê Văn Hải, Ông Song Nhị, ông Cao Sơn, ông Thư Sinh, ông Diên Nghị, ông Trần Hữu Từ, ông Chinh Nguyên, ông Cung Diễm và ông Phạm Bằng Tường. Còn

có sự góp mặt đại diện của Thi Văn Đoàn Bốn Phương, Cơ sở văn thơ Lạc Việt, tuần báo Thăng Mõ, tuần báo Tin Việt News, tuần báo Phụ Nữ Cali, tuần báo Việt Tribune, nhật báo thời báo. Ông Trần Nghĩa Sĩ của Việt Nam Nhật Báo, nhà văn Duy An Đông và nhà thơ Ngọc An. Và đặc biệt nhất là sự có mặt của một nhà văn nữ vừa mới thoát khỏi ngục tù cộng sản Việt Nam được hơn 4 tháng nay mà suýt nữa XM đã mạo phạm nghi ngờ “người ta” là “Mít... đại” thì có chết không cơ chứ lị!

Trước khi nói đến chị, XM xin giải thích hai chữ “mít đại” cái đã. Không biết cái chuyện tếu này xuất xứ từ nơi đâu XM đọc xong cũng không nhớ rõ, chuyện kể rằng: Có hai người đàn ông gặp nhau trong một công viên trên đất Mỹ, cùng ngồi nghỉ chân trên một cái ghế đá. Người đàn ông tên A hỏi người đàn ông tên B rằng:

- Ông là người Việt Nam phải không?

Ông B gật đầu, ông A gật gù hỏi tiếp:

- Té ra cũng là An Nam Mít cả đây. Chẳng hay ông anh là “Mít khô” hay “Mít ướt”.

Ông B ngơ ngác:

- Dạ Mít khô hay Mít ướt là sao ạ?

Ông A giải thích:

- Người Việt Nam, hay An Nam hay Mít gì thì cũng rứa không phải sao? Có điều qua đây rồi bà con mình buồn quá nên đặt chuyện nói tếu cho dzui. Mít khô có nghĩa là dân đi từ 75, Mít ướt là dân chân ướt chân ráo mới đến định cư sau này, ông hiểu chưa?

Ông B vỗ tay cười quá xá:

- Dạ thế là “em” Mít ướt rồi bác ạ! Em mới sang được vài năm năm.

Hai người đang cười hỷ hả thì bỗng có một ông tay cầm điện thoại “di động”, vừa đi vừa nói oang oang như chỗ không người: “Dạ! Báo cáo anh.... Dạ! Dạ!... Rất là ấn

tượng... Dạ! Dạ vâng!... Dạ cái gì cũng hoành tráng anh ạ!...” rồi xè xuống ghé đá ngồi bên cạnh hai ông A và B. Đợi cho người nọ nói điện thoại xong, ông A gọi chuyện:

- Ông anh sang đây theo điện bảo lãnh hay là HO?

- Dạ tôi được “nhà nước” cho đi “công tác”.

Ông A và ông B vội đứng dậy vừa đi vừa rù rì:

- Chết cha rồi! Gặp phải... “Mít đại” rồi bạn ạ! ...

Trở lại buổi ra mắt sách của Phong Thu, XM đang ngồi hàng ghế trước nói chuyện với Ngọc An, bỗng nghe đằng sau lưng có một giọng nói rất là “ấn tượng”. Có nghĩa là giọng “Bắc Kỳ 75” (ám chỉ bọn đồng chí của Hồ chủ Tịch) chí choa chí choé “hùng dũng, hiên ngang” tiến vào Sài Gòn bỏ ngõ hồi 75 rồi oang oang võ ngực tự xưng là mình đã “đuổi cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”. Kể từ đó (30 tháng 4, năm 75), mỗi lần nghe được giọng nói này

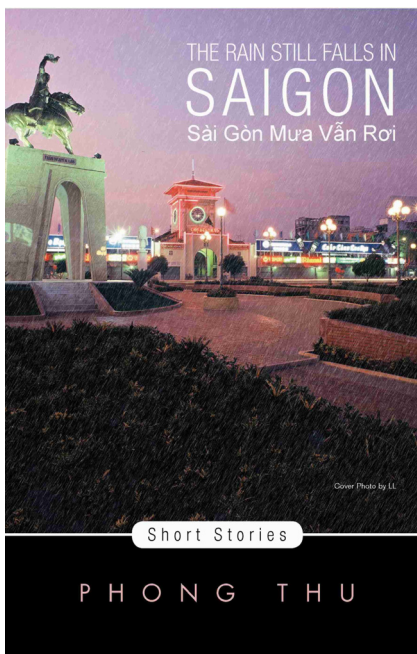
bất cứ ở đâu là XM lạnh xương sống không thể nào quên được cái ngày mất nước đau buồn năm xưa. XM cũng đã từng bị kẹt lại sống với cộng sản suốt 11 năm trời chứ ít sao? Cho nên XM cũng đã biết phân biệt được đâu là nhà nước, đâu là dân để oán thù phân minh. XM không có ghét dân miền Bắc (bản thân XM cũng là gốc Bắc kỳ chứ khác gì đâu!) mặc dù họ có giọng nói sao mà giống bọn “đỉnh cao trí tuệ” thế không biết. Nhưng XM không ghét

họ bởi XM biết họ vô tội, họ cũng là những người dân bị kẹt lại mà thôi! Rồi bị “đảng và nhà nước ta” nhào nặn, uốn nắn nên bị biến đổi thành một khuôn rập thể thôi! Đã 36 năm hơn, đừng trách XM sao nhớ mãi âm thanh giọng nói thừ xa xưa mà làm gì? Bởi sự sụp đổ quá nhanh chóng của miền Nam gieo không biết bao nhiêu thảm cảnh đau thương cho người dân vô tội hỏi ai có thể quên được? Cho nên mỗi lần

nghe đâu đó âm hưởng giọng “xa xưa” là XM không sao tránh khỏi tò mò quay lại nhìn. Để làm gì thì XM không biết, nhưng đầu óc lại liên tưởng ngay đến hai chữ “Mít đại” từ câu chuyện tếu kể trên.

Hôm nay cũng vậy, XM quay lại nhìn nhưng chưa kịp “nghĩ” gì thì chị lại đi chuyển lên hàng ghế đầu dãy phía bên cạnh ngồi xuống. XM đưa mắt nhìn theo, ngẫm hỏi Ngọc An xem là ai thế? Ngọc An nói nhỏ vào tai XM: “Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy đó!” XM giật

bắn người. Một nhà văn sinh trưởng tại miền Bắc đã dám đứng lên đòi nhân quyền cho VN, đã từng bị cộng sản “đi” hết chỗ nói vẫn cương quyết không bẻ cong ngòi bút của mình. Đã được Mỹ can thiệp cho định cư tại Sacramento hơn 4 tháng nay. Trời ơi! “người ta” là Mít “tổ Nữ” nở giữa rừng “Mít đại” toả hương thơm ngát đáng để cho lớp trẻ trong nước noi gương. XM cũng đã từng đọc văn của chị, đã từng theo dõi tin tức thời sự về chị, và cũng rất cảm phục ý chí cương



quyết của chị. Thế mà suýt nữa XM nghĩ (...) Để ngậm chuộc lỗi, XM đến bên chị chào hỏi và nói dăm ba câu xã giao rồi quay về chỗ ngồi để chuẩn bị làm lễ chào Quốc Kỳ. Ngọc An, XM và một chị bạn tên Nga hát theo bài Quốc Ca ngon lành.

Thật đúng như XM nghĩ, buổi ra mắt sách của Phong Thu thành công ngoài sức tưởng tượng, không đủ ghế ngồi, có người còn phải đứng. Sách bán không còn một cuốn. Ngoài người điều khiển chương trình là ông Thư Sinh và cô MC Hồng Hà còn có sự phát biểu của nhà văn Diên Nghị và đại diện của các thi văn đoàn. XM thấy chỉ có bà Cao Ánh Nguyệt là lời cuốn nhất về cả ngoại hình lẫn lời ăn tiếng nói. Ăn nói lưu loát, không cần nhìn giấy, phân tách tỉ mỉ, dẫn chứng đầy đủ. Có thể làm MC tốt hơn là làm chủ báo (cười). Cũng không quên các ca sĩ Bảo Ngọc, Lê Hằng, Mỹ Thế và một cô nữa mà XM quên tên rồi (sorry!) Đã giúp vui chương trình văn nghệ với tất cả tấm lòng yêu thích văn nghệ của mình.

Thật ra XM viết bài này không phải là để quảng cáo hay phê bình gì hết cuốn “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” của tác giả Phong Thu. XM chưa từng bao giờ dám phê bình văn chương của ai hết mà chỉ nói lên cái cảm tưởng của mình khi đọc nó mà thôi! Nhưng tất cả những gì XM muốn nói đã thấy bà Cao Ánh Nguyệt trình bày rất đầy đủ rồi cho nên XM không còn biết phải nói thêm gì nữa đây? Thôi thì “Hữu xạ tự nhiên hương” Phong Thu há! (chữ của Phong Thu đó!) Được biết tác giả viết cuốn sách này để nói thay cho những người dân thấp cổ bé miệng đang sống trên khắp miền đất nước quê hương bị cộng sản bóp đầu, bóp họng không thể nói lên tiếng nói chính nghĩa được, mà Sài Gòn chỉ là một tượng trưng cụ thể. Nguyện vọng của cô là muốn được

phổ biến cuốn sách này về tới VN để cảnh tỉnh cho những ai quên mình đã từng là nạn nhân của cộng sản, đã quên vì ai mà ông bà cha mẹ ta phải bỏ nước ra đi mà nay lại quay trở về bắt tay với cộng sản. Muốn phổ biến đi khắp mọi nơi trên thế giới biết và quan tâm đến số phận của những người dân đang sống tại Việt Nam hiện giờ.

Có một vị nữ giới đã nêu câu hỏi với XM như thế này, xin lập lại nguyên văn:

- “Cái bà” Phong Thu này bà có về VN không hay chỉ ngồi ở Mỹ mà tưởng tượng thôi?

XM đã chuyển câu hỏi trên tới tác giả và được sự trả lời rất “nhẹ nhàng”:

- Xin chị hãy mời vị ấy mua cuốn sách này về đọc thì sẽ hiểu ngay thôi.

Thật ra không phải chỉ một mình Phong Thu nhận được câu hỏi “vớ vẩn” này mà ngay chính XM đây cũng đã từng bị “quánh” toi bởi bằng những câu hỏi mà XM đây không muốn trả lời một chút nào hết:

- Chị nói làm sao chứ tôi thấy VN bây giờ đổi mới, giàu sang sung sướng thấy mô, có ai nghèo khổ đâu?

Đúng ra thì mỗi người nhìn và nhận định về quê hương bằng mỗi góc cạnh khác nhau. Họ không biết hay là không muốn biết về những tin tức, thời sự nóng hổi trên mạng lưới Internet, trên báo chí, trên những phóng sự truyền hình, truyền thanh về những sự việc đau thương đang xảy ra hằng ngày tại xã hội VN hiện giờ. Hoặc cố tình nhấn mạnh sự phồn vinh giả tạo của Sài Gòn để khoe ra sự giàu có của chính bản thân họ và gia đình còn ở Việt Nam? Thật là ấu trĩ, nông cạn và thiếu sự cảm thông. Xin mời đọc “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” để... mở mắt ra.

TÔN NỮ MẶC GIAO
(San Jose)

XUÂN QUA VỘI

Lạc bước phong trần tóc trắng phau
Buồn sông cát lấp mọc ngàn lau
Hoàng hôn phủ xuống thời nhan sắc
Mặt ngọc bồi lên lớp phấn màu
Hối tiếc khối tình tan rã vội
Thêm hờn ân ái đã tàn mau
Thanh xuân bỗng chốc thành già cõi
Hối hả giành đường đuổi bóng câu

Lý Hiểu

Virginia 01/ 2012



Họa

XUÂN GIÀ

Tuổi đã bảy mươi, tóc bạc phau
Âm thầm vai vắt mảnh khăn lau
Bước chân viễn xứ thềm muôn dặm
Ánh mắt tàn xuân loá vạn màu
Tã lót con thơ thay rất lẹ
Áo quần vợ nhí giặt cho mau
Thân già gầy yếu còn thê thiếp
Than thở cõi lòng cũng mấy câu.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Virginia 01/2012

XUÂN CẢM

Cứ ngỡ Xuân nay đến trễ tràng
Chợt nhìn hoa nở báo mùa sang
Từng cơn gió lạnh lùa qua phố
Một thoáng hương thơm tỏa cuối đàng
Chị lắng chuông ngân từ tĩnh mịch
Em tìm cảm hứng giữa đa mang
Dấu bao trần trở đời vong quốc
Vẫn thấy trời Xuân đẹp rỡ ràng

Nguyễn Kinh Bắc

Pennsylvania 02/07/2012



Họa

XUÂN NHỚ

Tiếng pháo xa xa nổ mấy tràng
Giao thừa quê mẹ nhớ xuân sang
Hoa mai vàng thắm tươi đầu ngõ
Tà áo xanh tha thướt giữa đàng
Ngày tháng bao nhiêu điều bận bịu
Cuộc đời sao lắm nỗi vương mang
Sao đời vật đổi thân lưu lạc
Tìm lại đâu đây phút rộn ràng

Phan Khâm

Maryland 02/14/2012

CON CHIM SƠN CA VÀ ÂM NHẠC

PHẠM VĂN TUẤN

1/ Truyện “Con Chim Sơn Ca” của Hans Christian Andersen.

Lâu đài của Hoàng Đế Trung Hoa là tòa nhà rực rỡ nhất trên thế gian bởi vì bên trong có trang hoàng rất nhiều đồ gốm quý giá. Trong vườn thượng uyển của nhà vua có trồng nhiều loại hoa đẹp nhất và treo trên cành cây là các chuông bằng bạc với tiếng rung leng keng, nhắc nhở mọi người tới ngắm hoa. Khu vườn này thì quá rộng lớn đến nỗi người làm vườn không biết đâu là mức cuối cùng và tiếp theo khu vườn là cánh rừng xanh lan rộng tới tận bờ biển.

Trong cánh rừng này có một con chim Sơn Ca nhỏ hót hay đến nỗi anh chàng đánh cá nghèo khó phải dừng chân lại, lắng nghe tiếng chim hót vào ban đêm. Anh ta thốt lên: “Tiếng chim hót thật là hay biết bao!” và qua đêm hôm sau, anh chàng đánh cá quay lại khu rừng để nghe tiếng chim hót và vẫn phải cất tiếng khen ngợi “Thật là hay biết bao!”.

Các du khách trong cả nước Trung Hoa đều tới kinh đô để ngắm lâu đài và khu vườn thượng uyển, nhưng khi họ tới cánh rừng và được nghe tiếng chim Sơn Ca hót, họ đều phải nói rằng “đây là thứ hiếm quý nhất”. Các học giả Trung Hoa đã viết nhiều sách, nói về kinh đô, lâu đài và khu vườn thượng uyển, họ cũng không quên nói tới con chim



Sơn Ca và con chim này được khen ngợi nhiều nhất. Vài cuốn sách nói về loại chim hiếm quý tới tay Hoàng Đế và nhà vua đã đọc sách khi ngồi trên ngai vàng. Nhà vua sùng sốt khi con chim Sơn Ca được đánh giá cao hơn tòa lâu đài vàng son, hơn khu vườn thượng uyển rực rỡ. Nhà vua đã phải thốt lên: “Tại sao có chuyện lạ vậy? Ta chưa hề biết gì về con chim Sơn Ca này”. Vị Tế

Tướng được gọi đến. Hoàng Đế phán: “Mọi người nói về một thứ rực rỡ nhất trong vương quốc của ta, đây là một con chim đặc biệt nhất, gọi là chim Sơn Ca. Tại sao không ai nói cho ta biết điều này?”. Vị Tế Tướng đáp: “Tâu Bệ Hạ, hạ thần cũng chưa hề được nghe ai nói tới con chim đó! Xin để hạ thần tìm hiểu thêm”.

Nhưng biết tìm con chim này ở đâu? Hỏi mọi người trong tòa lâu đài nhưng không ai được nghe nói tới con chim Sơn Ca nên Vị Tế Tướng tâu lên nhà vua: “Bệ Hạ đừng tin những gì viết ra trong sách”. Hoàng Đế bèn đáp lại: “Nhưng cuốn sách gửi tặng ta là từ Hoàng Đế của nước Nhật Bản, vậy điều này không thể sai lầm được và ta phải được nghe tiếng hót của con chim Sơn Ca. Con chim này phải ở đây vào buổi tối nếu không, tất cả triều thần sẽ bị trị tội”.

Vị Tế Tướng cùng triều thần rất lo lắng. Họ đi hỏi thăm về con chim Sơn Ca. Cuối cùng họ gặp một cô gái nhỏ làm việc

trong nhà bếp và cô bé cho biết: “Cháu biết rõ con chim Sơn Ca này. Có một lần cháu xin phép mang một chút đồ ăn còn dư cho mẹ của cháu đang bị ốm nặng và trên đường về nhà vào ban đêm, vừa mệt mỏi vừa buồn chán, cháu đã nghe thấy tiếng chim hót. Cháu quá sung sướng đến nỗi phải rơi nước mắt, tưởng rằng đang được mẹ cháu ôm hôn”.

Vị Tể Tướng nói: “Này cô phụ bếp nhỏ bé, cháu sẽ được gặp nhà vua nếu cháu dẫn ta đi tới chỗ có con chim Sơn Ca”. Rồi cả nhóm người đi vào cánh rừng, nơi con chim Sơn Ca thường hay hót. Trên đường đi, họ nghe thấy tiếng bò rống, tiếng ếch nhái kêu, nhưng cô gái phụ bếp cho biết những tiếng kêu này đâu phải là tiếng chim hót. Rồi một lúc sau, con chim Sơn Ca bắt đầu cất tiếng. Cô gái nhỏ kêu lên: “Con chim đó” và cô bé chỉ tay về hướng một con chim nhỏ màu sẫm đang đậu trên cành cây. Vị Tể Tướng nhìn thấy con chim, bèn nói: “Có thể như vậy sao? Con chim trông tầm thường quá! Có thể nó bị rụng mất lông đẹp khi gặp gỡ nhiều nhân vật cao sang?”. Cô bé phụ bếp nói với con chim: “Chim Sơn Ca nhỏ bé ơi, Hoàng Đế muốn chim hót cho Ngài nghe!”. Con chim trả lời: “Sẵn Sàng”, và nó hót thật hay. Vị Tể Tướng cho biết: “Tiếng chim giống như tiếng chuông pha lê vậy. Con chim này sẽ thành công tại triều đình”.

Con chim Sơn Ca tưởng rằng nhà vua có mặt nơi đó, nên hỏi: “Tôi có nên hót một lần nữa cho Hoàng Đế nghe không?”. Vị Tể

Tướng trả lời: “Chim Sơn Ca nhỏ bé thân mến ơi, ta rất hân hạnh được mời chim tới triều đình tối nay và Hoàng Đế sẽ rất vui mừng khi nghe tiếng hót của chim”. Chim Sơn Ca đáp lại: “Tiếng chim hót hay nhất khi trong cánh rừng xanh”, và rồi con chim cũng vui lòng bay tới tòa lâu đài.

Tại hoàng cung, mọi nơi đều được trang hoàng rực rỡ, nào là tường vách bằng sứ trắng và sàn nhà bóng loáng phản chiếu các ngọn đèn vàng. Các hoa tươi được đặt trên hành lang. Tiếng chuông reo vang khắp

nơi. Tất cả triều thần đều có mặt và cô bé phụ bếp đứng bên cạnh cửa. Con chim Sơn Ca hót vang, hay đến nỗi Hoàng Đế phải xúc động và rơi lệ trên má. Vị Hoàng Đế quá hân hạnh về con chim, nên nói rằng chim đáng được đeo một chiếc vòng vàng quanh cổ. Nhưng con chim trả lời rằng nó đã được tương thưởng đủ nhiều: “Chim đã nhìn thấy các giọt nước trong mắt của Bệ Hạ, đây là một phần thưởng lớn cho chim này. Nước mắt của Hoàng Đế

có sức mạnh biết bao”. Rồi con chim lại hót với giọng trầm bổng hay tuyệt vời. Các bà mệnh phụ đứng quanh đó đều phải nói: “Tiếng chim hót thật là hấp dẫn”.

Kể từ nay, con chim Sơn Ca ở trong triều đình. Nó có một cái lồng riêng và được phép ra khỏi lồng hai lần vào ban ngày và một lần vào ban đêm. Nó được 12 người hầu chăm sóc, mỗi người cầm một sợi dây lụa buộc quanh chân của chim. Thực ra bay lượn với dây buộc như thế này thì không thoải mái.



Một hôm, Hoàng Đế nhận được một hộp quà có ghi hàng chữ “Chim Sơn Ca”. Nhà vua nói: “Đây phải là một cuốn sách mới viết về con chim danh tiếng của ta”. Nhưng đây không phải là cuốn sách, mà là một món đồ chơi cơ khí nhỏ, một con chim Sơn Ca máy trông giống như thật, nhưng chung quanh thân chim có gắn các hạt soàn, ngọc hồng và ngọc xanh. Khi lên dây thieu, con chim này có thể hát giống như một con chim thực với đuôi vẫy lên, vẫy xuống, và thân hình chim lóng lánh vàng và ngọc. Chung quanh cổ của con chim máy này có đeo một vòng bằng nhung, ghi giòng chữ: “Con chim của Hoàng Đế Nhật Bản thì không thể so sánh với con chim của Hoàng Đế Trung Hoa”. Mọi người khi nhìn thấy con chim máy này, đều phải nói “Thật là rực rỡ”.

Sau đó, vị nhạc trưởng của triều đình đề nghị: “Bây giờ hãy để hai con chim cùng hát, chúng ta sẽ được nghe một bản song ca”. Nhưng khi chúng hát với nhau, giọng của chúng không hợp nhau, bởi vì con chim Sơn Ca thật hát theo cách của nó, còn con chim Sơn Ca máy hát theo các điệu luân vũ! Rồi con chim máy được phép hát một mình. Nó đã đem lại nhiều niềm vui như con chim thật, nó lại đẹp đẽ hơn khi ngắm nhìn, nó lóng lánh như các vòng đeo tay và vòng đeo cổ. Con chim máy hát cùng một bản nhạc 33 lần mà không mệt mỏi. Mọi người muốn nghe nó hát nữa, nhưng Hoàng Đế tới lúc này nghĩ tới con chim thật, nhưng nó ở đâu? Không ai để ý rằng nó đã bay ra khỏi lồng, về cánh rừng xanh của nó! Hoàng Đế hỏi: “Chúng ta phải làm gì bây giờ?” Cả triều thần đều tức giận, cho rằng con chim Sơn Ca thật bội bạc và rồi họ nói: “Chúng ta còn có con chim hạng nhất”.

Về sau, con chim nhân tạo phải hát và mọi người phải nghe cùng một điệu hát 33 lần. Vị nhạc trưởng lên tiếng khen ngợi con chim máy hết lời, ông ta quả quyết với mọi người rằng con chim máy này hát hay hơn con chim thật, không những hơn về bộ lông đẹp và các hạt kim cương, mà cả về bên trong. “Xin Bệ Hạ, các quý ngài và các quý bà, hãy nhìn kỹ con chim thật, rồi không ai có thể nói trước được về con chim này, nhưng mọi người đều biết rõ con chim nhân tạo. Quý vị có thể cắt nghĩa về nó, mở nó ra và cho mọi người thấy rõ các bản nhạc luân vũ nằm ở đâu, chúng sẽ được trình bày như thế nào và tiếp theo nhau ra sao”. Mọi người đồng ý: “Đây cũng là những gì chúng tôi nghĩ”. Nhà vua cũng ra lệnh cho mọi người được nghe con chim máy hát, rồi viên nhạc trưởng được phép biểu diễn con chim nhân tạo cho công chúng xem vào ngày Chủ Nhật sau đó. Nhưng anh chàng đánh cá đã từng nghe con chim Sơn Ca thật hát, nói rằng: “con chim nhân tạo hát khá hay, nhưng điệu hát sai và tôi biết có một thứ gì thiếu vắng”.

Kể từ nay, con chim Sơn Ca thật bị loại ra khỏi cung đình và con chim nhân tạo được đặt trên chiếc gối lụa, đặt bên giường nằm của Hoàng Đế, tất cả các quà tặng dành cho nó, từ vàng bạc tới ngọc quý, đều được bày chung quanh và nó được tặng danh hiệu “con chim hát đêm của Hoàng Gia”. Và viên nhạc trưởng viết một tác phẩm 25 tập về con chim nhân tạo.

Một năm trường trôi qua. Hoàng Đế, tất cả triều thần và mọi thân dân đều thuộc lòng từng nốt nhạc của con chim nhân tạo. Họ cũng ưa thích hơn vì có thể hát cùng với con chim này. Tuy nhiên vào một buổi chiều, khi con chim máy đã hát bài hát hay nhất, một thứ gì đó trong mình nó bị gãy,

có tiếng kêu rắc rắc. Mọi bánh xe bên trong mắc kẹt và âm nhạc cũng ngừng lại. Hoàng Đế bật dậy, kêu gọi vị y sĩ tới. Nhưng ông này làm được gì? Rồi một người thợ đồng hồ đến và sau một thời gian dài xem xét, anh ta đã xếp theo thứ tự máy móc bên trong mình con chim và nói rằng mọi cơ phận đã bị mòn và không thể đặt vô các cơ phận mới. Đây quả là một tai họa. Con chim nhân tạo chỉ có thể hát một năm một lần và điều này cũng là quá sức rồi.

Năm năm trôi qua, rồi một tin buồn tới với quốc gia này. Người Trung Hoa trông đợi mọi thứ vào vị Hoàng Đế mà giờ đây, nhà vua này đang đau bệnh, có thể không sống nổi. Một vị vua mới được chọn ra. Người ta hỏi vị Tể Tướng về nhà vua già và viên quan đầu triều chỉ lắc đầu, không nói. Vị vua già vừa xanh xao, vừa run rẩy, nằm trong chiếc giường rục rờ. Cả triều đình tin rằng ông đã băng hà nên mọi người xa cách ông để tôn kính vị Hoàng Đế mới. Trên các lối đi tại mọi nơi trong hoàng cung, thậm chí quý được trải ra để không ai nghe thấy tiếng bước chân. Tất cả là cảnh yên lặng.

Vị Hoàng Đế già trông đợi một thứ gì mới xảy đến, để phá tan sự yên tĩnh giống như cánh chết chóc này. Nếu có một người nào đó tới nói chuyện cho nhà vua nghe nhỉ? Nhà vua nói lớn với con chim máy: “Âm Nhạc! Âm Nhạc! Con chim nhỏ bé rục rờ bằng vàng oi, ta đã ban cho mi vàng bạc và ngọc quý, chính tay ta đã treo vòng vàng chung quanh cổ của mi, hãy hát lên, hát đi!”. Nhưng con chim máy vẫn im lặng. Không có ai lên dây thều cho con chim, vì thế nó không thể hát được. Tất cả là cảnh yên lặng, lặng thình đến khủng khiếp!

Nhưng ngay lập tức tại nơi cửa sổ vang lên tiếng chim hát tuyệt vời nhất! Đâu trên cành cây bên ngoài, con chim Sơn Ca thật

nhỏ bé đã nghe thấy lời cầu mong của vị Hoàng Đế già nên đã tới để hát cho nhà vua được yên lòng và hy vọng. Và càng nghe chim hát, giọng máu trong huyết quản của nhà vua càng chạy nhanh hơn, cuộc sống bắt đầu trở lại. Vị vua già nói với con chim: “Cảm ơn, ồ, cảm ơn con chim tuyệt vời. Ta biết mi. Ta đã đuổi mi ra khỏi vương quốc của ta nhưng mi đã mang lại cho ta đời sống. Làm sao ta có thể tưởng thưởng mi được?”. Con chim Sơn Ca trả lời: “Bệ Hạ đã tưởng thưởng cho chim rồi. Lần đầu tiên khi tôi hát, các giọt nước mắt đã lăn trên má của Bệ Hạ. Đó là các viên ngọc quý làm vui lòng trái tim của ca sĩ! Bây giờ Bệ Hạ nên ngủ đi để lấy lại sức khỏe”. Và nhà vua chìm trong giấc ngủ sâu, yên lành, trong khi con chim Sơn Ca hát vang.

Khi mặt trời chiếu sáng qua khung cửa sổ, vị Hoàng Đế già tỉnh dậy, cảm thấy mạnh khỏe, phục hồi. Không một người hầu nào tới thăm nhà vua cả bởi vì họ tưởng nhà vua đã chết. Nhưng con chim Sơn Ca đã đến và hát các giọng trầm bổng cho nhà vua nghe. Vị Hoàng Đế già nói với con chim: “Mi phải luôn luôn sống gần ta nhé! Mi hãy hát lên khi nào vui thích rồi ta sẽ đập vỡ con chim nhân tạo ra làm trăm mảnh”. Con chim thật trả lời: “Xin Bệ Hạ đừng làm thế. Con chim đó làm công việc của nó bao lâu tùy theo khả năng của nó. Tôi không thể xây tổ trong cung điện và sống nơi hoàng cung, xin hãy cho phép tôi tới đây khi nào tôi ưa thích. Vào mỗi buổi tối, tôi sẽ đậu trên cành cây bên ngoài cửa sổ và tôi sẽ hát các bài ca làm cho Bệ Hạ cảm thấy Hạnh Phúc. Tôi sẽ hát các bản nhạc vui và các bản nhạc buồn, tôi cũng hát lên những gì tốt và xấu mà Bệ Hạ không biết tới. Con chim nhỏ này sẽ bay vòng quanh, tới túp lều của anh chàng đánh cá

nghèo nàn, tới căn nhà lá của người nông dân, tới những người sống xa Bệ Hạ và triều đình. Tôi yêu thương Tấm Lòng của Bệ Hạ hơn là Ngai Vàng của Ngai. Bây giờ tôi hót cho Bệ Hạ nghe một lần nữa nhưng Bệ Hạ phải hứa với tôi một điều – “

Vị Hoàng Đế đứng dậy, mặc vào chiếc long bào và trả lời con chim: “Bất cứ điều gì”. Con chim nói: “Tôi chỉ xin Bệ Hạ một điều. Xin đừng nói với ai là Bệ Hạ đã có một con chim nhỏ bé kể lại cho Bệ Hạ nghe mọi sự việc. Tốt hơn là không nói ra”. Rồi con chim Sơn Ca bay đi. Khi các người hầu cận tới nơi, coi xem vị vua già đã băng hà chưa, thì nhà vua nói với họ: “Chào Buổi Sáng”./.

Hans Christian Andersen (Truyện “The Nightingale” trong cuốn The Children’s Treasure, biên tập do Alice Mills, nhà xuất bản Global Book Publishing Pty, Ltd., Australia).

2/ Nhà Văn Hans Christian Andersen.

Loại truyện trẻ em bao gồm những chuyện thần tiên, chuyện nhân gian, thường hàm chứa các đức tính tốt, các sự việc cao đẹp, mô tả các đời sống đơn giản hơn thông thường, với các điều lành và điều dữ dễ dàng nhận rõ. Loại truyện này cũng liên quan tới các con vật biết nói, với phần kết có những người tốt, người thiện được tưởng thưởng và các kẻ xấu, kẻ gian bị trừng phạt. Trong cốt truyện cũng kể tới các cuộc đi xa, các biến động, nhiều vấn đề rắc rối... nhưng cuối cùng, đời sống tiếp tục tươi sáng với tương lai nhiều hứa hẹn.



Có nhiều truyện trẻ em danh tiếng được nhiều người biết tới, chẳng hạn như chuyện Bạch Tuyết, Cô Bé Lọ Lem, Nàng Công Chúa Ngủ Trong Rừng... Các nhà văn viết truyện trẻ em lừng danh như Charles Perrault người Pháp, anh em Grimm người Đức, đã tạo nên những câu chuyện rất phổ thông, gây ảnh hưởng tới nền văn chương của phương Tây. Một bậc thầy khác về nghệ thuật viết truyện thần tiên hay truyện trẻ em là nhà văn Hans Christian Andersen. Các truyện của Andersen có nguồn gốc từ các truyền thuyết nhân gian, lại hàm chứa bên trong thể văn cá nhân và các yếu tố tự thuật hay tính châm biếm xã hội đương thời.

Hans Christian Andersen (1805–1875) là nhà văn danh tiếng nhất của nước Đan Mạch. Các truyện của ông được phổ biến rộng rãi trong nền văn chương thế giới bởi vì các tác phẩm này đã làm cho giới độc giả trẻ tuổi tin tưởng và say mê qua nhiều thế hệ. Andersen sinh ra đời tại Odense, Đan

Mạch, là con trai của một người thợ đóng giày nghèo khó, qua đời lúc cậu mới 11 tuổi. Vào thuở thiếu thời, cậu bé này đã phải sống trong khu nhà tồi tàn, phải tranh đấu để vươn lên trong một xã hội có nhiều giai cấp gò bó. Sau khi theo học tại một ngôi trường dành cho các trẻ em nghèo, Andersen rời bỏ Odense vào tuổi 14 để theo nghề nghệ sĩ tại thủ đô Copenhagen. Mặc dù cố gắng kiếm ăn bằng các công việc như kịch sĩ, ca sĩ, diễn viên múa, Andersen vẫn nằm trong cảnh túng thiếu. Tại Copenhagen, Andersen

được ông Jonas Collin, một trong các giám đốc của Rap Hát Hoàng Gia giúp đỡ và ông này trở thành người bạn thân niên.

Nhờ ông Jonas Collin, Andersen nhận được một học bổng để theo đại học Copenhagen vào năm 1828. Năm sau, Andersen viết ra vở kịch đầu tiên, có tên là “Tình Yêu trong Tháp của Nhà Thờ Thánh Nicolai” (Love in St. Nicolai Church Tower). Andersen cũng viết các tiểu thuyết và các vở kịch nhưng các sáng tác này ít khi được đọc bên ngoài miền đất Scandinavia. Cuốn tiểu thuyết danh tiếng nhất của ông là “Ứng Tác” (Improvisation, 1835).

Vào năm 1835, Hans Christian Andersen cho xuất bản tập truyện thần tiên đầu tiên và ông tiếp tục viết tới tập thứ 156 trước khi qua đời. Tập thứ nhất gồm các câu chuyện như “Chiếc Hộp dễ cháy” (The Tinder Box), “Claus nhỏ và Claus lớn” (Little Claus and Big Claus), “Nàng Công Chúa và Hạt Đậu” (The Princess and the Pea), “Các Bông Hoa của Bé Ida” (Little Ida’s Flowers)... Các truyện của Andersen trở nên phổ biến vào đầu thập niên 1840.

Các tác phẩm của Hans Christian Andersen đã mở ra một đường hướng mới về nội dung và thể văn bởi vì ông là một nhà cải cách thực sự trong phương pháp kể chuyện. Các câu chuyện của ông hấp dẫn trẻ em lẫn người lớn do tác giả đã đưa vào trong truyện các cảm xúc và ý tưởng ngoài tầm hiểu biết tức thời của trẻ em, trong khi những yếu tố này vẫn còn nằm trong tầm nhìn của lớp thiếu niên. Andersen đã khéo léo phối hợp khả năng kể chuyện tự nhiên và trí tưởng tượng dồi dào, đã dùng các đặc tính phổ thông trong các truyền thuyết nhân gian để sáng tạo ra những câu chuyện liên quan tới nhiều nền văn hóa.

Do là một nhà văn danh tiếng, Hans Christian Andersen đã quen với nhiều nhân vật trong hoàng gia Đan Mạch, thân với các nghệ sĩ lừng danh như nhạc sĩ Franz Liszt, nhà thơ Heinrich Heine, các tiểu thuyết gia như Victor Hugo và Charles Dickens. Ông Andersen cũng từng du lịch khắp châu Âu và viết ra nhiều cuốn sách liên quan đến các kinh nghiệm của ông, trong số này đáng kể nhất là cuốn “Tập Ghi của Nhà Thơ” (A Poet’s Bazaar, 1842) và “Tại Thụy Điển” (In Sweden, 1851). Một cuốn sách tự thuật khác của ông là cuốn “Chuyện Thần Tiên của Đời Tôi” (The Fairy Tale of My Life, 1855).

Hans Christian Andersen là một nhân vật thành công và danh tiếng do các tác phẩm nhưng ông không lập gia đình. Ông đã từng yêu ba phụ nữ trong đó có nữ ca sĩ người Thụy Điển Jenny Lind và cô ái nữ của ông Jonas Collin, nhưng không người đẹp nào đáp lại tình yêu của ông.

3/ Tiếng chim hót trong bản nhạc của Vivaldi.

Trong truyện trẻ em kể trên của Hans Christian Anderson, nhân vật quan trọng thứ hai là con chim Sơn Ca. Con chim này đã hót nhiều giọng vui, buồn, trầm, bổng, với cung điệu rất hấp dẫn, truyền cảm, đã mang lại xúc động cho nhiều người nghe, từ anh chàng đánh cá nghèo khó, cô gái nhỏ phụ bếp tới Hoàng Đế Trung Hoa. Con chim Sơn Ca có khả năng mang lại sức khỏe cho nhà vua, đã khiến cho vị vua già không còn cô đơn. Nhà vua đã vui lên, tin tưởng hơn nhờ thứ âm nhạc của cánh rừng xanh mà con chim Sơn Ca là một ca sĩ trình diễn.

Như vậy Âm Nhạc là gì, có các công dụng nào và các thể loại nào? Âm nhạc là các âm thanh được xếp đặt theo các mẫu (patterns) êm tai và hấp dẫn. Mọi người

dùng âm nhạc để diễn tả các cảm xúc và tư tưởng. Âm nhạc cũng được dùng để giải trí và thư giãn tâm hồn, vì vậy âm nhạc là một phần quan trọng trong đời sống hàng ngày, trong nhiều hoạt động xã hội và văn hóa.

Âm nhạc là một nghệ thuật trình diễn. Khác với vài bộ môn nghệ thuật như Thơ Phú và Hội Họa trong đó người nghệ sĩ sáng tạo ra tác phẩm rồi phổ biến hay trưng bày cho mọi người nghe hoặc thưởng lãm; trong bộ môn âm nhạc, nhạc sĩ sáng tác cần tới nhiều ca sĩ trình diễn để diễn tả các bài ca, các nhạc phẩm, giống như nhà soạn kịch cần tới các diễn viên trên sân khấu. Như vậy công việc trình tấu âm nhạc là sự phối hợp giữa các nghệ sĩ sáng tác và các nghệ sĩ biểu diễn.



Âm nhạc là một trong các nghệ thuật lâu đời nhất và có lẽ con người bắt đầu biết ca hát khi ngôn ngữ mới phát triển. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy các khúc xương rỗng được dùng làm cây sáo (flute) vào khoảng 10,000 năm trước Tây Lịch (TL) và bản nhạc đầu tiên được viết ra có lẽ từ 2,500 năm trước TL. Các dân tộc với nền văn minh cổ như các người Ai Cập, Trung Hoa và Babylonians đã biết dùng âm nhạc trong các lễ nghi cung đình và tôn giáo.

Âm nhạc giữ các vai trò quan trọng trong mọi nền văn hóa. Nhiều người dùng âm nhạc trong các buổi lễ hội, trong công

việc làm hay trong các sinh hoạt cá nhân và tập thể. Ngày nay, âm nhạc có nhiều hình thức. Loại âm nhạc của châu Âu và châu Mỹ được gọi chung là Âm Nhạc Tây Phương (Western music) trong khi châu Phi và châu Á cũng có loại âm nhạc riêng. Trong nền âm nhạc Tây Phương, có hai loại chính là “cổ điển” (classical) và “phổ thông” (popular). Nhạc Cổ Điển gồm các bản giao hưởng (symphonies), nhạc kịch (operas) và nhạc vũ ba lê (ballets). Nhạc Phổ Thông có các loại chính như nhạc đồng quê (country music), nhạc nhân gian (folk music), nhạc jazz và nhạc rock...

Trong bộ môn nhạc cổ điển cũng có nhiều hình thức. Nhiều bản nhạc cổ điển rất dài với nhạc phong và nhịp độ biến đổi. Cũng có các bản nhạc ngắn với cùng nhịp độ và nhạc phong được giữ nguyên trong suốt thời gian trình tấu. Vài bản nhạc cổ điển mang chủ đích trình bày một đề tài, diễn tả một ý tưởng, mô tả một cảm xúc hay kể ra một câu chuyện.

Các nhà nghiên cứu âm nhạc cũng chia nhạc cổ điển ra làm hai loại: nhạc dùng đàn (instrumental music) và thanh nhạc (vocal music). Nhạc dùng đàn thường được trình tấu bằng một nhạc cụ, một nhóm nhỏ nhạc cụ hay một dàn nhạc (orchestra), còn thanh nhạc được viết cho một ca sĩ hát, hay một nhóm ca sĩ, hoặc một ban hợp ca đông người. Ngày nay các nhạc cụ được chia làm 5 loại chính: (1) nhạc cụ dây (stringed), (2) nhạc cụ gió (wind), (3) nhạc cụ gõ (percussion), (4) nhạc cụ phím (keyboard) và (5) nhạc cụ điện tử (electronic instruments).

Tùy theo số nhạc sĩ trình diễn mà bản nhạc được phân loại ra làm:

(1) nhạc độc tấu (solo music): được viết cho một thứ đàn như dương cầm, vĩ cầm, sáo... Các bản sonata dương cầm danh tiếng

nhất là của các nhạc sĩ Ludwig van Beethoven người Đức, Wolfgang Amadeus Mozart người Áo... trong khi Johann Sebastian Bach người Đức cũng sáng tác các sonata xuất sắc, dùng cho đàn vĩ cầm (violin) và hồ cầm (cello).

(2) nhạc thính phòng (chamber music): dùng cho từ 2 tới 5 nhạc sĩ, với mỗi người trình bày mỗi phần khác nhau. Loại bản nhạc này gồm loại hòa tấu 3 đàn dây (string trio), hòa tấu dương cầm 3 đàn (piano trio), hòa tấu 4 đàn (string quartet), hòa tấu 5 đàn (string quintet)...

(3) nhạc đại hòa tấu (orchestra music): được trình diễn trước khán giả đông người. Dàn nhạc của loại này gồm từ 15 tới trên 100 nhạc sĩ, được chia làm 4 nhóm chính: a) loại dây, b) loại gió, c) loại kèn đồng và d) loại gõ. Loại bản nhạc thường được các dàn nhạc đại hòa tấu trình diễn gồm các bản giao hưởng (symphonies), các concerto và các tổ khúc (suites).

Bản nhạc giao hưởng thường diễn tả các cảm xúc, các ý tưởng. Bản giao hưởng “Eroica” (1804) của Beethoven lúc đầu có chủ đích ca ngợi Danh Tướng Napoleon với nhiều đoạn nhạc hùng tráng, và phần hai (2nd movement) là hành khúc tang lễ (funeral march) dành cho bậc anh hùng quá vãng... Bản giao hưởng “Mùa Xuân” (Spring, 1841) của Robert Schumann diễn tả niềm hạnh phúc khi lập gia đình.

Các bản concerto được viết ra cho một thứ đàn riêng biệt, chẳng hạn như đàn vĩ cầm hoặc đàn dương cầm. Nhà soạn nhạc danh tiếng người Ý Antonio Vivaldi đã viết ra nhiều concerto xuất sắc, chủ yếu dùng cho các loại đàn dây.

Từ thế kỷ 18, các tổ khúc (suites) là loại nhạc dành cho vũ điệu (dances), chẳng hạn như hai tổ khúc danh tiếng “Peer Gynt

Suite” (1876) của nhà soạn nhạc Edvard Grieg người Na Uy, và “Nutcracker Suite” (1892) của nhà soạn nhạc Peter Ilich Tchaikovsky người Nga.

Âm nhạc là một loại ngôn ngữ quốc tế có sức mạnh truyền thông lớn nhất, đã dùng tới các giai điệu trầm bổng để gợi lên trong tâm hồn người nghe nhiều cảm xúc nội tâm đa dạng. Âm nhạc trực tiếp ảnh hưởng tới các giác quan của thính giả và các nhạc sĩ sáng tác là những nghệ sĩ dùng âm thanh để mô tả những gì không thể nói ra bằng lời, vui cũng như buồn, say mê cũng như hùng tráng...

Trở về một thí dụ đơn giản là tập Concerto “Bốn Mùa” (The Four Seasons) của Antonio Vivaldi, phổ biến vào năm 1725. Mở đầu trong concerto thứ nhất “Mùa Xuân” là tiếng chim hót vui vẻ, chào đón một mùa nắng ấm, sau đó là tiếng nước chảy róc rách của một giòng suối với gió nhẹ thổi qua, với các tiếng sấm, và rồi lại nghe thấy tiếng chim hót diễn tả nhờ cây vĩ cầm độc tấu.

Mùa Xuân đang tới. Nhạc và Thơ là hai bộ môn nghệ thuật chuyên chở rất nhiều tình cảm. Nếu Antonio Vivaldi sáng tác ra các giòng nhạc bắt chước tiếng chim, giống như giọng hót của con chim Sơn Ca, thì Đại Thi Hào Nguyễn Du cũng mô tả tiếng đàn lá lướt của nàng Thúy Kiều bằng bốn câu thơ sau:

**Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vôi,
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa...**

Phạm Văn Tuấn
(Virginia)

QUAN NIỆM VỀ THỜI GIAN QUA TỤC NGŨ, CA DAO

Trích trong “ Con đường văn hóa VN “ của

Nguyễn Văn Nhiệm

(Tiếp theo Cô Thơ số 56)

Thông thường, người chinh phụ khi vắng chồng thì buồn bã, biếng ăn, biếng ngủ, còn nói chi đến việc trang điểm. Nhưng ở đây việc “*điểm tô son phấn*” “đi đôi với lời thề sắt son “ *em thề đợi anh* “ là do niềm tin và hy vọng cao. Việc “*điểm tô son phấn*” dĩ nhiên theo sau những công việc khác nhằm bảo đảm cho mọi sinh hoạt trong gia đình được ổn định, mà còn bảo vệ sức khỏe, dung nhan. Nỗ lực đó giúp quên thời gian.

Bên cạnh phương pháp “*đốc hành*” còn có phương pháp “*xả*” là bớt dần những ràng buộc quá đáng của ý hệ, tập quán xấu, gột rửa những tham dục cho đến Tâm không:

“*Anh về bớt công bớt việc*

Bớt hoa bớt nguyệt

Bớt điểm bớt dàng

Thanh thoi có thươ

Thanh nhân có khi.”

Thanh thoi, thanh nhân là biểu hiện của cuộc sống an nhiên, tự tại, là vượt thoát thời gian, đó là chân hạnh phúc.

Nguyện cầu:

Nguyện cầu là hình thức thể hiện lòng mong ước có sự trường tồn, nghĩa là thoát thời gian:

“*Mỗi đêm mỗi thắp đèn Trời,*

Cầu cho Cha Mẹ sống đời với con.”

“*Chí tâm niệm Phật đêm ngày,*

Cầu cho Cha Mẹ sống tày non cao.”

“*Ước gì nguyện được như nguyện,*
Ước gì chỉ thăm se duyên tơ đào.”

“*Vái Trời choặng vuông tròn,*
Trăm năm giữ vẹn lòng son cùng chàng.”

Thề nguyện:

Thề nguyện là hình thức nói lên quyết tâm của chính mình để giữ Đạo hằng:

“*Đêm năm bỏ tóc qua mình,*

Thề cho bán mạng kéo tình anh nghi.”

Lời thề được xem rất quan trọng để mình xác, khẳng định lòng thương yêu rất mực của mình, cho dầu ở bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải thực hiện lời thề, giữ lời thề:

“*Con sông bên lở bên bồi,*

Lớ kia lở mãi, bên bồi bồi thêm.

Lúc bao giờ gió đứng sóng êm,

Con thuyền anh xuôi ngược qua đêm lại về.

Với em anh rất nặng lời thề.”

“*Tóc mai ngắn lắm không dài,*

Lời thề nặng lắm, nhớ hoài không quên.”

“*Minh về saoặng mà về,*

Mặt trăng còn đó, lời thề còn đây.”

“*Ra về răng dứt mà về,*

Câu ca bỏ dở, lời thề chưa trao.”

Chưa trao lời thề thì chưa thể ra về được, mà đã trao rồi thì vẫn còn bịn rịn, trì kéo, dằn dò:

“*Ai làm kẻ ở người về,*

Anh đừng quên hết lời thề thâm say.

Anh về em nắm cổ tay,

*Em dặn câu này anh chớ có quên.
Đôi ta đã trót lời nguyện,
Chớ xa xôi mặt mà quên máng lòng.”*

Những hình thức thề thốt phải trang nghiêm như cắt tóc thề nguyện và nhất là cần sự chứng giám của thế lực huyền năng như Trời, Đất, Nước, Non, Miếu linh thiêng:

*“Mình có thương mình cắt tóc mình thề,
Chỉ Trời vạch Đất chớ hề bỏ nhau.”*

*“Một lời đã quyết tâm giao,
Dưới thề có Đất, trên cao có Trời.”*

*“Cái Miếu linh thiêng có bốn cây cột
kiềng kiềng,*

Rui tre mè trác, cắt tóc thề nguyện.

Lời thề nước biển non xanh,

Nhện giăng sóng dợn sao đành bỏ nhau.”

Chung thủy:

Thề thốt chỉ mới là hình thức, mà nội dung của nó mới là cứu cánh của Đạo hạnh:

“Ai về nhắn với người xưa,

Lời thề phai lạt nhưng chưa thay lòng.”

Không thay lòng đổi dạ là chung thủy, nghĩa là trước sau như một, là Đạo hạnh. Nói về mối tình chung thủy hay chung tình thì ca dao Việt Nam rất phong phú, nó phản ánh rất trung thực, sâu sắc cuộc sống của xã hội nông nghiệp xưa rất hài hòa theo như tinh thần của Hòa thời, đời sống tình cảm của gái trai tuy rất trữ tình mà lại hòa hợp với Đạo lý, nào là Thủy chung, nào là Nghĩa nhân, cho nên thay vì nói đến tình yêu đơn thuần, người Việt thường hay nói đến Tình nghĩa, Đạo nghĩa.

Tình đi với Tự do cá nhân. Nghĩa đi với công ước xã hội, đoàn thể. Nếu Tự do quá trớn sẽ đưa tới cá nhân chủ nghĩa. Còn nếu công ước xã hội quá khắc khe thì sẽ mất Tự do cá nhân. Đạo Việt là Đạo lưỡng hợp Thái hòa, cho nên Tình luôn luôn đi với Nghĩa một

cách hài hòa theo nguyên lý quân bình và đó chính là nền tảng bảo đảm cho Hạnh Phúc gia đình:

*“Lời em nói ra bằng ba lời thề thốt,
Nhu đình đóng cột, như rìu cốt vào cây.
Anh đừng ngại gió e mây,
Vàng cao ngất núi sao tà nghĩa nhân.”*

*“Một lời đã quyết nói ra,
Dẫu là bốn ngựa khó mà đuổi theo.”*

*“Thương là thương kẻ Trung, người Chánh
Ghét là ghét kẻ nịnh, người tà
Ăn rồi dùm miệng dèm pha
Dèm pha trời kệ đôi ta không lia.”*

Ý niệm Trung, Chánh gợi đến ý nghĩa của sự giao thoa dọc ngang tự căn cơ.” *Đôi ta không lia*” tức là nói đến mối tình chung thủy keo sơn gắn bó.

*“Trăm năm ước hẹn chung tình,
Trên Trời dưới Đất, có mình với ta.”*

*“Hôm nay xum họp trúc mai,
Tình chung buộc khắc nghĩa dài trăm năm.”*

*“Biên Hòa xứ bưởi thanh thanh,
Có cô bán bưởi xinh xinh trữ tình.
Anh đây lên thác xuống ghềnh,
Đá mòn sóng cạn quyết chung tình với em.”*

*“Cô kia cắt cỏ một mình,
Cho anh cắt với chung tình làm đôi.
Cô còn cắt nữa hay thôi,
Cho anh cắt với làm đôi vợ chồng.”*

*“Năm ngoái em còn e còn ngại,
Năm nay em kêu đại bằng mình.
Áo bà ba nút ố chung tình ai may?”*

*“Ngó lên trời thấy trăng khi tròn khi khuyết,
Tôi thương anh chung tình, anh nào biết
tôi thương.”*

Chữ “ *chung tình* “ trở thành người tình muôn thuở, người bạn đời, bạn trăm năm, tức người tình siêu vượt thời gian:

“ *Cầu cao ván yếu gập ghềnh,
Chân lằn tay dắt **chung tình** đi qua.*”

“ *Bởi nắng không mưa cho nên rau dưa
dum lại,
Anh có thương em, anh đừng bận bịu, bớ
điều chung tình.*

“ *Con nhận bay cao anh khó bắt, con cá ở
ao quỳnh anh lại khó câu.*”

“ *Để ngậm sâu nhiều câu rỉ rả,
Nhớ **bạn chung tình** thức cả đêm thâu.*”

“ *Đi qua cầu sắt
Nắm tay cho chắc
Miệng hỏi gặt **chung tình**
Ứng không ứng thì nói, chớ đừng cười đay đũa.*”

“ *Mặc cho cha đánh mẹ treo,
Đứt giây rút xuống cũng theo **chung tình.***”

Những ý nghĩa của Trung, Chánh, Tình-nghĩa, Chung tình, điều chung tình, bạn chung tình nói lên những đặc trưng của đời sống hôn nhân trong văn hóa truyền thống Việt Nam. Như vậy gia đình là đơn vị, là hình thức trung gian tốt nhất để nối kết cá nhân với đoàn thể, xã hội, quốc gia một cách hợp qui luật tự nhiên và hợp với tiết điều căn cơ âm Dương hòa hợp .

Thời cơ:

Cơ là cái mầm, cái điềm vừa dấy động lên rất tế vi ở chỗ giao thoa dọc ngang của hai trục thời không chưa thành hình, chưa có chủ đề rõ rệt, những ai tinh tế cũng có thể thấy trước được. Hệ từ hạ viết: “ *Quân tử kiến cơ nhi tác, bất si chung nhật* “: Bậc quân tử thấy Cơ vừa dấy động lên thì tức khắc hành động ngay, không chờ qua hết ngày.

Tuy Cơ là chỗ giao thoa dọc ngang, nhưng phần dọc quyết định vì dọc biểu thị lãnh vực tâm linh, tiềm thức sâu thẳm, dọc cũng là Thiên, nên gọi là Cơ Trời; dọc cũng chỉ thời gian, nên gọi là Thời cơ:

“ *Biết được **Cơ Trời** việc đời chẳng khó.*”

Ngược lại, nếu không biết thì mọi sự đều đa đoan:

“ ***Cơ Trời** dẫu bề đa đoan,
Tơ duyên vẫn vói thiếp chàng xa nhau.*”

Người nông dân là những người bình dân, họ không dễ gì nhận ra cái Cơ tế vi kia, nhưng qua kết quả được mùa thì họ kết luận rằng đó là Cơ Trời thuận lợi. Rồi lâu dần tích lũy thành kinh nghiệm truyền dạy nhau:

“ *Hễ mà hoa quả được mùa,
Chắc là nước bể nước mưa đầy trời.
Ai ơi nên nhớ lấy lời,
Trông **Cơ Trời Đát** liệu thời làm ăn.*”

Ở thế gian, mặc dầu “ *Thời giờ thắm thoát thoi đưa* “, nhưng nó không phải cứ “ *tích ta tích tã* “ một cách máy móc, lạnh lùng như cái đồng hồ, mà đối với con người trong cuộc sống hiện thực, nó gọi ra những giai đoạn thích hợp cho từng sự việc:

“ *Ăn có **thời**, chơi có **giờ**.* “

Nó cũng tiết lộ cho thấy mỗi chủng loại đều có một thời kỳ sung mãn nhất định:

“ *Xuân kia xin chớ bỏ qua,
Hoa mọc có **lúa**, người ta có **thì**.*”

Thời gian chẳng chờ đợi ai, nếu vụn suy tính sẽ có lúc phiền trách:

“ *Bụi dẫu khum cây chum gởi đống,
Lúc sang giàu dù vông thiếu chi.
Trách nàng cạn dạ hẹp suy,
Chẳng toan kết tóc **kịp thì** làm ăn.*”

Hậu quả là “ *lỡ chuyển đò ngang* “, là “ *đôi đàng biệt ly* “:

“*Bước xuống ruộng sâu lờ sâu tác dạ,
Tay ôm bó mạ nước mắt hai hàng.
Ai làm lữ chuyển đồ ngang,
Cho sông cạn nước đôi đàng biệt ly.*”
Như vậy thì sẽ “*quá lúa lờ thời*”:
“*Nữa mai quá lúa lờ thời,
Cao thì chẳng tới, thấp thì chẳng thông.*”

“*Áo dài đứt nút còn khuy,
Gái kia quá lúa lờ thì hết duyên.*”

Cha mẹ kén dâu, kén rể quá đáng cũng là nguyên nhân đưa đến lờ làng cho các con:

“*Nước trong xanh em để dành tưới họ,
Trai lờ thời tại mẹ kén dâu.*”

“*Nước trong veo bao giờ có cá,
Nàng lờ thời tại mẹ tại cha.
Kén sui kén rể lọc lừa,
Nên em hiu quạnh cũng vừa phận duyên.*”

Do truyền thống lễ giáo, con cái vâng lời cha mẹ, nhưng trong trong hoàn cảnh “*lờ thì*”, người con gái cũng phải thắc mắc:

“*Em là con gái lờ thì,
Thầy Mẹ không gả để làm chi trong nhà.*”

Về việc kính yêu Cha Mẹ cũng vậy, sự chăm nom, phụng dưỡng không được lơ là, trễ nải:

“*Mẹ già như trái chín cây,
Gió đưa trái rụng, con rày mò côi.*”

Đối với Cha Mẹ già mà quên yếu tố thời gian thì sẽ ân hận:

“*Rảo bước qua nhíp cầu tre,
Trở về nơi mái lá con mới hay Mẹ đã qua đời.*”

Chú ý đến yếu tố thời gian là nắm bắt thời gian sao cho kịp thời:

“*Xin người hiểu từ gắng khuyên,
Kịp thời nuôi nấng cho tuyến đạo con.
Kéo khi sông cạn đá mòn,
Thơ ngâm nga đọc, có còn thấy chi.*”

Kịp thời là bám sát theo Hòa thời, mà chỗ hòa nhất là phải thời, nơi Triết lý nhân sinh muốn đạt tới:

“*Ôn Trời mưa nắng phải thì,
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu.
Ra công chẳng quản bao lâu,
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.
Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.*”

Làm thế nào để biết là phải thời, kịp thời? Điều này do ánh sáng từ Tâm thức chỉ dẫn, chứ không phải mắt công đi hỏi Ông Trời. Nếu có hỏi, Ông Trời cũng làm thình và chỉ mỉm cười thôi:

“*Lên Sài Gòn phải qua cầu Mỹ Thuận,
Có thương không sao em lụng khụng
không chịu trả lời,
Năm đơi năm, tháng đơi tháng, anh hỏi
Ông Trời, Ông làm thình.*”

Bởi Ông Trời cứ làm thình, mà ánh sáng Tâm thức cũng chẳng thấy lóe lên, cho nên có những chàng trai nôn nóng xắn tay vạch vách, bẻ rào:

“*Anh ơi! Đừng vạch vách, bẻ rào,
Vườn quê mới lập, quả đào còn non.
- Anh muốn vô bẻ trái đào non,
Chờ cho đúng lúc, biết còn hay không?”*

Lại cũng có những chàng trai lụng khụng mà thành ra lờ làng:

“*Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay.
Ba đồng một mớ trâu cày,
Sao anh không hỏi những ngày còn không.
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra...”*

Nôn nóng thì bị trách, còn lụng khụng thì lơ lảng. Vậy phải làm sao đây? Ta hãy nghe thuyết lý “*Cầm cần phải giựt*” của một cô gái như sau:

**“*Cầm cần phải giựt,
Việc đến tay phải làm.
Thiếp hỏi chàng phải nói ra,
Đầu đuôi tự sự phân ra em tường.
Anh câu từ câu ếch, câu lươn,
Chờ khi cá đỏi phải thương miếng mồi.
Cá nuốt vô khỏi miệng thì rồi,
Cầm cần phải giựt, chớ ngồi chờ chi.*”**

Cơ hội là cách nói khác của *thời cơ*, không phải lúc nào cũng có, nó đến rất bất ngờ, cho nên phải tranh thủ cho *kịp thời* và xử sự hài hòa theo Đạo lương hợp quân bình:

**“*Trăm năm cơ hội tình cờ,
Đàn cầm anh gãy, câu thơ anh đề.
Muốn cho thuận nẻo đi về,
Anh sang làm rể, em về làm dâu.*”**

Thời thế:

Như đã nói về thuyết tương đối của Albert Einstein thì ánh sáng khi chiếu qua những khối vật nặng, tức qua hấp dẫn lực lớn sẽ chậm lại và cong đi: sự chậm lại này có liên hệ với sự chậm của thời gian và sự cong của ánh sáng có nghĩa là không gian biến dạng (Kết quả cuộc quan sát nhật thực ngày 29-05-1919 đã chứng minh). Hấp dẫn lực không phải là một lực, mà là *trạng thái vũ trụ* của *thời không lượng hợp*, nghĩa là vũ trụ bốn bề: một bề là thời gian, ba bề là không gian, trong đó sự vật vận động theo con đường ngắn nhất, là *hấp dẫn lực tuyến*. Ở mặt đất, nơi nào là bình nguyên thì đường ngắn nhất là đường thẳng, còn ở vùng núi (vật khối nặng) thì sự vật vận động qua núi cũng phải chọn đường ngắn nhất là hấp dẫn lực tuyến, nhưng không thẳng như ở đồng bằng. Phân tách trạng thái vũ trụ (xem lại định nghĩa của vũ và trụ) là để liên tưởng đến ý nghĩa của *Thời thế*. Có

hai quan niệm về *thời thế* bổ túc cho nhau được lưu truyền trong dân gian:

“*Thời thế tạo anh hùng*”

và:

“*Anh hùng tạo thời thế*”

Nhà cách mạng Phan Bội Châu, trong bài thơ chữ Hán có hai câu được Đào Trinh Nhất dịch như sau:

**“*Nếu phải đường đời bằng phẳng hết,
Anh hùng hào kiệt có hơn ai.*”**

(Giả sử tiền đồ tận di thân. Anh hùng hào kiệt già dung thường.)

Ở đồng bằng, con đường ngắn nhất là đường thẳng thì dễ xác định, còn như gặp nơi núi non trùng điệp, hiểm trở mà tìm ra con đường ngắn nhất để vượt qua mới là khó, mới đáng mặt anh hùng.

Về thời Tây Sơn có câu đối của Nguyễn Hữu Chinh có liên hệ đến chữ *thời thế* như sau:

**“*Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu.
Gặp thời thế, thế thời phải thế.*”**

Để đối lại câu sau đây của Vũ Văn Nhậm:

Ai công hầu, ai khanh tướng.
Trong trần ai, ai dễ biết ai.)

Ca dao, tục ngữ nói về các hình thái khác nhau của *thời thế* lên xuống như đường biểu diễn hình *sinnus* như được *thời*, *gặp thời*, *hết thời*, *thất thời*:

“*Được thời ngồi ghé, thất thế ngồi trệt.*”

**“*Hùm giết người rồi hùm nằm ngủ,
Người giết người thóc đủ năm canh.
Gặp thời thì cứ hoang huyênh,
Hết thời thì chỉ lênh đênh như bè.*”**

**“*Trời cao đất rộng thênh thênh,
Công danh phú quý còn dành cho ta.
Có công mài sắt diệt tà,
Gặp thời lộc sẽ vào ra dồi dào.*”**

*Công của cũng chẳng là bao,
Ra tay tháo vát thế nào cũng nên.”*

Giữa cái nhất thời và trường cửu, tục ngữ có câu:
“**Quan nhất thời, dân vạn đại.**”

Thời quân chủ phong kiến mà đã có câu nói rất tiên bộ như trên rồi . Điều này cũng không có gì lạ cả, vì một khi *nền văn hóa đạt nhân chủ ở đợt tâm linh* thì đương nhiên có *tinh thần dân chủ* ở lãnh vực xã hội, chánh trị hạ tầng, tức ở làng xã mặc dầu ở trung ương là quân chủ. Nói là *tinh thần dân chủ*, vì nó bắt rễ từ tiềm thức cộng thông của *nền văn hóa đạt nhân chủ* nên có sức mạnh tiềm tàng mà quyền lực vương triều không thể áp chế được. Tục ngữ từ xưa đã có câu:

“*Phép vua còn thua lệ làng*”

Dân có cái thể “*vạn đại*” của dân, trong khi quan chức chỉ là cái thể “*nhất thời*” khi còn khi mất, cho nên trong dân gian từ lâu đã xuất hiện hai câu sau đây nói lên cái thể lực thật sự muôn đời của dân:

“*Quan có cần nhưng dân chưa vội,
Quan có vội, quan lợi quan sang.*”

Thời gian đi vào đời sống trong dân gian:

Khi xưa, lúc chưa có đồng hồ thì tiếng gà trống gáy vào buổi sáng như phương tiện tự nhiên để báo thức, báo cho biết là trời đã sáng, một ngày mới bắt đầu:

“*Chó giữ nhà, gà gáy sáng*”

Mỗi con vật đều có bản năng riêng, đều có ích cho con người. Gà gáy có liên hệ với thời gian nhất định, thông thường vào lúc hừng sáng, nhưng nếu bất thường là điềm chẳng lành:

“*Gà gáy canh một hỏa tai,
Gà gáy canh hai đạo tặc.*”

Điều này không hoàn toàn do mê tín, mà có thể giải thích rất khoa học là vì những biến

cổ, sự kiện bất thường kia gây tác động tạo phản ứng nơi con gà, cũng tương tự như chuyện tiếng gà gáy bất thường cứu cả một dân tộc thoát nạn ngoại xâm (chuyện tích xứ Gaulois).

Gà gáy báo thức để kịp thời ra đồng cày cấy:

“*Lao xao gà gáy rạng ngày,
Vai vác cái cày, tay dắt con trâu.
Bước chân xuống cánh đồng sâu,
Mắt nhắm mắt mở đuổi trâu đi cày.
Ai ơi! Bụng bát cơm đầy,
Nhớ công hôm sớm cấy cày cho chăng?”*

Gà gáy báo thức để học hành, chuẩn bị vốn học vấn để chờ khoa thi:

“*Tiếng gà gáy giục năm canh,
Chàng ơi dậy học còn nằm làm chi.
Sang năm Chúa mở khoa thi,
Tàn vàng chơi chỏi rở thì tên anh.*”

Tiếng gà gáy báo hiệu thời gian còn có tác động sâu đậm đến tâm tư của con người trong cuộc sống ở nông thôn:

“*Đêm khuya gió quạt trăng tàn,
Trách con gà trống gáy tan tình cò.*”

“*Đèn Bạc Liêu sáng rõ, đèn Chợ Sờ sáng lò,
Anh gặp mặt em đây chưa kịp giao hòa,
Gà kia vội gáy chân trời hừng đông.*”

“*Trách con gà gáy vô tình,
Chưa vui sum họp, đã đành chia phôi.*”

“*Trăng lên khỏi núi
Con gà trống đứng bụi chuối
Nó gáy tiếng đôi
Tôi với anh duyên nợ hết rồi
Anh phui tay đứng dậy, đừng ngồi chờ
uổng công.”*

“*Chim bay về Núi Một
Gà gáy ngộ Cổng Đồi*

*Anh không thương nữa thì thôi
Cứ đường cái cũ, cây **Da Đồi** em về.”*

Ngoài tiếng gà gáy sáng, *tiếng thời gian* còn biểu hiện qua tiếng vạc trong đêm như ở phần giới thiệu ” *Tiếng ca dao trong đêm* “:

“*Đêm nằm nghe vạc trở canh,
Nghe sư gõ mõ, nghe anh vỗ nàng.*”

Bên cạnh đó còn có tiếng thán lẩm tắc lười nữa, cũng đều nói lên *tiếng thời gian*:

“*Đêm nằm nghe vạc tác canh,
Con thán lẩm điếm khấc, em thương anh
nhiều bề.*”

Đôi khi người ta còn đếm thời gian bằng lòng ngón tay:

“*Thương chàng từng lóng ngón tay,
Chẳng qua duyên nợ, Ông Trời rày biểu thương.*”

Ngắm nhìn sao trên trời để biết **thời tiết** mà lo liệu công việc làm ăn:

“*Nửa đêm sao sáng mây cao,
Điềm trời nắng gắt, nắng gào chẳng sai.
Ruộng khô nước cạn ai ơi!
Rủ nhau tát nước, chờ trời còn lâu.
Đêm âm u trăng sao không tỏ,
Ấy là điềm mưa gió tới nơi.
Đêm nào sao sáng rực trời,
Ấy là **nắng ráo yên vui** suốt ngày.
Những ai chăm lo cấy cày,
Điềm trời coi đó, liệu xoay việc làm.”*

“*Trên trời có ông sao **Thần,**
Bốn mùa chỉ lời cho dân ăn làm.
Sang xuân Thần cúi lom khom,
Là mùa trông đậu dân làng biết chẳng?
Bước sang tháng chín rõ ràng,
Lung Thần hơi đứng là đang gặt mùa.”*

Kinh nghiệm của người bình dân về thời tiết trong liên hệ với chu kỳ thời gian trong năm:

“*Tháng giêng động dài
Tháng hai động tổ*

*Tháng ba nồm rộ
Tháng tư nam non*
Tháng sáu nam dòn
Tháng bảy mưa bãi
Tháng tám mưa giông
Tháng chín mưa rông
Tháng mười lụt lớn.”*

(* nam non:” *Gió nam non thổi lòn hang để*“)

“*Mông chín tháng chín có mưa,
Mẹ con sắm sửa cây bừa mùa chiêm (làm ăn).
Mông chín tháng chín không mưa,
Mẹ con bán cả cây bừa đi buôn (mà ăn).”*

Kinh nghiệm của người bình dân về thời tiết qua hiện tượng thiên nhiên (cũng trong liên hệ với thời gian):

“*Bao giờ chớp bức sang đông,
Sáng lờ phương bắc mưa giông rõ ràng.”*

“*Bao giờ trời kéo vẩy tề,
Sắp gông sắp gánh ta về kéo mưa.”*

“*Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang,
Mây kéo lên ngàn thì mưa như trút.”*

“*Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa.”*

“*Móng vàng thì nắng, móng trắng thì mưa.”*

“*Móng cao gió táp, móng rập mưa dầm.”*

Kinh nghiệm về thời tiết qua phản ứng của loài vật quen thuộc ở đồng quê (cũng trong liên hệ với thời gian):

“*Cò bay ngược, nước vô nhà
Cò bay xuôi, nước lui ra biển.”*

“*Én bay thấp, mưa ngập cầu ao
Én bay cao, mưa rào mau tạnh.”*

“*Chuồn chuồn bay thấp thì mưa,*

Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.”

“*Tháng bảy heo mây,
Chuồn chuồn bay thì bão.”*

“*Kiến đen tha trứng lên cao,
Thế nào cũng có mua rào rất to.”*

“*Tháng bảy kiến đàn, đạì hàn hồng thủy.”*

“*Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.”*

“*Con ếch ngồi ở trong hang,
Gọi khách đi đàng: Trời nắng có giông.”*

Ngoài ra, ngắm trăng sao để biết thời giờ, giải bày tâm sự và chiêm nghiệm về lẽ huyền vi của mỗi tơ duyên, chuyện họa phúc:

“*Dưới trăng em viết thư này,*

Sao Mai ló dạng thơ này viết xong.

Trăm năm một mối chỉ hồng,

Một đôi cánh nhạn, một lòng thương anh.”

“*Trèo lên cây trắc ngắt là đình lãng,
Dòm xuống thấy có chữ rằng:*

“*Họa phúc vô môn*”

Trai khôn khó kiếm, gái khôn khó tìm.

*Ngó lên **trăng khuyết lười liềm***,*

Muốn vô gá nghĩa, sợ nổi niềm mẹ cha.”

(** Mông một lá trai*

Mông hai lá lúa

Mông ba câu liềm

Mông bốn lười liềm...)

NGUYỄN VĂN NHIỆM

(Germany)



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

TRƯỜNG ANH THỤY

VỚI TRUYỆN DÀI “CHUYỂN MÙA”

HỒ TRƯỜNG AN
(Tiếp theo Cỏ thơm số 57)

Thầy Giác Minh đặt tên cho chùa là Thiên Lâm vì khi thầy mới tới, mảnh đất này chỉ là một khu rừng với những cây sồi, cây dẻ, bạch dương, cây thanh tùng và nhiều nhất là thông xanh mọc san sát. Thầy lại yêu thiên nhiên nên chỉ cho đốn cây vừa đủ. Thầy bảo để cây cho chim chóc có nơi trú ẩn, sáng ra chúng hót cho mà nghe, chặt hết đi chúng ở vào chỗ nào. Phần đất còn lại vì thế vẫn là một rừng cây, trên một ngọn đồi thoải thoải. Trước mặt chùa, để ngăn cách với đường nhựa là một cổng tam quan dựng bằng gỗ một cách thô sơ nhưng cũng nổi bật với màu sơn son. Bên trong cổng, thầy cho đào một cái đầm để thả bông súng. Hoa súng màu vàng như màu kén tằm, cánh úp như những bàn tay khum lại. Các Phật tử đào cây trong rừng về trồng quanh bờ như các cây lệ liễu, bạch dương, và nhiều khóm liễu Quan Âm, trông giống như cây phi lao, nhưng lá màu lục đậm, trở từng chùm hoa lấm tấm màu hồng tươi. Thầy bảo chùa dựa lưng vào đồi, trước mặt lại có nước như thế này, về mặt địa lý, phong thủy thì tốt lắm. Dần dần các Phật tử còn tìm thấy trong rừng có những cây anh đào Nhật Bản mọc hoang cần cỗi dưới những tàn cây rậm rạp. Thầy bảo có lẽ chim mang hạt anh đào về đây từ nhiều năm qua, nhưng cây cần cỗi xấu xí không ra hoa được, nên không ai để ý. Cây nào nhỏ thầy cho bứng về trồng gần chùa, cây nào già thầy cho vun xới, bón phân, phạt quang cảnh rườm rà trên cao của các tàn

cây khác để cây anh đào được hưởng chút nắng. Mùa xuân hoa liên kiêu màu vàng và anh đào nở tung bừng... Chùa Thiên Lâm trở thành một nơi thắng cảnh cho người muốn đến tìm một vài giờ thoải mái và cũng là nơi nương tựa tinh thần rất cần thiết cho Phật tử vùng này.

(các trang 376, 377)

Minh Châu đã thuộc lòng quả đồi này rồi, nhưng được lang thang trong rừng với Bình, nàng cho là tuyệt vời. Nàng có thể hỏi Bình về các loại chim, loại cây mà từ ngày sang đây nàng vẫn muốn biết mà chẳng hỏi ai được:

- Này Bình, em có nghe thấy tiếng gì như tiếng gõ cạch cạch ấy không?

Lắng tai một lúc Bình quả quyết:

- Tiếng chim gõ mõ đấy mà.

- Hay nhỉ. Chim gõ mõ mà ở trong khuôn viên chùa thì thật là hợp. Thế tên tiếng Đức gọi là gì?

- Là chim Specht. Kìa, kìa chị có thấy mấy con chim hoa mai kia không? Tiếng Đức gọi là Fink.

Minh Châu dừng chân lại ghi chép. Một con suối nhỏ từ trên cao róc rách chảy xuôi... Nước trong, chưa được đầy lòng suối, nhưng dòng nước cũng chảy mạnh. Bình và Minh Châu theo ven suối đi quanh đồi... Nhiều loại hoa dại nở. Hoa daisy, mà tiếng Việt gọi là nguyệt cúc trắng, forget-me-not, lưu ly thảo, màu thiên thanh, dandelion, hoa bồ công anh màu vàng, hoa cúc tím, hoa nút áo vàng, hoa poppy đúng là hoa mào gà đỏ bên nhà... Len lỏi trong đám cây xác rần, có cỏ trầm thủy, lá dài có dáng như lá mía, xanh um, mọc gần bờ nước. Lá xõa xuống nước, lung lay, uyển chuyển như tóc tiên nga... Cả khung cảnh trông như hình chụp trong các bưu ảnh. Minh Châu thầm ao

ước có máy ảnh chụp gửi về cho Mẹ và cho Tường. Nghĩ thế nàng lại thấy mình buồn cười. Không biết tự bao giờ nàng cứ nghĩ đến mẹ là lại nghĩ đến Tường, mặc dù hai người đó không có liên hệ nào cả.

(các trang 447, 448)

Cảnh làng xưa xóm cũ dưới con mắt bà Cát trong chuyến bà về thăm Việt Nam được tác giả mô tả chằm chút không kém:

Qua đình. Ngõ đình do chính ông nội cho xây hồi làng mới được thành lập. Cây hoa ngọc lan xưa đã không còn. Bà ngạc nhiên thấy vẫn còn cây hoa đại già nua, đang nở những bông hoa cuối đời cần cỗi, nửa khóc nửa cười với bà. Một cành lớn sắp gãy, được chống đỡ bằng cái cột xi-măng đắp sơ sài. Trước cửa đình là cái hồ nhân tạo, rộng, xây gạch chung quanh. Xưa kia dân làng vẫn ra đây gánh nước. Thanh niên, thanh nữ thường ra đây hóng mát và gặp gỡ nhau. Bà hãnh diện nhìn tấm bia ghi công đức ông nội, dựng ở bên kia hồ, đối diện với đình. Ông là người có công di cái làng này vào bên trong đê. Trước kia làng ở bên ngoài đê sông Hồng, năm nào cũng bị lụt và đất bị xoi mòn dần.

Vào đến ngõ nhà, bà đưa mắt tìm hồ sen năm xưa nhưng không còn một cọng sen nào, bây giờ là ao thả vịt. Bà bước từng bước chậm chạp trên từng viên gạch long lở, xộc xệch. Nhìn quanh, cố tìm lại một hình ảnh quen thuộc, nhưng vô ích. Hai bên ngõ, nhà cửa san sát, toàn gạch, cái thụt ra, cái thụt vào, cái quay hướng đông, cái quay hướng tây... Chó sủa âm ỹ...

Bước vào cổng trại. Cái cổng chẳng còn dấu tích gì của cái cổng khang trang ngày xưa. Sân chỉ còn lại một khoảng nhỏ. Bà chắc lưỡi nhủ thầm: Thế cũng phải! Minh ở rộng quá, nay chia ra cho mọi người cùng hưởng. Từ trong căn buồng duy nhất còn sót lại, các cô em họ tay bồng tay mang chạy ra vui vẻ chào... Bà giờ máy ảnh chụp lia lịa... Ôi những đứa trẻ

hai, ba, bốn... tuổi, đủ cỡ... mắt sáng ngời, khôi ngô tuấn tú! Ông, bà, bố mẹ chúng trông hiền lành, chất phác thế kia... Bà thấy quặn đau trong lòng, tự nhủ: Thật không làm sao hiểu được, đã từng có một thời, cả lớp người này biến chất!

Bước vào trong nhà, việc đầu tiên, bà đưa mắt tìm chiếc sập gụ và chiếc võng treo lủng lẳng trên sập, mà ngày xưa bà thường nằm đọc Tây Du Ký, Đông Chu Liệt Quốc, Tam Quốc Chí, truyện Quả Dưa Đỏ... cho bà nội nghe. Cụ nằm trên sập, vừa chăm chú nghe, vừa phe phẩy quạt. Nhưng không còn vết tích xưa, chỉ thấy chiếc tủ đứng, cao, kê sát tường, đằng trước kê một bộ bàn ghế. Người cháu, có lẽ là con trưởng của gia đình này, chỉ lên nóc tủ khoe:

- Đây là chiếc ngai thờ duy nhất mà cháu còn giữ được...

Bà nhìn theo tay trẻ. Một chiếc ngai bằng gỗ đã cũ kỹ ngả màu xám. Bên trong màu thời gian xám ngắt ấy, vẫn lơ mờ ánh lên màu sơn son thếp vàng. Trong ngai không thấy có ảnh hay bài vị. Trước ngai là một bình hương đầy chốc những chân hương đỏ. Ba nén hương đã được thắp sẵn, nghi ngút tỏa những cuộn khói mỏng bay là là, lơ lửng dưới trần nhà...

Trong lãnh vực văn chương, thâm thúy nhất là ở chỗ tả cảnh ngụ tình. Trong *Chuyến Mùa*, có hai đoạn chẳng những tả cảnh ngụ tình, mà tác giả còn đưa độc giả đi xa hơn nữa: chị đưa cái hoài bão to tát của nhân vật, cái niềm tin về vận mệnh tổ quốc của đương sự vào công việc tả cảnh, dù là cảnh ở ngoài cuộc đời hay trong giấc chiêm bao đi nữa. Tác giả vốn là người ưu tư trước vận nước đang hồi ngửa nghiêng, trước dân tâm ly tán. Chị muốn có sự hòa hợp giữa dân mình với dân mình nên gán cái ước vọng đó cho nhân vật bà Thu trong truyện. Chị không sợ mình phải đi dưới hai lần đạn, không sợ bị “người bên này” phao vu là đi

hàng hai (người Bắc gọi là đi “chữ Bát”, còn người Nam gọi là “đi chàng hảng”) để tuyên truyền cho Cộng Sản. Xin đọc đoạn cảnh bà Thu viếng ngôi từ đường bên nội của mình:

Trong lúc ngầy ngất với mùi trầm, bà nhìn qua làn khói tỏa lung linh, mờ mờ, ảo ảo... bất chợt thấy mọi vật trên ấy đều linh hoạt hẳn lên... Bà thấy cụ Hồ trong chiếc áo trắng cổ cao kiểu Tàu, dang dang rộng hai cánh tay hiệu triệu quốc dân. Có rừng cờ đỏ với biểu ngữ viết bằng máu. Có biển người cuộn cuộn tiến lên... xô sập mấy thân hình già yếu hốc hác đang bị trói gô, đứng bêu giữa cánh đồng nắng chói.

Bà ngồi chết trân trên ghế. Mắt bà hoa lên. Đầu óc bị xoáy hút vào cảnh tượng đang diễn ra... Thành linh có tiếng gọi ngoài sân, bà giật mình... Bà choáng váng bước ra...

Một tia nắng lọt qua tàn cây, chiếu thẳng vào mắt... Thử tia nắng chao ôi là quen thuộc, của những buổi trưa năm nào... Phải rồi! Đây chính là những tia nắng ấm áp, sáng lạng đã nuôi dưỡng bà suốt thời thơ ấu, cũng như đã thấm tẩm vào máu huyết, xương tủy của mỗi con người sinh ra và lớn lên ở đây, để họ với bà, trong muôn vàn cái khác biệt, cũng còn có được một cái «chung». Rồi một ngày, bà tin như vậy, cái «chung») đó sẽ thăng hoa, thành sức vươn lên... trên tất cả những cái thấp hèn tối tăm của con người.

(các trang 541, 542)

Cái chiêm cảm tuyệt vời của bà Thu về một tia nắng trên quê hương không dễ để những con người hững hờ với mệnh nước nổi trôi nhìn ra được «cái chung» trong tinh thần hòa nhập với dòng sinh mệnh của dân tộc. Nó khơi dậy một niềm tin mâu nhiệm cho tác giả, cho nhân vật và cho cả người đọc trước tình trạng phân hóa của dân tộc vì chủ nghĩa, vì tham vọng được ngụy trang bằng lý tưởng và vì trăm thứ linh tinh tiêu cực khác. Chỉ một tia

nắng thôi, tác giả mở toang những cánh cửa đang bưng bít mọi tâm hồn của những kẻ cực đoan quá khích và những kẻ quên mất chủng tộc giống nòi để mai sau đôi bên có thể ngồi gần lại với nhau.

Còn nữa. Trong chuyến trở về Virginia, trên phi cơ bà Thu nằm chiêm bao thấy một cảnh tượng lạ lùng. Giác mộng ấy càng củng cố niềm tin của bà về việc kết hợp dân tộc tuy họ có dị biệt về lý tưởng nhưng rồi ra sẽ có ngày họ sẽ hóa giải mọi tị hiềm để ráp lại thành trái tim vĩ đại của dân tộc.

Bà thấy mình lại đang ở Việt Nam. Đang chạy giữa một rừng người. Toàn người trẻ. Có cả Vinh, cả Trâm, cả Tường... Tất cả đổ dồn về một vầng sáng chói lòa. Trên trời mây vẫn vũ... Lẫn trong những mây bay tan tã, có vô số những mảnh gì trông như những lá bàng... lá bàng của mùa thu năm nào... Song nhìn kỹ thì lại những miếng «puzzle» đủ màu, đủ dạng, mà ở Mỹ các con bà vẫn chơi lắp ghép hồi chúng còn nhỏ. Mọi người hình như đều chạy, nhắm chớp lấy các miếng «puzzle». Bà nhìn xuống dưới chân thì thấy ở mặt đất, chỗ bà đang đứng, là cả một cái «puzzle» khổng lồ, đang lắp dở dang.

Chiếc máy bay đi vào một tầng mây dày, gây ra một tiếng động rất mạnh. Bà Thu giật mình, choáng choàng mở mắt... Chợt nhận ra mình vừa qua một giấc mơ. «Tại sao trong mơ lại có «puzzle»? — Bà tự hỏi. Bà xin cô chiêu dãi hai viên Tylenol. Bà uống thuốc với cả một ly nước lạnh mời tỉnh. Giác mộng rõ y như thật. Mở mắt ra bà còn thấy những miếng «puzzle» bay loạn xạ trước mặt. Nó nhào tới bà. Nó đậu trên vai, trên đầu bà như bướm bướm. «Thôi đúng rồi!» — Bất thần bà reo lên trong tâm tưởng — «Toàn bộ» vấn đề Việt Nam là một cái «puzzle» vĩ đại... Có lẽ vấn đề còn lại là cần tìm cho ra những miếng đúng, những miếng đã đánh mất... mà lắp vào những chỗ trống kia, là hoàn

thành cả bức dư đồ Việt Nam, là giải đáp được cả một bài toán học búa » - Bà thít lên vì sung sướng... tự hỏi: «Phải chăng giấc mơ vừa qua là một điềm lành? Một phép lạ? Một dự báo? Rồi bà chợt nghiêm mặt, nhìn thẳng vào không gian..., bảo thăm: «Minh phải tìm thấy những miếng «puzzle» cuối cùng!».

(các trang 582, 583)

Giấc chiêm bao có phải là điềm lành, là phép lạ, là dự báo đem lại tương lai tốt đẹp cho đồng bào và tổ quốc của chúng ta hay không, đó chỉ là những điều vượt cái khả năng hiểu biết của chúng ta. Chúng ta chỉ thấy rằng nó là phản ảnh niềm khao khát đợi mong của bà Thu từ trong tiềm thức sâu thẳm của bà trỗi ra giấc ngủ. Nhưng nếu chúng ta ảnh hưởng tư tưởng của Lão Tử «cùng tắc biến, biến ắc thông» thì rồi đây sẽ có một người hay một nhóm người tìm được những miếng «puzzle» cuối cùng để lấp vào những chỗ còn dở dang để hoàn thành một bức dư đồ Việt Nam nguyên vẹn.

Viễn ảnh tươi sáng của tổ quốc và đồng bào chưa biến thành sự thật. Nhưng giấc chiêm bao đã thấp sáng phép ẩn dụ trong nghệ thuật văn chương của Trương Anh Thụy thật kỳ diệu. Chúng ta chưa hề gặp tia nắng nào đặc sắc ở quê hương và giấc chiêm bao nào đẹp lạ lùng như tia nắng và giấc chiêm bao mà bà Thu đã gặp gỡ. Hai đoạn văn trên đây vốn không dài bao nhiêu nhưng chiếu sáng toàn thể tác phẩm. Đó cũng như thìa bột vanille nhỏ có thể làm cho tảng bánh «tarte» to cỡ cái mâm đồng thơm ngát.

*

Ở phần tả nhân vật, tác giả không tả nhiều ngoại hình và chân dung của họ. Chính cách sống và tính nết của họ làm cho họ nổi bật lên nét tạo hình trên dòng liên tưởng của độc giả.

Nhân vật võ sư Huỳnh Long sao mà hoàn toàn quá, có thể là một mẫu người văn võ song toàn. Đã có võ nghệ tuyệt luân, lại hiểu tôn

giáo qua kiến thức Đông Tây kim cổ, mà ông còn có tấm lòng yêu nước thiết tha, sự giác ngộ trước lẽ vô thường của vạn pháp, cái mầu nhiệm của hiện hữu. Nhân vật này có thể làm đẹp cho xã hội, tổ quốc và tôn giáo. Đường sự chui vào quyển tiểu thuyết luận đề như quyển *Chuyển Mùa* thì vẫn là chuyện khả dung nếu không bảo là thích hợp. Nhưng nghệ thuật văn chương lại cần những nhân vật có tánh tình xấu tốt lẫn lộn nhau, có sự xung đột và mâu thuẫn nội tại hơn. Tuy nhiên, sự hiện diện của ông vẫn gây cho nhóm trẻ tuổi sau ông giữ được niềm tin về dân tộc, có thể treo cho họ một tấm gương sáng và kinh nghiệm của lớp người đi làm lịch sử thuở trước.

Nhân vật khả ái tuyệt vời vẫn là Thường Nga. Sự tỉnh ngộ của nàng trước một chủ nghĩa bịp bợm dối láo như chủ nghĩa Cộng Sản đưa đến cuộc tranh luận với một kẻ có đầu óc mặc áo đi mưa như ông Lương, bố của nàng. Là một đảng viên Cộng Sản, ông này quá tin tưởng vào chủ nghĩa mà ông theo đuổi cho đến cùng. Những lời lẽ biện bạch chống đối của ai khác cũng tỷ như những giọt mưa không sao thấm vào đầu óc ông được. Nhưng Thường Nga vừa tranh luận với bố vừa thuyết phục ông:

- Thưa bố, bố đã nói đến công bằng thì con cũng xin thưa, cuộc cách mạng cũng như công thắng hai trận đánh Pháp, đánh Mỹ là công của toàn dân. Ông tướng mà không có quân cũng không ra trận được, chứ đừng nói là Đảng mà không có nhân dân. Còn bố nói cõi trời. Ai đã trời dân, để bây giờ Đảng phải gia ân cõi? Bố nói đổi mới, mà có ai thấy đổi mới thật sự cái gì đâu? Đây chỉ là phục hồi những cái gì Đảng đã phá hoại. Đảng đốt sách, đốt nhạc của chế độ miền Nam, bây giờ lại lục tục in lại những sách đấy. Nhạc vàng thì nhà nước cấm đoán, bỏ tù những người nghe hay tàng trữ... Nhưng như bố biết, ngày nay nhạc vàng tràn ngập khắp nước... Đảng phá vỡ quan niệm lấy gia đình làm gốc, bây giờ ai cũng lo vợ vét, bồi đắp cho gia đình mình. Đảng chủ trương

“Trí, phú, địa hào, đào tận gốc, trốc tận rễ,” nay bố thử nhìn cán bộ, đảng viên đang làm gì? Họ đang nhồi nhét cho con họ học hành, thành những trí thức, khoa bảng... họ đang vơ vét của cải, đất đai để thành triệu phú, địa chủ... cả đấy. Bố có nghĩ một ngày nào đấy, Đảng sẽ lại đầu tổ các ông ấy, lấy nhà, lấy đất chia cho dân nghèo không?

(các trang 655, 656).

Dù ông Lương ngồi im, nhưng chỉ vài giờ sau tóc ông bạc trắng, mặt ông già quắc quoeo hẳn đi. Việc Nga nhắc lại lời Tường làm độc giả rưng rưng thương cảm tấm ái tình nồng đượm vững bền của Nga đối với Tường. Còn sự thay đổi bi đát của màu tóc và khuôn mặt ông Lương làm cho chúng ta bàng hoàng bứt rứt.

Nhân vật dì Tư, người giúp việc cho cặp vợ chồng Eric & Mai vốn là người đàn bà quê mùa lấy chồng giàu Bến Tre. Ông chồng lêu lổng từ thuở còn trẻ. Dì phải săn sóc hầu hạ ông theo kiểu chồng chúa vợ tôi. Khi ông bị học tập cải tạo, dì phải lo việc mưu sinh cho cả gia đình và tận tụy thăm nuôi chồng. Khi dì tính vượt biên, các con không đứa nào chịu theo. Còn ông chồng thì bằng lòng theo vợ, nhưng tới phút chót ông trốn theo vợ bé. Dì đành phải vượt biên một mình. Trên đất nước định cư, dì làm lụng siêng năng để có tiền gửi về giúp con cái và đi thê không muốn gặp lại chồng. Nhưng rồi lũ con gửi thư nhắn dì về nhìn mặt ông lần cuối vì ông bệnh nặng sắp chết. Dì lật đật về quê, nhưng ông vẫn còn sống nhăn. Dì tức giận ngăn cấm không cho chồng gặp mặt. Trong cuộc chuyện trò với con gái, dì bảo:

- Nói chi chứ ba chúng bây còn tệ bạc với má hơn Việt cộng nữa kia! Má tưởng về chuyến này để chôn ổng chớ. Ai dè tụi bây xí gạt tao...

Cô con gái phá lên cười đắc chí:

- Ba đau thật đó má, tụi con không có nói láo đâu. Ông nằm bẹp cả tháng nay, mãi khi nghe má về ổng mới ngóc cổ dậy đòi đi thăm má đó, vậy mà má còn không chịu cho ba gặp. Nếu má ghét ba tới

mức đó thì sao má còn muốn lo chôn cất cho ba nếu ba chết?

- Nghĩa tử là nghĩa tận con à. Nếu ông chỉ đau ốm thôi, thời để cho vợ bé ổng lo, mắc mớ chi bắt má lo. Hồi ba ở trong trại cải tạo, các con còn nhỏ quá, má lại không có đủ tiền xe, đồ cho các con đi thăm nuôi cùng, nên các con đâu biết má cực biết chừng nào: Mỗi lần được thăm nuôi là má phải nghỉ làm ba ngày. Đã không kiếm được đồng nào lại còn phải xài tốn kém tiền quà cáp, xe tầu... Cứ mấy bữa ba no là ở nhà các con đói. Má phải gánh hai túi đầy đồ, lại còn xách thêm một buồng chuối bự. Trong các món thăm nuôi, lần nào má cũng phải có một hũ sả khèo làm bằng sả, ớt băm, thêm tôm khô dầm nhuyễn trộn với muối, đường, và một hũ gạo lức rang xay nhuyễn trộn với đường. Mấy món này ăn vô sẽ hết bị sưng thũng, nhất là nếu như người bị còng tay lâu ngày...

(các trang 330, 331)

Bà Cát (mẹ của Tường, Vinh và Mai) trước luận điệu chống Cộng hung hăng của chồng, bà chỉ biết làm thinh. Không phải bà tán thành quan điểm và lập luận của ông Cát. Bà chỉ nhường nhịn ông để tránh cuộc tranh luận biến thành cuộc cãi vã gấu ó làm xáo trộn gia đình, thế thôi. Nhưng trong chuyến về thăm Việt Nam, bà mới có dịp bày tỏ kiến thức, nếp tư duy của mình về chính kiến, lập trường rất hùng hồn, nhất là với ông Trình một nhân vật thuộc đối phương. Ông Trình là cha của Trâm và chồng của bà Hương; bà này là bạn chí thân của bà hồi cả hai còn học trường Trưng Vương ngoài Bắc.

Bà Cát nói về bài phỏng vấn của Tiêu Dao Bảo Cự ở Đà Lạt, một người chống Đảng và bị khai trừ khỏi Đảng. Bài phỏng vấn được tóm lược ở nhận thức then chốt như sau: ở Việt Nam gần đây có những dấu hiệu hướng về điều thiện và chống lại cái ác. Bà Cát cho rằng:

- Vàng, tôi đã để ý quan sát xã hội ở đây, xem lời nói của nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự đúng đến đâu, thấy cũng có nhiều điều đúng. Tôi thấy người ta đi lễ chùa, lễ nhà thờ siêng năng, đông đảo. Trong các gia đình mà tôi lui tới, thấy nhà nào cũng có hai, ba quyển sách về tâm linh. Chẳng hạn như những cuốn Hành Trình Về Phương Đông, Đường Mây Qua Xứ Tuyết, Chân Thiên, Minh Triết Trong Đời Sống... là những sách rất quen thuộc với tôi, vì in ở hải ngoại. Trường hợp mê tín dị đoan như đốt vàng mã, cúng giỗ linh đình, xem bói, xem tướng... cũng có vẻ tăng hơn ngày xưa nhiều.

(các trang 576, 577)

«Tiêu Dao Bảo Cự đưa ra vài trường hợp tiêu biểu về sự bất công, tham ô, cửa quyền, vô trách nhiệm và thờ ơ trước sự oan khuất của nhân dân... Khi có khiếu nại thì thường nhà cầm quyền bao che, vậy mà vụ việc vẫn nổ ra, nhờ vào sự dũng cảm của một số phóng viên báo chí, truyền hình... Họ đã dám đưa vấn đề ra trước công luận, bất chấp sự răn đe, mua chuộc. Sau đó có sự ủng hộ mạnh mẽ của dư luận, đã làm cho vụ việc không thể bùng phát. Ông kết luận, điều này là một minh chứng rất rõ vai trò của công luận, trong việc gây sức ép với bộ máy cầm quyền. Cũng theo ông, bộ máy hành chính, quan liêu đã tạo ra sức cản trở quá trình đổi mới của đất nước, và gây thương tổn sâu xa đến đời sống của công dân. Cuối cùng ông nhắc đến những người ông gọi là các 'kẻ sĩ thời đại,' các 'bộ phận trí thức cấp tiến' đã dũng cảm đứng lên tranh đấu cho lẽ phải, bất chấp sự đàn áp, bắt bớ... Nhưng mặt khác ông cũng lại nói, các chiến sĩ cấp tiến chỉ là một thiểu số, chỉ là những « con chim báo bão », quyết định cuối cùng vẫn thuộc đại bộ phận nhân dân. Những tiến trình đấu tranh cho công bằng, dân chủ, sẽ phát huy sức mạnh khi điều kiện chín muồi... Nhà Nước của Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam vào giữa thập niên 80 cho

rằng những người Việt vượt biên ra nước ngoài là dân tị nạn kinh tế. Nhưng bà Cát dù chỉ là một người nội trợ lu mờ trong một gia đình trung lưu đã chứng tỏ rằng bà cũng quan tâm tới chính trị, có ý thức về chính trị và thời cuộc. Cuộc vượt biên của bà chắc chắn không phải nhằm tị nạn kinh tế mà là tị nạn chính trị. Cũng thế, thằng trưởng nam của bà cùng nhóm báo Vượt ra hải ngoại không phải chỉ có mục đích trốn Cộng Sản mà quyết chống Cộng Sản.

*

Ôn qua 3 tập *Trạm Nghỉ Chân, Ma Lộ và Chuyển Mùa* chúng ta thấy tác giả tỏ ra nhạy cảm với từng cái máy động của thời cuộc, từng chặng biến chuyển của hai khối Quốc gia và Cộng sản quốc tế cũng như quốc nội. Tôi không rõ câu chuyện trong *Chuyển Mùa* bắt đầu từ năm nào. Tôi chỉ biết nó xảy ra từ thời kỳ các sinh viên trong nước ra ngoại quốc lưu học. Mọi máy động này, mọi biến cố nọ có nhân vật này tham gia hay dần thân hết mình, có nhân vật khác dự khán hay làm nhân chứng. Nhưng vẫn có những cái biến cố, cái máy động chỉ xảy ra khơi khơi trong trong tác phẩm, không có ai tham gia hay dự khán, nhưng chúng vẫn kéo dài dòng suy nghĩ cho những nhân vật ưu thời mẫn thế trong tác phẩm, làm cho họ thắc mắc rồi đặt vấn đề, rồi ôn cố để tri tân, chọn lựa lập trường, dự định các giải pháp để hành động. Ở trong nước đã có các tổ chức vượt biển, chính sách cởi trói nửa vời...

Rồi đến vụ người tổ chức Chương Trình Mở Rộng Tình Thương với mục đích giúp đồng bào nghèo và phát học bổng nghèo bị bắt. Nhưng tình trạng báo chí trong nước lại sung mãn và phồn thịnh. Vụ khủng bố sau Đại Hội Đảng lần thứ 9 được tác giả tóm lược ở trang 684 như sau:

Chuyện bắt đầu bằng một nhóm trí thức, các đảng viên lão thành, đã hưởng ứng lời kêu

gọi của ông tân tổng bí thư: Phải chống tham nhũng quyết liệt hơn nữa. Và Phải kiên quyết bảo vệ những người chống tham nhũng thì họ mới dám chống tham nhũng. Các ông bèn viết thư lên cấp lãnh đạo Đảng xin lập Hội Người Dân Ủng Hộ Đảng và Nhà Nước Chống Tham Nhũng. Đang đợi kết quả được phép lập Hội với bao kỳ vọng, thì ngày mùng 5 tháng 9 các vị này đã bị công an Hà Nội truy lùng bắt giam, không những chỉ hai người đứng tên trong đơn xin, mà có thêm hơn hai mươi người khác, trong một cuộc hành quân bố ráp dữ dội, trước con mắt kinh hoàng của nhân dân thành phố.

Rồi tác giả sang qua chuyện Năm Cam, một nhân vật khét tiếng trong làng dao búa gồm 6 băng đảng với các thành tích cờ bạc, bảo kê, thanh toán đối thủ, đâm thuê, chém mướn, tranh giành lãnh thổ với các băng đảng khác từ Hải Phòng, Nam Định, Hà Nội. Nhưng vận sự đáng nói sau cùng là vụ Bắc Bộ Phủ tự ý cắt nhượng hơn 720 cây số vuông vùng Biên giới phía Bắc và hơn 11 ngàn cây số lãnh hải trong vịnh Bắc Việt. Việc cắt nhượng ấy qua 2 Hiệp Định biên giới trên đất liền được ký ngày 30 tháng 12 năm 1999 và Hiệp Định Phân Định Vịnh Bắc Bộ, ký vào ngày 25 tháng 12 năm 2000. Còn ở nước ngoài, vụ luật của Mỹ cấm không cho tàu buôn Mỹ hay tàu quân đội Mỹ vớt thuyền nhân nữa, mà chỉ giúp lương thực, nước uống, dầu xăng, địa bàn v. v... trừ khi chiếc thuyền đang bị chìm. Vụ ấy làm cho các cộng đồng kiều bào ở các lục địa Mỹ, Âu, Úc và Bắc Mỹ phải xôn xao. Chuyện đảo chính của Boris Yetsin kết thúc chế độ Cộng Sản tại nước Nga và giải thể chế độ Liên Bang Xô-viết. Chuyện các kiều bào ở Nga lén lút ở lại Nga một cách bất hợp pháp, không chịu về nước. Chương trình dạy song ngữ ở các tiểu bang Hiệp Chúng Quốc mà trường Đại Học Georgetown đào luyện giáo sư. Rồi vụ tên

khùng Trần Trường treo cờ búa liềm và treo ảnh Hồ Chủ Tịch của hắn tại Orange County (Nam Cali) làm cho khiếu nại ở các tiểu bang Hợp Chúng Quốc biểu tình rầm rộ. Vụ không tặc Hồi giáo phá sập một góc cạnh của Ngũ Giác Đài ở Thủ Đô Hoa-thịnh-đốn và khu Trung Tâm Thương Mãi Quốc Tế ở Nữu Ước. Sau cùng là cuộc chiến tranh tại Irak.

Những vận sự vừa kể trên chỉ có giá trị về sự thông tin. Trong tác phẩm văn chương, chúng chỉ là chất gỗ khô, không được đẽo gọt thành các bức tượng tinh xảo để tác giả truyền vào đó linh hồn của nghệ thuật. Đúng hơn đây là những chồng báo cũ mà tác giả lục loại để sao chép lại. Nhưng may thay, chị không cho chúng chiếm nhiều trang nên chị không làm độc giả yêu văn chương thuần túy phải bực mình. Chúng được chị xử dụng làm những chiếc cầu gỗ bắc từ vấn đề này sang vấn đề khác để mạch diễn tả được liên tục. Trong *Chuyển Mùa*, tác giả có nhiều cơ hội để viết văn đúng nghĩa, có nhiều dịp khơi mạch sống tươi mát cho nghệ thuật. Dù không có dịp điêu khắc chất gỗ khô thành tác phẩm nghệ thuật, chị vẫn có thể dùng cây tươi để trồng trong vườn, tạo một thoáng cảnh thiên nhiên. Chúng ta có dịp cùng theo ngòi bút của chị đi vào hội chợ Tết tổ chức tại Virginia, vào buổi sáng tinh mơ trong khu vườn chùa Thiên Lâm, vào cuộc du ngoạn của Tường và Minh Châu bên Thác Nước Lớn ở ngoại ô thành phố Saint Ptersburg, vào đêm sinh nhật của Trâm bên quê nhà, vào buổi chiều hôm mà Nguyễn Việt chèo thuyền ngoạn cảnh rồi đọc bài *Le Lac* của Lamartine để tưởng nhớ Đan Thanh... Buổi bình minh tươi mát, buổi chiều hôm huyền ảo bắt sang cảnh đêm sáng trăng mơ, cảnh sinh nhật có tổ chức chương trình văn nghệ dưới ánh trăng mộng mị trong một góc nhỏ tư gia thành phố Sài Gòn... đúng là chất liệu dành riêng biệt cho văn

chương. Ngay cả cơn ác mộng của Minh Châu tại Mát-xcơ-va, cuộc lật đổ chủ nghĩa Cộng sản xảy ra tại Nhà Trắng ở Moskva (theo lời kể của Minh Châu), cuộc vượt thoát của Minh Châu ra khỏi nước Nga do sự giúp đỡ của Tường, cảnh Thường Nga che mắt công an, báo động cho các nhà Dân Chủ trong nước để họ kịp trốn tránh v. v... đều là những cảnh sống thực lẫn sống động dễ dàng đi vào văn chương một cái rột, không gặp một chương ngại nào.

*

Quyển trường giang tiểu thuyết *Chuyển Mùa* lấy từng chặng lịch sử cận đại và hiện đại làm bối cảnh, nêu ra những vấn đề như chiến tranh, hòa bình, tự do, ý thức hệ, đạo pháp, lịch sử cuộc di tản hay cuộc vượt biên tìm tự do, các diễn biến thời cuộc, sinh hoạt các kiều bào ở hải ngoại ... Đây là những vấn đề lớn lao, những chất liệu tuy không quá xa lạ đối với hầu hết các cây bút phụ nữ, nhưng họ không muốn dùng đến để xây dựng nên tác phẩm cho mình. Rất có thể, một số lượng không nhỏ độc giả cho rằng tác giả trình làng một tác phẩm văn chương nghiêng về chính trị và thời cuộc hơi nhiều. Chính trị trong *Chuyển Mùa* là guồng máy chính điều khiển và làm chuyển vận mọi guồng máy xã hội trong tác phẩm. Nhưng mà xét cho cùng, vào thời buổi cận đại lẫn hiện đại, các đảng phái đua nhau giành giật chia ghế trong thượng nghị viện, trong quốc hội, trong mọi cơ cấu hành chánh, lại thêm các chủ nghĩa xâu xé nhau để đặt cơ sở kinh tế hay quyền thống trị trên các xứ sở, quốc gia khác. Như thế thì chuyện chính trị không còn là loại xa xỉ phẩm để bao kẻ dùng làm đáng trí thức hay làm thứ giải trí trong buổi trà dư tửu hậu nữa. Nó chi phối cuộc sống chúng ta, quyết định vận mệnh tổ quốc và quyết định hạnh phúc dân chúng ở mọi tầng

lớp cơ sở trong đó có chúng ta, thì làm sao chúng ta lại có thể tránh hoặc muốn tránh?

Cũng sẽ có người than vãn rằng trong các cuộc trình bày về tình hình thời cuộc hay trong cuộc tranh luận về chủ nghĩa Quốc Cộng, tác giả dùng đối thoại hơi nhiều. Nhưng nếu ai đọc các tác phẩm của văn hào Dostoievski như *Les Possédés* » (*Những Người Bị Quỷ Ám*), *L'Idiot* (*Chàng Ngốc*), *Crime et Châtiment* (*Tội Ác và Trừng Phạt*) sẽ đối ngược với những cuộc tranh luận tràng giang đại hải về ý nghĩa trong *Phúc Âm*, về gốc rễ và hiện tượng của tội ác và thiên lương, cái bí ẩn tâm linh trong từng cuộc sống... Và tôi xin nhấn mạnh: *Chuyển Mùa* không phải là quyển sách để giải trí mà là cuốn sách để chúng ta suy ngẫm. Chính những lời đối thoại trong các cuộc bàn cãi tranh luận ấy sẽ mở cho chúng nhiều cánh cửa, mà mỗi khung cửa cho chúng ta bắt gặp một chân trời. Bề ngoài chúng ta thấy tác giả quyển *Chuyển Mùa* viết văn bằng khối óc hơn là bằng con tim. Nhưng đọc kỹ, chúng ta nhận ngay chị dùng khối óc để vun quén mảnh đất tình người, khơi mở mạch suối yêu thương, thấp sáng tinh thần xả kỷ. Chị vẫn là cây bút đặt tình thương yêu trên mọi điều trong cuộc bút trình của chị như tự xưa giờ. Một tác phẩm lớn là phải nói lên các vấn đề lớn. Chưa đủ. Nó còn phải đòi hỏi tác giả có cái nhìn luyện đạt và đặc thù với mọi vấn đề mà đương sự nêu ra, phải có nghệ thuật diễn tả làm rung cảm tấm lòng người đọc, thuyết phục được họ chia sẻ tâm sự, nhân sinh quan và chính kiến của mình. Như thế *Chuyển Mùa* là một tác phẩm lớn. Nó hội đủ điều kiện mà bút giả vừa nêu ra. Dù nó đi sau bộ *Khu Rừng Lau* của Đoàn Quốc Sĩ trên 40 năm, nhưng cái giai đoạn lịch sử trong *Chuyển Mùa* khác hơn giai đoạn lịch sử trong *Khu Rừng Lau*. Cơn trốt kinh thiên động địa của lịch sử đã hất văng một con số đồng bào khổng lồ

của chúng ta từ bỏ quê hương để ra hải ngoại. Ngòi bút của chị Trương Anh Thụy cũng theo họ để phơi bày cái xã hội phồn tạp mà họ đang sống, nói lên những hành trạng, khuynh hướng, hoài bão của họ. Do đó cái địa bàn hoạt động của ngòi bút Trương Anh Thụy rộng lớn hơn. Nói thế, tôi không cho rằng tác phẩm Trương nữ sĩ trội hơn tác phẩm của Doãn văn gia. Bởi sao? Các giai đoạn lịch sử trên đất nước quê hương từ đầu mùa khói lửa 1945 cho tới gần ngày chung cuộc miền Nam được họ Doãn đưa vào *Khu Rừng Lau* cũng phong phú chất liệu, cũng tinh tế ý tình không kém. Nhất là cái nhìn của ông xoáy sâu vào mọi biến cố không phải chỉ để biến *Khu Rừng Lau* thành một thiên anh hùng ca dân tộc mà song song đó còn thấp sáng một quá khứ máu xương với những tình tiết éo le phiến toái trên dòng lịch sử của chúng ta. Đem tâm tình viết lịch sử, ông Doãn và chị Trương biểu dương một thần trí sáng tạo mãnh liệt, một lưu lượng cảm hứng lai láng mênh mông. Do đó, hai tác phẩm trường giang *Khu Rừng Lau* và *Chuyển Mùa* không khô khan như sa mạc. Chúng là hai mảnh nhuần thổ phì nhiêu để cho ngũ cốc lành mạnh sinh sôi dồi dào, để cho hoa đẹp cỏ thơm, rau ngon trái ngọt sản sinh ê hề phong phú.

Khi sáng tác một tác phẩm văn chương nào, nhà văn thường ôm một hoài bão hay một giấc mơ nào đó. Riêng giấc mơ của chị Trương Anh Thụy là phó thác cho các thế hệ trẻ đứng lên để hoàn thành trách nhiệm của kẻ đi trước đang bỏ dở dang. Theo chị, đất nước chúng ta chỉ trông cậy vào tuổi trẻ đang tiến lên ở trong hay ở ngoài như Nguyên Việt, Tường, Vinh, Bình, Thường Nga, Minh Châu, Trâm... Họ sẽ nối tiếp cái thế hệ đứng tuổi để hoàn thành công việc của kẻ yêu nước, của kẻ quý trọng tự do và gìn giữ thiên lương một khi thế hệ của cha chú họ lần lượt tàn tạ đi. □

TIỂU SỬ TRƯỞNG ANH THỤY

Trưởng Anh Thụy sinh tại Hà Nội, di cư vào Nam năm 54, du học tại Hoa Kỳ năm 1961, Trưởng Anh Thụy hiện sống với chồng và con tại Virginia, Hoa Kỳ. Có một thời gian dài tại đây bà và chồng, con được sống chung với thân phụ là họa gia thủy mặc Tá Chi Trương Cam Khải và thân mẫu là nữ sĩ Kim Y Phạm Lệ Oanh, cả hai cụ đã khuất núi cách đây không lâu.

Được huấn luyện trong ngành sư phạm, bà đã theo đuổi ngành này cho tới ngày về hưu. Bên cạnh đó, bà được biết như một người đã có nhiều đóng góp, từ trước cả 1975, vào những công tác từ thiện, xã hội của cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Bà từng là một trong những sáng lập viên của các Hội từ thiện như Vietnam Refugee Fund, Inc.; chi nhánh Washington DC. của Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển (Boat People S.O.S. Committee - trụ sở chính ở San Diego, California,) cũng như Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển (B.P. S.O.S.) hiện nay.

Sinh trưởng trong một gia đình quý trọng văn học, nghệ thuật, tác giả không những thích làm thơ, viết văn, mà còn có tham vọng đóng góp vào ngành xuất bản. Thành lập nhà xuất bản Cành Nam năm 1984. Cùng với Hội Văn Hóa VN tại Bắc Mỹ thành lập Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ. Tác phẩm đã in: thơ *Cửa Mưa Giũ Nắng*(1984). *Trường Ca Lời Mẹ Ru*, kèm theo bản dịch tiếng Anh của dịch giả Nguyễn Ngọc Bích, và 30 bức minh họa của họa sĩ Võ Đình (1989.) *Trạm Nghỉ Chân* (1993,) tập I trong bộ truyện *Chuyển Mùa*. Tập truyện *Ánh Mắt* (1998.) Bộ truyện *Chuyển Mùa* (2004,) đoạt giải thưởng văn học của Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do.

Cộng tác với nhiều báo chí tại hải ngoại, và đã từng giữ chức phó chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, nhiệm kỳ 1991-1993.

TÂM BÚT CHO CON GÁI ĐẦU LÒNG

VŨ THỊ NGỌC QUỲNH

(Sinh ngày 25-02-1956 - 14 tháng Giêng Bính Thân)

VŨ ĐỨC NGHIÊM

Đêm 27/2/1983

Những ngày cuối tháng 2, tâm tư Bố hướng về đứa con gái đầu lòng rất thương yêu của Bố vừa tròn 27 tuổi. Mặc dù con đã lập gia đình và đã cho Bố lên chúc ông Ngoại, nhưng lúc nào Bố cũng tưởng tượng tới hình ảnh của con những ngày thơ ấu . . .

27 năm trước đây . . ., mẹ đã hoài thai con khi bố mẹ sống những ngày rất thơ mộng ở đảo, hồi ấy, bố là Trung Úy Tiểu Khu Phú Quốc. Khoảng đầu năm 1955, mẹ đã có mang chừng 2 tháng và bị sảy thai. Bố xin một chiếc phi cơ tản thương loại L19 và đưa mẹ về nhà thương Grall. Sau khi giải phẫu, nhìn mẹ nằm thiêm thiếp trên brancard, mặt xanh xao nhợt nhạt, long bố dâng lên một niềm cảm xúc vô cùng; bố hối hận về những ngày đó ít kinh nghiệm nên đã không săn sóc mẹ đúng mức để đến nỗi đó. Mẹ bình phục khá nhanh, và ít lâu sau mẹ lại trở ra đảo với bố. Những ngày êm đềm ở Phú Quốc, bố mẹ ở cạnh phòng của bác Phạm Quốc Thuần, hàng ngày đi tắm biển, ngày nghỉ đi picnic, cuộc sống của đôi vợ chồng trẻ hạnh phúc chan hòa.

Đầu năm 1956, bố đưa mẹ về Saigon, mua căn nhà nhỏ ở 56P Khu Bà Hạt với giá 18,000\$, nhà 3mx6m, có điện nhưng không có nước.

Ngày 25-2-1956, mẹ trở dạ, bố đưa mẹ vào nhà thương Từ Dũ. Ca của mẹ có vẻ

không bình thường, thêm vào đó sự săn sóc của các y tá bệnh viện công cộng không được niềm nở, chu đáo cho lắm. Bố gọi taxi đưa mẹ đến nhà bảo sanh Ngô Liêng (đường Trần Quang Khải- Tân Định) do bác sĩ Nguyễn Văn Hồng phụ trách trông nom.

Khoảng 20 giờ 30, bố đứng chờ ngoài cửa, đang uống ly nước mía giải khát, chỉ người nhà chạy ra nói: ‘ Cô sanh con gái!’ Bố chạy vội vàng vào phòng sanh, nhìn mẹ mệt mỏi nằm trên giường. Cạnh giường mẹ, là chiếc nôi nhỏ xinh xắn, Bố cúi xuống hôn mẹ, mẹ mỉm cười yếu ớt đáp lại.

Bố khẽ vén màn chiếc nôi nhỏ, con đang nằm khóc oe oe... Một niềm cảm xúc pha lẫn hân diện dạt dào trong lòng bố, bố nhủ thầm: ‘ Thế là từ nay, ta là bố trẻ con rồi đó.’

Con sinh ra cân được 2 ký 8, cũng vừa phải đối với các trẻ sơ sinh đầu lòng khác, nhưng khóc rất lớn, đứng ở xa nghe rõ mồn một . . . Một tuần sau, bố đón 2 mẹ con về nhà ở Bà Hạt; (con đã biết lẫy, biết bò và vịn hàng rào gỗ chập chững tập đi ở căn nhà đó.)

Khi khai sinh, bố định đặt con là Vũ Dương Ngọc Quỳnh, nhưng ông Ngọc có ý kiến là nên để là Vũ thị Ngọc Quỳnh. Hồi đó ông bà Ngọc rất thương yêu bố mẹ và giúp đỡ bố mẹ hết lòng nên bố đã nghe lời ông Ngọc, đồng thời lấy tên ông Ngọc để đệm tên con đó . . .

Những ngày ấy, bố đang học lớp Anh văn cấp tốc ở 31 Cao Thắng nên có thì giờ

ở gần sàn sóc mẹ con. Pha sửa - sửa Guigoz đầy nhé- thay tã, ru con ngủ, bố còn đu đưa để dỗ con nín khóc. Phải công nhận là trong 7 đứa, Quỳnh là khóc to nhất và dai dẳng nhất, nhất là những đêm khóc ‘dạ đê’. Tiếng khóc day dứt, vang vọng xa đến nỗi bố đứng ở ngoài đường Trần Quốc Toản - cách xa nhà đến 30-40m cũng nghe rõ.

Quỳnh khóc dai, đặt xuống là khóc, bé lên ru thì nín; cũng có khi ru mãi mà không nín. Một lần Quỳnh khóc, nước mắt trào ra. Mẹ ôm Quỳnh nhìn bố nói nghẹn ngào: ‘Khóc có nước mắt . . .’ Bố bật cười: ‘Rõ vô vãn, khóc thì phải có nước mắt chứ !...’ mẹ hỏi đó mới 27 tuổi nên còn ngớ ngẩn, nhưng cũng vì thương con không muốn con khóc đầy thôi.

Quỳnh biết lẫy chậm, hình như khi 5,6 tháng mới lẫy được. Bố có chụp hình Quỳnh ở nhà ông bà nội (hồi đó là 31 cư xá Trương Minh Giảng - Sau là Trần Quang Diệu), lúc Quỳnh lẫy trên chiếc bàn ăn, đầu lưa thưa mấy sợi tóc, mắt ngược nhìn ống kính, đôi mắt to đen thật ngây thơ. Bức hình đó rất quý báu và dán ở album, không biết giờ đây ở nhà còn giữ được không?

Thấm thoát, Quỳnh đã biết bò chung quanh giường, bố phải kê mấy bàn ghế quanh mé giường, sợ con ngã. Một ngày kia, bố mẹ bận ở dưới bếp, con ở một mình trong giường. Khi trở lên thì Quỳnh đang bò trên chiếu, chân tay đầy phân, phân vương vãi trên giường, trên quần áo, mặt mũi, . . . trên cả miệng. Bố hoảng hốt ôm con, lòng đau xót vì đã bỏ bê con một mình, không trông nom cẩn thận, gọi mẹ lấy nước tắm rửa cho con. Kỷ niệm đó làm bố mẹ bực mình, nhưng cũng cười ra nước mắt, và tự nhủ sẽ coi sóc con kỹ lưỡng hơn để khỏi xảy ra chuyện đáng tiếc.

Một lần Quỳnh bị nóng sốt lên đến 40 độ C. Bố mẹ đem đến bác sĩ Võ Duy Thượng. Lần đầu tiên, Quỳnh được bác sĩ chích thuốc, nghe con khóc, bố mẹ đau quặn cả lòng, nhưng sau đó Quỳnh bình phục rất nhanh.

Tháng 5-1956, bố thuyền chuyển ra Sông Mao. Xa Saigon chừng hơn 200Km mà sao lòng nhớ vợ, thương con bồn chồn, cứ một vài tuần là bố lại đáp tàu hỏa về thăm nhà. Quỳnh lớn mau, ăn khỏe, nhưng hay bị táo bón. Bố mua cam ở chợ Nguyễn Tri Phương (giá 15\$ một quả) về vắt cho con uống nước.

Tháng 1- 1957, bố đổi về Trường Anh Ngữ Quân Đội Saigon. Quỳnh gần 1 tuổi đã lẫm chẫm vịn giường bước đi. Mỗi chiều bố đặt Quỳnh lên cổ, hai tay bố nắm tay Quỳnh, cùng mẹ đi dạo quanh khu Bà Hạt (lúc ấy mẹ đã có mang Quỳnh Giao chừng 6 tháng).

Khu cư xá Bà Hạt rất yên tĩnh, mát mẻ, chung quanh rợp bóng mát những cây trũng cá. Bố dừng lại hàng nước mía ven đường giải khát, với mẹ bên cạnh và Quỳnh chễm chệ trên cổ, hai chân vắt vẻo trên vai bố. Xem chừng cô ta có vẻ khoái được ngồi ở vị trí này lắm.

Tháng 5-1997- Bố mẹ sang lại căn nhà Bà Hạt và dọn đến nhà mới ở 14 Cư xá Trương Minh Giảng (sau là Trần Quang Diệu), chừng nửa tháng sau, mẹ sinh Quỳnh Giao.

Vậy là Quỳnh đã có em rồi đó . . .

Quỳnh bắt đầu tập nói bi bô suốt ngày. Chị Dậu giúp việc, bế Quỳnh, tập cho Quỳnh nói. Khi Dậu gọi: ‘Dạ Quỳnh kia!’ là Quỳnh ‘ạ’, liên tiếp cả chục lần nghe phát mệt. Mới tập nói, nên cô ta rất thích nói, dù chỉ là những tiếng ‘ạ’ mà thôi.

Tháng 4-1958, mẹ có mang Dững chừng 7 tháng. Ông bà Ngọc đưa mẹ, Quỳnh và Giao đi Nha Trang nghỉ mát chừng nửa tháng. Khi về Saigon, bố ngạc nhiên đến thích thú vì Quỳnh đã nói khá sõi và nói leo lẻo suốt ngày.

Bố đang nằm đọc sách, cô ta đến bên và nói ‘Nằm mấy ! Nằm mấy!’, ý nói là: ‘Cho Quỳnh nằm với. Lúc khác thì lại bị bô:’Nước cây! Nước cây!’, ý nói: ‘ Cho uống nước đi’. Tiếng nói ngọng lịu lo nghe thật tức cười và dễ thương biết bao nhiêu. Lúc ấy Quỳnh mới được chừng 25 tháng.

Tháng 6-58, mẹ sinh cu Dững. Vậy là Quỳnh đã có 2 em rồi.

Tháng 9-58, bố được cử đi Fort Benning làm việc, thời hạn 2 năm. Đi Mỹ thì thích thật, nhưng nghĩ đến xa vợ con 2 năm trời thật là quá lâu, nên lòng bồi hồi vô hạn. Tối quê người xú lạ, hình ảnh vợ con chập chờn trước mắt, niềm thương nỗi nhớ dào dạt tâm hồn. Bố ngồi dưới phía chân cầu Golden Gate (San Francisco) nhìn về phía xa xa là Thái bình Dương, là quê hương, nơi vợ con cách xa nửa vòng trái đất, tay cầm hình vợ con mà nước mắt trào ra. Cảnh vật dù đẹp, người đông, phố xá vui nhộn, nhà cửa chọc trời, văn minh vượt bậc, nhưng sao lòng ta chỉ vẫn vương những ảnh hình thương mến của vợ con và thôi ! . . .

Tháng 7-1959, Bố về tới phi trường Tân Sơn Nhất sau khi ghé Nhật Bản và Phi Luật Tân. Mẹ đưa Quỳnh, Giao và Dững ra đón bố. Phút gặp lại gia đình thật là vui mừng không tả xiết. . .

Quỳnh đã được 3 tuổi rưỡi, xinh xắn, mặc đầm, tóc đuôi ngựa thật là dễ thương. Bố mua quần áo cho mẹ và 3 con. Quỳnh được một áo đầm bằng nylon màu hồng nhạt mặc vừa vặn, đồ chơi là một con mèo chạy bằng

pile. Khi bấm nút mèo bước đi, đầu lúc lắc, mắt sáng rực, Quỳnh rất thích. Lên 5 tuổi, Quỳnh bắt đầu học võ lòng. Bài học ‘ Gà ri, gà cồ, gà quạ, gà tre, cả họ nhà gà bỏ phở ra ghe’ cô ta đánh vắn thật là ngộ nghĩnh.

Tháng 8-1962, mẹ sinh em Giao Duyên. Tháng 12-1962, bố đổi lên Kontum, chừng 3 tháng sau, bố đem cả nhà về cùng với bố. Quỳnh, Giao, Dững học trường Tiểu học tỉnh từ tháng 4-1963.

Khoảng tháng 7-1963, trong lúc bố đi công tác ở miền bắc Kontum, Quỳnh bị đau, phải đi tản về Saigon. Nghe tin, bố xin trực thăng về tới nhà thì mẹ đã đem Quỳnh và Duyên về Saigon, chỉ còn Giao và Dững đang treo cây trứng cá trước cửa. Nghe bác sĩ nói Quỳnh bị ‘Ovary cyst’ phải mổ, bố rất lo lắng xin phép về Saigon, đem theo cả Giao và Dững. Tối nơi thấy con đã được giải phẫu bình an. Bố sung sướng, biết ơn mẹ đã đem Quỳnh vào bệnh viện kịp thời.

Tháng 9-1963, mẹ sanh em Duyên Thơ. Tháng 4-1964, bố về Đàlat học khóa 22 Trường Đại Học Quân sự. Lại đem cả nhà lên Đalat, mới đầu ở cư xá Trường Đại Học Quân Sự, sau đổi ra ở nhà bác Dương Thiệu Sĩ.

Tháng 9-1964, Quỳnh học lớp ba Trường Tiểu học Xuân An, và những năm sau đó học ở Việt Anh - Bùi thị Xuân. . .

Tháng 5-1974 Quỳnh đỗ tú tài IBM, Tháng 9-1974, thi vào Đại học Sư Phạm. Tin tưởng con sẽ thi đậu, nhưng khi đi xem bảng không thấy tên con, lòng bố tê tái như chính mình thi trượt. Trời mưa lất phất, bố nghẹn ngào trở về nhà, nước mưa giăng mờ trên mắt kính mà chính mắt bố cũng mờ đi vì hối hận đã không dậy dỗ chăm sóc con hết lòng để cho con học giỏi hơn.

Sau ngày 30-4-1975, mẹ và cả nhà về Đalat, chỉ có Quỳnh và bố ở Saigon. Hàng ngày bố đi chợ nấu ăn, Quỳnh đi học Khóa Thuyết minh, về là cơm đã sẵn sàng. Ăn uống thật giản dị, mỗi bữa 2 bố con chỉ ăn hết 1 lon gạo.

Ngày 15-6-1975, bố chuẩn bị đi trình diện học tập, Quỳnh xin phép đi picnic với các bạn. Mới có 19 tuổi, Quỳnh chưa ý thức được sự quan trọng của sự bố đi học tập (bố chiều con cũng để cho con đi chơi)-đáng lẽ Quỳnh phải ở nhà giúp bố sửa soạn các đồ cần thiết chứ. Bố lặng lẽ thu xếp đồ đạc, khóa cửa phòng rồi lại nhà bác Hoàng Đức Khâm rủ bác cùng đi.

Thấm thoát đã gần 8 năm bố xa nhà. Quỳnh đã lập gia đình. Những thư từ của Quỳnh viết luôn luôn làm bố xúc động vô cùng vì tình cảm thiết tha của con đối với bố mẹ và các em.

Tâm hồn của Quỳnh rất lãng mạn, mềm yếu và dễ cảm xúc. Đời sống lứa đôi của con có thể gặp một vài trục trặc nhỏ, nhưng bố tin rằng với sự khéo léo, dịu dàng, mềm mỏng của con, mọi việc sẽ êm đẹp và gia đình yên vui. Ngày 14-9-1982, bé Kim Quyên đầy tuổi, hình Quyên gợi cho ngoại trông giống như Quỳnh của 25 năm trước.

Mong gia đình nhỏ bé của Kim-Quỳnh sống trọn đời trong hạnh phúc êm ấm. Mong con noi gương nhẫn nhục, đức tính dịu dàng của mẹ, chiều chồng, nuôi con, vui hưởng những ngày đầm ấm của gia đình sum họp. Viết cho con những giòng tâm bút đầu tiên vào dịp kỷ niệm sinh nhật con 27 tuổi, bố muốn nói lên lòng yêu mến thiết tha của bố mẹ đối với đứa con gái đầu lòng yêu dấu

(hồi còn nhỏ, lúc 3,4 tuổi, Quỳnh thường nói với mẹ: 'Con là chị cả hả mẹ?' Cô ta có vẻ hãnh diện là chị của Giao và Dũng)

Bố tin chắc con sẽ can đảm vượt qua mọi khó khăn trở ngại của cuộc sống, những trục trặc về tình cảm, đời sống lứa đôi rồi sẽ được giải quyết êm đẹp con ạ. Con đã giúp đỡ mẹ rất nhiều trong thời gian qua, con đã dạy dỗ các em thay bố mẹ, điều đó làm bố hài lòng và hãnh diện về con thật nhiều. Những món ăn con nấu cho bố cũng như các món quà con gửi cho bố làm cho bố hồ thẹn vì con đối với bố hơn là bố đối với ông bà nội ngoại rất nhiều.

Chỉ cầu mong vợ chồng con sống hòa hợp, thuận vợ, thuận chồng tát biển đông cũng cạn. Thương yêu nhau, tha thứ nhau những lỗi lầm nhỏ nhặt, gìn giữ lòng chung thủy vẹn toàn, nhất là con nên bớt lãng mạn, bớt mơ mộng, bằng lòng với hạnh phúc bình dị hiện tại, không nên đứng núi này, trông núi nọ.

Từ nơi xa xôi muôn trùng cách trở, bố nghĩ về con và yêu thương con vô cùng. Lúc nào cũng vậy, trong tâm tưởng bố, con vẫn là cô bé Ngọc Quỳnh xinh xinh nhỏ nhỏ, với mắt đen lay láy rất to, với đôi môi hồng hồng của những ngày thơ ấu xa xưa.

Tám năm trôi qua, bố mới chỉ gặp con 1 lần ngày 17-6-1981, nếu con thu xếp việc gia đình thì hãy ra thăm bố cùng với Kim.

(Trích trong Nhật Ký của Bố viết cho các con. Từ trại tù Xuân Phước. (1993)

VŨ ĐỨC NGHIÊM
(San Jose, CA)



SAPA ! Gió núi, mưa ngàn...

Ỡ NGUYÊN

(Tiếp theo Cỏ Thơm 57)

Dọc đường đời đi xuống thung lũng vào bản, chúng tôi vào thăm nhiều căn nhà nhỏ, nghèo nàn trống trải. Trong nhà độc nhất chỉ có một chiếc giường gỗ và một cái bếp với chiếc kiềng ba chân đặt chơ vơ trên lớp tro tàn ngay giữa nhà...mà tôi nghĩ, bếp này cũng sẽ được làm lò sưởi về mùa Đông. Mấy đứa trẻ con bu quanh phía trước, áo quần ngắn cũn cỡn, hở rốn hở mông hoặc trần truồng, đứng ngây ngô nhìn chúng tôi đi qua bằng con mắt hiếu kỳ xa lạ. Chủ nhà bày ít đồ vải vóc, quần áo trang sức phụ nữ ở trước cửa nhà để bán cho du khách. Nhiều nhà còn nuôi thêm gà vịt và lợn con. Cũng có nhà nuôi dăm ba chú chó con đang nằm ngủ vô tư không màng gì đến người lạ đi qua đi lại, hình như chúng đã quen với cái sinh hoạt hàng ngày như vậy. Tôi không tiện hỏi, nhưng có lẽ họ nuôi chó để làm thịt (?) sau này. Tôi để ý hầu như nhà nào cũng có một cái máng nước chạy qua vườn dùng làm phương tiện dẫn thủy nhập điền để dẫn nước mưa, nước suối từ trên đồi xuống những thửa ruộng bậc thang bên triền núi, xuống tới chân đồi. Họ biết áp dụng phương pháp thẳng bằng để khi những máng này đầy nước sẽ tự động thả nước xuống đường mương đào sẵn, dẫn vào các khu ruộng phía dưới. Nhiều nhà còn dùng hệ thống dẫn nước này làm cối giã gạo - được gọi là cối giã gạo dân tộc, như kiểu cối giã gạo ở nhà quê ngoài Bắc ngày xưa. Cối cối là một khúc gỗ vuông cạnh, dài chừng bốn mét đặt

cố định trên một trục cách đầu cần khoảng hai phần ba, mục đích để cho đầu cần nặng hơn đuôi; đầu cần cối được gắn một chày to, dưới là một cối đá chứa gạo đã xay. Nhịp chày lên xuống do người đứng ở giữa trục bước tới bước lui (có nơi, người giã gạo bước lên bước xuống) bằng một chân. Khi bước lui thì đầu chày cao lên khỏi cối đá, khi bước tới là đầu chày đập xuống cối đầy gạo, chà xiết cho gạo tách rời khỏi cám. Khi còn là một cô bé oắt tỳ ở nhà quê trong thời gian gia đình nhà tôi lánh nạn ở làng Đông Sơn, thuộc Chiến Khu Tư Thanh Hoá, những lúc thấy mấy chị thôn nữ giã gạo, tôi thường xin các chị cho đứng phía trên cần cối để được hưởng cái cảm giác bay bổng lên, rồi hạ xuống theo tiếng chày bị bộp phía dưới ... Các chị vừa giã gạo vừa hát hò hay chuyện trò vui vẻ để quên thời gian cũng như quên đi cái nhọc nhằn của công việc: “Nàng về giã gạo ba trắng, để anh gánh nước Cao Bằng về ngâm...”. Bây giờ nhớ lại hình ảnh ấy, tôi thấy nhớ ơi là nhớ. Ngày xưa ngày xưa, ai đã từng sống ở nhà quê miền Bắc, có lẽ không xa lạ gì với phương tiện giã gạo này. Ở đây, người đứng giã gạo được thay thế bằng máng nước. Khi nước chảy vào đầy máng này thì đầu chày từ từ nhấc lên khỏi cối rồi tự động rơi xuống cối đá xiết vào gạo khi máng đã thả hết nước ra; nước lại liên tục đổ xuống làm đầy máng ... Và cứ thế, máng nước lại tự động đầy lên ..., đều đều như nhịp chày “Gạo Trắng Trăng Thanh” của H.T.T: “...Trong đêm thanh, trăng tàn canh, bao tiếng ca theo tiếng chày nhanh nhanh. Dư âm xa còn vang mãi trong ánh đêm trăng tà...”. Phương tiện giã gạo qua hệ thống dẫn

thủy nhập điền kiểu đôn thăng bằng này cứ thế liên tục hoạt động ngày đêm. Dĩ nhiên khi không giã gạo, máng nước sẽ làm công việc dẫn nước đơn thuần. Thực khôn khéo với những bộ óc không cần kiến thức cao.

Chúng tôi đã cuộc bộ mấy ngày trước đây khi đi thăm viếng chùa Bái Đính ở Ninh Bình, đã leo lên những bậc thang cao, thực là cao để chiêm bái Tôn Tượng Phật Di Lặc và 500 tôn tượng Phật A La Hán, bây giờ lại tiếp tục leo núi leo đồi ở đây, ban đầu e không còn đủ sức, vậy mà mọi việc đều qua đi với đôi chân dẻo dai đầy kinh nghiệm.



Theo chương trình, bây giờ đã đến lúc chúng tôi phải quay lại khách sạn để dùng cơm chiều và nghỉ ngơi. Lúc đi ai nấy đều phấn khởi, háo hức, lướt về cũng lại phải leo đồi xuống dốc mà người nào người nấy đều đã thấm mệt, mặt mày đỏ gay, mồ hôi thấm áo, nhưng cũng phải cố thôi. Hôm nay chỉ là chuyến đi bộ ngắn hơn năm cây số, sáng mai chúng tôi sẽ phải đi bộ vào các bản khác xa hơn tới 7, 8 cây số thì mới đáng ngại chứ! Mấy bác chạy xe ôm - bây giờ mới thấy đàn ông xuất hiện - đoán là du khách chúng tôi mệt mỏi vì đi bộ lâu nên cứ rà rà xe Honda sát bên để mời mọc đưa về. Họ biết mấy phụ nữ người Việt chúng tôi mệt mỏi, cần giúp đỡ. Họ không mời du khách người ngoại quốc, có

lẽ họ coi thường chúng tôi thiệt đó ... Đi mãi mà chưa trông thấy bóng dáng khách sạn mình ở đâu, tôi bắt đầu thấy hơi nản và tự hỏi không biết mình có đủ sức để về tới đích không, nhưng vì "tự ái dân tộc" nên vẫn ráng lê bước bên cạnh ông xã. Trời bắt đầu mưa nặng hạt, đường thì trơn và dốc, mình là đàn bà yếu đuối, tuy không thiếu trọng lượng - cũng vẫn ráng lên cùng các bạn đồng hành để tỏ ra là mình cũng thuộc loại si-bo đây! Tôi đã nhiều lần từ chối lời mời của mấy bác xe ôm, nhưng họ cứ lèo đèo đi theo và mời chào như năn nỉ không dứt. Thấy tội nghiệp, tôi quay ra hỏi hai ông đi theo chúng tôi từ nãy đến giờ: "Nếu phải trả cho một chuyến xe về khách sạn các ông tính bao nhiêu một người?" - 50,000\$ (khoảng 2 đô la) - một ông trả lời tôi như thế. Tôi lấy ra hai tờ 50,000 đồng VN trao tay cho mỗi ông một tờ và vui vẻ nói với họ: "Đây là tiền xe của hai ông. Cứ coi như chúng tôi đã đi xe của hai ông rồi nhé. Thực tình chúng tôi muốn đi bộ cho khỏe chứ không phải tiếc tiền. Mong hai ông hiểu cho ..." Sự kiện bất ngờ này xảy ra ngay trước cửa trạm gác của công an quận, khiến mấy anh công an ngồi trong hàng hiên chăm chú nhìn chúng tôi với vẻ mặt ngỡ ngàng như chưa bao giờ xảy ra trước mặt họ... Thông thường tôi hay hành xử như thế khi gặp mấy ông xe ôm, hay xe xích lô lèo đèo theo chúng tôi mời chào. Ngay cả khi còn ở Hà Nội hay Saigon trước đây, chúng tôi cũng không dám ngồi xe xích lô vì cảm thấy khó chịu "phải ngồi" trên xe để người ta đập chỏ mình đi ngoạn cảnh, tôi tự thấy ngượng ngùng làm sao! Với vóc dáng một ngoại kiều, e nặng ký mà để một ông già ốm yếu, hỳ hục đập xe chỏ mình như vậy thực khó coi vô cùng. Nhưng nói đi cũng phải nói lại, nếu mình e ngại không dám lên xe đi giúp họ thì họ sống

bằng gì đây? Họ sống bằng sức lao động để đổi lấy đồng tiền mà. Ôi ! thực phức tạp phải sống trong một xã hội mà giàu nghèo chênh lệch như thế. Cho nên khi giúp họ ít tiền mà không phải trao đổi, tôi thấy trong lòng vui sướng hơn. Giúp kẻ khó trong những hoàn cảnh này, tôi cảm nhận là mình đã làm được một việc thiện.

Về tới khách sạn vào lúc mặt trời đã ngả bóng. Ai nấy đều mệt và đói bụng nên đổ xô hết xuống phòng ăn. Nhiếp ảnh gia của tôi mặt mày bị râm nắng vì cả nửa ngày ở ngoài trời, nhưng anh trông khoẻ hẳn ra. Anh luôn luôn hài lòng về sức khoẻ của mình mặc dù tuổi đã cao. Chúng tôi năm người gồm vợ chồng tôi, cô cháu gái và một cặp du khách từ Canada. Cặp này còn trẻ, ít tuổi hơn chúng tôi nhiều nên gọi chúng tôi là cô chú và xưng con, nghe rất Việt Nam. Họ là người gốc miền Nam, nói năng dễ thương và chân thật nên dù mới chỉ gặp nhau vài tiếng đồng hồ mà chúng tôi đã gây được cảm tình với nhau, rất tâm đầu ý hiệp. Chúng tôi gọi những món ăn quê hương như canh cua đồng mỡ tỏi, trứng tráng thịt, rau muống xào tỏi tươi, cá rán sốt cà chua. Đồ ăn tinh khiết, sạch sẽ và vừa miệng khiến tôi không ngại ngùng e dè như khi ăn ở ngoài đường phố nên cảm thấy yên tâm hơn. Nhân viên phục vụ đón tiếp chúng tôi rất niềm nở, ân cần và chu đáo, bất kỳ lúc nào chúng tôi có mặt tại phòng ăn này vào sáng, trưa và chiều. Hình như họ thích phục vụ người Việt mình hơn là người ngoại quốc vì du khách người Việt thường lúc nào cũng cười mở, rộng rãi và chi tiền tip rất hậu hĩnh. Về thăm quê hương, tôi thích nhất là được gặp người Việt Nam, nói chuyện với họ bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của mình. Tiếp xúc với mọi giới, mọi tầng lớp, hiểu thêm được nhiều khía cạnh của cuộc sống

hiện tại. Tương đối tôi rất hài lòng và cảm nhận được một điều mà sau này dù cho có dư tiền dư của, tôi cũng không có cơ hội để thực hiện, đó là vấn đề trải nghiệm lại sức khoẻ của mình. Do đó tôi thấy sung sướng và mãn nguyện làm sao khi được sống trong một vùng đất của quê hương với những giây phút ngắn ngủi để tận hưởng tất cả những cái diệu kỳ của thiên nhiên nơi núi rừng Sapa, nhất là tinh chân phương mộc mạc của người dân bản thượng.

Chiều tối, từ cửa sổ của phòng ngủ tại khách sạn Global, một lần nữa tôi lại ngỡ ngàng trước cảnh sắc mờ ảo của đồi núi Sapa ẩn hiện trong làn sương chiều trắng đục, như một bức tranh khổng lồ trải ra trước mắt tôi. Mưa chiều lất phất bay, gió núi mơn man mát lạnh. Dưới đường phố vẫn còn thấp thoáng vài thiếu nữ miền sơn cước đi lên đi xuống để mời chào du khách mua đồ.

Lúc này, mọi người tách ra đi chơi riêng rẽ. Riêng hai chúng tôi lững thững đi ra phố chợ không xa khách sạn là mấy. Được tản bộ trong giờ phút này thật không uổng phí. Đây là trung tâm thị trấn nên hàng quán chiếm ngụ hai bên đường khá đông đảo tạo nên một khu buôn bán xầm uất dành cho khách du lịch. Hầu hết là hàng ăn và tiệm bán đồ lưu niệm. Ở đây, tôi thấy quán ăn nào cũng đều bán những món ăn giống nhau như thịt rừng nướng, cơm lam của người thượng mà sáng nay ông xã tôi đã ăn thử trên đường đi. Nghe nói cũng có chùa Phật Giáo ở đâu đó trong thị trấn nhưng chúng tôi không còn đủ thì giờ để đến chiêm bái. Thành phố đã lên đèn từ hồi nào không hay. Cảnh sắc Sapa về đêm trong ánh đèn vàng yếu ớt làm tăng thêm vẻ lãng mạn của thị trấn mù sương, quyến rũ và lôi cuốn du khách thập phương. Mưa bụi vẫn nhẹ bay. Hai chúng tôi tản bước từ con phố

này sang con phố khác. Đã lâu rồi chúng tôi không có dịp đi bên nhau, tay trong tay dưới trời đêm huyền diệu và thơ mộng như thế này. Thú vị thật ! Trong khoảnh khắc cả hai đứa chúng tôi như sống lại những giây phút “hẹn hò” của buổi ban đầu hồi còn đi học ở Saigon.. Giờ đây tuổi đã cao mà “Cái thừa ban đầu lưu luyến ấy” vẫn bàng bạc vương vấn trong nhau. Ít ra cũng còn một chút gì để nhớ để thương nên hai chúng tôi như cố níu lại cái giây phút quý báu này. Có vẻ lãng mạn đấy chứ!

Đến đây, tôi phải nói thêm một chút kẻo quên đi mất, đó là chợ Tình Sapa. Chợ Tình Sapa là tên của du khách đặt ra. Chợ họp vào ngày Chủ Nhật, nhưng cư dân từ các bản xa xôi, nhiều người phải đi cả ngày trời mới tới, nên từ những ngày xa xưa, họ phải đi từ sáng Thứ Bảy để kịp họp chợ vào Chủ Nhật. Nhân cơ hội này, trai gái người sắc tộc gặp gỡ nhau vào tối Thứ Bảy để hẹn hò, ca hát, nhảy múa... Từ đó có tên là Chợ Tình. Nhưng từ khi ánh đèn văn minh đô thị và tiếng nhạc Karaoke xâm lấn vào nếp văn hóa cổ truyền của họ, nhất là những củ chỉ số sàng, sảm sỡ của du khách (?), cái ngây thơ của bản sắc văn hóa địa phương đã phải ra đi, nhường chỗ cho những rác rưởi thị thành ... nên bây giờ Chợ Tình Sapa, dù vẫn họp hàng tuần, nhưng vắng người và mang một sắc thái khác...

Sáng hôm sau, theo lịch trình của đoàn, mọi người phải dậy sớm ăn điểm tâm và

chuẩn bị cho chặng đường đi bộ lâu hơn và dài hơn hôm qua - 7 cây số.

May quá, hôm đó trời lại nắng, dù đêm trước có một trận mưa xối xả đổ xuống thị trấn Sapa, chắc hẳn chuyến leo đồi xuống núi của chúng tôi cùng sẽ khá gay go. Tôi đoán thế ...

Từ nhiều con dốc xoay xoay kéo xuống chân đồi, chúng tôi có cảm giác như mình đang đi trên mây. Mọi cảnh sắc thơ mộng và diệu kỳ trên đoạn đường sáng nay trông hơi khác với hôm qua. Dù vẫn có những áng mây trắng lững lờ trôi bao phủ cả một vùng thung lũng, những mảnh ruộng xinh xinh, xanh ngắt màu mạ non và thấp



thoảng xa xa là những mái nhà sàn lợp tranh nâu xám. Đẹp tuyệt ! Làn sương sớm lành lạnh lan toả khắp nơi, dường như làm tôi ngây ngất vì khí trời thoáng nhẹ của miền thượng du Sapa.

Cô Sai vẫn là người hướng dẫn chúng tôi sáng hôm đó. Cô đưa chúng tôi đi qua những đồi núi chập chùng với những di tích lịch sử của các buôn khác nhau. Đường dốc và trơn trượt, mặc dầu đã được cảnh giác trước nhưng vẫn có người té ngã tới hai ba lần làm cả đoàn rú lên cười. Một du khách người Úc trượt chân trước tiên, rồi lại ngã ngồi phệt trên mặt đất lần thứ hai và sau đó, anh Úc Kiều trong nhóm tôi, ngã văng cả máy hình, máy ảnh ra ngoài, khiến chúng tôi cũng phải coi chừng và cẩn thận hơn trên những bước đi kế tiếp. Vui thật ! Kinh nghiệm là phải bước ngang bàn chân thay vì đi thẳng, và phải bấm giày xuống mặt đất cho vững chắc rồi

mới dám bước tới. Hồi sáng, lúc mới khởi hành, có mấy cô sơn nữ người H'Mong theo chúng tôi chuyện trò và mời chào mua đồ lưu niệm, dù bị từ chối nhưng họ vẫn tiếp tục theo sát chúng tôi cả gần hai tiếng đồng hồ rồi. Đến giờ phút này tôi mới vỡ lẽ ra là kinh nghiệm đã dạy họ sự kiên nhẫn, chịu đựng như thế, vì họ biết thế nào trong toán du khách cũng có người phải cần đến họ để giúp dìu đi qua những khu vực đất đồi trơn ướt. Và cuối cùng chính tôi và cô cháu gái đều phải nhờ tới những người H'Mong này. Quả thật, có mấy khúc đường đèo trơn trượt và đá lởm chởm nguy hiểm, nếu không có họ dìu đi thì không biết việc gì sẽ xảy ra. Nhiều cây cầu tre, cầu nứa yếu ớt bắc ngang qua những con lạch như đang chờ đợi đôi chân mới của người khách lạ làm ai cũng chùn cẳng ngại ngùng chưa dám bước qua. Thế mới biết người mình nhất gan thiệt, nhìn theo những phụ nữ ngoại quốc bước đi tinh bơ và ra chiều thích thú làm chúng tôi thấy quê xệ. Có lẽ họ đã đi hiking nhiều ở nước họ. Lại một kỷ niệm khó quên!

Chúng tôi đi theo cô Sai qua những cây cầu ghép bằng những ống nứa cheo leo, bên những thác nước tuôn xuống âm ỉ, tạo ra những lớp bụi mưa mờ ảo. Nhưng quyến rũ nhất không thể không nói tới là Cầu Mây. Cầu Mây (Rattan Bridge) nguyên thủy là một địa điểm du lịch kỳ thú không kém phần hào hứng, dành cho du khách thuộc hàng "to gan lớn mật" mới dám bước lên cầu ... Cầu được kiến trúc, nói cho xôm vậy thôi, bằng nhiều sợi mây (rattan).



Những ai ở nhà quê đều biết, mây là một giống cây leo có độ dẻo dai bền bỉ và chịu đựng được nắng mưa. Cầu Mây được hình thành như một thứ cầu treo lắt lẻo đong đưa trên một độ khá cao với nhiều dây mây lớn bện chằng chịt theo hai dây cáp dọc hai bên để treo cầu qua dòng suối Tả Ban. Mặt cầu, bề ngang chừng hơn một thước, được ghép bằng những tấm gỗ cách quãng theo từng bước chân. Như thế có nghĩa là nếu bước hụt không vào miếng ván, tức là rơi xuống suối dễ như chơi...Nên hầu như du

khách Mít như tụi tôi chỉ dám đứng ngắm cho khoái mắt ...Mà cũng chỉ thấy vài du khách thanh niên ngoại quốc thập thò vài bước ở đầu cầu rồi lại thụt lui, phá lên cười với nhau thích thú. Người ta kể lại, nếu đi trên cầu vào buổi sáng tinh sương, thì hẳn như thấy mình đang bước trên mây. Nhưng cũng chẳng sao, ngay bên cạnh cầu này, nay đã có thêm một cây cầu treo khác theo đúng nghĩa

của nó: cầu được treo bằng dây cáp to, bề ngang cầu rộng chừng hai thước, mặt cầu được lót bằng những tấm gỗ dày, to, trông rất chắc chắn, xe Honda chạy vô tư ...Đây là cây cầu khá an toàn cho khách bộ hành vì chẳng ai dám sử dụng cây Cầu Mây... lịch sử kia. Dưới cầu, dòng nước đỏ màu đất núi từ thác Cỏ May phía xa ào ào đổ xuống như mừng đón đám du khách phương xa, nguyên vì hôm qua trời đổ mưa tầm tã, nước cuộn cuộn chảy theo dòng suối uốn lượn dưới chân cầu. Tôi thấy mình thực bé nhỏ trước cảnh núi đồi hùng vĩ, bát ngát bao la của tạo hóa. Trong phút giây tâm

Nếu dở dang nhau

Một làn gió thoảng mong manh
Cuốn anh vào mộng long lanh sao trời
Bao năm ru giấc nửa vời
Mong chia giọt nắng bên đời với em

Đêm Thu che bóng sương mềm
Mây buồn gọi gió trải thêm nhớ mong
Tình xa tận cõi hư không
Cây cảnh rữ nhớ ngóng trông võ vàng

Tình ca muôn thưở dở dang
Phím đàn nhức nhối hoang mang đêm tàn
Trái sầu thỏn thức tràn lan
Chìm trong ánh mắt miên man đợi chờ

Ngàn năm mộng mãi vẫn vơ
Biển xanh sóng nhớ thấn thờ biển say
Núi sông buồn chết đêm nay
Nụ cười đã tắt còn đây dòng sầu

Kiếp này đã dở dang nhau...

Uyên Phương Minh Nguyệt
(Texas)

hồn lâng lâng đó, tôi cảm thấy như đang bị thôi miên không sao trốn khỏi, như đang sống với một cảm giác thư giãn trong mơ, như được quên đi những ưu tư hối hả của cuộc đời phố thị nơi quê hương mới ...

Hầu như du khách nào cũng muốn leo lên đỉnh Hàm Rồng là hình con rồng uốn khúc, ở sát ngay thị trấn. Ở khu du lịch Hàm Rồng còn có một Vườn Lan quốc gia với nhiều thứ lan rừng thiên nhiên như để giới thiệu đến những người có thú chơi hoa. Nhưng chưa hết đâu, muốn lên tới núi Hàm Rồng phải qua đường lên Cổng Trời là lối đi giữa hai vách đá cao thẳng đứng với một lối đi nhỏ hẹp, bề ngang chỉ vừa một chiếc Honda chạy. Nơi đây có Sân Mây là vị trí cao nhất, đứng trên đây có thể nhìn thấy hết cả Thị Trấn Mù Sương. Cô hướng dẫn cũng kể cho du khách nghe qua về Thác Bạc trên đường đi Lai Châu, cách Sapa chừng bảy cây số. Thác cao chừng 100 mét. Về mùa mưa, nước thác trắng xóa lóng lánh như một triền núi được dát bạc. Nhưng về mùa khô, thác chỉ còn là một dòng chảy nhỏ. Muốn vào tận nơi xem và chụp hình du khách phải leo lên chừng hơn 300 bậc thang; cho dù có thì giờ, chúng tôi chắc cũng khó có thể đi thêm được nữa. Xin hẹn ngày trở lại ...

Khi đến đoạn đường bằng phẳng và khô, chúng tôi chia tay với các cô gái người H'Mong và đưa tặng họ ít tiền vì họ đã có công dìu chúng tôi qua những khúc đường trơn trượt. Họ rất mừng, nổi sung sướng, hân hoan hiện rõ trên nét mặt rần rori chất phác. Số tiền 100 ngàn đồng VN đưa cho họ tuy trị giá chỉ bằng 5 đô la thôi, nhưng với họ là một lợi tức thu nhập lớn trong ngày làm việc..

Cô Sai luôn luôn đi sát bên chúng tôi cho biết công ty Du Lịch trả công cô 100 ngàn đồng VN cho mỗi buổi cô đi hướng dẫn du khách như thế. Cho nên hai hôm đi du ngoạn về, tôi đều bỏ cho cô mỗi hôm 100 ngàn đồng VN. Tôi cảm thấy thực vui vì nghĩ rằng cô Sai đã xứng đáng được hưởng tiền bỏ của du khách.

Hiện giờ chúng tôi đang có mặt tại địa điểm ăn trưa mà công ty Du Lịch đã đặt sẵn tại một bản thượng thuộc bộ lạc Zay. Thức ăn có ba món, cũng cơm trắng, rau sào thịt bò, canh rau, thịt heo núi kho tiêu. Tôi thì vẫn chỉ một chén cơm trắng với chút xíu nước tương là xong bữa, y như ăn chay ! Nhóm chúng tôi vẫn là năm người Việt Nam đi với nhau và món ăn trưa nay quá ư là nhiều nên khi cả toán vừa bước ra khỏi bản ăn thì ngay lập tức các em bé thuộc nhiều bộ lạc ùa tới bốc ăn cho bằng hết. Chúng tôi đói và thèm thường. Tội nghiệp !

Sau bữa ăn trưa, nắng lên, ai nấy đều thấm mệt vì đường đi quá dài so với hôm qua. Quanh chúng tôi bấy giờ là các bà mẹ và các em bé thuộc bản Zay với những món nữ trang rì tiền và khăn quàng cổ bằng vải thổ cẩm đủ màu... đặc phẩm của miền thượng du trông cũng hấp dẫn, có lẽ mình nên mua giúp cho họ vài món. Mua một chút quà kỷ niệm cho con cháu và bạn

bè khi đi xa về thì cũng đáng làm lắm chứ! Và cứ như vậy mọi người trong nhóm đều tới tấp bước tới chọn lựa, khiến người bán cũng phẩn khởi vì đã không ướng công theo chân nhóm du khách quá lâu. Sau đó chúng tôi vẫn phải đi bộ thêm hơn cây số nữa để ra lộ chính có xe van đợi sẵn đưa đoàn du khách trở về khách sạn hầu kịp bữa cơm chiều lúc 5 giờ trước khi xe của công ty Du Lịch



đưa chúng tôi ra ga Lao Cai, để ngủ thêm một đêm nữa trên chuyến tàu hoả trở về Tràng An Hà Nội. Quanh tôi ai nấy đều biểu lộ niềm vui dù rằng chuyến đi tour quá ư là ngắn ngủi đã không cho họ có đủ cơ hội đi thăm viếng nhiều nơi kỳ thú khác của Sapa.

"Thời gian tựa cánh chim bay. Qua dần những tháng cùng ngày ..." (*Hoài Cảm của Cung Tiến*), tiếng hát của Bằng Kiều như gọi lại trong tôi những nỗi nhớ khôn nguôi. Thấm thoát mà đã hai tháng trôi qua từ ngày chúng tôi trở lại nơi trời cao quê hương mới. Hôm nay ngồi đây bồi hồi ghi lại những dòng hoài niệm một chuyến đi, không khỏi miên man hồi tưởng lại những hình ảnh mẩn yêu của miền Tây Bắc quê hương. Chúng tôi đã tìm lại được những phút giây hạnh phúc trong chuyến đi này. Phải chăng niềm vui hạnh phúc là thời gian vắng mặt những ồn ba hối hả của cuộc đời, là không gian khuất xa ánh đèn màu đô thị... Vâng, với tôi, hạnh phúc đơn giản chỉ là thế thôi

...Và tôi vẫn thầm mong một lần nữa được trở lại Thị Trấn Mù Suong để cảm nhận được niềm hạnh phúc vô biên của mình trên một đất nước không còn chiến tranh ...

Tạm biệt Sapa - Gió Núi Mưa Ngàn, không chỉ là một địa danh mà còn là nỗi nhớ ...

Tạm biệt cô gái Thượng duyên dáng của tôi!

Ý Nguyên

(Maryland, 08/ 2011)

Le Magique Printemps De Thủy Tiên

Passé mon année nostalgique
Tu m'es revenue comme une déesse de Printemps
Ô Thủy Tiên! Sans tes milles éclats de perle
-Sans Toi- mon printemps ne sera plus magique.

Eclatante dans chaque pétale de fleur
Pure comme un amour éternel
Vogue dans le parfum, le ruisseau de tes cheveux
Tes yeux de velours m'ennivrent de mystères.
Ô Thủy Tiên! Ton coeur d'or de nénuphars
M'ensorcelle dans ce monde céleste
Comme tout n'appartient ... qu'à Toi
Remplis-moi ton doux ciel de feuillage
Léger et féérique jusqu'à l'horizon lointain.
Dans ton jardin secret, s'aiment les papillons
Jaloux des cigognes amoureux des vents,
Comme ce doux mirage romantique.
De tes yeux voluptés, garnis ce ciel toujours clair,
De tes doigts nacrés, crée cet univers unique.

Tu es ma narcississe si rare
Qui se marie avec mes poèmes immortels
Laisse toujours ma plume rêver
Et graver ton coeur au nom des fleurs.

Paroles: Diễm-Hoa
D'après le poème "Xuân Thủy Tiên" de Nguyễn Lân

XUÂN ƠI! XIN DỪNG LẠI!

NGUYỄN LÂN

Anh Bình thân thương,

Bao nhiêu năm anh em mình xa cách? Gần 40 năm rồi, phải không nhỉ? Khoảng thời gian thật dài... Kể chi đâu anh đã bạc xóa, mái tóc em giờ đây cũng hoa râm! Màu Thời Gian không nương tay với chúng mình như đa số con người trần thế. Em muốn trẻ trung mãi để mấy chục năm sau, gặp anh còn nhận ra nhau, để ngày nao trở lại mái nhà xưa ngắm khuôn mặt thân yêu ấy trong không gian quen thuộc ấy dù thời gian không thể ngược nẻo quay về.

Khó thật. Phải không anh?. Nhiều người, trong chúng ta thắc mắc làm sao cho mình không bị cái "già" dẫn đi nhanh chóng. Vậy mà có người cho em biết mình có thể làm chậm già, hay nói một cách lạc quan, níu được sự trẻ trung, ngăn tuổi xuân dừng lại, giữ cả một thế hệ tuổi đời. Nghĩa là kéo dài sự tươi mát tới hai mươi năm!

Người bạn thân của em, người bạn tương đắc, năm nay đã 75 tuổi, nhưng ai nhìn chàng đều nghĩ cùng lắm là 55 cái xuân xanh! Khi biết tuổi chàng, ai cũng ngỡ ra thậm chí có người cho là chàng sửa sắc đẹp (!). Hỡi, anh ta nói rằng, nhờ tu từ tiền kiếp cũng có (!) mà nhờ biết rèn luyện chí khí, tập tành thể xác, ăn uống cẩn thận cũng có. Chàng chăm sóc bản thân trên ba diện: **thể chất, tâm trí và thần khí**. Chàng tâm sự:

Về thể chất, chúng ta ai cũng biết nên tránh mập phì. Giữ cho eo thon, bụng nhỏ, bắp thịt dãn chắc. Như thế, ăn uống phải cẩn thận, tránh đồ ăn béo vì béo đã chắc gì bỏ. Ăn nhiều rau trái da sẽ tươi nhuận và

tránh được táo bón. Nhưng không phải kiêng hoàn toàn thức ăn béo. Mình vẫn ăn ngon nhưng không nhiều. Kiêng cỡ quá mức có khi người lại xanh xám, mặt cắt không còn hột máu, da nhăn nheo như trái trám khô!. Chừng mực trong việc ẩm thực. Song song với vấn đề ăn uống, phải tập thể dục hàng ngày, tập khiêu vũ cho cơ thể dẻo dai, dáng dấp nhanh nhẹn. Cứ đứng trước gương nhảy một mình - nếu không có partner - nhìn mình trong gương thấy không xốn mắt là được. Đó cũng là một cách tập dáng điệu. Bạn em nói thêm, rèn luyện dáng mình trong gương để làm đẹp mắt mình và đẹp mắt thiên hạ. Chẳng qua bạn em là một nghệ sĩ, một kịch sĩ nên nói thế! Chàng ta thường phải lên sân khấu nên bắt buộc phải biết cách thu hút tầm nhìn của tha nhân. Nghe kỳ kỳ, nhưng nghệ kỹ, anh chàng có lý.

Vấn đề tâm trí rất quan trọng. Mài đầu óc cho tinh tường khi đã có tuổi để tránh hay quên hoặc lãng trí, (Dementia và Alzheimer). Bạn em cho biết giờ đây chàng vẫn thuộc lòng các bài thơ tiền chiến của những thi sĩ lừng danh (Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Xuân Diệu, Huy Cận, Quang Dũng, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Phan Khôi...) Cung Oán, Chinh Phụ Ngâm và đặc biệt gần hết chuyện Kiều. Anh đọc thơ vanh vách, cả tiếng đồng hồ đến hết hơi mà dòng thơ vẫn tuôn trào. Em thì cho là anh có khiếu thơ văn. Anh trả lời, người nào cũng có một năng khiếu thiên phú mà chưa tự phát triển đầy thôi. Khi về già, cần phát hiện những biệt tài liên quan đến bộ não cho óc làm việc để tránh tự đưa mình vào quên lãng. Nếu yêu thích âm nhạc, nên tập

dàn, học hát cho những ngón tay mềm mại, gân cốt cứng cáp, cổ họng khỏe, phổi nở, đầu óc làm việc với hứng thú. Nếu yêu thích văn chương, nên tập trung tư tưởng để viết lách, văn vần, văn xuôi, gì cũng được để đầu óc suy tư nghĩ ngợi, Đó là những cách kích thích bộ não đầy nghệ thuật tính! Cho tâm hồn trẻ trung, sức khỏe bền vững ai trong chúng ta không cần tới **tình người**? Tình người, nhiều loại tình lắm: tình gia đình, tình thầy trò, tình bè bạn... Bạn bè với nhiều cá tính khác biệt phải có để trò chuyện, để giúp nhau mở mang kiến thức, để làm vui lòng nhau. Đừng gọi lại dĩ vãng u buồn hay đau đớn của một thời vàng son không còn nữa. Gần nhau để học hỏi, dẫn dắt nhau trong hiện tại, với những phát minh của thế kỷ này cần thiết cho con người. Sự tranh luận nhẹ nhàng, lịch sự tối thiểu nên thực hiện để luyện bộ não bén nhạy, luyện cách trò chuyện hấp dẫn cảm quan người đối diện. Trong tình người, ta không thể không nhắc tới tình yêu. Theo anh bạn, tuổi nào cũng có thể yêu và cũng nên yêu! Tình yêu là một hưng phấn tô quan trọng để gìn giữ tuổi xuân, vì:

“Đời không ân ái, đời vô vị
Kiếp sống không yêu, kiếp sống thừa”

Sống thành thật cho mình và cho người. Tránh đạo đức giả. Tránh mê tín dị đoan. Tránh những hủ tục hãm mình vào nề nếp cổ xưa. Có những điều Khổng Tử dạy không thể tồn tại trong đời sống mới, làm trì trệ bước tiến bản thân, làm chậm sự khai phóng của tâm hồn, làm con người u minh, không được phát triển toàn diện. Tránh đừng để giống như con ngựa có hai miếng da bịt hai bên góc mắt, chỉ thấy một con đường trước mặt mà không biết những gì đang xảy ra ở chung quanh.

Thì mình cũng thế. Cố thoát khỏi những gò bó, những luật lệ cũ rích, hủ lậu để phóng tầm mắt xa xa, tha hồ cảm nhận những cái đẹp của con người, của thiên nhiên dưới bàn tay kỳ diệu của Tạo Hóa. Đạo đức là biết làm cuộc sống của mình có giá trị và hữu ích cho ai! Đạo đức không chỉ là mớ lý thuyết của các cụ để lại và ta ngoan ngoãn tuân theo. Sống kiểu đó là quay về dĩ vãng, đi ngược dòng thời gian, làm lùi bước tiến của chính mình. Ta sẽ già nua, cằn cỗi trước tuổi. Là chống lại ý muốn của **Trời - Người** luôn luôn mong chúng ta hạnh phúc. Hãy nhớ cho đạo đức thế tục thay đổi với giòng đời luân lưu, và mỗi nơi quan niệm đạo đức một khác. Nghĩa là thay đổi với thời gian và không gian. Chẳng hạn như, ta không thể theo cung cách cổ xưa “nam nữ thụ thụ bất thân, kiểu:

“Không! Không! Ngồi đó chớ ra

Nàng là phận gái, ta là phận trai”

(Lục Vân Tiên)

Cuộc đời là một chuỗi những ràng buộc khiến con người bị tù hãm, tù hãm của xã hội, tù hãm của quá khứ, tù hãm của suy tư, tù hãm của đạo đức luân lý cổ truyền mãi mãi không thoát ra được! Biết vậy để mà vẫy vùng thoát khỏi những xiềng xích, để tâm hồn thanh thản, cuộc sống thăng hoa. Loại trừ tính ganh tị, đèm pha, phô trương, thói quen nói xấu người khác. Những tính này ta thấy thường xuyên ở con người vì nó rất là... nhân tính. Hãy tự quan sát để thấy những cái xấu, cái kém của mình. Đẹp bỏ mặc cảm, đẹp bỏ tự ái để nhận ra những cái hay cái đẹp của người khác, để hoàn chỉnh bản thân. Sẽ thấy mình sáng giá hơn trong niềm hãnh diện. Làm cho những người quanh mình vui, ta sẽ vui lây và thấy phẩm cách của mình được nâng cao. Nếu mọi

người thích gán gũ bạn, thích trò chuyện với bạn, thích săn sóc bạn, bạn thành công đấy.

Bạn em nhiều nghệ sĩ tính, vui vẻ, hồn nhiên, say mê cái đẹp. Với chàng, cái đẹp thật cao quý, thật đáng tôn trọng. Từ cái hoa mỹ của văn chương, nghệ thuật đến cái diệu kỳ của khoa học, của kỹ thuật. Trong vũ trụ, chàng mê mẩn những nét đẹp thiên nhiên, từ cái đẹp thanh tao của đầu cây ngọn cỏ, cái đẹp lộng lẫy của muôn hoa, cái đẹp êm ả của mặt hồ im vắng, cái đẹp lặng lẽ của dòng sông, cái đẹp mênh mông của biển cả, cái đẹp khôi vĩ của núi non hùng tráng đến cái đẹp đầy màu sắc sống động của cảm thú, và cuối cùng, cái đáng yêu, cái đẹp của con người - từ thể chất đến tâm hồn - tác phẩm tuyệt diệu tinh vi của Đấng Sáng Tạo.

Ngắm cái Đẹp, chàng có thể xuất khẩu thành thơ, phóng bút thành văn. Theo chàng đó là một cách kích thích sự năng hoạt của não bộ cực kỳ lý thú. Chàng còn khuyên em nên tránh những người, những chuyện làm đau lòng mình. Sự buồn bực làm cơ thể suy nhược, đầu óc nhức nhối vì tuyến nội tiết phóng nhiều adrenalin vào máu, huyết áp tăng, dễ cáu kỉnh, bực bội, giận dữ. Những người, những việc đã làm mình khổ nên để nó tự chìm trong quên lãng. Không nên sống với dĩ vãng. Dĩ vãng chỉ là kinh nghiệm làm đệm cho mình mạnh dạn, vững bước trong hiện tại dù dĩ vãng vui hay buồn. Anh có thấy đúng không?

Đời sống thần linh lại càng quan yếu. Mai này, tới cuối đường hoàng hôn của cuộc đời, ta sẽ về đâu? Bạn em khi còn trẻ, chỉ tin tưởng ở khoa học. Lý giải sự việc trong thiên nhiên bằng kiến thức vật lý, hoá học, toán học và sinh vật học. Càng lớn tuổi, chàng thích biện bác một cách triết lý song song với suy tư về tình cảm con người. Nhưng giờ, đã trên tuổi “thất thập cổ

lai hi”, chàng chỉ cần nghĩa sự việc theo Thiên Ý dựa vào niềm tin nơi Đấng Sáng Tạo. Hiện tại, chàng thích nơi thanh bình trên trần thế. Sống yên ổn trong cõi tạm để hướng về miền miền viễn. Theo chàng, nhờ **đức tin** ta sẽ vượt được những khổ đau, những gian truân trên mặt địa cầu này để phóng tâm tới một kiếp khác cao hơn.

Biết được những điều ấy làm gì ta chẳng thanh thản để sống mãi với tuổi xuân?

Anh ơi! Anh nghĩ sao về những điều mà người bạn tương đắc của em tâm sự? Mong hồi âm.

Trọng Đông – Virginia 01/2012



Nhà văn Nguyễn Lâm với bức tranh của Họa sĩ Le Mur Cát Tường.

NHẠC SĨ NHẬT NGÂN

(1942-2012)

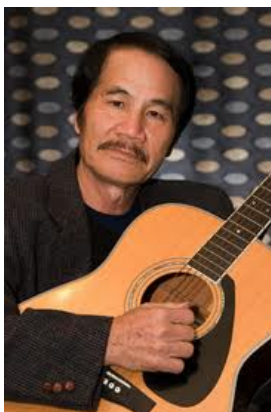
Phan Anh Dũng

Nhạc Sĩ Nhật Ngân, tên thật là Trần Nhật Ngân, sinh ngày 24 tháng 11 năm 1942 tại Thanh Hóa, Việt Nam. Ông qua đời ngày 21 tháng 1 năm 2012, hai ngày trước Tết Nhâm Thìn, ở Anaheim, tiểu bang California, Hoa Kỳ.

Sau khi học xong trung học ở Trường Võ Trường Toản, Sài Gòn, Nhật Ngân về dạy Việt văn và Nhạc tại Trường Trung Học Phan Châu Trinh ở Đà Nẵng. Năm 1965, Ông gia nhập Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, từng sự tại Cục Tâm Lý Chiến và sau đó được bổ nhiệm làm trưởng khối văn nghệ tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung cho đến 1975.

Thuở còn trẻ, Nhật Ngân học nhạc với một vài linh mục và 2 nhạc sĩ Đỗ Thế Phiệt và Nhật Bằng (người em họ của Ông). Ông sáng tác khoảng 200 ca khúc với nhiều thể loại: nhạc tình yêu, nhạc quê hương, nhạc phổ thơ, nhạc “đấu tranh” ... và soạn lời cho nhiều bản nhạc ngoại quốc. Ngoài tên Nhật Ngân, Ông còn dùng các bút hiệu khác như: Song An, Phan Trần, Ngân Khánh.

Tác phẩm nổi tiếng nhất là ca khúc “Tôi Đưa Em Sang Sông”, sáng tác năm Ông 18 tuổi và để chung tên với Nhạc sĩ Y Vũ. Các bản nhạc khác được nhiều người biết đến như: Đêm Nay Ai Đưa Em Về,



Một Mai Giã Từ Vũ Khí, Cám Ôn, Bao Giờ Gặp Lại Em, Xuân Này Con Về Mẹ Ở Đâu, Hương, Bài Ca Cho Người Kỹ Nữ (sáng tác với Duy Trung) ...

Ông cùng Nhạc Sĩ Trần Trịnh (tác giả ca khúc Lệ Đá, Tiếng Hát Nửa Vời...) và một người bạn tên Lâm Đệ thành lập nhóm Trịnh Lâm Ngân với những bản nhạc nổi tiếng như: Qua Con Mê, Xuân Này Con Không Về, Anh Giải Phóng Tôi Hay Tôi Giải Phóng

Anh, Như Mây Bay, Lính Xa Nhà, Ngày Xuân Thăm Nhau ...

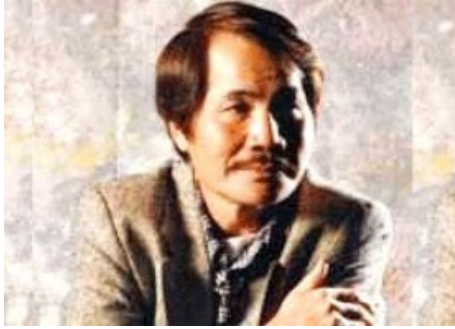
Vượt biên năm 1982 và định cư tại Hoa Kỳ năm 1984, Ông vẫn tiếp tục sáng tác mạnh. Cùng với 2 nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng và Anh Bằng thành lập Nhóm Tinh Hoa để giới thiệu đến giới yêu nhạc những sáng tác mới.



Nhạc sĩ Nhật Ngân & Trần Trịnh

Ngoài sáng tác, Nhạc Sĩ Nhật Ngân thường sinh hoạt văn nghệ ca hát với đàn

guitar; làm Giám khảo cho nhiều cuộc tuyển lựa ca sĩ; viết nhạc cảnh, nhạc khúc cho một số show âm nhạc; và phụ trách văn nghệ cho Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Quảng Nam-Đà Nẵng trong nhiều năm...



Nhạc Sĩ Nhật Ngân (1942-2012)

Một số tác phẩm:

Tôi Đưa Em Sang Sông (với Y Vũ), Đêm Nay Ai Đưa Em Về, Ngày Vui Qua Mau, Bài Hát Cho Người Kỹ Nữ (với Duy Trung), Lời Đăng Cho Một Cuộc Tình, Nỗi Buồn Con Gái, Cho Vừa Lòng Em (với Mặc Thế Nhân), Lời Tình Tự, Tình Buồn Trong Mưa, Trách Ai Vô Tình, Xin Chia Buồn, Trời Còn Mưa Không Anh, Rước Xuân Về Nhà, Xin Làm Chim Rừng Núi, Một Mai Giã Từ Vũ Khí, Cám Ơn, Tôi Biết Tôi Sẽ Buồn, Vẫn Mơ Về Đà Nẵng, Quảng Nam Quê Ta Ơi, Tình Yêu Và Chiếc Bóng Bay, Về Đây Hỡi Em, Có Mất Gì Đâu, Hãy Hát Lên Tình Yêu, Bao Giờ Gặp Lại Em, Một Đời Tiếc Nuối, Một Đời Tìm Nhau, Một Lần Dang Dở, Ngày Minh Thôi Yêu Nhau, Sỏi Đá Buồn Tênh, Xuân Này Con Về Mẹ Ở Đâu, Ta Đã Gặp Mùa Xuân (với Trâm Từ Thiêng), Bông Hồng Trắng, Người Tình và Mùa Thu,

Vòng Tay Học Trò (lời theo truyện của Nguyễn thị Hoàng), Những Giọt Mưa

Buồn, Bài Ca Của Nàng, Xuân Này Con Về Mẹ Ở Đâu, Lửa Bolsa, Ngày Ấy Không Xa, Anh Đi Lửa Vẫn Còn Đây ...

Những ca khúc dưới tên Trịnh Lâm Ngân:

Xuân Này Con Sẽ Về, Anh Giải Phóng Tôi Hay Tôi Giải Phóng Anh, Bao Giờ Ta Gặp Lại Ta, Như Mây Bay, Chiều Qua Phà Sông Hậu, Em Vẫn Hoài Yêu Anh, Hai Trái Tim Vàng, Hạnh Phúc Nơi Nào, Hồn Trinh Nữ (lời từ thơ Nguyễn Bính), Lính Xa Nhà, Lửa Mùa Hạ, Mùa Phượng Tím, Mùa Xuân Của Mẹ, Ngàn Đợi Chờ Mong, Ngày Xuân Thăm Nhau, Người Tình Và Quê Hương, Qua Con Mê, Rộn Ràng Niềm Vui, Thư Xuân Trên Rừng Cao, Tình Trinh Nữ, Trời Huế Vào Xuân Chưa Em, Yêu Một Minh, Xuân Này Con Không Về, Vòng Tay Yêu Thương ...

Nhạc phổ thơ:

Hương (thơ Nguyễn Long), Kiếp Sau (thơ Trần Mộng Tú), Một Thời Đà Nẵng Dấu Yêu (thơ Luân Hoán), Con Đường Năm Xưa (thơ Lê Hân), Khán Cổ Gọi Tình Về (thơ Trần Yên Hòa), Phượng (thơ Nguyễn Nam An), Ngày Trở Lại Hội An (thơ Hoàng Lộc), Mỗi Mùa Xuân Thêm Một Lần Dối Mẹ (thơ Trần Trung Đạo) ...

Lời Viết cho ca khúc ngoại quốc:

Về Đây Hỡi Em, Mưa Trên Biển Vắng, Tình Đến Rồi Đi, Tình Xưa Xa Rồi, Bên Thượng Hải, Tango Say ...

Phan Anh Dũng - Virginia USA

Ghi chú: dữ kiện cho bài viết ở trên từ một số tài liệu về Nhạc sĩ Nhật Ngân trên internet (phần lớn từ 3 tác giả: Trường Kỳ, Thy Nga và Luân Hoán)

ĐÊM NAY AI ĐƯA EM VỀ

SLOW

NHẬT NGÂN

Đêm xưa tôi đưa em về, từng đêm khi vui đã tàn, kể vai ta đi nhẹ
(Đêm đêm khi em bên) đèn Đàn vui nâng niu gót mềm. Giọng ca lằng lằng êm

nhẹ Minh cũng đi vào trong giấc mơ. Đêm xưa tôi đưa em về Đêm xuân trắng sao với
đêm. Diu sấu ngàn đời cho thể nhận. Em ơi sao em hay buồn, Em ơi sao em hay

vội Đêm đông mưa bay giăng mù. Mưa đêm cài sao trên tóc em.
sấu. Hát mãi khúc hát u...

Đêm đêm khi em bên... *hoài,* cho đêm trường vắng thêm lạnh lùng

Nhưng tiếng hát em một chiều buồn ngừng đưa. Mi khép kín môi phai

hồng hôn băng giá Mưa theo gió heo may về đưa tiễn em ra

đi, biết khi nào em về? Đêm nay khi em đi rồi, đường khuya mưa giăng nào

nề. Tôi bước những bước âm thầm. Tìm lại đường ngày xưa đã

đi. Đêm nay ai đưa em về. Đêm nay ai đưa em

về Xin cho mưa thôi giăng mờ. Cho em tìm đến không lạnh lùng.

Một Mai Giã Từ Vũ Khí

Tha Thiết Nhạc và Lời : Nhật Ngân

The musical score is written in treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a common time signature (C). It consists of six staves of music. The lyrics are written below the notes. There are several triplets and a double bar line with repeat dots. The lyrics are in Vietnamese and describe a soldier's return home and his reflections on war.

Rồi có một ngày sẽ một ngày chinh chiến tàn. Anh chẳng còn
(Trả súng đạn) này khi sạch nợ sông núi rồi. Anh trở về
chi chẳng còn chi ngoài con tim héo em ơi! Xin trả lại đây, bỏ lại
quê, trở về quê tìm tuổi thơ mất năm nao. Vui cùng ruộng nương, cùng đàn
đây thép gai giăng với lũy hào sâu. Lũ châu mai với những địa lôi, đã bao phen máu anh
trâu, với cây đa khóm trúc hàng cau, với con đê có chiếc cầu tre, đã bao năm vầng chân
tuôn cho còn lại đến mãi bây giờ. Trả súng đạn... Rồi anh
anh nên trở thành hoang phế rong rêu.
sẽ dựng căn nhà xưa., rồi anh sẽ đón cha mẹ về. Rồi anh sẽ sang thăm nhà em, với miếng
cau, với miếng trâu ta làm lai từ đầu. Rồi anh sẽ dìu em tìm thăm, mô bia



kín trong nghĩa địa buồn. Bạn anh đó đang say ngủ yên. Xin cảm ơn, xin cảm ơn người nằm



xuống. Để có ngày này, có ngày này cho chúng mình. Ta lại gặp



ta, còn vòng tay mở rộng thương mến bao la. Chuông chùa làng xa chiều lại



vang. Bếp ai lên khói ấm tình thương. Bát cơm rau thắm mỗi tình quê Có con trâu có nương



dâu. Thiên đường này mơ ước bao lâu.



Ảnh: Song Hà

Xuân Cúc

Đông đến và mùa khơi tháng giêng
Xuân gieo đêm chuyên mộng an nhiên
Bùng vui môi mắt cười xanh quá
Mộng bỗng vàng ươm thơm cúc hoa.

Ý Anh

QUEN THUỘC

Có những con đường quen thuộc cũ
Từ ngày đôi lứa mới yêu nhau.
Tóc nàng phủ xõa lên vai gã,
Tiếng nói người thương quá ngọt-ngào.

Những chuyện không đề, không đoán được,
Đêm này chưa hết, tiếp đêm mai.
Cổng nhà chẳng ấy quen không khép
Lũ chó tuôn theo cứ sủa hoài.

Tay nhỏ ngang mày che ánh chói,
Có cô con gái lãng vãn-bài,
Bâng-khuâng một phút hồn trinh-nữ,
Chừng mộng ngày mai, mộng với ai...

Lâu lắm, hôm nay về nẻo thuộc,
Chúng mình sống lại tuổi hai mươi;
Sau lưng tiếng chó ùa theo sủa,
Chồng vợ nhìn nhau ngật-ngheo cười.

Thuở ấy ân-tình mà gãy đổ,
Lòng nào thanh-thản tối hôm nay:
Đi trên đường cũ đầy quen thuộc,
Trời rộng ghi trong bốn cánh tay...

THANH-THANH

FAMILIAR

There are paths and persons known to each other
Since the couple began to date one another.
Her hair flowing over his shoulder used to rejoice;
And how sweet did sound the sweetheart's voice!

Unexpected chats though without themes were bright
And thus continued endlessly night after night.
The gates usually were not shut at that section:
Unchained dogs followed us, barking to no objection.

Covering her sight from the dazzle with a small hand,
There was a schoolgirl with homework gone bland;
Stirred in her innermost virginal soul of a gal,
She seemed to dream a moment of some future pal.

Here tonight to this old path familiar since long ago
We are coming back to revive our youth glow.
Husband and wife at dogs barking and running after
Look at one another, convulsed with laughter.

Were our love in those green days let to disappear,
How could we have our easy mind in this night sphere:
We walk on the old path of familiarity permanent
And embrace in our four arms the wide firmament...

English version by
THANH-THANH

Những Mẫu Chuyện Nhỏ Với Nhạc Sĩ Nhật Ngân

Linh Phương

Tin anh Nhật Ngân đột ngột từ giã cõi đời vào ngày 21 tháng 1 năm 2012 trước Tết Nguyên Đán đã làm tôi xúc động và tiếc, vì đã lâu bận việc dạy nhạc tôi không có gọi thăm anh. Mỗi sơ giao của tình bằng hữu trong âm nhạc giữa tôi với anh Nhật Ngân ấy là lúc năm 1977, tôi thường đàn dương cầm trong quán nhạc Ngã Ba Ông Tạ, nằm trong một ngõ hẻm xuyên qua tu viện Mân Côi.

Quán nhạc này trước đây là một biệt thự có đàn dương cầm. Sau năm 1975, họ đã dùng sân trước cải biến thành quán cà-phê có tên gì đó, trải qua cuộc biến dẫu và sống nhiều năm tại hải ngoại, nay tôi đã không còn nhớ quán cà-phê này có tên gì! Chủ nhân quán nhạc này mua chuộc được cán bộ khu vực, ông chủ quán cho nhạc sĩ đến đàn mỗi đêm. Đây cũng là nơi thu hút nhiều khách đến để nghe nhạc mà nhớ lại thời xa xưa, để ngậm ngùi tiếc nuối, hay bàn chuyện ra đi vượt biển v.v...

Ngoài quán cà-phê mà tôi vừa kể trên, cũng vào thời gian ấy có một số quán nhạc “chui” như khu vực Đa-Kao, qua cầu Bông thì có một quán nhạc gần sát bờ sông do Nhạc sĩ Nguyễn Ánh 9 đàn; khu vực đường Trần Quang Khải xéo bên rạp ciné Văn Hoa thì có quán nhạc của Nhạc sĩ Từ Công Phụng và bà vợ Từ Dung điều hành; và bên đường Ngô Thời Nhiệm có một biệt thự

chắc là của một chủ nhân nào đó đã di tản, sân trước nay biến thành quán cà-phê do Nhạc sĩ Duy Khánh phụ trách. Tôi có cô em gái học tại Viện Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn đường Nguyễn Du, cô ấy học về bộ môn vĩ cầm cũng có đến đàn tại đây. Vài năm sau đó thì có quán nhạc nhỏ do Vương Hương cùng chồng thường hòa tấu dương cầm và vĩ cầm những bản nhạc cổ điển.

Đại khái tại các quán nhạc này đã xảy ra nhiều chuyện tình lâm ly bi đát. Những chuyện thời sự ai ra đi, ai bị bắt, ai bị chìm tàu chết thân xác nuôi cá trên biển Đông thật là thê thảm. Tôi nghe những câu chuyện trên và chính mình kẹt giữa hai người bạn thân, không biết bên vực bên nào, bỏ bên nào về những chuyện rắc rối của họ; và phần này tôi sẽ viết ở một chương khác kéo đi lạc đề.

Thời gian tôi đàn ở quán nhạc này thường có Nhạc sĩ Lê Hoàng Long đến hòa tấu nhạc, và trong số những vị thường đến quán có Bác Nhạc sư Lê Thương, Ca trưởng Viết Chung, Nhạc sĩ Trúc Phương, Ca sĩ Duy Khánh, Nhạc sĩ Đỗ Lễ, Nhạc trưởng Không quân Vũ Văn Tuynh, Nhạc trưởng Thiên Quang, tay vĩ cầm xuất sắc Hoàng Yến, Nhạc sĩ Thăng Long tác giả bản nhạc “Quen Nhau Trên Đường Về”... Có một chiều kia, Nhạc sĩ Lê Hoàng Long đi đến quán, bên cạnh anh có một người bạn. Dừng xe đạp xong, anh vào quán nói: “Giới thiệu với Linh Phương đây là Nhạc sĩ Nhật Ngân.” Chúng tôi chào nhau xong,

anh ngồi im lặng ít nói và lắng nghe tôi đàn cùng hòa tấu với Lê Hoàng Long nhạc phẩm “Thiên Thai” của Văn Cao.



Nhạc sĩ Nhật Ngân

Anh lịch sự vỗ tay, cười khen ngợi một cách vừa phải. Sau đó, anh Nhật Ngân khảy guitar vài bản nhạc và hòa tấu với tôi bản nhạc ngoại quốc “*Dòng Sông Quê Cũ*.” Tiếng đàn của anh Nhật Ngân rất đầm thắm cũng như con người của anh có phong thái lịch sự, anh không “nở” hay khoe khoang “ta đây” như một vài nhạc sĩ khác. Sau nhiều lần trò chuyện với anh đã cho tôi có một nhận xét về tư cách của anh: Ai đứng trước thì tôi đứng sau, ai muốn hạng nhất thì tôi đứng nhì. Luôn luôn anh khiêm nhu, nhưng chừng chặc và trầm tĩnh.

Tôi quý trọng anh Nhật Ngân. Khi ra hải ngoại, thỉnh thoảng tôi có gọi hỏi thăm và chào anh. Thường thường thì mỗi năm vào Mừng 4 Tết Âm lịch tôi gọi chúc Tết anh và hỏi chuyện sinh hoạt văn nghệ bên Cali.

Từ năm 2005 tại thành phố Houston, Texas, khi tôi cộng tác với đài Radio 900 AM qua chương trình “*Tiếng Hát Trên Làn Sóng*” để thực hiện các chương trình âm nhạc có chủ đề giúp anh Văn Đình và Mai

Hoa. Đến năm 2009, để tạo một sắc thái mới trong chương trình ca hát, tôi đã sáng tạo một chủ đề mới “*Tác giả và Tác phẩm*” để đồng hương người Việt tại Houston nghe nhạc và cũng biết được những nhạc phẩm hay hay của các nhạc sĩ đã vắt tim óc sáng tác những ca khúc cho đời; họ rất đáng được vinh danh. Bởi vì thường thường khán giả chỉ nhớ tên ca sĩ hát mà không mấy ai biết nhạc sĩ nào đã sáng tác bài nhạc cho mình nghe, thật chẳng có gì là công bằng cả!

Nghệ sĩ có nợ với công chúng bằng nghề nghiệp của mình đem mật ngọt đến cho đời và đời cũng phải biết ơn họ như là chất xúc tác để nghệ sĩ tiếp tục sáng tạo thế giới âm thanh cung ứng bằng món ăn tinh thần.

Trong chương trình “*Tác giả và Tác phẩm*” kê trên, tôi thực hiện chủ đề này mỗi tháng một lần. Tôi đã tìm những nhạc phẩm do nhạc sĩ sáng tác, tôi tìm bài hát thích hợp với giọng ca của người nào, rồi tập dượt cho người sẽ ca trong chương trình “*Tiếng Hát Trên Làn Sóng*” được phát thanh vào chiều thứ Bảy. Tôi đệm đàn key board cho người hát trực tiếp không lip-sync, không thu âm trước. Trong một chương trình tôi đã giới thiệu “*Nhạc sĩ Nhật Ngân với Tác phẩm*,” từ Houston, Texas, Văn Đình gọi phone qua Cali phỏng vấn anh Nhật Ngân và phát thanh trực tiếp trên làn sóng Radio 900AM. Từ Cali, anh Nhật Ngân cho biết về những bản nhạc anh đã sáng tác vào thời gian nào v.v... Anh Nhật Ngân đã lắng nghe người hát bên Houston, dù cho âm thanh qua đường phone viễn liên không rõ ràng cho lắm. Tuy nhiên, anh Nhật Ngân đã khen và cảm ơn một cách thân tình, không khách sáo.

Thế rồi, tin anh Nhật Ngân mất trước ngày Mừng 4 Tết năm nay, tôi chưa kịp gọi chúc anh mọi năm như thường lệ. Tôi

không còn nghe tiếng cười của anh qua điện đàm và những lời nói chân phương, thân tình kể chuyện nhau nghe.

Giờ đây, thêm một người bạn nhạc đã ra đi, mỗi cảm xúc cô đơn càng thêm hơn. Đã có những nhạc sĩ tôi thương yêu, quý trọng nay họ đã ra đi không lời từ giã, khiến tim tôi đau nhức. Nỗi cô đơn ủa đến như những giọt lệ thủy tinh long lanh rớt trên phím đàn. Những hình ảnh của các nhạc sĩ, họ vừa là bạn, vừa là thầy, vừa là người anh, thầy thầy đều mang một dấu ấn sâu đậm đến trong tâm hồn, lúc đôi bàn tay tôi lướt trên phím dương cầm như lời nói thì thầm giã biệt. Một vị thầy có tâm hồn bác ái như cô Phạm Thị Lạc Nhân tại trường Quốc Gia Âm Nhạc Nguyễn Du Sài Gòn, một Hoàng Trọng ân cần, một Văn Phụng vui tươi không “kê cả,” một Việt Chung khoáng đạt, một Nguyễn Túc tuyệt vời nhân bản, một Nhật Bằng nhẹ nhàng thân thiết, một Nhật Trường nhẫn nại thiết tha, một Hiếu Anh thật giỏi về hòa âm sống âm thầm...

Và giờ đây: một Nhật Ngân khiêm tốn cũng vừa từ giã trần thế nhưng dòng nhạc của anh được người đời vẫn nhớ, vẫn hát say mê. Vì nhạc của anh dễ đi vào lòng đại



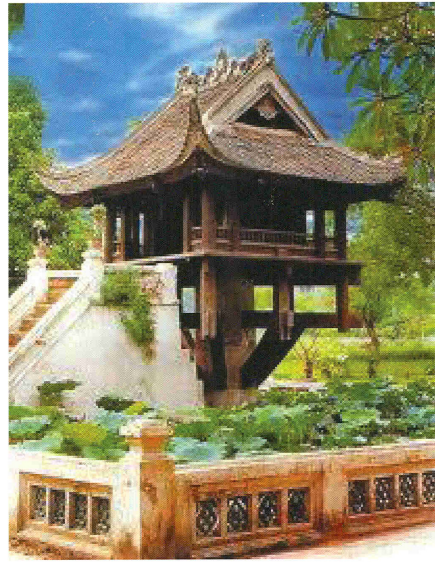
Linh Phương
(Houston, Xuân Nhâm Thìn 2012)

chúng, dễ hát, dễ nhớ giai điệu. Thế hệ sau này cũng sẽ tiếp nối hát nhạc của anh. Khi mùa Xuân trở về những ca khúc quen thuộc vang vọng thanh âm của anh vẫn sẽ trôi lên, anh Nhật Ngân ạ!

CÔNG-DÂN VIỆT-SỬ

Tấn VŨ MINH

Tốt nghiệp Institut d'Études Politiques de Paris



Dân vi quý, Xã-tác thứ chi, Quân vi khinh
民為貴，社稷次之，君為輕

Muốn xem nguyên bản, xin mở
www.vietnam.webtoday.se

CÔNG DÂN VIỆT SỬ

Tấn Vũ Minh

Sách in màu
440 trang giấy láng
Không bán.

Quý vị muốn xem nguyên bản
xin mở website
<www.vietnam.webtoday.se>.
Xin cảm tạ Sử gia Tấn Vũ Minh
đã gửi tặng
Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm

MỘT VÌ SAO RƠI LINH PHƯƠNG

Vocal **LẶNG ĐỘNG** Ab Ab Ab

Một vì sao chiều sáng. Một vì sao chói
Một vì sao đã tắt. Giờ vì sao đã

ngôi. Một vì sao đã đem niềm ấm áp trong mọi tâm hồn.
rụng. Ngàn thanh âm vẫn còn niềm chất ngất cho lòng dịu dàng.

Nhớ mãi tiếng anh. Tiếng nói thiết tha lời thành tâm.
(Vẫn nhớ quê) hương. Nét bút thiết tha từng lời ca.

Ước muốn quê hương được sớm Tự Do. Vẫn nhớ quê
Ước ...

2. Bbm Eb Db Eb7 Ab

Ước muốn quê hương, Vượt hết cơn nhọc nhằn, một ngày thoát khỏi tối tăm.

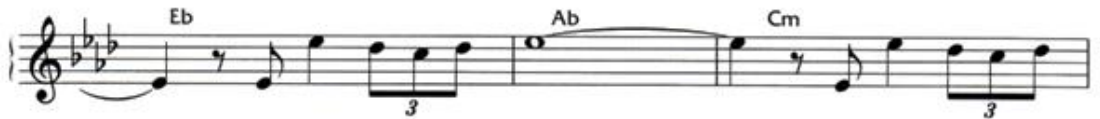
Ab Ab Ab Cm

Người nghệ sĩ đem hết. Niềm yêu thương hiến tặng.

Một Vì Sao Rơi P.2



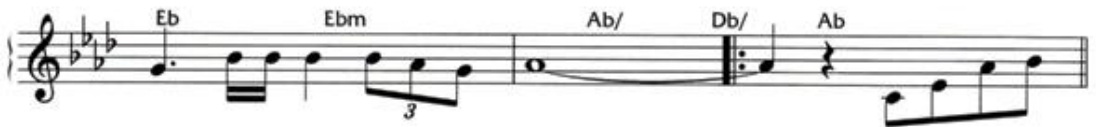
Trao hết cho mọi tha nhân, không xá chi danh lợi.



Dù biết ai còn ai nhớ. Dù biết sau này ai



hay ! Ai đâu - đâu còn nhắc tới, Có hát những bài nhạc



tình, hay quê hương, cũng thoả lòng thôi. Một vì sao đã



tắt. Ngày anh đi bất ngờ, anh em đây tiếc



RITARD.....

thương, người nghệ sĩ tài ba..... ba, Tiễn anh về nơi vĩnh cửu....

CON ĐIỀU GIẤY

Phương-Duy Trương Duy Cường

1-

Bãi biển Santa Cruz về mùa Hè đông người nhận nhịp rất vui. Tùng đoàn du khách từ nhiều nơi xa đến tắm biển và vui chơi ngoài trời. Nơi bãi xe đỗ, người ta đọc những bảng số xe lạ của nhiều tiểu bang khác và nhiều xe RV. Các cậu thiếu niên được dịp đem những con điều giấy nhiều màu sắc sặc sỡ ra “biểu diễn” cho bạn bè xem tài làm điều và điều khiển điều của mình.

Trong lúc những thiếu phụ, thanh nữ, thiếu nữ khoe những bộ áo tắm “thời trang” mặc bó sát vào thân thể, vòng một, vòng hai, vòng ba rất dễ dàng đánh giá. Ngoài ra còn những bộ áo tắm hai mảnh, ít vải, nhiều da thịt sẵn chắt lồ lộ ra, bước tới bước lui trên bãi cát sau khi bơi từ dưới biển, lên bờ dạo chơi, tắm nắng làm cho mọi người thuộc phái nam, đang mang kính râm nằm tắm nắng, được dịp “tắm mắt” no nê và thoải mái. Những thanh, thiếu niên trượt trên sóng biển điều khiển những động tác nhanh nhẹn và đẹp mắt vượt các đợt sóng bạc đầu nhô lên trên làn nước biển trong xanh. Họ ngâm hàng giờ trong nước vẫn không thấy lạnh.

Ngồi trên bãi biển nhìn ra đại dương một màu xanh dịu mắt, Ngọc-Huyền nhớ lại mùa Hè năm 1991, tại bãi biển Santa Cruz, ba cậu bé họ Nguyễn mang tên Mỹ: Henry, mười bốn tuổi; John, mười hai tuổi; và Bill, mười tuổi vui vẻ cầm sợi dây buộc vào điều chạy dọc trên khu đất rộng lộng gió gần bờ biển.

Con điều của Henry bọc nhiều gió vọt lên rất cao, Henry cứ nói thêm dây để điều bọc lên, lên mãi. Con điều của John cứ bay lên được chừng vài thước, lại tròn trành rồi đâm xuống đất. Con điều của cậu bé nhỏ tuổi nhất Bill, mặc dù cậu cố gắng chạy rất nhanh nhưng gió không đưa con điều của cậu bay lên được. Ba anh em chạy đến đồi cát, Bill đề nghị ngồi nghỉ để cậu nhờ anh Henry xem và chỉnh lại đuôi điều, dây... có gì trục trặc mà điều của Bill không bay lên được.

Xem kỹ con điều, Henry nói với em:

- Điều của you những dây buộc không đúng nên gió không bọc nhiều vào trung tâm con điều, nên “yếu” không nâng điều lên được, để anh chỉnh lại giúp you. Hơn nữa, you phải biết giữ dây và điều khiển tùy lúc gió mạnh hay yếu, nói thêm dây hoặc thu dây lại vì dây của điều là “tay lái” quan trọng.

Bill nghe anh nói nhưng chẳng hiểu thêm được gì hơn trước. Cậu nói với anh:

- Anh Henry, you cứ sửa làm sao cho điều của Bill bay lên cao như điều của Henry, please! chứ you nói nhiều tiếng Việt mới, lạ, Bill chưa học, Bill không hiểu, OK?

Ba con điều của anh em nhà họ Nguyễn đang bay lượn trên trời cao. Ai nấy đều vui và nói cười rộn rã. Hít không khí biển trong lành vào buồng phổi, Bill nói những lời cảm ơn anh Henry.

2 -

Tháng Mười âm lịch trở về với những cơn mưa đầu mùa. Lá mùa Thu rụng đầy đường. Như thông lệ hàng năm, không biết khởi đầu từ vị tổ phụ nào trong gia tộc họ

Nguyễn của chúng tôi, hẹn nhau một ngày tất cả con cháu trong dòng họ tụ tập về nhà tự-đường để họp mặt cuối năm, mặc dù còn ba tháng nữa mới hết năm âm lịch.

Trong khu vườn bao quanh tự đường trồng hàng chục cây mai. Mùa Xuân sẽ cho những bông mai màu vàng rực rỡ. Mùa Thu lá mai không rụng như những loại cây khác, nên con cháu hiện diện mỗi người chọn một cây mà dùng tay tuốt hết lá. Nhựa sẽ không phải nuôi lá nữa nên dồn cho nụ, cho nhiều hoa khi mùa Xuân đến. Ngày đầu năm, cây mai vàng nào trổ nhiều hoa thì gia đình người chăm sóc cây hoa mai đó xem như phát tài lộc.

Sau năm 1975, lệ đó vẫn duy trì tại tộc họ của tôi. Riêng những gia đình cùng tông tộc với chúng tôi đang định cư tại Hoa Kỳ, cũng hẹn với nhau hàng năm về họp mặt tại nhà đại diện trưởng tộc tại hải ngoại.

Chúng tôi không tìm mua được loại mai vàng để trồng như bên Việt-Nam nên thay thế bằng những cây mai Nhật ra hoa năm cánh màu đỏ. Loại mai hoa đỏ nay tên là Red Japonica (Chaenomeles) tên thường gọi ở Mỹ là Red Flowering Quince. Cây ra hoa trong những ngày giữa mùa Đông đến đầu mùa Xuân tương đương cuối tháng mười một âm lịch đến những tháng Giêng và tháng Hai đầu xuân âm lịch. Hoa năm cánh như hoa mai vàng bên Việt-Nam, chỉ khác là màu đỏ sậm. Có người lầm hoa này với hoa đào vì đào có màu đỏ hồng hồng nhạt hơn.

Chúng tôi cũng bắt chước lệ cũ khi ở bên nước nhà, nên hàng năm cũng có ngày sum họp để trải lá. Tô chức ăn uống vui chơi với những bà con cùng tộc họ xa quê hương. Những người trong đại gia đình kể lại những chuyện vui buồn trong năm vừa qua và những ước mơ trong năm tới.

Năm nào các người trong gia đình cũng về tụ họp đông đủ. Năm nay tự nhiên thấy thiếu vắng mấy người trẻ. Những người hiện diện đều man mác buồn và nhớ lại những chuỗi ngày đông đủ xưa cũ.

3 -

Henry Nguyen là người cuối cùng bước ra khỏi chiếc máy bay quân sự C-130. Chàng Y-sĩ Đại Úy, người Mỹ gốc Việt phục vụ trong USMC, binh chủng Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ. Chàng tốt nghiệp Bác-sĩ Y khoa cũng gần mười năm rồi. Những năm trước đây, vì đơn vị trú đóng trên lãnh thổ Hoa Kỳ, nên năm nào chàng cũng xin nghỉ phép vào những ngày thấy cần thiết để về sum họp với đại gia đình. Năm nay có lệnh tăng thêm quân cho chiến trường Iraq, nên đơn vị chàng được đưa sang trú đóng ở miền nam Iraq.

“Kính thưa Ba Mẹ và bà con thân mến,

Con viết thư này từ chiến trường Iraq trong một đêm con nhớ nhà không thể nào ngủ được.

Con đang làm nhiệm vụ y sĩ trưởng của một quân y viện tại đây. Công việc rất bận rộn suốt ngày đêm. Mặc dầu không cận kề vùng chiến sự khốc liệt, nhưng lúc nào mọi người cũng sẵn sàng tự vệ vì quân khủng bố vẫn thường phảo kích và ôm bom tự sát tấn công. Thương, bệnh binh cũng nhiều. Hàng ngày trực thăng chở về tới tấp, con phải làm việc ngày đêm.

Con mới được ân thưởng thêm nhiều huy chương trong đó có Commendation Medal. Con rất vui và hãnh diện đã phục vụ quốc gia đã đón nhận nhiều người tỵ nạn Việt-Nam chúng ta.

Cho con xin phép gia đình vắng mặt ngày sum họp lần này. Tết âm lịch đơn vị của con sẽ hoán chuyển với các đơn vị khác và con hy vọng sẽ được về phép như thường lệ. Một tin vui của con: vài ngày nữa con sẽ

*được gắn cấp bậc mới: “Y-sĩ Thiếu-Tá”.
Kính tin Ba Mẹ và bà con mừng và không
quên cầu nguyện cho con làm trọn nhiệm
vụ của một quân nhân, một y-sĩ và một
công dân Hoa Kỳ gốc Việt!*

*Kính chúc đại gia đình sum họp an
lành và vui vẻ.*

*Con,
Henry”*

Người thứ hai, John đang là sinh viên theo học tại trường M.I.T ở tiểu bang Massachusetts bên miền Đông quá xa và đang bận học hành nên không về sum họp được.

E-mail của John:

*“Kính thưa Ba Mẹ và toàn thể Bà Con,
Vì bài vở rất nhiều trong năm học cuối
con sắp thi tốt nghiệp, con không thể về
đoàn tụ với đại gia đình chúng ta trong dịp
sum họp định kỳ cuối năm nay được.*

*Con thành thật xin lỗi và chúc tất cả
mọi người trong đại gia đình đều an khang
vui vẻ.*

John.”

Người thứ ba là Bill, Kỹ sư, mới được công ty điện tử tại Seattle cử đi giao dịch buôn bán bên Đài-Loan cũng không về đúng ngày được.

“Kính thưa Ba Mẹ,

*Công việc công ty giao cho con tại Đài
Loan con chưa làm xong nên kỳ này con xin
Ba Mẹ cho con tạm vắng mặt. Con kính gửi
lời về hầu thăm Ba Mẹ và bà con. Có chút
quà đặc sản con gửi về kính biểu Ba Mẹ và
bà con: Những hộp trà thượng hạng chính
gốc Đài Loan danh trà.”*

Bill”

Người thứ tư là một cháu gái hai mươi bốn tuổi, Ngọc Huyền, tốt nghiệp đại học hơn hai năm rồi, đang có công việc làm ổn định. Không hiểu cô nghĩ thế nào đã xin

phép gia đình, từ đầu năm, sống riêng rẽ tại một thành phố lạ ở một tiểu bang miền nam Hoa Kỳ. Đại gia đình không liên lạc được nên không rõ cô có về sum họp được lần này không.

4 –

Lần này tuy không đông đủ bà con nhưng công việc vẫn diễn tiến như thông lệ. Mỗi gia trưởng trình bày những buồn vui trong gia đình mình trong năm vừa qua. Giới thiệu những dâu rể mới, con cháu sinh thêm. Những tràng pháo tay chúc mừng không dứt. Lần lượt, gia trưởng này đến gia trưởng khác đứng lên phát biểu.

Tiếp theo tất cả bà con tập trung tại khu vườn, mỗi người chọn một cây mai đỏ để tuốt hết lá như mọi năm vẫn thường làm. Trẻ con chạy đến chạy lui, vui đùa thỏa thích. Chúng có dịp “khoe” vài ba câu tiếng Việt với những người anh chị em họ cùng trang lứa. Cô, cậu nào nói thạo tiếng Việt, ít chen tiếng Mỹ thì được bà con khuyến khích, khen ngợi.

Có tiếng xe hơi đỗ trước cửa nhà, mọi người dừng tay lại, đoán thử ai là người đang hồi hả bậm những hồi chuông reng... reng như thúc giục mở cửa vào nhà. Cửa mở ra, Ngọc Huyền chạy vào nhà, chào hỏi và ôm mọi người thân mật. Cô trông vui vẻ nhưng mắt tràn đầy lệ.

Không chờ ai kịp hỏi han, nàng nói ngay:

- Thưa bà con, lâu nay cháu nghĩ đại gia đình theo tập tục Á Đông của chúng ta đã làm cản trở những tự do mà cháu đang sống tại xứ sở tự do văn minh này mong ước và mơ mộng. Sau một thời gian sống xa gia đình cháu mới thấy những điều cháu nghĩ là chưa đúng sự thật.

Giống như một con điều giấy, điều không bay cao được nếu không có sợi dây buộc vào. Và sợi dây đó phải có người nắm giữ. Điều

giấy không có dây, không khí không nâng điều bay được nếu không có sợi dây giữ lại. Tuy điều có dây chỉ bay trong khoảng không gian giới hạn mà dây có thể vươn tới, nhưng mới thật sự là điều bay.

Người con, nhất là con gái, khi sống trong gia đình thường suy nghĩ đang bị những hạn chế mà các bậc phụ huynh đi trước có kinh nghiệm truyền lại, là ràng buộc, trói những tự do của tuổi trẻ. Nhưng khi ra sống tự do ngoài gia đình sẽ thấy rõ mình có nhiều mất mát không biết trước được. Tập tục cổ truyền Việt Nam ta giữ cho con cháu sống một lối sống đạo đức, chung thủy, danh dự gia đình trên hết những đam mê thấp hèn của những kẻ chạy theo dục vọng, thú tính thường tình... như sợi dây buộc vào con điều giấy.

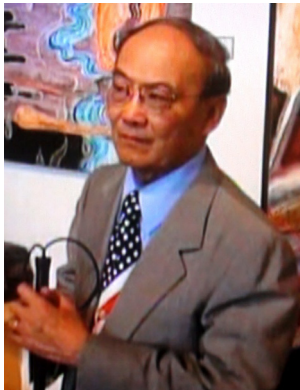
Tình nghĩa vợ chồng, người này là con điều giấy, người phối ngẫu là sợi dây.

Người lính là con điều, Tổ quốc là sợi dây.

Xã hội là con điều, luật pháp là sợi dây.

Tu sĩ là con điều, Thượng Đế là sợi dây vô hình...

Con điều giấy khi đã buông dây, nó có thể bay xa một đoạn đường tùy theo sức gió rồi phải rơi xuống một nơi nào đó khi sức nâng hết. Cháu đã suy nghĩ nhiều trong thời gian



xa nhà và hôm nay cháu quyết định trở về với đại gia đình để thành một con điều giấy có dây buộc do đại gia đình giữ lấy.

Phuong-Duy Trương Duy Cường
San Jose, California

Tưởng nhớ Nhà Thơ
HOÀNG TRÙNG DƯƠNG
(1949-2008)

Nhà thơ Hoàng Trùng Dương từ giả cõi đời vào mùa xuân 2008. Mùa xuân này vừa đúng 4 năm. Xuân 2004, nhà thơ viết bài XUÂN LẠNH tặng hiền thê.

XUÂN LẠNH

Mùa xuân này em về quê thăm Mẹ
Bên kia bờ nắng ấm Thái Bình Dương
Để một mình anh phòng không quạnh quẽ
Đêm nằm ôm gối chiếc suốt canh trường

Nhà vắng em, anh đi về lặng lẽ
Bữa cơm chiều bếp lạnh tựa mùa đông
Vắng tiếng cười và những lời tỏ thề
Một tháng dài hơn thế kỷ chờ mong

Một tháng trời dừng ở lâu em nhé
Anh nơi đây vẫn nhẩm đếm từng ngày
Tuyệt đã tan, chim mùa xuân đương hót
Đón em về với tình khúc mê say

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

NGÀY TÔI ĐI

Diệm Trần

Hôm ấy là thứ ba trong một buổi trưa; tôi nằm trên giường đọc sách, rồi có lúc ngủ quên. Khi tôi tỉnh dậy thì nghe Mẹ bảo anh tôi ra trình thám xem sao con đường Nguyễn Thiện Thuật nhiều người qua lại thế, trong khi đang giới nghiêm. Mẹ thấy thiên hạ đang tất tả, tay mang ba lô, tay bồng tay bế, phần đông cùng đi về một hướng, Hình như hôm đó giới nghiêm hai mươi bốn trên hai mươi bốn.

Cả tháng rồi, tôi chẳng nhớ rõ, cuộc sống hằng ngày và đời học trò của tôi và các bạn bè đã bị gián đoạn vì giới nghiêm hoặc không giới nghiêm thì có lúc trường cũng đóng cửa, mà không đóng cửa thì có thể cũng không có thầy cô. Bữa nào đưa nào vào trường thì đưa đấy biết thêm ai đã không còn ở lại và thông báo cho các bạn khác. Tụi tôi vào trường chắc đâu phải là để nghe giảng mà để gặp gỡ và an ủi lẫn nhau. Thầy cô và bạn bè tôi có nhiều người đã chảy nước mắt trong thời tang thương khi đất nước nghiêng ngửa và đất đai cứ tiếp tục mất dần, từng mảnh từng mảnh. Thầy tôi khóc vì thầy đã dành dụm tài sản cho tương lai vợ con, mà bây giờ hóa ra bão đến và tài sản sẽ chẳng còn gì. Thầy khuyên tụi tôi – thật ra tôi không biết thầy có tâm hồn bình thản để khuyên không hay có thể thầy chỉ cần tâm sự, dù chỉ là tâm sự với lũ học trò nhỏ bé – nên hưởng khi còn cơ hội, chứ như thầy thì tiếc nuối lắm, thầy sẽ ngậm đắng nuốt cay trong suốt cuộc đời không biết đến tương lai của thầy và gia đình thầy.

Cô tôi khóc khi nghe tin một tỉnh lại mới bị mất. Cô ơi, em ước chi em đã đến ôm chặt cô và khóc với cô. Con bạn tôi khóc vì anh nó bị tật, sẽ đi trước; nó sợ bị bỏ lại một mình

Tôi, tuy đã sắp đến tuổi vào đại học, còn ngây thơ lắm. Tôi hoàn toàn lệ thuộc bố mẹ tôi, đâu nghĩ gì đến việc đi hải ngoại. Thế mà tôi lại đi. Anh tôi về bảo Mẹ ơi, thiên hạ đang đổ xô ra bến sông Sài Gòn để lên tàu đấy. Mẹ nói thế thì mình phải đi. Mẹ tôi đã chuẩn bị may cho mỗi đứa con một bao vải mà Mẹ gọi là ba lô, khoảng bằng một cái “large duffle bag”, và bảo tụi tôi bỏ quần áo và bất cứ gì muốn đem theo vào đó. Cái ba lô của tôi có quần áo, có quyển nhật ký, có vài tấm ảnh, có lưu bút, vv... đã phải theo tôi đi vài chỗ rồi, chẳng nhớ những chỗ nào mẹ tôi đã chỉ định, và rồi rốt cục lại trở về với tôi trong căn nhà khu phố Nguyễn Thiện Thuật. Mẹ bảo mình sẽ qua nhà bạn của bố mẹ mà chúng tôi gọi bằng bác trên đường Phan Thanh Giản. Chắc đi bộ đến nhà bác thì chỉ khoảng 10 phút thôi, nhưng tụi gì tôi đi bộ, tôi có cái xe đạp mà. Đây là ý định của tôi, nhưng lại không phải ý trời. Chẳng em trai tôi lấy xe đạp tôi đi rồi. Chẳng còn gì khác nữa, thôi tôi phải đi bộ vậy. Nhưng tôi có muốn phải xách theo một bao bố trong 10 phút đi không? Thôi, tôi tự nhủ, tôi sẽ lại phải xách nó về như những lần trước vậy thôi. Tôi để bao bố lại, trong đó tất cả nỗi niềm yêu đương, lo sợ, ước vọng, mộng mơ của tuổi mười tám đã được trải trên những trang giấy của quyển nhật ký. Rồi tôi không về và không bao giờ thấy lại quyển nhật ký; quyển nhật ký và một phần con tim tôi ở lại và bị tròn vùi trong tiềm thức.

Bác có xe hơi. Gia đình bác và gia đình tôi vào xe đi ra bến sông. Ai có xe gắn máy

thì miễn vào xe hơi vì chật lắm. Tôi chẳng có một ý thức gì là mình đang đi đâu. Tôi chẳng biết tại sao tôi khờ thế. Bố mẹ tôi nói đi đâu thì tôi đi theo, không hỏi han, không sợ hãi. Chúng tôi đến bến, theo thiên hạ lên một tàu nhỏ, gia đình bác và gia đình tôi. Chúng tôi đi không phòng bị nên không có đồ ăn, thức uống, hay quần áo để thay. Chắc bác cũng vậy nên bác không quyết tâm rời bỏ nhà cửa. Cho nên khi có người phát biểu là tàu không đi được vì không có người lái, bác đem gia đình bác quay về – một quyết định đã ray rứt bác sau đây.

Sau này nghe kể lại thì khi bác rời tàu quay trở lại, chiếc xe hơi và các chiếc xe gắn máy đã không còn. Bố mẹ tôi nhất tâm đi, nên khi rời tàu thì theo một số đông lên một chiếc xà lan. Sau này tôi hỏi mẹ tôi có biết sẽ đi đâu không thì Mẹ nói không biết, nhưng nhất định không ở lại. Mẹ đã ném mùi Cộng Sản khi bố mẹ còn ở ngoài Bắc. Sao thiên hạ nhiều người giỏi thế, họ đem theo chăn mền, sữa, mì gói, ... nhìn mà thèm. Họ trải chăn chiếu ra để “declare territories” và la lối nếu tôi lỡ đạp lên “phần đất” của họ. Oái oăm thế. Cùng là một nhóm đi tỵ nạn mà. Nhưng thôi tôi cũng chỉ là một cô bé, gần như một đứa con nít; tôi có dám nói gì đâu. Tôi đi rón rén, đói khát ráng chịu, thiếu sót vệ sinh. Xà lan bắt đầu đưa chúng tôi rời Sài Gòn, thành phố duy nhất tôi biết, nơi súng đạn nổ đã quen tai.

Bây giờ tôi mới buồn, mới sợ, mới lo, nhưng những cái lo buồn của tôi có lẽ quá

nhỏ nhặt đối với thời cơ đất nước. Cái lo buồn của tôi là tôi không muốn rời bỏ con bạn thân nhất của tôi và tôi không muốn ai đọc quyển nhật ký. Lòng tôi quặn lại khi nghĩ đến con nhỏ bạn. Chúng tôi thân nhau đến độ tôi gọi mẹ nó là Má. Lâu lâu chúng tôi nũng nịu hôn giậm nhau rồi lại thân nhau hơn trước. Má gọi tôi là con cháu. Rồi tôi đỏ mặt khi nghĩ đến việc một người lạ đọc được tâm tư tôi qua những dòng nhật ký. Tôi cảm thấy hổ thẹn tuy chẳng có gì mà phải hổ thẹn. Trời ơi tại sao tôi lại để ba lơ lại. Tôi thăm trách thằng em, nhưng chuyện đã rồi. Tôi muốn trở lại thành phố. Tôi muốn gặp lại con nhỏ bạn. Tôi muốn cảm khư khư quyển nhật ký. Tôi thà đốt nó đi thay vì để người khác đọc.



Nhưng tôi được may mắn là ý trời không như ý tôi. Lúc đó tôi chẳng biết con nhỏ bạn đã bỏ đi trước tôi rồi. Tôi cũng chẳng biết ba mươi bảy năm sau, khi tóc tôi đã bạc, khi đời tôi đã trải qua quá nửa thế kỷ, thì chuyện có ai đọc được nhật ký của mình quả là một chuyện tâm phào.

Chiếc xà lan lênhênh đưa tôi rời xa thành phố đầu tiên của tôi. Những diễn tiến sau đó đã đưa đẩy tôi đến đất nước thứ hai, nơi tôi tìm được niềm tin, lòng vui sống, hạnh phúc, người yêu, bạn bè, và trong đó có cả con bạn thân ngày xưa nữa.

Diễm Trần

Virginia, January 2012

TÌNH TỰ TRÊN VẬT ÁO DÀI

TRƯỜNG THY

Khi nhìn người thiếu nữ Việt Nam trong bộ áo dài, hầu như ai cũng cảm nhận đó là một trang phục thật độc đáo, có sức hấp dẫn kỳ diệu, kêu gọi mà không phô bày (sexy without exposure).

Thực ra đến nay chưa có sự khẳng định tuyệt đối về cái mốc thời gian của sự xuất hiện chiếc áo dài. Trước kia chiếc áo dài may bằng gấm vóc, lụa là dành cho giới thượng lưu quý tộc và sau này áo dài xuất hiện trong giới bình dân. Thuở ban đầu chính là áo “Tứ Thân” (Bốn miếng vải khác màu may lại với nhau và thắt vạt ở phía trước, phần trên ngực để hở cốt để lộ chiếc yếm).

Áo dài “Tứ Thân” bằng lụa tơ tằm là trang phục gắn liền với đời người con gái, thường chỉ được mặc trong các dịp lễ hội, đình đám, có lẽ vì thế nên không cần đòi kiểu như sau này, do đó đã có một lịch sử lâu dài.

Từ ngàn xưa chiếc áo dài Việt Nam mang dân tộc tính, chiếc áo thường là do bốn mảnh vải màu đậm, nhạt khác nhau may thành áo với tên gọi Áo Tứ Thân. Xin mở đầu ngoặc ở đây để tản mạn đôi chút về danh xưng này. Phải chăng vì tấm áo này người phụ nữ Việt Nam khoác lên mình quanh năm suốt tháng ý nói trải qua bốn mùa thời tiết: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Ngoài ra như nhắc nhở đến Tứ Đức của người con gái: Công, Dung, Ngôn, Hạnh. Áo có hai vạt đè nhau ở phía trước, thắt chéo nhau, nút buộc ấy mang dấu chỉ tinh thần “thắt lưng buộc bụng” do nếp sống xã hội đã hun

đúc người dân từ thuở nhỏ biết căn cơ tận tiện, không hoang phí, có khi còn phải nhẫn nại, để lo cho người khác.

Em là cô gái Phụng Thiên

Bán rau mua bút mua nghiên cho chồng.

hoặc:

Chưa chồng nón thúng quai thao

Chông rồi nón rách quai nào thì quai

đôi với cha mẹ, người con luôn biết ơn báo hiếu công lao sinh thành, dưỡng dục:

Đói lòng ăn trái ổi non

Để cơm nuôi mẹ cho tròn nghĩa xưa

Là người phụ nữ Việt Nam, đức hy sinh dành dùm để lo cho người khác không chỉ ở những người con đối với cha mẹ, mà ngay trước đó các bà mẹ cũng đã một lòng vì chồng vì con nên có người như nhà thơ Phương Triều cũng đã gọi lại cho ta tâm tình ấy của người mẹ:

Mẹ già lặn lội bờ ao

kiếm được đồng nào để lại cho con

mẹ già còm cõi hao mòn

một đồng nhẫn nhịn cho con đủ đầy.

Nút buộc thắt vạt ấy còn mang ý nghĩa hướng nội, tình cảm và sự hy sinh luôn tiềm tàng trong lòng, hơn nữa còn là biểu tượng nhắc nhở người phụ nữ biết bao ràng buộc, gấn bó và khép kín, đặc biệt là trong xã hội nặng về luân lý và bổn phận.

Từ lâu lắm rồi dân tộc Việt sống trong sự khép kín của nền văn hóa Á Đông cho đến cuối thế kỷ 19 ảnh hưởng văn học và văn hóa Âu Tây, nhất là của Pháp tràn vào nước ta tạo nên phong trào Âu Hóa ngày

một mảnh. Vào thập niên 1930, mọi người sống trong thời điểm đó hẳn đã nhìn tận tường sự biến chuyển của xã hội; về phương diện văn học, điển hình là sự xuất hiện của Tự Lực Văn Đoàn với Hai Tờ Báo Phong Hóa và Ngày Nay, chủ trương dùng báo chí như một phương tiện hướng dẫn quần chúng thay đổi nếp sống cổ hữu để tiếp nhận những văn minh tiên bộ trong thời đại mới; về văn chương, phong trào Thơ Mới cổ vũ loại bỏ luật lệ gò bó của lối thơ cũ để phát triển sự tự do thoải mái trong diễn đạt tư tưởng và tình cảm con người.

Năm 1934 báo Phong Hóa đã dành riêng một mục cải cách y phục phụ nữ do họa sỹ Nguyễn Cát Tường phụ trách. Từ đó phong trào cải cách trang phục phụ nữ được phát triển học hưởng ứng nhiệt liệt và cũng từ đó chiếc áo dài phụ nữ thướt tha tung bay trong gió. Cuộc sống của người dân Việt, không riêng gì phái đẹp, mà hầu như mọi người đều thấy tươi đẹp hẳn lên, ý tình đậm đà thêm và đời cũng nhiều ngọt ngào hơn bao giờ hết. Áo dài lên ngôi gây bao cảm hứng chơi vơi cho thi nhân, văn sỹ, và nhiếp ảnh gia.

Không biết có liên hệ gì và từ thuở nào mà **áo dài, mùa thu, và tình yêu** lại như có gì ràng buộc, gắn bó với nhau như hình với bóng. Thường thì khi nhìn tà áo dài người ta hay nghĩ và nói về thời trang, mỗi khi thu về những ý niệm chia ly, giã từ, và tan tác như lá thu bay, về tình yêu cũng thường mang đến cho người, cho tâm hồn thi nhân những ý tứ thực trong mơ và mơ trong thực:

Tình yêu đến tình yêu đi ai biết

Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt

(Xuân Diệu)

hoặc như Hồ Dzếnh với những mâu thuẫn nội tại

Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé

và:

- *Đời hết vui khi đã vẹn câu thề*

- *Tình chỉ đẹp những khi còn dang dở*

(Hồ Dzếnh)

Rồi một Nguyễn Sa ta lại thấy tình yêu được “phục sức” trong màu áo băng khuâng dưới trời thu. Ở đây mùa thu, tà áo và tình yêu đã nhập vào nhau qua những vần thiết tha tình tự của nhà thơ

- *Áo nàng vàng tôi về thăm hoa cúc*

- *Áo nàng xanh tôi mếm lá sân trường.*

Cái gì nhìn đẹp mắt dù là cảnh vật hay dáng vẻ, người đời vẫn thường nói “nên thơ”. Từ đó, từ xa xưa ấy tà áo đã nghiêm nhiên trở thành trang thơ lưu dấu tình yêu:

- *Người về ta chẳng cho về*

- *Ta núm vạt áo ta để câu thơ*

Vạt áo dài phụ nữ quả đã có một hấp lực, mời gọi tuyệt vời vì trên đó như uơm thắm tình thơ. Thế rồi theo thời gian khi chiếc áo dài được cách tân bởi sáng tạo của nhà vẽ kiêu Cát Tường đã vượt ra khỏi quan niệm gò bó xa xưa để đạt tới cái đẹp mời gọi rất ư tình tự. Nói đến áo dài, cái đẹp như đã lọc qua lăng kính của các thi nhân với màu áo lụa; hồn thơ Nguyễn Sa đã bị thôi mien trên tà áo ấy để cho ta những dòng mượt mà trong thi phẩm “ÁO LỤA HÀ ĐÔNG”. Nếu Nguyễn Sa đi giữa Sài Thành mà:

- *Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát*

- *bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông*

thì không hẳn là ở những ngày này của Nguyễn Sa mà trước đó một Bằng Bá Lân cũng đã từng ngắt ngây trong bài ÁO LỤA đến độ:

- *Ngừng viết nhìn lên mắt rạn ngời*

- *Lắng nghe nhè nhẹ bước chân ai*

- *Đôi tà áo lụa bay trong nắng*
- *Tha thướt mình tơ lướt cửa ngoài*
để rồi:
- *Ta nhớ chiều kia dưới nắng trắng*
- *Cúi nâng tà áo nhẹ tay cầm*
- *Mơ màng ngỡ nắm tơ trắng biếc*
- *Áo lụa ngời trăng đẹp mỹ nhân*

Và hôm nay, thời gian như mới đầu đây, nhà thơ Vô Tình cũng không ngoại lệ, không thoát khỏi cái kiếp đam mê ấy:

- *Gió thu tà áo tung bay*
- *Mùi hương thoảng nhẹ nghe say tâm hồn.*

Nếu áo dài TỬ THÂN của thời xa xưa ấy gói ghém những ân tình trong nút thắt vạt thì áo dài tân thời của ngày hôm nay mang nét tổng thể của thời gian. Cuộc sống đời thường của mỗi con người là một chuỗi thời gian gồm quá khứ, hiện tại và tương lai; khi người con gái mặc bộ áo dài bước đi trong nắng, trong gió, vạt áo trước bay về phía tương lai và đôi chân đang ở thì hiện tại thì vạt áo sau đã trôi vào quá khứ, tà áo dài Việt nam quả đã ẩn chứa một triết lý nhân sinh vừa sâu sắc vừa trữ tình.

Có thể nói vào khoảng từ giữa thập niên 1930, cuộc sống xã hội đổi mới, tư tưởng đổi mới, tình cảm và những nhu cầu vật chất cũng như tinh thần đều biến chuyển. Từ đó trong âm nhạc cũng như thơ văn người ta thấy tình yêu, mùa thu và tà áo dài thường quyến luyến, quấn quýt bên nhau bởi vẻ đẹp quyến rũ của mùa thu là nguồn cảm hứng, gợi buồn trong trái tim đơn của chủ thể đang thai nghén một tình yêu phóng mình đi tìm đối tượng và nếu như đối tượng ấy lại xuất hiện trong bộ áo dài, làm sao không nhớ tới lời ca của nhạc sỹ Đoàn Chuẩn mà thầm hát lên “*với bao tà áo xanh đây mùa thu...*”. Trong những gợi cảm làm cho say đắm hồn người nhất là với những tâm hồn nghệ sỹ đường như mùa

thu, nhất là những mùa thu Hà Nội ngày xa xưa, trong khung cảnh ấy với những tà áo tím đã ru mềm cánh nhạc của Đoàn Chuẩn trong CHUYỆN BẾN “*Chiều nào áo tím nhiều quá, lòng thấy rộn ràng nhớ người*”. Mùa thu, tà áo và tình yêu đã cùng hòa tấu trong câu ca đầy tràn cảm xúc và ý tình. Vạt áo dài trong gió tung bay là những đường nét, là dáng vẻ đầy sinh động. Với nhạc sỹ Hoàng Dương, khi HUỐNG VỀ HÀ NỘI, hình ảnh gợi nhớ vẫn là “*Áo mẫu tung gió chơi vui...*”.

Với Huy Cận thì:

- *Nắng thơ dệt sáng trên tà áo*
- *Lá nhỏ mừng vui phát cửa ngoài*
(Áo Trắng)

Ước mơ của Nguyễn Bính thật lãng mạn đến độ:

- *Hồn anh như bông cỏ may*
- *Một chiều cả gió bám đầy áo em*
(Bông Cỏ May)

Với cái nhìn huyền ảo của nhà thơ Nghiêu Minh vạt áo dài lằng lằng, bành bành như nổi nhớ

- *Dấu thu kinh tỵ còn mê*
- *Em mang tà áo bốn bề là trắng*
(Thu Vô Lượng)

Và rồi tà áo thướt tha bay lạc cả vào hồn thơ mơ màng của Nguyễn Sa - Áo trắng hay làn mây bay.

- *Có phải em mang trên áo bay*
- *Hai phần gió thổi một phần mây*
- *Hay là em gói mây trong áo*
- *Rồi thở cho làn áo trắng bay*

Thế rồi cũng tà áo ấy gói ghém cả một mùa tâm sự, cả một thiên ân tình mà nhạc sỹ Phạm Đình Chương trong MỘNG DƯỚI HOA đã cảm nhận sâu xa tình tự uơng trên vạt áo ấy: “*Áo bay mở, khép nghìn tâm sự...*”

Chiếc áo dài hôm nay đã phản ánh tinh thần giải phóng phụ nữ trong quan niệm

thời trang, đưa vẻ đẹp của người con gái lên đỉnh cao về cả dáng vẻ lẫn tâm hồn. Chiếc áo tân thời tạo cho phụ nữ kéo dài sự trẻ trung, người con gái mặc áo dài, đi mà như bay, đứng mà như lượn, nhất là trong dáng vẻ thướt tha, khêu gợi mà kín đáo ấy lại điểm thêm vành nón lá nghiêng che mái tóc xõa ngang vai hẳn là đã có biết bao chàng trai trông cây si nơi các công trường nữ sinh Trung Học.

Trước sự cải tiến của thời trang dường như Sài Gòn đã có thời gian đến hai chục năm vạt áo dài được kéo lên lơ lửng, lưng chừng nửa kín nửa hở, buông lơi một chút mơ hồ của hờ hênh, trẻ trung trong nhịp tung tăng của cặp giò, gợi nét mênh mang, chìm nổi của lưng chừng gió, lưng chừng mây, của mung lung mời gọi v.v. Phải chăng đó cũng là hình ảnh vương vít trong vần thơ Luân Hoán:

- *Mười sáu tuổi em tập làm thiếu nữ*
- *Vai tóc thè áo lụa trắng bay bay*
- *Quai nón đỏ ngậm hờ vành môi ướt*
- *Vuông khăn thêu kín đáo xếp trong tay...*

Trên một khía cạnh nào đó, áo dài không chỉ đẹp, chỉ duyên dáng, trẻ trung khi tung bay trong gió trong nắng mà là đẹp trong cả bốn mùa, thậm chí còn vời vợi, đầy tình trọn ý trong cả màn mưa rơi. Ta đã chẳng từng nghe tình yêu được thêu dệt tuyệt vời cảm xúc trong ý nhạc lời ca qua bản tình ca EM ĐẾN THĂM ANH MỘT CHIỀU MƯA. “Em đến thăm anh người em gái, tà áo hương nồng...”

Rồi nữa, mới đầu đây, nhà thơ Hư Vô trong LÁ ĐÊM cũng thiết tha niềm ấy:

- *Lần đầu tôi gọi tên em*
- *Thì thăm như chiếc lá đêm trở mình*
- *Vườn khuya mưa đổ tội tình*
- *Áo em ướt một góc hình hài tôi*

Chỉ trong câu cuối của đoạn thơ này đã cho ta thấy vạt áo em đó, chiếc nôi của tình yêu anh.

Trong thơ Hoàng Anh Tuấn viết VỀ CHÂN TRỜI TÍM, tà áo miền Trung gợi nhớ vô vàn về những dấu tình bên bờ nước:

- *Áo em lụa trắng sông Hương*
- *Qua đò Thừa Phủ nhớ thương dạt dào*

Áo dài Việt Nam quả không ngừng bay và không chỉ bay tung trong nắng trong gió mà la đà khắp đó đây, trong văn trong nhạc và nhất là trong thơ, đâu đâu cũng thấy áo bay theo tình, bay trong mơ, trong ước vọng, trong ngân ngơ người...Kim Tuấn là một điển hình:

- *Em về tà áo lụa*
- *Bay ngập ngừng trong anh*

Còn Nguyễn Sa ta nghe cả một vùng tưởng tượng:

- *Guốc cao, gót nhỏ, mây vào gót*
- *Áo lụa trắng mềm bay xuống thơ*

Trong khi đó dòng nhạc của Nguyễn Vũ trong BÀI THÁNH CA BUỒN màu trắng trinh nguyên của vạt áo dài đã thăng hoa tuyệt vời: “Áo trắng em bay như cánh thiên thần”.

Ngày nào đây chưa xa xôi lắm áo trắng nữ sinh như cánh chim trời mang mùa xuân đến cho các anh chiến sỹ Việt Nam Cộng Hòa tận cuối chân trời, nơi ấy chỉ có tiền đồn và khói lửa thì ngày nay trên quê hương Việt Nam không còn tiếng bom đạn nhưng vẫn rền vang lời than tiếng khóc uất nghẹn của người dân dưới ách thống trị bạo tàn vô luân của Bắc Bộ Phủ, tà áo dài của những người con gái trẻ, giòng đời Quốc mẫu Âu Cơ, hậu duệ của Trưng-Triệu vẫn hiên ngang tung bay với lời hô phản kháng chế độ, đòi quyền sống, đòi lại tự do, nhân quyền, cho quê hương dân tộc.

- *Đi ngược phong ba thưở hện hò*

- *Người em áo trắng giữa Thành Đô*
- *Đi đòi nương biển và công lý*
- *Vạch dấu oan khiên giữa trận đồ*

Áo dài không những đã mang dấu ấn lịch sử của một thời Triệu-Trung mà còn mang cả một triết lý dân tộc, một tình tự

nhân gian. Áo dài như đang hóa thân vào dòng sinh mệnh của đất nước với hai vạt Trường Sơn và Biển Đông đã, đang, và sẽ thắm tò thêm dòng sử Việt.

trường thy (Oklahoma)

NHỮNG TÀ ÁO DÀI của các nữ VĂN, THI, NGHỆ SĨ
 Trong Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ tại Virginia 08/15/2012.



Nỗi Buồn của Thiên Thần

CHIÊU HOÀNG

(Có bao giờ bạn nghĩ Thiên Thần có nỗi buồn không nhỉ?)

Tôi. Một Thiên Thần bé nhỏ với hoài vọng mơ ước có thể mang lại niềm vui cho tất cả mọi loài... Tôi rất nhỏ, chắc chỉ bằng một đoá hoa nắng trong không gian, vì vậy mà thân tôi rất nhẹ, có thể bay đến bất cứ nơi nào tôi muốn và nghe được rất nhiều tâm tư của mọi người.

Sáng nay, khi mới vươn vai sau giấc ngủ dài, tôi cảm thấy tâm hồn mình rất lạ, có lẽ tôi vừa bước qua một cơn mộng. Mà có phải đó thực là Mộng, hay đó chỉ là một mảnh đời chấp chùng mà tôi vừa kinh qua? Nhưng dẫu sao, tôi vẫn luôn gìn giữ tâm mình thật trong sáng, bởi đã từ bao giờ không biết, tôi thường tự cho mình có trách nhiệm là chỉ mang lại Hạnh phúc cho tất cả những người mà tôi gặp trong ngày... Và bây giờ, tôi đang thả mình rơi một cách hồn nhiên, đôi khi tôi thực không còn phân biệt mình có thân hay không nữa, bởi tôi có cảm tưởng mình đang hoà tan vào không gian thân thang, vào những vạt nắng vàng chơi vơi bay theo những cơn gió không định hướng...

Trong lúc tâm tôi hoà nhập với bản thể nhất như tuyết điều ấy, tôi vẫn có thể nghe được nhiều âm thanh khác quanh mình. Tôi có thể nghe được tiếng cười rúc rích của những đoá hoa vạn thọ, tiếng thành thịch của một bày kiến đi vòng vèo như những anh lính đang đi hành quân, tiếng than phiền của chị hoa Hồng vì bụi Hường Dương đã tình cờ che bớt một ít mặt trời của chị, và tiếng tí tê của loài ve sấu sắp phải từ giã cõi đời của một kiếp ve ngắn ngủi sau 17 năm làm con sâu vừa thoát kiếp... Tất cả những tiếng động ấy

hoà lẫn vào nhau tựa như một giòng âm thanh xuôi chảy....

1. **Chú Bé và Cánh Diều**

Tôi đón ngày mới bằng một nụ cười, mở rộng lòng mình và tung cánh bay đi rất xa, qua đồng bằng, qua một con sông nhỏ. Nước sông ở đây chảy hiền hoà như một niềm bình an hạnh phúc, tựa như nó đang là một tấm gương soi lớn phản ánh tâm thức tôi bây giờ. Bên cạnh con sông là một giải bình nguyên thân thang. Tôi nhìn thấy nhiều chú bé con đang chơi thả diều trên cánh đồng rộng. Những cánh diều đầy màu sắc bay lượn trên bầu trời bát ngát. Thật là một điều thú vị! Tôi nhập cuộc chơi bằng cách chạy theo chúng, hoà cùng với tiếng đùa vui của lũ trẻ thả diều. Bỗng tôi để ý đến một cánh diều giấy, trên mặt diều vẽ hình ảnh của mặt trời màu đỏ và một mảnh trăng lưỡi liềm màu xanh dương, (tựa như phần trên của chũng tử "Om" mà tôi thường tụng mỗi ngày). Cánh diều thu hút tôi một cách mạnh mẽ bởi hình ảnh vẽ trên nó. Tôi chạy theo cách diều ấy, nó bay nhanh vun vút, vươn cao..., vươn cao..., vượt xa tất cả những đám diều lao xao phía dưới. Chú bé con ở dưới chạy theo, chú tiếp tục thả thêm dây cho diều bay cao hơn nữa. Tôi nhìn thấy nét mặt rạng rỡ và nụ cười hồn nhiên trên mặt chú. Cánh diều vẫn bay bổng, chao lượn trong không gian, dường như nó đang mở tung cánh cửa tâm hồn để hoà vào trong nắng, trong gió... Cùng lúc, nó cũng biết được rằng nó đang có một nhiệm vụ rất quan trọng là phải làm cho một tâm hồn bé nhỏ phía dưới kia được vui sướng. Nó ghé mắt nhìn xuống mím cười với ông chủ nhỏ của mình (*cái tâm hồn mà nó có bốn phần phải gìn giữ*). Một trên trời, một dưới đất, cả hai được nối

bằng sợi giây điều mong manh, cùng có một niềm vui chơi với theo nắng, theo gió...

Bỗng một cơn gió thổi mạnh làm cho cánh điều chao đảo, mất thăng bằng, dứt mạnh tạo một tiếng "bức" kễ. Sợi dây điều đã bị đứt. Cánh điều chao đảo, rồi lao bằng bằng cắm đầu xuống đất với tiếng rít xé gió như một tiếng kêu đau thương. Tôi nghe chú bé hét lên. Chú chạy lao về phía cánh điều, hai bàn tay dơ lên, chơi vơi như muốn đỡ lấy một sinh mạng đang hấp hối. Chú vấp phải hòn đá té nhào, đầu gối rướm máu, nhưng đôi mắt vẫn không rời cánh điều bé nhỏ. Từ trên cao, cánh điều tiếp tục rơi...rơi.... Dưới đất, chú bé vẫn tiếp tục chạy theo, cuối cùng cánh điều vướng vào một cành cây cao ngất, chẳng cách gì có thể với tới được. Sự va chạm làm cho cánh điều bị rách, chia đôi hình mặt trời, mặt trăng thành hai mảnh. Dưới đất, chú bé cũng dừng lại. Chú ngồi dưới gốc cây, đôi vai rung lên vì tiếng khóc. Trên khuôn mặt tinh khôi, những giọt nước mắt chảy dài. Nghe đâu, đó không chỉ là một cánh điều thuần túy, mà đối với chú, đó chính là tài sản quý giá nhất, là ước mộng, là tâm hồn của chú...

Tôi đậu nhẹ trên vai chú, cảm nhận được nỗi buồn của chú và bắt đầu cầu nguyện...

Sau một trận khóc dài, chú nằm dưới gốc cây ngủ bình yên. Đôi mắt thiên thần giờ đây khép lại, trên khoé còn đọng giọt nước mắt dờ dang. Tôi thương giấc ngủ của chú, có lẽ trong mộng, chú tìm lại được cánh điều của mình, tìm lại được tâm hồn mình vẫn bay bổng trong không gian thênh thang...

Tôi cầu nguyện cho chú rất lâu, giá tôi có thể tự biến mình thành cánh điều để tặng chú thì tôi cũng hoan hỷ thực hiện ước nguyện ấy...

Đây! Tôi chỉ là một thiên thần rất bé nhỏ, ngàn đời sống chỉ với một hoài vọng làm thế nào để mang lại niềm vui cho tất cả mọi loài. Nhưng dường như tôi vẫn chưa làm được một cách trọn vẹn, nên nỗi buồn vẫn lảng đãng trong tôi như những áng mây trôi...

2. **Cầu Bất Đặc Khố**

Tôi rời vai chú, bắt đầu làm một cuộc hành trình mới.

Bởi trong tâm vẫn còn hình ảnh của cánh điều với đôi mảnh rách về mặt trời và mặt trăng, nên tôi bay về hướng mặt trời, nơi hướng biển. Ở đây, gió biển lồng lộng, mặt biển nhấp nhô, ánh nắng vỡ ra lặn tẩn thành nhiều mảnh. Xa xa có ngôi chùa thấp thoáng...

Cảnh chùa vắng vẻ. Không gian tĩnh lặng một vị thiên. Một vài chú tiểu đang quét lá, tia cây trước sân chùa. Bỗng tôi nghe tiếng nấc của một cô bé ngồi trên bậc tam cấp, trước mặt là một vườn hoa muôn sắc, xa hơn là bờ cát trắng tinh trước khi ra đến biển. Cô ngồi giữa hoa và nắng, cảnh vật thật đẹp và nên thơ. Nhưng cô lại không nhận ra được cảnh vật đẹp đẽ ấy. Với khuôn mặt trong sáng và giọt nước mắt ngấn mi, cô ngồi đan tay vào nhau, trên cuốn vở mở rộng đặt trên đùi, nhìn tư lự vào khoảng không gian trước mặt... Hình như cô đang rất buồn bã, nỗi buồn làm cô không thể thốt lên được một lời nào. Trên đôi mắt trong đen như mắt con chim câu, tôi thấy những giọt nước mắt tràn ra, lăn dài trên má... Ôi! tại sao cô lại có thể buồn đến thế? Tôi có thể giúp cô điều gì chẳng? Hiển nhiên, cô không thể nghe tôi nói nên tôi chỉ nhẹ nhàng đậu trên mái tóc óng ả và lặng lẽ chia xẻ nỗi buồn với cô...

Khóc một lúc, cô cúi mặt xuống quyền vở, đọc những dòng mực tím...

Anh thương yêu,

Thầy đã từng dạy em nhiều lần, khổ đau chỉ là một vọng tưởng. Đã là vọng thì chẳng bao giờ có thật, nhưng hình như em chưa thấm được lý "như huyễn" để có thể vượt qua cơn đau này. Em rất đau, anh ơi! Em biết chúng ta không thể đi chung một con đường. Hai người hai ngã rẽ. Con đường anh đi thênh thang mở rộng, còn em một mình đứng lại bên bờ vực đầy những chướng duyên ngăn cản không cho

em đến được bên anh. Em còn có thể chờ anh đến bao giờ? Mà chờ làm gì nữa khi điều kiện đã thay đổi. Hốt nhiên trong em, cảm nhận được rõ rằng tất cả chỉ còn một con đường duy nhất thoát khổ là phải tu tập. Cuộc đời thật mong manh, cái chết có thể đến bất cứ lúc nào... Mà anh ơi, em thực chưa muốn chết, chưa sẵn sàng để ra đi với một tâm thức bình an, rộng mở. Em vẫn còn tha thiết yêu đời, yêu người, yêu... anh, và nhất là vẫn còn muốn kéo dài mạng sống để có cơ duyên tu tập và tích tụ công đức cho những kiếp mai sau. Em như một kẻ cuồng si muốn trốn chạy tình yêu mình một cách tuyệt vọng, tựa như người trốn chạy với cái bóng của chính mình. Nhưng anh ơi, làm cách nào để em có thể trốn chạy nó khi từng sát na, em vẫn sống với nó bằng từng hơi thở ra vào? Đường như chúng ta sinh ra chỉ để gặp nhau một lần oan trái rồi chẳng bao giờ còn có cơ duyên gặp lại, (chứ đừng nói đến chuyện chung đôi). Nghĩ đến điều này làm tim em muốn vỡ ra. Em muốn làm bất cứ gì để có thể thay đổi nghiệp duyên mình, mà duyên nghiệp - khi quả đã trở - thì đã quá muộn để có thể thay đổi, nhưng em lại cứ ngây thơ, như một đứa con nít, vẫn cầu mong những gì ngược lại. Có phải chăng, em đang làm một chuyện thậm vô lý tới buồn cười là đòi nắm bắt hoa đốm giữa hư không? Mong cầu những điều không thực có, như lông rùa, sừng thỏ phải không anh?

Hôm qua, trong sự thất vọng đến tột cùng, em cuồng dại muốn buông bỏ tất cả để làm một vị ni cô áo vải, hạ thủ công phu, quyết tâm tu học để vượt qua tất cả những chướng duyên và khổ đau em đã gặp. Nhưng em đã lầm, dù có thiện chí cách mấy thì em vẫn phải trôi xuôi theo nghiệp duyên mình, vẫn phải làm những gì mà em đang làm, đã làm và sẽ làm. Vẫn phải sống, vẫn phải làm việc, vẫn tu tập như em vẫn thường tu tập, vẫn thực hành tâm bồ đề và chăm lo cho những người cần được chăm lo chung quanh em. Em không được quyền làm cho họ khổ

đau. Đó là điều đi ngược lại những gì mà một người Phật tử phải làm. Không phải sao? Một việc làm căn bản của Phật tử là nếu không đem lại Hạnh Phúc cho người thì đừng làm họ đau khổ đấy sao?

Nhưng anh ơi,

Em vẫn cảm thấy đau lắm! Em cần một thời gian tối thiểu để đem lại sự thăng bằng trong tâm thức hầu có thể trở về đời sống cũ. Em sẽ làm được!

Hãy đừng quên cầu nguyện cho em trong những buổi công phu...

A. Hoá ra cô bé đang bị thất tình. Cô đang đứng giữa bờ mé của Đời và Đạo, cô hiểu trên lý về sự vô thường, nhưng chưa thực chứng về nó nên cô vẫn còn bị khổ đau. Tôi yên lặng chia xẻ nỗi "cầu bất đắc khổ" của cô. Tôi gieo mình, hoà tan trong óc, trong tim cô, với hoài vọng tạo cho cô một sự bình an tối thiểu. Nhưng hiển nhiên tôi vẫn không làm được điều mình mong ước một cách trọn vẹn, tôi thấy những giọt lệ vẫn tiếp tục lăn dài trên má cô, thấm ướt đôi môi hồng và làm cho đôi mắt cô thêm buồn bã...

Khóc chán. Cô dùng tay áo quẹt nước mắt rồi bước vào chánh điện. Dĩ nhiên tôi cũng rón rén vào theo. Nơi đây không khí trang nghiêm tới độ tôi có cảm tưởng những bức tượng trên bàn thờ đều rất sống động. Thoang thoang một mùi hương lẳng lặng. Cô lễ Phật rồi ngồi yên, hai tay để trong lòng tựa như lối ngồi thiền, nhưng duy có điều hơi khác là mắt cô mở lớn ngăm nhìn những tượng hào trong bức *thangka* của ngài Quán Âm và nghĩ đến những phẩm hạnh của ngài, nhất là lòng từ bi vô phân biệt mở rộng khắp nơi, nghĩ đến những nỗi khổ của kẻ khác và thấy được cái "khổ" còn con của mình quả là chẳng nghĩa lý gì. Cô ngồi rất lâu, trong tâm dần lắng dịu đồng thời cô có cảm tưởng hình ảnh ngài Quán Âm càng linh động hơn khi thấy những giải lụa trên thân ngài lay động. Cô chớp mắt nhìn cho rõ, hình như đôi mắt Ngài đang long lanh nhìn cô mỉm cười...

3. Vị Sư Trẻ

Tôi lại đắm mình trong lời nguyện và hồi hướng cho cô với bớt khổ đau trước khi bay đi một chốn khác.

Tôi bay lượn trong vườn hoa muôn sắc, trong khuôn viên nhỏ bé của ngôi chùa. Thật tuyệt vời khi thấy các đóa hoa thi nhau khoe sắc thắm trên từng màu sắc riêng biệt của mình. Trong vườn hoa thơm ngát mùi hương lẫn mùi cỏ dại, mời gọi chàng công tử Nắng từ vương quốc Mặt Trời đang nghênh ngang đi vào chốn trần gian, cộng thêm sự góp mặt của bác Gió làm không khí trở nên sôi động tạo thêm sự chú ý của lũ Ong và bầy Bướm tấp nập ra vào. Thật là một đại hội lớn! Tôi cũng được đón chào như một vị thượng khách. Tôi đậu nhẹ trên một đóa hồng đang rung rinh, cười rúc rích với chàng công tử Nắng đầy nhiệt tình. Đóa hồng thật đẹp, thật kiều sa, nhưng cô nàng chỉ để ý đến chàng công tử vừa đến từ Vương quốc Mặt Trời đỏ rực mà chẳng biết gì đến sự hiện diện của một loài Thiên Thần tôi nhỏ bé. Hình như tôi đang ghen. Tôi muốn bật mí cho chị Hồng biết một điều: Tôi là một "sứ giả của Hạnh Phúc" đang cư mang trong tâm mình một "Bồ đề tâm nguyện" là làm sao mang lại Hạnh Phúc cho mọi loài. Ý niệm ấy vừa khởi, tôi lại cảm thấy hổ thẹn khi biết rằng cái "Ngã" đang lẫn lút trong tôi. Chà! Việc gì tôi phải thanh minh với ả Hồng tôi là ai, đang làm gì? Việc gì tôi phải ghen với chàng Nắng mà với tâm thức đầy vọng tưởng là chàng đang nghênh ngang làm phách? Tôi thật tệ! Cái ngã thật đáng ghét! Tôi không thích mình xấu xí như vậy. Đã là một Thiên Thần thì không bao giờ được có ý tưởng tiêu cực, xấu xa... Với những ý niệm trong tâm thức như thế, tôi bỗng mỉm cười... Nắng thì muôn đời vẫn vậy, vẫn tràn đầy yêu thương, ân cần cho đi tất cả, chẳng may chữa bất cứ ai. Chàng có thể cùng một lúc ân cần trái tâm mình cho chị Hồng, Hoa Hướng Dương, bụi Cúc và ngay

cả những loài hoa bé tí ti mọc xôn xao như một loài hoa cỏ dại trên mặt đất vườn chùa. Hơn thế nữa, chàng còn phân thân nhiều như vi trần trên tất cả mọi nơi, mọi chốn. Chẳng phải sao, lúc này chàng cũng đã trò chuyện, an ủi với cô bé đang khóc trước sân chùa, âm thầm sưởi ấm cho cô, đậu trên vai cô một cách yên lặng và kiên nhẫn đấy sao? Tôi chợt liên tưởng đến một loại "Tình-Yêu-Vô-Nhiễm" mà tôi đã từng được đọc qua trong một đoàn văn nào đó. Có phải chẳng, Chàng Nắng đang mang Tình Yêu Vô Nhiễm của mình hoá thành muôn vạn thân trải rộng trên tất cả mọi loài?

Tôi bỏ đại hội Hoa-Nắng lang thang làm "kẻ dại" đi tìm nơi vắng vẻ. Tôi bay lãng đãng lạc đường vào trong tư thất của một vị sư trẻ. Khác với sự xôn xao ngoài vườn hoa. Nơi đây thật yên tĩnh. Trong phòng trống trơn, chẳng có đồ đạc gì đáng kể. Sát bên tường là một chiếc giường đơn. Đối diện là cánh cửa sổ mở rộng nhìn ra vườn hoa sau chùa, sát cánh cửa kê một bàn làm việc, trên mặt bàn có một cuốn kinh và cuốn vở mở rộng với những hàng chữ chi chít trên trang giấy. Cuối phòng, đối diện với cánh cửa ra vào là một kệ sách thấp, trên kệ bày biện một bàn thờ với tượng ngài Quán Âm rất đơn sơ. Bên cạnh bức tượng là một đóa hoa cúc còn tươi, chắc mới hái trong buổi sáng sớm, một lư hương, bầy chén nước trong và một đĩa trái cây nhỏ. Dưới đất, ngay trước bàn thờ là một bồ đoàn đã cũ. Tôi gập vị sư trẻ đang ngồi thiền định ở đây. Không khí trong phòng thoang thoang một mùi hương trầm thơm ngát. Không gian thật tĩnh lặng. Tôi yêu sự tĩnh lặng này quá sức và quên hẳn những vọng niệm tôi vừa có trong vườn hoa trước sân chùa. Tôi đậu trên tàn hương còn chút hơi ấm rơi vãi trên bàn thờ Phật, bắt chước lối ngồi thiền và tò mò ngắm nhìn nhân dáng của vị sư trong lúc thiền quán. Chàng còn rất trẻ. Với vầng trán rộng, đôi mắt khép hờ nhìn xuống sống mũi thẳng. Hơi thở chàng đều hoà và nhẹ như tơ... Thời gian cứ trôi qua không gian yên tĩnh trong căn phòng nhỏ, chẳng biết

bao lâu, nhưng càng lúc, tâm tôi càng cộng hưởng với cái ba động tâm thức từ vị thiền sư này, tôi thấy tâm mình mở rộng, thật bình an... và kìa, thật kỳ lạ, bỗng tôi nhìn thấy giọt nước mắt từ từ lăn ra khoé mi chàng, một giọt.., hai giọt...

Ồ! Chàng cũng có nỗi buồn đấy ư? Bằng một phần xạ tự nhiên, tôi bắt đầu cầu nguyện và hồi hướng cho chàng. Nhưng lạ quá, những giọt nước mắt tôi nhìn thấy hình như không do từ một sự khổ đau nào cả. Tôi cảm nhận tâm chàng rất bình an, chính sự bình an ấy đã lây lan qua tâm làm tôi cảm thấy rất an lạc. Tò mò, tôi bỏ tàn hương trên bàn thờ mà đậu trên trán nhà sư trẻ, tìm cách hoà nhập vào tâm thức chàng...

Tôi trôi vào một vùng ánh sáng diu diu. Nhiều hình ảnh phụt lên, tất cả đều là những nhân, duyên đắp đổi làm thành một dòng đời xuôi chảy. Hoá ra, chàng đang tu tập về ba căn bản của đạo lộ: Sự từ bỏ. Bồ Đề Tâm và Trí Huệ Không Tánh. Thật là một điều thú vị khi tôi chợt nhận ra rằng sự tu tập về 3 căn bản của đạo lộ không phải là tu xong từng thứ một trước khi bước qua cái thứ hai, mà cả ba đều phải đắp đổi lẫn nhau, trong một có ba, trong ba có một. Trong tâm chàng đã chín mùi sự chán ngấy và không còn bị trói buộc bởi những chuyện thế gian, nhưng chính vì thế mà lòng từ bi không ngớt lớn mạnh trong chàng khi nhìn thấy các loài đều đang trôi nổi trong sự khổ đau triền miên ấy. Giọt lệ từ bi chảy ra từ khoé mắt, nhưng tâm chàng vẫn bình an, vắng lặng bởi chàng đã ít nhiều chứng được trí huệ của tánh Không... Đường tu dĩ nhiên còn dài, chàng vẫn cần trường dưỡng những gì chàng vừa thực chứng cho ngày càng thêm vững mạnh, sau đó chàng sẽ phải bước vào những giai đoạn của thập hạnh, thập hồi hướng rồi vào thập địa của các vị Bồ Tát...

Ồ. Thật tuyệt vời! Tôi xin tùy hỷ với công đức tu tập của chàng. Thấp thoáng, trên khuôn mặt của vị sư trẻ, một nét đẹp

rạng rỡ đầy từ bi mà tôi chỉ có thể nhìn thấy qua những tấm hình của các vị Bồ Tát....

4. Người Thương Gia

Tôi rời vị thiền sư với tâm thức nhẹ hơn tơ trời. Những tâm niệm li ti gần như biến mất. Trong tâm thức, chỉ còn một câu chú duy nhất của ngài Quán Âm...

Tôi thả rơi thân mình, nương theo ánh sáng để mặc cho nó muốn đưa tôi tới đâu. Lần này tôi bay lên rất cao, nơi đây chỉ có trời xanh, mây trắng và những cao ốc hình khối. Tôi theo nắng trôi vào một căn phòng làm việc của một thương gia giàu có làm những dịch vụ hái ra cơ man những tiền là tiền. Ông quả là bận, ông bận tới độ ly café trên bàn vẫn còn đầy nhưng đã bắt đầu nguội lạnh. Nghe chừng ông vừa bị mất một dịch vụ lớn. Bào rằng không tiếc sao được khi cơ hội làm tiền vừa vượt mắt? Vừa tiếc của, vừa tức giận, giận cho đám nhân viên chẳng làm được cái tích sự gì. Ông đang bị một cơn giận hành hạ. Quả là nguy hiểm! Cơn giận đến đùng đùng như cơn bão, xoáy nghiền lấy ông làm cho khuôn mặt ông đỏ rực. Tim ông đập nhanh với tỷ lệ thuận của cơn giận gia tăng. Ông không còn có thể tự chế được những hành động của mình nữa, ông hét lớn trong phone, bàn tay đập mạnh xuống bàn làm cho ly café run sợ. Âm thanh phẫn nộ bay bắn toả lan khắp phòng, thân người bé nhỏ của tôi cũng bị lộn nhào cùng những đám bụi trong hư không. Tôi cố bám chặt vào một cây viết trên bàn, nhìn ngắm cơn giận đang đốt cháy người thương gia giàu có này mà run sợ. Ông chấm dứt cuộc điện đàm bằng cách giáng mạnh cái điện thoại xuống bàn và ngồi thờ đốc. Chừng khoảng một đổi, cơn bão giận dữ của ông cũng đã giảm, nhưng hơi thở vẫn còn hỗn hển, hai tay ôm đầu như cố trấn át một cơn đau. Ông vội mở ngăn kéo lôi ra một ống thuốc nốc một viên. Trên khuôn mặt, cơn giận biến thành một sự thê lương đau khổ vô cùng

tận. Ông đau khổ vì tiền bạc và vật chất đang nghiêng lệch ông mà chính ông không biết. Mặc dù có rất nhiều tiền, nhưng hình như ông vẫn chưa thấy đủ, ông vẫn phải chạy hớt hơi để phụng sự cho đời sống vật chất của ông. Quả là sung sướng và đầy đủ nếu không nói là xa hoa quá độ. Ông có nhiều ngôi nhà ở nhiều vùng khác nhau, nhiều chiếc xe, nhiều bà vợ, những bà vợ trẻ chỉ bằng tuổi con cháu ông. Để trả giá cho đời sống xa hoa này, ông phải làm nhiều tiền hơn nữa, phải cạnh tranh, giành giật, và phải thường xuyên bị áp lực từ mọi vấn đề tới độ loét bao tử. Tôi trộm nghĩ, dẫu ông có phải...loét thêm một vài chỗ, hay con tim thỉnh thoảng có bị ...ngạt thở vì stress thì ông cũng vui lòng, hả hê, đáng để ông đánh đổi với đời sống đầy hưởng thụ vật chất này.

Nhưng bây giờ, ông đang ngồi đây, hai tay ôm lấy đầu. Con đau nơi tim làm cho ông có cảm tưởng hơi thở mình bị nghẽn lại. Mắt ông hoa lên, ông cố lấy tay ấn nút cấp cứu màu đỏ trên điện thoại. Tiếng còi ré lên trong khi cả thân người của ông đổ ập xuống sàn. Tôi bối rối, chưa biết làm gì để giúp ông thì đã có ba, bốn người tung cửa chạy vào, rồi chỉ năm phút sau đã có một đội bác sĩ, sách những thùng cấp cứu, họ tất tả đưa ông đến nhà thương gần đó, tiếng còi hú của xe cứu thương như xé nát không gian. Tôi và đám bụi trong phòng cũng bị hút theo với đám người nhốn nháo ấy. Người thương gia đang nằm thềm thiếp. Một chút máu rỉ ra khoé miệng. Các người cứu cấp làm những việc họ cần làm. Nhưng hình như muộn lắm rồi. Ông đã tắt thở trên con đường đến bệnh viện. Tôi đậu nhẹ trên trán ông và cầu nguyện. Suốt đời tôi chỉ có mỗi việc làm này là đáng kể. Cầu nguyện...cầu nguyện... và...cầu nguyện để có thể đem lại an vui cho tất cả mọi người...

5.

Ước Nguyện của Một Cô Bé

Khung cảnh trong nhà thương lạnh lẽo đầy mùi thuốc trụ sinh. Các vật nặng chỉ

dám đứng nhốn nháo ngoài cửa sổ, thăm thì, chỉ chó. Nơi đây, đèn điện thay cho ánh mặt trời được thắp sáng trưng, nhất là những phòng mổ và các hành lang. Nhưng cũng có một vài phòng của các bệnh nhân thuộc loại "hết thuốc chữa" thì mờ ảo như một căn phòng chứa đầy tử khí. Tôi rời vị thương gia, tìm đường bay ra phố chợ thì bỗng nghe một tiếng nói của một đứa trẻ, tiếng nói nhỏ nhẹ, nửa như tâm sự, nửa như van xin. Tiếng nói như một làn gió thoảng qua tai:

- Đứng đi! Hãy ngừng lại một chút có được không?

Ngạc nhiên quá đỗi, tôi ngừng lại trước một căn phòng mở rộng, trong phòng chỉ có một đứa bé gái đang nằm bên cạnh khung cửa sổ lớn nhìn ra bầu trời xanh xanh, nơi đó, một vài đóa hoa nắng đang nhào lộn, đùa vui trong không gian. Em đang nhìn chăm chú vào những đốm nắng ấy, khuôn mặt em gầy guộc, xanh mét. Duy chỉ có đôi mắt là linh động, sáng ngời. Dường như em đang nói chuyện với nắng:

- Một ngày kia, em cũng sẽ là những đóa hoa nắng như các bạn. Ôi! Thật tuyệt vời biết bao, em cũng sẽ bay nhảy một cách thành thơi, tự tại... Em sẽ không còn bị những cơn đau hành hạ nữa...

Nghe cô nói thế, một bé nắng chui qua khung cửa đậu trên ngón tay gầy guộc của em đang đan vào nhau trên ngực, mỉm cười thân thiện hỏi:
- Thế bạn bị bệnh gì thế?

- Ai biết được! Nhưng em hay bị những cơn đau hành hạ và mỗi ngày phải uống rất nhiều thuốc. Mẹ bảo, ráng uống thuốc cho ngoan để mau khỏi bệnh. (thở dài) Nhưng làm sao có thể khỏi bệnh được, hình như bệnh em nặng lắm thì phải. Em chỉ nguyện sao thân mình có thể biến thành ánh sáng cầu vồng để bay nhảy như các bạn thôi...

- Có phải đó là ước nguyện cuối cùng của em không?

- Đúng vậy. (Đổi giọng, nghiêm trang như đang phát đại nguyện) Mai kia, có thể

trong một kiếp vị lai nào đó, khi chết, em xin nguyện thân mình từ từ biến thành ánh sáng cầu vồng để nhập vào ánh Tịnh Quang...

Nói xong, dường như cô bé lại cảm thấy mệt, hai mắt nhắm lại. Tấm thân gầy guộc được phủ bằng một tấm mền mỏng hơi cong lại vì cơn đau. Tôi nghe em thì thầm câu gì không rõ. Tò mò, đến gần ghé tai. Thật ngạc nhiên! Em đang tụng chú. Câu chú rất quen thuộc mà tôi vẫn tụng hằng ngày để cầu nguyện cho tất cả những người tôi gặp trong ngày. Lòng tôi sung sướng quá, tựa như mình vừa gặp lại cố nhân. Tôi đậu nhẹ trên trán, tìm cách đọc những ý niệm trong tâm thức em. Cô bé vẫn đắm mình trong lời tụng, nghĩ đến những người đang bị một căn bệnh giống mình rồi nguyện xin gánh nhận tất cả những nỗi khổ đau đó để họ có thể an vui. Tôi cảm động đến rơi lệ về những tâm niệm bồ tát ấy. Tôi nương âm thanh thoát ra trên đôi môi khô héo đang mấp máy cùng tụng chung nhịp với em. Câu chú gồm có sáu mẫu tự tạo nên sáu âm thanh khác nhau. Cả hai cùng đắm mình trong từng âm thanh của sáu mẫu tự ấy... Kỳ diệu làm sao, âm thanh này nối tiếp âm thanh trước biến thành những giọt cam lồ ánh sáng lan tràn, chảy đầy vào các kinh mạch, các giọt khí trong thân tâm của cô bé, hộ trì cho câu chú thêm vững mạnh, đồng thời rửa sạch tất cả các ác nghiệp mà em đang gánh chịu... Độ một đổi, tiếng tụng nhỏ dần...nhỏ dần... Hình như em đã chìm vào giấc ngủ rất sâu...

Tôi trịnh trọng đặt trên trán em một nụ hôn nhẹ. Tùy hỷ và cầu nguyện cho em thành tựu được ước nguyện của mình...

Tôi lại bay đi nhiều nơi, nhiều chốn. Tôi gặp một thiếu nữ ngồi mơ mộng bên cửa sổ ước mong có chàng hoàng tử nào đó đến ngỏ lời cầu hôn. Một kẻ ăn xin. Một người bộ hành. Một đứa bé mới sinh được ba ngày vì thời tiết quá lạnh nên đã bị chết vì sưng phổi. Một người mẹ già sống trong khổ đau cô độc vì thương nhớ các con. Chúng đã lớn, đã có gia đình riêng

và mãi mê trong những bồn phận và công việc riêng của chúng nên chỉ có thể thỉnh thoảng đến thăm mẹ mình một thoáng rồi thôi. Tôi cũng gặp một trẻ tật nguyền vì chiến tranh. Một anh lính trẻ, anh còn trẻ lắm, mắt môi còn đọng nét ngây thơ. Nhưng anh được dạy là phải hận thù, phải giết. Anh cầm súng, giết những người đồng loại mà chẳng hiểu rõ nguyên nhân tại sao mình lại phải làm những việc như vậy. Một lần, tôi ghé thăm trong một buổi tối đầy sao sáng. Anh nằm co tay gối đầu, nhìn lên bầu trời thăm thẳm đầy sao mà bỗng đứng nhớ nhà tới bật khóc. Anh nhớ cũng buổi tối đầy sao thế này trong một quá khứ rất gần (tưởng chừng như mới đêm qua), mẹ anh đã ngồi bên giường kể truyện cổ tích "Các - Vì - Sao" ru anh ngủ. Nay, anh trở thành một kẻ giết người mà thiên hạ gán cho anh một danh từ tao nhã khác là "Người - Lính - Chiến - Oai - Hùng". Mai đây, anh sẽ làm một nhiệm vụ "thiên liêng" cuối cùng là kết liễu đời mình bằng cách ôm bom lao vào một đám đông người vô tội để tự sát. Càng nhiều người chết, thì nhiệm vụ của anh càng thiêng liêng, cao cả. Ôi, thật khờ khạo biết bao về những việc làm ngu xuẩn ấy. Tôi đã đậu trên tim anh rơi lệ và cầu nguyện rất lâu...

Tôi nghe được rất nhiều tiếng khóc, tiếng cười ở mọi nơi, mọi chốn... Tất cả đều rơi vào trong tám cái khổ của cuộc đời: Khen, chê, lợi, suy, vui, khổ, vinh và nhục. Tất cả đều gom vào hai chữ "Khổ - Đau".

Tôi chợt nhớ đến vị sư trẻ mà tôi đã gặp ở ngôi chùa gần biển, nhớ đến con đường tu tập của chàng và nhận ra một điều rất hiển nhiên: *Muốn thoát khổ và có thể mang lại an vui cho tất cả mọi loài thì chẳng còn một con đường nào khác ngoài sự tu tập...*

Tôi vươn vai, hít vào buồng phổi một hơi thật dài và lập đại thệ nguyện...

Chiêu Hoàng
(California)

TAN TÁC

Tiểu Thu

Sau một ngày mệt mỏi, luôn tay gọt, bào, thái... đủ thứ rau cải, thịt thà trong bếp của một quán ăn Tàu khá lớn, về nhà tôi còn lo cho con đồ ăn đi học ngày mai. Giờ đây, một mình trên chiếc giường lạnh lẽo, thân thể rã rời, tôi không thể ngăn được giòng nước mắt khi nhớ lại quãng đời đã qua. Biết bao lần trần trờ trong đêm, tôi đã tự hỏi không hiểu kiếp trước mình đã gây nên tội lỗi tày trời gì, để kiếp này phải trả bằng một cái giá quá đắt như thế? Quá khứ hiện về, lòng tôi lại như bị muôn ngàn mũi kim xuyên vào, rướm máu!...

Trước ngày Sài Gòn bị xóa tên, bố tôi là một nhà thầu có tên tuổi. Tôi là một cô gái ngoan hiền, xinh xắn, được bố mẹ yêu thương chiều chuộng và chỉ biết ngày ngày cắp sách đến trường. Sau khi tốt nghiệp trung học, qua một người thân trong họ mà tôi quen biết Tâm. Gia đình anh từ Cam Bốt chạy về Sài Gòn tị nạn sau khi xảy ra sự việc người Miên nổi lên cướp ruộng người Việt Nam sinh sống ở xứ này. Bố anh làm cho một viện Bào Chế lớn của Pháp và gia đình Tâm rất giàu. Tâm cao ráo, đẹp trai, ăn nói có duyên. Vì vậy chàng chinh phục cảm tình một cô gái ngây thơ như tôi thật dễ dàng. Đám cưới được tổ chức trong một nhà hàng sang trọng, thật linh đình với mấy trăm thực khách. Trước mắt mọi người, chúng tôi là một cặp vợ chồng trẻ rất xứng đôi vừa lứa. Tôi thấy mình quá may mắn và hạnh phúc khi được kết hôn với Tâm.

Thời gian đầu anh rất yêu chiều tôi, nhưng sau đó tôi khám phá ra anh cũng thích đàn

đúm, nhậu nhẹt với bạn bè. Tôi ở nhà một mình vì không chịu được những bộ mặt đơ gay, những lời lẽ thô tục vì say sưa và những cử chỉ láo lơi của các cô chiêu đãi trong quán rượu. Tôi có trách móc, cần nắn thì Tâm hứa là sẽ chừa, nhưng rồi vẫn chứng nào tật nấy. Anh đã quá quen cái lối sống của những công tử con nhà giàu khi còn ở trên xứ Cao Miên! Tôi buồn, nhưng tự an ủi rằng Tâm còn trẻ nên thích ăn chơi, chắc vài năm nữa, khi có con cái rồi anh sẽ có trách nhiệm và lo lắng cho gia đình hơn. Nhưng rồi quân Bắc Việt ồ ạt tiến vào chiếm miền Nam. Chúng tôi may mắn theo dòng người chạy xuống tàu, thoát khỏi cái thành phố thân yêu, đang oằn oại dưới bánh xe của kẻ chiến thắng đang từ khắp nơi tiến vào tiếp thu.

Trong những ngày lênh đênh trên đại dương, tôi đã khóc hết nước mắt vì phải bỏ lại sau lưng cha mẹ, anh em. Rồi sẽ đi tới bến bờ nào? Sau đó làm gì để sống khi mà cả hai đều không có nghề nghiệp gì cả? Tâm an ủi tôi “Em đừng lo. Trời sinh voi sinh cỏ. Anh sẽ cố gắng làm bất cứ việc gì để nuôi em”. Nghe vậy tôi cũng yên tâm phần nào. Bây giờ tôi còn có ai ngoài Tâm? Nhất định là chúng tôi sống chết phải có nhau. Anh là tất cả của tôi. Không có anh tôi biết xoay sở thế nào? Số vốn ngoại ngữ của tôi thật ít ỏi!

Chỉ vài tuần ở Đảo Guam, chúng tôi được phái đoàn Canada nhận cho vào định cư tại tiểu bang Québec vì Tâm vốn học trường Pháp từ nhỏ. Chân ướt chân ráo đến thành phố Montréal, chúng tôi được Chính phủ cho đi học khóa Pháp văn sáu tháng, có tiền trợ cấp. Tại đây, chúng tôi quen được khá đông bạn bè người Việt. Nơi xứ lạ quê người, gần gũi với người đồng hương tôi cũng thấy âm áp, bớt cô độc và lo lắng hơn. Nhớ lại thuở đó, kinh tế xứ này còn phồn thịnh, công ăn việc làm đầy dẫy. Các chủ hãng thích mướn người Việt Nam, vì chúng ta cần cù lại không hay làm eo, làm sách đòi tăng lương... Tâm

tìm được chỗ làm khá vì khả năng sinh ngữ cao. Tôi chỉ làm làm nhàn, những công việc không đòi hỏi khả năng chuyên môn, chỉ cần sự khéo léo của đôi bàn tay.

Chúng tôi sống rất thoải mái. Tâm làm việc chăm chỉ, giỏi giang nên được cấp trên rất quý. Trong tuần đi làm, đến cuối tuần, khi thì vợ chồng tôi mời bạn tới nhà, khi thì chúng tôi đến nhà bạn, nấu nướng ăn nhậu với nhau. Tôi chấp nhận cuộc sống này dễ dàng, vì thấy suốt tuần vợ chồng cùng đi làm quần quật, chung quanh lại không có họ hàng thân thích, cuối tuần họp bạn cùng nhau ăn uống, cười đùa cũng là một cách thư giãn, cho đầu óc đỡ căng thẳng và cuộc sống cũng đỡ đơn điệu hơn.

Ít năm sau tôi có mang cháu Trung và sau khi sanh nở thì ở nhà nuôi con. Trong thời gian này Tâm đã về làm việc trong một hãng gỗ với mức lương khá cao. Tôi ở nhà trông con và nhận thêm ít đồ may do một chị bạn cung cấp. Giòng đời lặng lẽ trôi. Tôi tưởng rằng suốt đời mình sẽ cứ yên vui bên cạnh chồng con, chớ có ngờ đâu sóng gió đang âm thầm kéo tới! Hai cháu Trung và Trí đều là những đứa trẻ mạnh khỏe, dễ nuôi và thông minh. Thời gian sau này, các hãng may dần dần đóng cửa, vì hàng nhập từ các nước Á Châu quá rẻ so với hàng may nội địa, nên tôi không còn nhận đồ may thêm ở nhà. Vì vậy khi các cháu có thể tự lo được cho mình thì tôi muốn đi làm trở lại. Đúng lúc trong hãng gỗ đang cần người, nên tôi được may mắn sáng chiều đi làm cùng ông xã. Chúng tôi có cặp bạn thân thường qua lại với nhau và trong một bữa họp mặt tại nhà này, chúng tôi quen với một cặp vợ chồng mới, ông bà Dược sĩ Tùng. Cặp này cũng sần sần tuổi chúng tôi. Ông chồng coi tướng hiền lành, còn bà vợ thì miệng lưỡi ngọt sót. Với tài ăn nói khéo léo, duyên dáng của Tâm, chẳng mấy chốc hai cặp chúng tôi trở nên thân thiết. Nhất là ngày sinh

nhật của dược sĩ Tùng lại cùng ngày với cháu Trí, con trai nhỏ của chúng tôi. Những bọm nhậu thường nấu ăn rất ngon, Tâm, chồng tôi, cũng không ngoại lệ. Tài nấu ăn của anh tất cả bạn bè đều biết, nên cứ hay bị nhờ vả nấu món này, món nọ khi nhà họ có tiệc tùng. Sau này chúng tôi hay đến ăn nhà ông bà dược sĩ Tùng và họ đến nhà chúng tôi rất thường. Qua lời kể của một vài cái đài “ vô tuyến truyền miệng” tôi được biết, ngày xưa, ông Tùng từ quê lên Sài Gòn học y khoa. Gia đình không được khá giả nên vấn đề tài chánh của chàng thanh niên này rất eo hẹp. Chàng ta ăn cơm tháng tại một tiệm ăn gần chỗ trọ. Thấy chàng hiền lành, chăm học và nhất là cái tương lai đầy hứa hẹn, nên gia đình này, nhất là cô con gái đang ở lứa tuổi cập kê, đã hết sức giúp đỡ cho chàng ăn học thành tài. Ra trường rồi, để trả cái ơn cứu mạng, chàng đã cưới Hương làm vợ. Sau ngày mất nước, cũng chính gia đình này lo vàng cho Tùng vượt biên. Tùng may mắn đến được bến bờ tự do sau những ngày lênh đênh trên biển cả. Tùng đến Québec với hai bàn tay trắng và một quyết tâm mãnh liệt trở lại hành nghề. Đi làm bán thời gian để dồn hết sức lực học thi, cuối cùng chàng đã được nhận thực tập trong một dược phòng ở thành phố Québec. Đây là một thành phố tương đối nhỏ so với Montréal, nhưng êm đềm và ít người di dân. Mùa đông ở đây lạnh hơn Montréal, vì nằm về phía bắc. Trong Bệnh viện có một thiếu nữ Việt Nam độc thân làm việc. Sự cô đơn nơi xứ người, cộng thêm cái giá lạnh khắc nghiệt của mùa đông dễ làm cho người ta xích lại gần nhau hơn. Thời gian sau Mỹ đã trở thành người tình của Tùng, mặc dù nàng biết chàng đã có vợ trước khi vượt biên qua Canada và chàng cũng không dấu diếm chuyện bảo lãnh vợ khi có công ăn việc làm cố định.

Sau một năm thực tập và đậu bằng hành nghề, Tùng lên Montréal sinh sống, vì dù sao cộng đồng người Việt ở đây cũng đông hơn.

Tùng đi làm cho một Pharmacie lớn và làm đơn bảo lãnh Hương sang. Với số lương cao và người phối ngẫu là điều kiện dễ dàng nhất, nên chỉ một thời gian ngắn là Hương đã đặt chân xuống phi trường Dorval đoàn tụ với chồng. May mắn cho Tùng, Mỹ tuy yêu chàng thật tình nhưng là một người biết tự trọng nên khi nghe tin Hương sang, Mỹ đã tự động rút lui.

Năm sau Hương cho ra đời một thằng con trai kháu khinh. Dưới mắt mọi người đây là một cặp vợ chồng rất hạnh phúc. Danh vọng và tiền bạc họ đều có cả. Tùng là một dược sĩ làm việc chăm chỉ, tính tình hiền lành chơn chất. Hương có một sắc đẹp vừa phải, nhưng thân hình bốc lửa, tràn trề sức sống. Nàng còn được trời cho một giọng nói ngọt ngào, quyến rũ.

Thời gian hai nhà qua lại thân tình thì thằng con thứ hai của tôi cũng sà sà con của dược sĩ Tùng, nghĩa là chúng nó đang độ tuổi mới lớn, bắt đầu vỡ giọng. Tôi còn nhớ như in, cái ngày vợ chồng và thằng út của chúng tôi đến nhà Tùng- Hương ăn cơm tối. Tuy được mời, nhưng thường thì Tâm, chồng tôi, xắn tay áo lên nấu nướng và dĩ nhiên với sự phụ tá đắc lực của Hương, vợ ông Tùng. Họ cười nói thật vui vẻ, đôi khi như vô tình Hương đến sát bên chồng tôi, quàng tay ôm eo chàng một cách tự nhiên. Sau khi chứng kiến nhiều lần sự thân mật quá lố của bà này, tôi có lần nói gần nói xa với dược sĩ Tùng. Nhưng ông ấy chỉ thân nhiên nói với tôi rằng “ không có gì đâu, bà vợ tôi học trường dame nên tính tình tự nhiên lắm. Chị đừng thắc mắc”. Chồng người ta đã nói vậy, tôi còn nói được gì đây? Tôi đã từng nêu vấn đề này với Tâm, nhưng bị anh mắng cho là tôi ghen vợ vẩn. Tôi đã quen nhịn chồng nên sau đó cũng ráng nuốt con đau vô bụng! Cho tới một hôm Tâm đang trả lời điện thoại, thấy tôi trong phòng tắm đi ra thì Tâm có vẻ mặt tự nhiên, chào người bên kia rồi bỏ ống nghe xuống. Tôi hỏi ai thì Tâm nói “ ối thằng Hưng rủ anh

đi nhậu tối nay” và bắt qua chuyện khác. Đến tối, sau khi ăn cơm xong tôi vào phòng nằm xem phim bộ, Tâm xem truyền hình ngoài phòng khách. Điện thoại lại reo, lần này Tâm cũng trả lời nhưng nói rất nhỏ. Sinh nghi, tôi nhẹ nhàng nhắc ông nghe trên đầu giường, bàn tay bịt chặt trên điện thoại để Tâm không biết là có người nghe lén. Tôi rưng rờ khi nghe đầu giây bên kia tiếng của Hương ỏn ẻn:

-Ngày mai anh qua bên em đi. Em muốn anh dạy em nấu món bò kho mà anh nấu hôm thứ bảy nhà anh chị Lăng đó. Ngon tuyệt vời!

Tiếng chồng tôi trả lời:

-Nhưng anh không rảnh ngày mai.

Giọng Hương lại càng mong mỏi:

-Thì trong giờ làm việc anh chạy lại em chút xíu thôi mà.

Giọng Tâm ngập ngừng:

-Thôi để anh coi .

Tiếng Hương như reo vui:

-Vậy là anh hứa rồi nha. Mai em chờ đó và cúp phôn.

Suốt đêm hôm đó tôi không tài nào ngủ được. Như vậy là giữa “Họ” chắc chắn đã có gì rồi. Cái tâm sự ngổn ngang của tôi biết tỏ cùng ai đây? Ai tin tôi? Rồi một lần chúng tôi từ tiệm cậu em họ của Tâm về ghé nhà dược sĩ Tùng. Hai ông cùng chén chú chén anh quá khuya nên chúng tôi đành ngủ lại nhà họ. Tôi mệt nên xin phép đi ngủ trước. Hai giờ sáng đột nhiên thức giấc, không thấy Tùng bên cạnh, tôi ra phòng tắm dành cho khách ngoài hành lang định đi tiểu. Thấy đèn sáng bên trong tôi tưởng là Tùng đang tắm nên mở cửa đi vào. Cảnh tượng bên trong khiến tôi choáng váng, tưởng mình nằm mơ. Trên người Tâm chỉ có mỗi chiếc quần lót và Hương thì đang cầm chai eau de cologne xịt lên người chàng. Thấy tôi, Hương ngượng ngùng bước ra, không quên ném lại cho chồng tôi một cái nhìn ướt át. Tôi điếng người, gằn giọng hỏi hai người đang làm cái trò gì? Tâm kéo tôi trở vào phòng ngủ, nhỏ

giọng “Có gì đâu. Bà Hương chỉ đùa thôi mà”! Trời ơi! nửa đêm, một người đàn ông và một người đàn bà trong phòng tắm. Đùa giỡn ư? Họ chơi trò gì vậy? Trong khi chồng bà ta và tôi cũng đang hiện diện dưới một mái nhà. Họ điên rồi! Mặc tôi nói gì thì nói Tâm cũng khăng khăng bảo rằng giữa họ không có gì sai quấy. Tâm còn nói nếu họ “có gì bậy bạ” thì ông Tùng đâu có để yên. Nghe vậy tôi cũng an tâm phần nào. Nhưng từ đó Tâm hay vắng mặt bất chợt trong giờ làm việc và những người Việt Nam làm chung sở bắt đầu nhìn tôi với cặp mắt lạ. Đôi khi hai ba người đang nói chuyện, thấy tôi đi tới thì họ im bật. Tôi có hỏi họ đang nói gì thì họ lảng sang chuyện khác. Cho tới một hôm, trong giờ nghỉ giải lao thì Hạnh, người bạn thân nhất trong sở của tôi, ngập ngừng nói là tôi nên để ý đến hành vi của Tâm một chút. Bên ngoài có những lời đồn không tốt về chồng tôi. Tôi cứ lơ là có ngày sẽ mất chồng như bỡn. Tôi nghe tới đâu lòng rối bời tới đó. Nhưng một người đàn bà thế cô, không một người thân bên cạnh, quen phục tùng chồng như tôi thì còn biết làm sao bây giờ? Tôi buồn đến không muốn ăn uống gì cả. Đêm nằm trằn trọc, thao thức hoài không ngủ được. Người càng ngày càng gầy teo tóp. Vậy mà Tâm cũng đâu có để ý, vẫn cùng bạn bè nhậu nhẹt tinh bơ, không một lời han hỏi. Hai đứa con đều là con trai, chúng đâu có tí mĩ bằng con gái, nên tôi cũng không thể tâm sự để tìm sự an ủi nơi chúng được. Bạn bè cùng sở thì sợ Tâm nên không ai dám nói gì, hơn nữa tôi không có chứng cứ xác thực sự ngoại tình của Tâm, tôi lấy gì mà trách móc chàng đây?

Cho đến hôm sinh nhật cháu Trí, cũng là sinh nhật được sĩ Tùng, chính ông phen tới nhà gặp tôi để mời vợ chồng con cái chúng tôi sang nhà ông ấy làm sinh nhật chung. Nghe giọng nói vui vẻ của ông ta tôi đâm ra nghi ngờ mình, tự hỏi hay mình đã tưởng tượng quá lố? Thật ra giữa họ chả có chuyện

gì sai quấy. Nếu có gì, lẽ nào ông Tùng không hay biết? Mà đàn ông khi ghen thì phản ứng của họ ghê gớm lắm, giết người như chơi chớ đâu có vui vẻ như ông này? Cũng có thể lúc đó tôi đã tự đánh lừa mình, cố níu kéo chút hy vọng là mình đã đổ oan cho chồng, nên tôi vui vẻ nhận lời mời của ông Tùng.

Chỉ có hai gia đình ăn lễ sinh nhật với nhau. Hương cầm thức ăn từ một tiệm ăn Tàu rất nổi tiếng và một cái bánh sinh nhật thật to. Bà ta còn tặng cho cu Trí một chiếc đồng hồ Swatch rất đẹp. Thằng bé thích thú, ngắm nghía mãi không chán. Hôm đó là tối thứ bảy nên sau khi đã ăn bánh sinh nhật hai ông còn ngồi uống rượu tới khuya. Mấy đứa trẻ chơi game tới mười một giờ thì đòi đi ngủ. Tôi và Hương nói chuyện trời trăng mây nước tới mười một giờ cũng ngáp dài, vì bữa nay ăn đồ biển nên tôi có uống chút đỉnh rượu vang trắng. Hình như Hương uống tới hai ba ly. Tôi thấy mặt bà ta đỏ bừng, cặp mắt long lanh dưới ánh đèn và cặp môi mọng lên, ướt rượt. Chiếc áo mỏng tanh cô vuông để lộ khuôn ngực trắng ngần, căng tròn thật khêu gợi. Hương cười nói luôn miệng, để lộ hàm răng trắng ngà rất đẹp. Tôi nghĩ thầm mình mà là đàn ông chắc cũng phải mê mệt người đàn bà này. Trước khi đi ngủ, Hương đứng lên, vặn mình, ưỡn bộ ngực hấp dẫn về phía chồng tôi, cặp mắt khép hờ, chúc mọi người ngủ ngon. Tôi thấy cả người bà ta tỏa đầy sức hấp dẫn man dại. Tâm nhìn Hương, cặp mắt hơi dờ dẩn nhưng ông Bác sĩ Tùng thì cúi nhìn ly rượu đang cầm trên tay.

Đêm đó chắc nhờ rượu nên tôi ngủ được. Khoảng một giờ sáng, đang ngủ ngon tôi bỗng giật mình thức dậy, vì có cảm giác có người đang nhìn mình. Vừa mở mắt ra, tôi suýt rú lên vì khiếp đảm. Dưới ánh sáng mờ mờ hắt ra từ chiếc đèn nhỏ xíu gắn trên tường ngoài hành lang hắt vào, một bóng người trắng toát đứng bên cạnh giường của chúng tôi. Định thần nhìn kỹ thì trời ơi, hóa ra là Hương. Trên người bà ta chỉ trơn tru một

chiếc quần lót bằng đăng ten nhỏ xíu. Tôi không biết Hương đang ở trong trạng thái mộng du hay tỉnh táo, chỉ thấy bà ta đang nhìn chòng chọc vào chúng tôi. Không suy nghĩ, tôi chạy bay qua phòng ông Tùng, dĩ nhiên là cửa đang mở, lay ông ta dậy và nói cho ông ta biết bà vợ ông ta đang trần truồng đứng bên phòng của chúng tôi. Dược sĩ Tùng ngồi lên, đưa hai bàn tay vuốt mặt, thái độ cực kỳ mệt mỏi, chán chường. Không nói không rằng, ông ta đi qua phòng con trai, lay nó dậy bảo nó sang phòng chúng tôi gọi mẹ nó về. Tôi kinh ngạc đến cực điểm. Sao ông ta lại sai thằng con làm công chuyện này? Đây là chuyện của người lớn, sao lại để cho thằng bé thấy mẹ nó trong tình trạng quá sức tởm tệ như vậy? Ông ta cũng điên rồi chăng? Thay vì tự mình lôi mụ vợ lẳng lơ về đánh cho một trận, thì ông ta bảo thằng con qua gọi mẹ về, rồi lẳng lơ trở về phòng mình, xem như chẳng có chuyện gì xảy ra! Tôi đang nằm mơ chăng? Tôi chỉ mong mình đang nằm mơ. Nhưng hơi oi, sự thật đang phơi bày dưới mắt tôi. Tâm ngồi trên mép giường và Hương đứng trước mặt, hai tay ôm đầu chồng tôi. Thấy cảnh tượng cực kỳ chướng mắt này, thằng bé như nổi điên lên, chạy vào lôi mẹ nó ra, thẳng tay bóp vào khuôn mặt đờ đẫn một cái tát nảy lửa, rồi lôi tuột bà ta về phòng. Tôi nhìn Tâm, tức đến nghẹn lời. Anh chàng cúi đầu không nói gì cả. Nói gì khi mà sự việc xảy ra ngoài sức tưởng tượng của tôi. Nếu không có gì với Hương, tại sao lúc này anh ta không đẩy con hồ ly tinh đó ra mà ngồi im để nó ôm siết đầu, áp vào bộ ngực trần, mà tôi đoán là đang căng cứng. Đôi gian phu dâm phụ này không còn sợ trời sợ đất gì nữa. Đầu óc tôi như mụ đi vì đau đớn. Tôi lẳng lơ gọi hai đứa con thức dậy và thay quần áo. Thấy vậy Tâm cũng thay quần áo để ra về. Thấy bộ mặt thất thần của tôi và thái độ lảm lì của cha chúng, hai đứa nhỏ đoán là có chuyện quan trọng xảy ra nhưng không dám hỏi, chỉ ngồi

ngủ gà ngủ gật ở băng sau. Về tới nhà, tôi nhào lên giường khóc như mưa như gió. Tâm ngồi ngoài phòng khách, lấy thuốc ra hút và thức luôn tới sáng. Hôm sau, khi tôi ra ngoài thì Tâm đã rời khỏi nhà...

Bắt đầu từ hôm đó, Tâm ngủ luôn ngoài phòng khách, vì tôi không thể nào quên được cái hình ảnh người đàn bà dâm dật kia đang trần truồng ôm đầu chồng tôi, khi hai chúng tôi nằm chung giường. Tâm vắng nhà thường xuyên hơn, đôi khi về đến nhà khuya lơ khuya lác, nặc nồng mùi rượu. Chúng tôi nói chuyện qua hai đứa con. Chúng nó cũng buồn nhiều khi thấy bố mẹ như vậy. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra bên gia đình ông Tùng, vì tôi đã hoàn toàn cắt đứt quan hệ với họ.

Tâm càng ngày càng lạnh nhạt với tôi. Đón đầu chồng chất, tôi mất ăn mất ngủ và cuối cùng xin nghỉ việc vì lý do sức khỏe. Không phải túp người hoạt bát, có thể đem tâm sự của mình thổ lộ cùng bạn bè, tôi chỉ ôm nỗi khổ một mình, đón đau âm thầm. Tôi biết mình vẫn còn yêu chồng nhiều lắm. Vì ở nhà nên tôi chẳng cần sửa soạn, người ngợm cứ như con mẹ dại. Lúc đó tôi đâu hiểu rằng mình đã vô tình đẩy chồng càng ngày càng đi xa. Cho đến một ngày, một ngày mà tôi nghĩ là đau đớn nhất trong cuộc đời của tôi. Tâm từ sở về, lúc đó tôi đang nấu cơm chiều, đi thẳng vào bếp nói với tôi:

-Anh có chuyện này muốn nói với em.

Tôi ngạc nhiên bảo:

-Anh đợi ăn cơm xong hãy nói, em đang dở tay.

Nhưng Tâm cương quyết:

-Không, anh cần nói ngay.

Sau này tôi hiểu rằng nếu không nói ngay anh sẽ mất hết can đảm.

Tôi tắt bếp rồi ngồi xuống bàn ăn, chờ đợi. Tâm nhìn vào hai bàn tay mình đang xoắn vào nhau để trên bàn, hít một hơi dài rồi nói:

-Anh muốn chúng mình ly dị. Anh sẽ chu cấp cho mẹ con em đầy đủ.

Nói xong, Tâm ngẩng lên nhìn tôi, dò xét. Đầu óc mụ mẫm, tôi chỉ còn sức lấp bắp:

-Tại sao? Em đã làm lỗi gì?

Tâm thở dài, giọng chùng xuống:

-Không phải lỗi em mà là lỗi tại anh. Anh biết mình là một người chồng xấu. Anh không chăm sóc em và các con đang hoang. Nhưng bây giờ anh không thể nào quay ngược lại được nữa. Anh không thể nào sống thiếu Hương.

Tôi nhìn thẳng vào mắt Tâm:

-Họ cũng ly dị chứ?

Tâm nhìn đi nơi khác:

-Không. Họ vẫn ở với nhau như trước.

Tôi tưởng mình nghe lầm:

-Anh nói sao? Ông Tùng có biết chuyện các người...? Tôi bật cười khan, không giấu được sự ngạc nhiên lẫn khinh bỉ:

-Nhưng ông ta làm nơ để các người tự do đi lại với nhau?

Tâm gật đầu:

-Phải. Chuyện giản dị thôi. Từ vài năm nay ông ấy không thể...

Tới đây thì tôi hiểu:

-Ông ta không thể thỏa mãn xác thịt con dâm phụ đó chứ gì?

Tâm quắc mắt:

-Em không được si nhục cô ấy.

Mắt tôi cũng toé lửa. Con giun xéo lấm cũng oằn:

-Đùng lên giọng với tôi. Bây giờ trong mắt tôi anh chỉ là một thằng điếm đực chứ có hay ho gì!

Tâm đứng phắt lên, gơ tay định tát tôi, nhưng nghĩ lại vớ ly nước trên bàn, thẳng tay ném mạnh xuống sàn bể tan tành, rồi hùng hổ đi ra cửa, sau khi ném lại một câu:

-Tôi hy vọng em không làm khó dễ tôi...

Còn lại một mình, tôi ngồi phịch xuống ghế, ôm mặt khóc nức nở. Vậy là xong. Tình chồng nghĩa vợ bao nhiêu năm qua đã bị con dâm phụ kia xóa sạch. Mà cũng phải thôi. Giữa một người đàn bà đẹp khêu gợi, nói năng

ngọt ngào, chải chuốt thơm tho và một kẻ xơ xác, người không ra người, ngợm không ra ngợm như tôi, thử hỏi một người đàn ông bình thường sẽ chọn ai? Huống chi chồng tôi lại có giòng máu chơi bời, nhậu nhẹt đang luân lưu trong huyết quản!

Sau bao ngày vật vã đón đau và nguyên rủa người chồng bất nhân là Tâm, người chồng bất lực là được sĩ Tùng, kẻ đã vì lòng ích kỷ, không muốn mang tiếng ly dị mà âm thầm chịu đựng, nhắm mắt cho vợ mình đi ngủ với người đàn ông khác. Tôi căm thù Hương, con người trác nết, để thỏa mãn sự đòi hỏi của xác thịt mà đành đoạn cướp chồng người, cuối cùng tôi cũng đành phải đặt bút ký tên vào tờ giấy xin ly dị của Tâm. Ai giữ được kẻ muốn ra đi? Tôi không chịu nổi cái cảnh tiếp tục sống trong cái địa ngục như những ngày tháng vừa qua. Tôi muốn tự giải thoát cho đời mình. Các con tôi cũng hệt hẳng một thời gian, nhưng mẹ con tôi cố đùm bọc nhau mà tiếp tục sống. Tôi phải ngẩng đầu lên mà sống.

Tiền cấp dưỡng của Tâm làm sao đủ được khi mà các con tôi càng ngày càng lớn, càng có nhiều nhu cầu hơn. Vậy là tôi phải đi kiếm việc làm thêm. May mà tôi tìm được một chân phụ bếp trong một tiệm ăn Tàu khá nổi tiếng. Công việc rất bận rộn. Làm mười bốn tiếng đồng hồ một ngày cũng gian nan lắm, nhưng tôi chỉ làm bốn ngày một tuần. Tôi định làm ít lâu, dành dụm được chút tiền là sẽ xin chính phủ đi học một nghề nào đó để nuôi thân. Các con tôi khi lớn lên sẽ có gia đình riêng. Tôi phải tự lo cho bản thân mình. Đàn ông đối với tôi bây giờ là một cái gì rất đáng sợ, đáng khinh bỉ, tránh càng xa càng tốt. Nghĩ đi nghĩ lại, trên một khía cạnh nào đó, tôi cũng phải cảm ơn được sĩ Tùng. Nhờ ông ta mà tôi nhìn rõ con người của Tâm. Trước sau gì chồng tôi cũng chỉ là một gã ham mê rượu chè đàn đúm. Anh ta không mê

vợ được sĩ Tùng, thì rồi trước sau gì cũng sẽ bị sập vào một chiếc bẫy khác. Thôi thì anh ta bỏ tôi trong lúc tôi còn đủ sức lo cho mình, còn tốt cho tôi hơn. Một ngày nào đó tôi cũng sẽ nguôi ngoai, sẽ quên đi nỗi đớn đau vừa qua. Nước có ngừng chảy và trái đất có ngừng quay đâu nhỉ? Mỗi sinh vật trên quả địa cầu này đều có nỗi khổ riêng. Cuộc đời là một bể khổ mênh mông. Tôi cũng chỉ là một chiếc lá nhỏ nhoi trôi nổi giữa giòng. Phải có phần đâu để không bị giòng nước nghiệt ngã nhận chìm. Cho tôi và cho các con của mình. Tôi cầu nguyện đức Phật Bà hằng đêm cho mình thêm nhiều nghị lực và đủ từ tâm để tha thứ cho những kẻ đã khiến cho gia đình tôi tan nát, con tôi mất cha và tôi mất chồng.

Tôi viết lên những giòng tâm sự này để lòng mình được nhẹ nhàng và ước mong những người trong cuộc hãy để chút thì giờ suy nghĩ. Một chút thôi. Các người ơi, các người không thấy rằng cuộc đời thật ngắn ngủi lắm sao? Ngụp lặn mãi trong giòng sông mê muội, khi muốn quay đầu lại thì bờ bên đã mịt mờ xa và sự chờ đợi mỗi mòn cũng khiến con tim tổn thương trở nên băng giá! Sắc đẹp dù rực rỡ đến đâu cũng không tồn tại mãi. Đam mê chất ngất đến đâu rồi cũng lụi tàn. Chỉ có cái tình, cái nghĩa là tồn tại với thời gian. Nhớ nhé, hồi hai con người đã làm đời tôi tan tác như chiếc lá trong cơn phong ba bão táp của cuộc đời!

Tiểu Thu
(Canada)

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

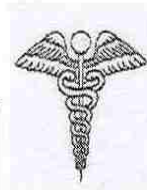
Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

CON RỂ

Diễn Châu Cát Đơn Sa

- Mẹ, con có chuyện này muốn nói riêng với mẹ.

Bà Thìn nhìn con, đưa con gái xinh đẹp và ngoan ngoãn của bà. Chẳng những thế, nó còn học giỏi nổi tiếng trong trường.

Năm nay là năm cuối, còn 1 tháng nữa Anna sẽ học xong. Cô đỗ đạt cao, được đại diện các bạn cùng khoá học đọc diễn văn trước thầy cô, bạn bè và công chúng. Còn hãnh diện nào hơn cho bằng?

- Sao con, có chuyện gì?

Anna ngập ngừng một chút rồi mở lời:

- Con muốn sau khi con tốt nghiệp, sẽ đưa bạn trai về nhà giới thiệu với ba mẹ.

Bà Thìn trở mặt nhìn con:

- Úa! Con có bạn trai rồi à? Khi nào? Sao ba mẹ không ai biết cả vậy! Bạn trai con làm gì? Con cái nhà ai?

Bà Thìn hỏi một tăng làm cho Anna bối rối. Cô biết khi mở lời, chắc chắn thế nào ba mẹ cũng phản đối, nhất là mẹ!

- Bạn con gia đình bình thường thôi, tụi con quen nhau khoảng một năm nay.

Cặp mắt của bà Thìn nhíu lại làm cho Anna cảm thấy bất an.

- Ảnh qua Mỹ mới bốn năm.

- Cái gì? Qua Mỹ bốn năm? rồi học hành ra sao? Nó đang làm gì?

Tiếng của bà mẹ đầy kinh ngạc vang lên.

Anna lấy hết can đảm, nói thật:

- Ảnh đang làm "nail" (móng tay) mẹ à!

- Làm nail? Chủ tiệm nail?

Anna lắc đầu nhè nhẹ:

- Không, ảnh làm thợ!

Ngay lập tức, bà Thìn tru tréo:

- Trời ơi, mày có điên không? Ăn học bằng cấp như vậy mà đi quen một thằng làm "nail"? Tao tưởng đẹp và giỏi nhất nhà như mày phải quen đại gia hay người khoa bảng,

nào ngờ ung thăng ngồi dưa nail! Thật là nhục nhã cho ba mẹ mày quá!

Nghe mẹ la làng, Anna cảm thấy bất nhẫn và bực tức trong lòng.

Lâu nay, phải nói từ nhỏ tới lớn, lúc nào cô cũng nghe lời ba mẹ chăm học, ngoan ngoãn, hiếu thảo hơn tất cả những chị em trong nhà. Vậy mà giờ đây mới nghe cô tâm sự, mẹ cô đã la ó, không thông cảm chút nào!

Nghĩ đến Vĩnh, Anna thấy lòng mình dịu xuống. Cô nhìn mẹ:

- Ảnh qua trẻ nên đang đi học lại, trong lúc chờ đợi thì làm nail cho có tiền, có gì đâu mà mẹ la dữ vậy!

Nghe con biện bạch, bà Thìn càng tức hơn. Bà giận quá. Một người con gái đẹp, tương lai rực rỡ đang chờ đợi, lại đi ung một thằng chẳng ra gì!

- Thôi thôi, cô đừng có nói nữa, tôi không muốn nghe. Khôn hôn thì bỏ nó đi, nếu không sau này đừng có mang mặt méo về nhà than thở i ôi!

Mẹ bỏ ra ngoài, nhất quyết không chấp nhận sự thật bẽ bàng mà con gái mới khai ra. Anna nhìn theo buồn rầu.

"Sao mẹ của mấy đứa bạn mình hay âu yếm, thủ thi, khuyên can hay tán đồng với chúng nó trong bất cứ chuyện gì. Còn mẹ mình lúc nào cũng nổi sùng, cũng la ó và không chịu trầm tĩnh, suy nghĩ."

Nhưng thôi, mẹ không đồng ý thì đừng mong đến sự thông cảm của ba và mấy chị em trong nhà. Vậy thì từ nay ráng mà giữ hồn!

Ngay đến chuyện Vĩnh còn thua cô hai tuổi, mẹ mà biết điều này chắc sẽ nổi sùng hơn! Tốt hơn hết là đừng nói!

Đi lên phòng, Anna gặp Jane, cô em út ngay câu thang:

- Chị mới chọc giận mẹ à?

Anna lắc đầu:

- Đầu có, chị chỉ nói chuyện thôi.

Jane dò xét:

- Chuyện gì mà mẹ giận la to vậy?

- Chuyện riêng, chẳng có gì.

- Chị không nói nhưng em cũng nghe hết rồi. Em thấy mẹ đúng. Chị là một chuyên gia tài chính giỏi trong tương lai, chưa ra trường

mà có hăng muốn muốn hơn trăm ngàn một năm, lại đi ung một ông dũa nail mới qua! Làm sao mà ăn ý nổi?

- Bước đầu thì ai chẳng vậy?

- Nhưng quanh chị có nhiều anh chàng hào hoa, trí thức, giàu có theo, tại sao không chăm người ta, mà lại cặp với ông thần này? Nguyên do gì?

Jane nói đúng, công nhận ở trường, Anna có nhiều chàng trí thức vây quanh; kể cả ông phó viện trưởng người Mỹ, độc thân chưa vợ, nhìn lúc nào cũng toát ra vẻ sang trọng, lịch lãm, rất sẵn đón, thường tặng hoa cho cô vào những dịp sinh nhật, lễ Tết.

Nhưng đồng thời, Anna cũng thấy chung quanh ông ta, thì không thiếu những bóng hồng ngưỡng phục, từ các cô sinh viên cho đến những cô làm việc văn phòng bấp bưng; dĩ nhiên là bọn họ không bao giờ thích giao thiệp với Anna, chỉ vì trái tim của ông dành riêng cho cô!

Mặc dù đối với ông, cũng như với những chàng trai thích mình, lúc nào Anna cũng giữ sự vui vẻ có mức độ. Nhưng... "chúng ghét thì vẫn ghét". Ở đời, chỉ cần đẹp hơn các bạn, học giỏi hơn, hay ngoan ngoãn hơn, cũng là cái gai dưới mắt người khác!

- Chẳng có nguyên do gì, khi người ta yêu thích nhau, cũng vì hợp nhãn, hợp tính tình; như bao người khác, bình thường vậy thôi!

Trả lời cho cô em, vào phòng thì Anna lại phải đối diện sự bất bẽ của bà chị cả tên Trang. Bà này thì vốn không ưa Anna từ lâu, khi thấy em hơn hẳn mình về nhan sắc, tính tình và cả học vấn!

Trang không ở đây vì đã có chồng. Chồng Trang là kỹ sư điện, con nhà giàu. Chỉ hai điều này cũng làm cho ba mẹ mát mặt.

Sau khi cưới, có nhà mới nhưng Trang vẫn thường hay đến chơi nhà ba mẹ. Mỗi lần đến, Trang đều đi tay không nhưng lúc về, thì tay xách nách mang nặng nề, nhất là đồ ăn. Mẹ đã chịu khó nấu nhiều món cho chị mang về ăn dần!

Với mẹ, Trang biết cách nịnh nọt lấy lòng bà. Cho nên dù biết Anna là đứa con ngoan, nhưng mẹ vẫn thích cô con cả.

Một hôm, dì Tám, em mẹ, ghé qua thăm, hỏi:

- Trong ba đứa con gái, chị thương đứa nào nhất?

Mẹ ngần ngại đáp:

- Nhà này con Jane thì cứng đầu cứng cổ, hay cãi còn con Anna thì ngoan, nhưng ít nói; chỉ có con Trang là biết điều hơn cả.

- Như vậy là chị thương con Trang nhất chứ gì?

Dì Tám vắn vẹo. Mẹ đành trả lời:

- Thì chắc vậy. Con Trang nó nói chuyện không làm mình lên cơn tức. Còn hai con kia, một con hay cãi, một con thì im như thóc nhưng mỗi khi có chuyện gì, là nó phát ngôn làm cho mình lên ruột, bực không chịu được!

- Theo tui thấy, thì con Anna nó được người, được nét đấy chứ!

- Ủ. nhưng cứng đầu ra phết. Nó không nói, nhưng cũng không phải là dễ nghe theo lời ai đâu.

Nghe câu này ngẫm lại, mẹ nói đúng! Jane như con ngựa non háu đá, còn Anna, nhìn vậy nhưng bây giờ đã bắt đầu đi theo đường hướng riêng của cô rồi.

Rồi mẹ kể cho dì Tám nghe chuyện tình của Anna. Mẹ chép miệng:

- Thiệt là "sinh con ai nở sinh lòng".

Dì Tám lắc đầu:

- Cái gì? chị phải nói là:

"Gái phải lòng trai *đem của về nhà*,

Trai phải lòng gái *lăn cả cột nhà mang đi*".

như vậy là chị có lời rồi! Nó sẽ lăn cả cột nhà mang qua cho chị!

Bà Thìn chua chát:

- Lời đâu không thấy! nghe nói nhà thằng đó mới qua, chẳng biết có đủ ăn? trong khi con mình ra trường làm bà nọ bà kia, lương hơn cả trăm ngàn đồng một năm, còn thằng đó ngồi "cong đít" dũa neo! Đản ông mà đi ôm chân, ôm cẳng đản bà. Chẳng biết làm được mấy đồng với thời buổi kinh tế khó khăn này?

- Chị cứ nói vậy! Tạm thời nó làm nail để có tiền đi học, là cũng tốt lắm rồi. Mai sau học xong thì cũng về vang như ai. Bây giờ nhiều người bỏ cả bằng cấp kỹ sư kỹ siéc, để đi mở tiệm nail thì sao?

- Mấy người đó họ tính kinh doanh, bỏ tiền ra là để đầu vào nhiều hơn, chứ không phải làm nail từ trứng nước.

Di Tám xoa dịu:

- Thôi mà, dù sao thì thằng Chu nhìn cũng cao lớn, đẹp trai.

Mẹ tò mò:

- Sao? đi gặp nó rồi à?

- Còn phải nói, đẹp trai như một người mẫu! Lại hiền lành và thật thà.

Môi mẹ trề ra:

- Đẹp trai mà hiền lành thật thà, hơi hiếm đó! Đi gặp ở đâu mà rành vậy? con Anna nó giấu tui, không bao giờ dám dẫn thằng đó về đây!

- Dẫn về đây cho chị chửi người ta à!

Mẹ cau mặt:

- Ai lại thế? dù sao cũng phải giữ lịch sự chứ!

- Chắc không đó? tui thấy nhiều lần chị mà lên cơn tức, thì chị chửi tùm lum, làm tui nó đau lòng!

- Mà tui hỏi đi gặp tui nó ở đâu?

Đưa tay vén mớ tóc, Di Tám mơ màng:

- Cách đây hai ngày, tui đi shopping, gặp hai đứa dung dăng, dung dè trong đó. Thấy tui, thằng Chu khoanh tay chào bằng tiếng Việt, rất rõ ràng: "thưa dì".

- Cái gì? bộ nó không phải Việt Nam à?

- Chắc vậy, hình như lai hay sao đó. Ba nó là người Việt, nhưng má lại là người Cam Bốt. nên trong nhà nói tiếng Campuchia không, vì ba tui nó cứ đi lính đóng ở xa.

- Tui Campuchia ác lắm, khi xưa chuyên môn "cấp duồn" người Việt mình!

Lời của bà Thìn cho biết rằng bà đang:

*"Thương nhau thương cả đường đi,
ghét nhau ghét cả tông ty họ hàng".*

- Chuyện xưa như trái đất, ăn nhập gì đến tui nó mà ba nó cũng là Việt Nam, cưới má nó đâu có sao!

- Trường là lai gì, ai dè lai Miên!

- Nhưng thằng này tướng đẹp lắm đó chị! Nhìn còn ăn đứt mấy thằng con lai hay người mẫu khác.

- Đẹp mà dũa "nail" thì cũng chẳng hơn ai! Tui nhưt định cầm, không cho hai đứa nó cặp nhau. Cái con Anna này thiệt! Nhiều khi

nó làm tui tức chết người! Còn đi nữa, ở đó mà cứ về phe nó, cho nó lòn!

Ngày Anna ra trường, ông bà Thìn phản đối trầm trọng bằng cách không tham dự khi biết có mặt "thằng lai Miên" cũng đến. Chẳng những thế, ông bà còn kéo theo gia đình cô chị cả không đi.

Chỉ có con Út Jane là tham dự vì nó nhưt định gặp mặt người tình "Mai Liên" (Miên lai) của chị, xem anh ta coi có giống người mẫu hay không, mà đi Tám ca ngợi quá!

Việc này làm cho Anna lo lắng và đau lòng! Không ngờ ba mẹ quá khắt khe với con cái đến như vậy! Anna không thể báo Vĩnh đừng có đi. Đây là ngày mà hai đứa mong chờ nhưt lâu nay.

Vĩnh cầm tấm bằng danh dự của Anna vừa trao cho coi, ôm trước ngực với vẻ sung sướng, cảm động muốn khóc.

Rồi những dự tính làm tiệc lớn đãi bà con họ hàng ngày Anna ra trường ba mẹ cũng dẹp bỏ. Ngay cả khi Anna xin ba mẹ đưa Vĩnh về nhà chào cũng không được! Chẳng những thế, mẹ lại còn chửi Vĩnh và gia đình chàng không tiếc lời!

Anna đi làm. Viện cố sở xa nhà, cô dọn ra thuê phòng ở ngoài, gần sở làm. Mục đích là không bị ba mẹ giận dữ những khi chạm mặt rất khó chịu, và cô cùng người tình có thể đến gần nhau mà không bị ai mĩa mai, cản trở. Cho dù Vĩnh đã ngăn cản cô đừng làm cho ba mẹ giận, lại còn đề nghị hai đứa chia tay nhưng Anna thấy không thể nghe lời chàng được.

Sau đó, vì Anna làm việc quá bận rộn, cũng như sự mong muốn của cô, Vĩnh đành phải dọn vào ở chung với cô, để có thể tiếp tay lo lắng cho người tình.

Vì là nhân viên mới, Anna cố gắng tìm tòi, làm việc hết sức mình, mong cho cấp trên nể phục. Cô còn lấy lớp chuyên môn để học thêm vào buổi tối. Do đó, Vĩnh đi làm về lúc năm giờ, là vội nấu cơm nước xong xuôi, rồi mới đi học lớp tối.

Cả hai về nhà khoảng 10 giờ đêm. Khi đó, họ mới ngồi ăn cơm với nhau, kể cho nhau nghe những chuyện trong ngày, cùng nhau dọn dẹp, và lên giường lúc nửa đêm.

Vì sự dè bĩu của ba mẹ, Anna đã cùng Vĩnh đi Las Vegas làm đám cưới. Họ chỉ mời một cặp phụ dâu rể đi theo làm chứng, cùng vui chơi với nhau. Quan trọng là mảnh giấy hôn thú họ có. Anna hy vọng rằng, một thời gian vài năm nữa, khi Vĩnh học xong về ngành Thuế Vụ, ra trường đi làm là hai vợ chồng có tiền, sống hạnh phúc bên nhau, về xin lỗi để ba mẹ không còn trách móc nữa.

Phải nói rằng trong thời gian đầu chung sống, cả hai đều quá cơ cực, nhất là lúc Anna mang bầu ngoài ý muốn. Vĩnh luôn luôn bên cạnh những khi Anna cần. Chàng an ủi, xoa dịu Anna khi cô mệt mỏi, hay bực mình vì công việc khó khăn ở sở.

Một đôi lần, Anna gọi về nhà cho ba mẹ, nhưng bà Thìn cứ nghe giọng của cô, là bà thường trả lời nhát gừng, không mấy hứng thú. Do đó, Anna rất ngại khi phôn về hỏi thăm ba mẹ và chị em.

Không ngờ có bầu được sáu tháng, Anna bị ra máu. Đi bác sĩ, thì cô bị bắt buộc phải nằm một chỗ trong nhiều ngày, không được làm gì hết, nếu không thì thai nhi sẽ hư.

Xin sở làm nghỉ không lương, Anna nằm nhà mà lòng không yên. Một mình chồng cô đi làm tiền không đủ tiêu, chưa nói là sau khi sanh em bé, lại sinh đôi thì cả trăm thứ cần đến. Nhưng tình huống thế này, biết phải làm sao?

Vĩnh ngồi bên cô, trầm giọng an ủi:

- Đùng lo, em cứ nghỉ ngơi, anh sẽ làm thêm buổi tối!

- Tối nào, anh phải đi học cơ mà.

- Không, anh làm ca khuya.

- Làm gì?

- Làm "security", gác hăng cho người ta, từ 12 giờ đêm cho đến 8 giờ sáng.

Anna la lên:

- Không được! rồi anh ngủ giờ nào?

- Đi học về anh ngủ một chút, buổi sáng đi gác về anh ngủ thêm mấy tiếng.

Cho dù Anna không chịu, Vĩnh vẫn tình nguyện đi làm. Vĩnh thấy tình trạng tài chính trong nhà vậy cũng lo.

Nhưng đúng như Anna đoán, Vĩnh bị kiệt sức khi không ngủ đủ! lái xe xem tông vào người khác mấy lần vì ngủ gục, trong người như muốn bịnh. Sau đó chàng quyết định nghỉ học một thời gian, chờ khi nào Anna sanh con xong hãy hay.

Nhờ vậy mà đỡ lo vấn đề tiền bạc.

Nhưng không phải Vĩnh làm nail ban ngày mà được yên thân! Bởi từ khi Vĩnh sống với Anna, thì bà chủ tiệm, người có tình ý với Vĩnh trước đó ghét cay ghét đắng. Mỗi khi nghe Vĩnh gọi phôn về hỏi thăm sức khoẻ của vợ, là bà điên tiết lên.

Bà chủ tiệm nail hơn Vĩnh mười lăm tuổi, nhưng nhìn còn hấp dẫn và sửa soạn rất đẹp. Bà thương anh chàng trẻ tuổi đẹp trai có chí khí này từ lâu. Bà nghĩ trước sau gì Vĩnh cũng phục tùng mà chịu bà nhưng không ngờ Vĩnh lại gặp Anna, rồi yêu thương cô này mê mết!

Bây giờ chúng nó ván đã đóng thuyền, bà muốn tông cô Vĩnh đi, không muốn thấy mặt nữa. Càng thấy càng bực mình!

Vĩnh bị đuổi, nhưng không dám nói cho vợ nghe, sợ Anna lo lắng rồi xúc động, không tốt cho cái thai!

Đi kiếm việc nail khác cũng không phải là dễ. Muốn lương kha khá, thì phải đi xuyên bang mà Vĩnh đâu muốn Anna ở nhà một mình lúc này!

Ngày nào cũng giả vờ mặc áo đi làm, nhưng thực ra Vĩnh đi kiếm việc làm. Sau cùng, gặp việc gì Vĩnh cũng không chê. Vĩnh nhập vào nhóm đi cắt cỏ, làm vườn do một người quen cầm đầu, lương cũng tương tự như làm nail, nhưng cực nhọc và ăn mặc dơ dáy!

- Trời ơi, sao người anh đây mô hôi, tóc tai ướt hết thế này?

Dù đã thay quần áo trước khi về nhà, Vĩnh cũng bị Anna kêu lên mấy lần như thế!

- Đạo này em thấy anh đen quá! Bộ anh đang nắng hả?

Vĩnh chối phất, không muốn cho Anna phải lo vì mình. Nhưng rồi một thời gian sau

cô cũng biết, khi cô bắt gặp chồng mình thay quần áo trong nhà xe!

Từ khi biết chuyện, Anna đã ôm lấy Vĩnh âm thầm ứa nước mắt vì thương chồng. Vĩnh hy sinh cho mẹ con cô nhiều quá. Chàng chịu thương chịu khó mà không hề than thở tiếng nào. Phải chi mình đừng bị yêu thai, thì tương lai của chồng đâu có bị gián đoạn!

Anna buồn nhưng không dám u sầu quá, vì bác sĩ đã dặn rằng phải nghỉ ngơi, không được lo lắng việc gì! Vĩnh thì cố làm cho cô vui bằng những câu:

- Anh bây giờ biết làm hệ thống ống nước trong vườn rồi. Mai một mình có nhà, anh sẽ tự bắt lấy cho em coi.

- Công nhận làm việc ngoài vườn có nắng, có gió làm cho mình khoẻ mạnh hơn là ngồi trong tiệm nail; nhiều khi hóa chất làm anh nhưc đầu!

Anna an ủi chồng:

- Thôi, bây giờ mình đang thể kệt, anh chịu khó nhé. Khi nào em sanh xong đi làm lại, thì anh không cần phải đi làm nữa, chỉ đi học "full time" thôi, nha anh.

- Em cứ nghĩ ngơi cho em bé khoẻ, mọi việc có anh lo, chuyện đó tính sau.

Từ đó, cứ đi làm cô về là Vĩnh tắm rửa, sau khi bắc nồi cơm, dọn mấy món ăn mua sẵn ngoài chợ. Ăn cơm xong, chàng ngủ một giấc từ sáu giờ chiều đến gần 12 giờ đêm thức dậy đi làm.

ooo

Cuộc đời cứ thế trôi qua. Mới đó mà đã năm năm. Bây giờ Vĩnh và Anna không còn khổ vì tiền như thời trước nữa. Hai vợ chồng mới mua được căn nhà nhỏ nhỏ ba phòng, nhưng có mảnh sân rộng đằng sau thoáng mát, cho gia đình trồng hoa trái.

Anna sinh đôi, có hai đứa con trai bụ bẫm. Chỉ ba tuần sau là cô đã đi làm lại. Còn Vĩnh, càng ngày càng thích nghề làm vườn. Vĩnh chịu khó học nghề trong thời gian dài. Sau khi vợ sanh cho dù Anna đã đi làm lại có lợi tức, cô khuyến khích chồng nghỉ việc để học tiếp, nhưng Vĩnh không ưng.

Vĩnh năn nỉ vợ cứ để cho chàng học nghề làm vườn. Sau đó, Vĩnh đã có một công ty

riêng, mua lại của chính người bạn mà Vĩnh làm lúc trước, khi anh bạn đi chuyên đi tiêu bang khác.

Lúc hai đứa con dễ thương ra đời, cũng là dịp cầu để ba mẹ đã chịu chấp nhận chàng rể Miền lai. Dù sao thì mẹ cũng thấy Vĩnh là một người chồng tốt.

Lúc trước, khi chē Vĩnh, ba mẹ thích Anna lấy chồng như Trang, cô chị cả trong nhà. Nhưng không ngờ sau này, chồng Trang nghe lời rủ rē của bạn bè, đi đèn sòng bài chơi bời, quen với mấy cô trong đó, hay bỏ nhà đi hoang những ngày cuối tuần, tiền bạc thì hăn lén lấy ra một lần mấy ngàn, càng chơi càng thua.

Nhiều lần vợ chồng Trang gây lộn, thì Trang lại bị ăn đòn. Hàng xóm nghe tiếng la hét, kêu cảnh sát đến nhà như cơm bữa!

Nhìn cảnh của Trang, bà Thìn nghĩ lại về Anna và Vĩnh lòng đầy hối hận. Sự kỳ thị và khinh miệt người nghèo khiến cho bà coi thường và ghét Vĩnh, chứ thật sự Vĩnh không hề làm gì để mất lòng ông bà cả!

Ngày Anna lâm bồn, Vĩnh đã mạnh dạn gọi báo tin cho mẹ vợ biết. Dù sao thì bà cũng là mẹ của vợ chàng, cũng thương con thương cháu, tuy không nói ra!

Nhận điện thoại, ngay lập tức bà Thìn chạy đến bệnh viện, và mẹ con hòa lại từ đó.

Chứng kiến sự lo lắng thương yêu của đôi vợ chồng trẻ, bà Thìn hối hận vì ngày trước đã chửi và chē Vĩnh kịch liệt!

Thật vậy, nhìn hoạt cảnh trước mắt, thì không thể nói được ai là người chân thật, đàng hoàng, ai là người bê bối, xảo trá!

Đây là kinh nghiệm bà Thìn có được. Bà nguyện rằng từ nay bà không bao giờ phê phán ai nữa. Bà không thể biết được sự thay đổi của con người!

Trong nhà bà còn cô Út Sandy vẫn chưa chịu lấy chồng. Con nhỏ này nay quen người này mai quen người khác, ai nó cũng nói là bạn.

Khi trước, bà Thìn hay nói con phải lấy chồng, nay thì bà quan niệm khác. Bà nhìn gương của cô Cả Trang. Lấy chồng chưa chắc sung sướng cuộc đời. Nhiều khi nó đang vui vẻ độc thân, bắt nó lấy chồng rủi gặp anh chồng cả

chón thì cuộc đời khổ sở, lúc đó bà càng khổ hơn! Vừa khổ vừa hối hận!

Nhiều người bạn thấy Anna ngày càng làm lớn trong hãng, cô chỉ huy một dàn làm việc dưới quyền, toàn là kỹ sư, khoảng ba chục người. Cô ăn nói lưu loát, quyền hành, có người hỏi giỡn chơi rằng:

- Nếu bây giờ có một đại gia nào thích, muốn lấy bỏ, thì bỏ có bỏ chồng để theo họ không?

Anna nhìn Vĩnh ở ngoài vườn, chàng đang cắm cúi đào một cái lỗ để trồng cây táo mới mua, tươi cười lắc đầu:

- Hạnh phúc không phải là tiền, là sự giàu có hay đại gia gì hết. Ngày xưa tôi thương anh ấy, không ai tán thành nhưng tôi biết anh ấy là người tốt, lo lắng cho tôi. Có thương yêu, tình nghĩa thì mới sống đời với nhau, mới thực sự hạnh phúc. Bây giờ mình đang có hạnh phúc, tại sao lại phải thả mỗi bắt bóng?

Cô bạn nghe Anna trả lời rất lấy làm ngưỡng phục. Lúc ấy, Vĩnh đã trồng cây xong, chạy vào bếp kêu vợ:

- Em ơi, anh mới trồng xong cây bom Fuji cho em và hai thằng cu rồi. Vài năm nữa có trái tha hồ ăn.

Anna nhìn chồng, thấy Vĩnh cao lớn, đẹp trai và coi hùng tráng hơn trước, vẫn mái tóc bông bênh cũng như nụ cười tươi mà cô thích từ đầu. Cô thấy hạnh diện khi có người chồng như vậy.

- Anh Vĩnh nhiều tài lắm nghe bỏ, anh ca cải lương số một đó.

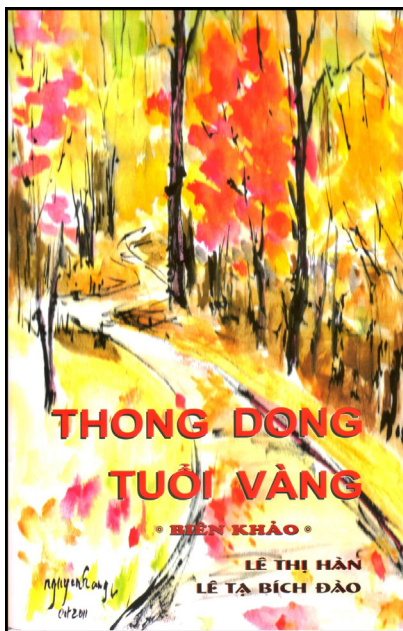
Theo lời yêu cầu của vợ và bạn, Vĩnh vận nhạc lên, và ca một bài ưa thích.

Nhìn chồng say sưa hát, Anna thâm nghĩ:

- "Mình không thích cải lương, nhưng khi anh ca, nhìn ảnh đẹp trai, thì mình lại thấy rung động, thương ảnh hết sức. Thảo nào người ta hay mê nghệ sĩ lúc họ đứng trên sân khấu trình diễn là vậy.

Ngoài sân, nắng từ từ rút lui, hoàng hôn tràn ngập mọi nơi, che phủ cây táo mới trồng. Trong nhà, tiếng đàn, tiếng ca vẫn du dương, trầm bổng, nồng ấm...

Điểm Châu (Cát Đơn Sa)



KÍNH MỜI

Quý vị đến dự buổi ra mắt sách:

THÔNG DONG TUỔI VÀNG

của: **Lê Thị Hàn & Lê Tạ Bích Đào**

* Một tài liệu sưu khảo công phu, rất cần thiết cho những ai bước vào tuổi về hưu ở Hoa Kỳ.

* Với 40 năm kinh nghiệm làm việc trong lãnh vực: Dinh Dưỡng, Xã Hội, Kinh Tế, Tài Chánh và Ngân Hàng.

Bảo trợ:

Cơ Sở Cỏ Thom, Hội Quảng Đà Vùng HTĐ ...

Ngày giờ:

Chủ Nhật 15 tháng 4, 2012/ 1 pm đến 4 pm

Địa điểm:

Mason District Government Center

6507 Columbia Pike; Annandale, Virginia

Để mua sách, xin liên lạc: bichdao44@yahoo.com
paintingsbyhang@aol.com

CÁI HAY CÁI ĐẸP CỦA VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM TỪ VĂN CHƯƠNG BÌNH DÂN ĐẾN VĂN CHƯƠNG TRÍ THỨC

PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU

A. VĂN CHƯƠNG BÌNH DÂN

đồng / công một nén

1. Thành ngữ

Thành ngữ là những cụm từ bốn chữ để nói lên một ý gì. Bốn chữ chia làm hai vế, mỗi vế hai chữ để không những có vần mà lại còn có đối nhau về thanh và ý ta gọi là ngẫu biên (ngẫu là một cặp hay một đôi, biên là xe ngựa đi song song ngang nhau)

Mèo mả / gà đồng - Già kén / kẹn hom
(kén kỹ quá nên chọn phải cái xấu)

Tay bắt / mặt mừng - Đầu tắt / mặt tối -
Tiền mất / tật mang

Xôi hồng / bóng không - Quan tha / nha
bắt - Trời đánh / thánh vật

Ăn chắc / mặc bền - Bỏ thương / vương
tội - Thất cơ / lơ vận...

Ta nhận thấy những thành ngữ trên có những nét hay nét đẹp như sau: có vần giữa hai vế, có đối thanh bằng trắc, đối ý giữa hai vế.

2. Tục ngữ

Tục ngữ là những cụm từ gồm sáu chữ chia làm hai vế, mỗi vế ba chữ cũng có vần có đối thanh đối ý:

Đói cho sạch / rách cho thơm - Được
làm vua / thua làm giặc

Được đàng chân / nâng đàng đầu - Đát
có lẽ / quê có thói

Nói có sách / mách có chứng - Của một

3. Ca dao

Ca dao là những câu hát của dân gian. Ca dao thường là hai câu lục bát để nói lên những kinh nghiệm của người đời. Ca dao gồm hai loại:

- Loại chỉ có vần theo thể lục bát:

- Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương
nhau cùng

- Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

- Chẳng ham ruộng cả ao liền

Ham vì cái bút cái nghiên anh đồ

- Loại có văn chương ngẫu biên ở câu tám chữ:

- Làm trai cho đáng nên trai

Xuống đông đông tỉnh / lên đồi đồi tan

- Con đừng học thói chua ngoa

Họ hàng ghét bỏ / người ta chê cười

- Ôn trời mưa nắng phải kỳ

Nơi thì bừa cạn / nơi thì cày sâu

- Những người thắt đáy lưng ong

Vừa khéo chiều chồng / vừa khéo nuôi con

- Ai ơi chớ vội cười nhau

Cười người hôm trước / hôm sau người cười

B. VĂN CHƯƠNG CỦA GIỚI TRÍ THỨC

Giới trí thức thường diễn đạt tư tưởng

bằng chữ nghĩa theo các thể văn, thơ, phú. Người ta thường nói tinh hoa của chữ nghĩa là thơ, tinh hoa của thơ là thể ngẫu biên. Vì ngẫu biên là cái hay cái đẹp của thơ cho nên dù ở thể nào bài thơ cũng cần phải có phần ngẫu biên là phần tinh hoa thì bài thơ mới được coi là hay.

1. Thơ lục bát: Trong thể thơ này các câu sáu chữ hay câu tám chữ đều được chia làm hai vế, vế trên đối với vế dưới về thanh và ý.

- Mai cốt cách / tuyết tinh thần
- Mỗi người một vẻ / mười phân vẹn mười
- Làn thu thủy / nét xuân sơn
- Hoa ghen thua thắm / liễu hờn kém xanh
- Khi chén rượu / khi cuộc cờ
- Khi xem hoa nở / khi chờ trăng lên

2. Thơ song thất lục bát: Thể thơ này gồm nhiều khổ, mỗi khổ bốn câu.

a. Ở hai câu thất ngôn đầu khổ thì có phần ngẫu biên giữa câu trên và câu dưới.

- Chàng thì đi cõi xa mưa gió
- Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn
- Mùi phú quý như làn xa mã
- Bã vinh hoa lừa gã công khanh

b. Cũng có khi có phần ngẫu biên ở câu tám chữ

- Ngồi đầu cầu nước trong như lọc
- Đường bên cầu cỏ mọc còn non
- Đưa chàng lòng rượi rượi buồn
- Bộ khôn bằng ngựa thủy khôn bằng thuyền

3. Thơ hát nói: Hai câu chính của thể thơ hát nói là hai câu năm, sáu. Hai câu này phải có phần ngẫu biên.

- Gấm vóc giang sơn đang đỏ ối
- Tiên rồng nòi giống hết xanh tươi (Việt Nam Đâu Thương trong thi tập Tha Hương của Phương Du)
- Ngã lãng du thời quân thượng thiếu

Quân kim hứa giá lão thành ông (Bài Gặp Gỡ Cô Đầu Cũ của Dương Khuê)

4. Thơ thất ngôn bát cú đường luật: Thể thơ này gồm tám câu bảy chữ trong đó bốn câu ở giữa gồm có phần ngẫu biên làm cho bài thơ có giá trị.

- Lom khom dưới núi tiêu vài chú
- Lác đác bên sông chợ mấy nhà
- Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
- Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

C. CÂU ĐỐI

Câu đối thuộc thể văn biền ngẫu gồm hai vế đối nhau về thanh và ý nhằm biểu thị một ý chí, một tình cảm trước những sự việc xảy ra trong cuộc sống. Câu đối được dùng dưới hình thức hai câu hay hai vế đi song song với nhau (vế trên đối với vế dưới, vế ra đối với vế trả lời) số chữ ở hai câu hay hai vế đều như nhau nhưng thanh bằng trắc thì khác nhau.

Câu ba chữ:

- Ăn cây nào / rào cây đó
- Được làm vua / thua làm giặc
- Đói ăn vụng / túng làm liều

Câu bốn chữ:

- Sấm động nam vang / mưa rơi bắc cực
- (Trên con thuyền một sứ giả Trung Hoa đánh trung tiện rồi nói: sấm động nam vang, ông Trạng Quỳnh liền ra đầu thuyền vạch quần tiểu tiện rồi hô to: mưa rơi bắc cực)
- Ở hiền gặp lành / ở ác gặp dữ

Câu năm chữ:

- Da trắng vỗ bì bạch. Đây là câu đối đưa ra của bà Đoàn thị Điểm. Sau đây là những câu trả lời:
- Nhà vàng tặng Hoàng gia (Phương Du)
- Đỗ sau về hậu đậu (Phương Du)
- Rừng sâu mưa lâm thâm (không biết danh)
- Con thầy bắt sư tử (không biết danh)

Câu sáu chữ:

Hoa lạc gia đồng vị tảo / điều đề sơn khách do miên

(Hoa đẹp rơi đũa trẻ không muốn quét, chim hót hay du khách vẫn còn ngủ).

Câu bảy chữ:

Những câu này thường được dùng trong bài thơ đường luật. Ngoài ra người ta thường làm đề:

- Mua vui, mừng nhau:

Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ

Nêu cao tràng pháo bánh chưng xanh

- Chừa then khi bị vấp té:

Giơ tay vớ thử trời cao thấp

Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài (Hồ Xuân Hương)

- Tả sự quyến rũ của sắc đẹp:

Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách

Sắc bắt ba đào dị nịch nhân (Nguyễn Giản Thanh)

(Mưa không rào cản mà giữ được khách, sắc đẹp không có sóng dễ làm người ta chết đuối).

Câu đối trong thể phú: Số chữ không hạn định

Chiều ba mươi, nợ hỏi tí mù, co căng đập thẳng bản ra cửa

Sáng mông một, rượu say túy lúy, giơ tay bông ông phúc vào nhà

(Nguyễn Công Trứ)

Ai công hầu ai khanh tướng trên trần ai ai dễ biết ai

(Đặng Trần Thường)

Thế chiến quốc thế xuân thu, gặp thời thế thế thời phải thế

(Ngô Thời Nhiệm)

Câu đối chữ Hán thêm một nét:

Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc

Phận liễu sao đà nảy nét ngang

(Hồ Xuân Hương)

(Duyên trời chưa thấy có chồng - Chữ thiên thêm nét dọc thành chữ phu là chồng.

Phận liễu là phận gái sao lại có con - Chữ liễu thêm nét ngang thành chữ tử là con). Ý nói gái chưa chồng mà đã có con.

Câu đối chữ Hán bớt một nét:

Tự là chữ, cắt giàn đầu, thành chữ tử là con, con ai con này

Vu là chung, bỏ ngang lưng, thành chữ đinh là kẻ, kẻ nào kẻ này.

Qua những nhận xét nói trên, ta thấy văn chương Việt Nam thật là độc đáo nhất là văn chương bình dân. Chỉ trong một câu ngắn gọn gồm bốn chữ, sáu chữ hay tám chữ mà ta thấy nó hội đủ những cái hay về vần về thanh và về ý. Người ngoại quốc nào khi nghiên cứu văn chương bình dân Việt Nam cũng phải thán phục tài văn chương phong phú của người dân Việt. Thành ngữ, tục ngữ và ca dao là kho tàng văn hóa rất quý báu đáng để cho ta ghi nhớ và vun bồi. Trong hiện tình đất nước, ta thấy những thực trạng sau đây: Ở trong nước những câu ca dao mới làm ra thì rất nhiều nhưng về phẩm thi hiếm thấy nó hội đủ ba yếu tố văn chương, có vần có đối thanh đối ý. Ở hải ngoại những thi phẩm mới được xuất bản rất nhiều, nhưng tìm thấy được một bài thơ có phần ngẫu nhiên thì rất ít. Văn chương của Nguyễn Du trong truyện Kiều được coi là lỗi lạc, một phần vì những câu thơ có thể ngẫu nhiên rất nhiều, hằng mấy trăm câu. Văn chương của các thi sĩ danh tiếng được làm dưới các thể thơ khác và ở thể nào cũng có phần ngẫu nhiên là phần tinh hoa của thơ. Về phương diện nghệ thuật, người ta chú trọng về phẩm hơn về lượng. Cái gì hay cái gì đẹp cái đó sẽ được tồn tại mãi, còn cái gì không hay không đẹp nó sẽ bị rơi vào lãng quên.

Phương Du Nguyễn Bá Hậu
(Paris)

MÙA XUÂN TRÊN MÁI NHÀ

Nguyễn Mây Thu

Tuy rảnh rỗi bà Diệu cũng không gói bánh chưng, bánh tét, làm bánh mứt như mọi năm vào mỗi độ xuân về để đem chia làm quà cho các con và bạn bè gần xa. Bà không cảm thấy nao nức như những mùa xuân trôi qua. Đối với bà bây giờ, ngày nào cũng là một ngày bình thường như mọi ngày.

Nhưng bà vẫn nhớ rất rõ một ngày chủ nhật, cái cảm giác khi không bà thấy lạnh cả chân tay, như có một luồng điện vô hình chạy qua các khớp xương, lúc đó con trai bà thổ lộ đã yêu một người con gái và định cưới làm vợ. Là một biểu tượng mừng rỡ khi Ân, con trai bà đã khôn lớn trưởng thành, biết lo cho tương lai, được hạnh phúc và yên vui với một gia đình mới. Hay biết đâu, là điều gì đó báo trước cho bà Diệu những việc không may.

Tuổi trẻ thường dễ dãi, yêu vội và sống vội. Nhất là ở xã hội văn minh Tây Phương này, không có nhiều nề nếp cổ truyền Đông Phương để cha mẹ bắt buộc con cái phải nghe lời mình. Bà Diệu không ngăn cấm cái hạnh phúc mà con bà vừa tìm được nhưng không hiểu sao bà cứ không an lòng. Ân vừa xấp xỉ ba mươi tuổi, dáng người cao ráo, ưa mơ mộng, thiết tha hiền lành, thường khôi hài, thích vẽ, đang học đại học về mỹ học và triết lý nghệ thuật hiện đại ở Paris. Bà nói với Ân:

- Con phải suy nghĩ cho kỹ, việc hôn nhân là việc hệ trọng, nếu con sơ sót không khéo

chọn lựa, cả cuộc đời con phải gánh chịu.

- Vâng, Mẹ à, con đã suy nghĩ kỹ.

- Ở đây chung quanh thành phố Paris, cũng có nhiều bạn gái mà con gần gũi. Sao con phải tìm một người ở xa con hàng vạn dặm, khác biệt ngôn ngữ, phong tục, văn hóa. Mẹ biết thế nào để nói chuyện với cha mẹ cô ta?

- Nếu là người con yêu, xa xôi cách mấy cũng được Mẹ à.

Bà Diệu chỉ nghĩ tới những người con gái chung quanh những bạn bè quen biết, cô Trinh, cô Hồng gia đình anh chị Xuân nét na hiền dịu, hay cô Jeanne con ông bà láng giềng Bouvier tánh tình rất hòa nhã mà Ân thường chơi chung từ ngày còn bé thơ. Có vẻ không vừa ý lắm nhưng vì thương con bà cũng hơi xiêu lòng, nhìn đôi mắt ướt rượt của con bà lại thêm phân vân. Hỏi ý kiến ông Tâm chồng bà, ngó bộ ông cũng không giúp được gì hơn: "Tình yêu mạnh mẽ lắm, dễ thường bà nói nó nghe lời, nó cũng đã lớn".

Ân có đôi lần dẫn Seon về nhà giới thiệu với bà, người con gái xứ Nam Hàn đồng tuổi với Ân, đang học trường đại học mỹ thuật ở Paris. Bà lén lút ngắm nghía, để ý cô có khuôn mặt khả ái, dễ nhìn, dáng người vừa tầm nhỏ nhắn, môi cười rất duyên dáng nhưng đôi mắt làm như hơi lờ ra. Thân hình cô thẳng đuột không eo iếc nên cô thường mặc váy, với những chiếc áo sơ mi rộng thùng thình nhiều màu sắc tươi mát, cô nói



do Mẹ cô gửi qua đường bưu điện.

Gia đình bà Diệu và ông Tâm không có ai ngoài Mẹ chồng bà Diệu, hai người em, những người bạn Việt Nam sống tha hương lưu lạc nơi xứ lạ quê người. Cha mẹ của Seon ở xa không thể đến tham dự. Nên đám cưới của Seon và Ân, được tổ chức đơn sơ trong vòng thân mật với một ít bạn bè. Những người bạn sinh viên học cùng trường với Ân mượn được một phòng rộng thường dùng làm nơi hội họp, triển lãm để chia vui cho đến gần sáng. Mẹ chồng bà Diệu nhìn Seon rồi nói, mắt lồi và bụng ỏng là tướng không tốt! Bà Diệu chẳng biết nói sao nhưng đúng ngay hôm đám cưới, chiếc bình đựng cà phê bằng thủy tinh làm quà cưới của Seon và Ân bê tan tành, bà đâm ra dị đoan, lo lắng! Bà lại càng dị đoan hơn khi cha mẹ của Seon ngỡ ý sẽ tổ chức đám cưới lần nữa ở Kyong-Ju. Ai đâu làm đám cưới tới hai lần!

Hàn Quốc là một đất nước bị chia đôi như trên quê hương của bà ngày nào, cho nên bà rất thông cảm và yêu thương Seon như con ruột, chỉ hiềm một nỗi mỗi lần có dịp liên lạc với cha mẹ của Seon bà phải mượn người làm thông dịch. Muốn hiểu rõ hơn về con dâu, bà Diệu lần mò tìm hiểu về xứ sở Nam Hàn, bà xem trên mạng Net đại khái là một nửa phía Nam của bán đảo Triều Tiên, về địa lý đa số 70% diện tích là rừng núi, phần còn lại là đồng bằng duyên hải, có khí hậu ôn hòa v.v. Bà để ý tới các phim bộ Hàn Quốc nổi tiếng, trong đó Nước Mắt Đại Trường Kim phát hành năm 2003 với nữ diễn viên trẻ đẹp Lee Young Ae làm cho bà say mê, thỉnh thoảng bà cứ mở youtube nghe không chán bài hát Onara. Seon hứa khi về thăm nhà sẽ đem về cho bà nhiều DVD như: Mối Tình Đầu, Trái Tim Mùa Thu, Bản Tình Ca Mùa Đông v.v. Bà nói không nên vì bà không hiểu tiếng Hàn Quốc lại sợ khó khăn khi

qua trạm kiểm soát ở phi trường. Rồi Seon trên đôi mắt long lanh, không ngừng kể cho bà nghe về quê hương Hàn Quốc với bao nhiêu kỷ niệm, vào ngày rằm tháng tám âm lịch, gọi là "hangawi", ngày trăng tròn nhất và sáng nhất trong năm, người ta tổ chức lễ thu hoạch mùa gặt, gọi là "dalmadjji", hiểu theo nghĩa giản dị "mùng trăng lên". Một lễ hội truyền thống đặc biệt nhất của Hàn Quốc, buổi tối tất cả mọi người già trẻ tụ họp lại cùng nhau ngắm trăng, ca hát, nhảy múa. Ông Tâm và cả con trai bà bắt đầu thưởng thức các món ăn Hàn Quốc, đôi khi không hợp khẩu vị cho lắm nhưng ông đâm "ghiền" món ăn quốc hồn quốc túy "kimtchi" cay nức nở do chính tay Mẹ của Seon làm lấy và gửi qua, mỗi lần đi chợ khu phố Tàu quận 13 ở Paris, ông tìm cho bằng được mấy lá rong biển ướp gia vị, các thứ bánh trái đặc biệt của Hàn Quốc. Ngược lại bà Diệu chỉ cho con dâu chế biến những món ăn Việt Nam mà Seon ưa thích: chả giò, bánh cuốn, phở v.v.

Mùa xuân về có tiếng chim kêu ríu rít trên mái nhà, với những cánh hoa Forsythia vàng ánh rung rinh trong nắng chen lẫn những nụ đào phơn phớt hồng. Mỗi năm đến Tết Âm Lịch con trai và con dâu về thăm, bà Diệu làm thêm các món ăn thật trọng hậu, khi ra về, các con có thể đem theo về nhà ăn dần, món ăn của Mẹ nấu lúc nào cũng ngon lành vì khéo tay nhiều kinh nghiệm và dặt dứu hết cả tình thương vào trong đó. Niềm vui của con cũng là niềm vui của cha mẹ. Có cha mẹ nào mà không mừng vui vì hạnh phúc của con. Bà để một CD vào máy vừa làm bếp chuẩn bị thức ăn vừa nghe các bản nhạc xuân, bà thích nhất Cánh Thiệp Đầu Xuân và Ly Rượu Mừng, bà hát nhỏ nhỏ: *"Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi. Mừng anh nông phu vui lúa thơm hơi, người thương gia lợi tức, người công nhân ấm no thoát đi đời gian lao*

nghèo khó...”, rồi thờ dài, biết đến bao giờ quê hương bà mới được “sáng trời tự do, nước non thanh bình muôn người hạnh phúc chan hòa” như trong bài hát này...

Đã lâu vợ chồng Ân không đến thăm bà, nếu có thì Ân đến một mình và đôi khi viện cớ bỏ về mau lẹ như ma đuổi. Thắc mắc, gạn hỏi mãi Ân mới nói thật:

- Con xin lỗi Ba Mẹ đã làm cho Ba Mẹ buồn. Con đã phản bội Seon và đã vụng trộm yêu một người con gái khác. Cô ấy tên Lucie bạn học cùng trường.

Bà Diệu như từ trời cao rơi xuống đất. Tức giận, bà muốn tát cho Ân một cái nhưng kịp dẫn lòng đành ngồi im rơi nước mắt. Từ đó, bà mang trong lòng nỗi buồn dai dẳng không nguôi, trải qua những ngày lo âu, những đêm mất ngủ, xấu hổ với láng giềng, bạn bè chung quanh, bà sống khép kín không giao thiệp với ai nữa. Tình yêu tuổi trẻ của Ân thật nông nổi, chỉ biết nhìn gần không biết nhìn xa, rồi hối hận và lầm lỡ. Ân nhiều lần khóc lóc với bà:

- Mẹ ơi, Mẹ tha lỗi cho con. Trong một phút yếu lòng con đã phạm tội. Con rất ăn năn hối lỗi nhưng Seon vì tự ái, mất lòng tin đã bỏ đi và không về nữa. Con sống trong ngôi nhà tràn đầy kỷ niệm. Một đêm khuya lang thang trên đường phố, con đã bị hai tên du đảng cướp giật điện thoại di động và đánh đập con đến không đứng dậy được. Nhưng con không báo cảnh sát. Con là một kẻ xứng đáng để nhận một hình phạt như thế.

Những điều mà xưa kia bà Diệu linh tính cảm nhận được và không lúc nào bà không ngừng lo lắng, bây giờ là sự thật. Cả hai chưa ai làm nên sự nghiệp. Ai đâu uống nước lã mà yêu nhau! Vợ chồng Ân tuy sống chung nhà nhưng mỗi người lo một việc riêng. Phòng khách là nơi làm việc của Seon, vẽ tranh, chụp ảnh và các sáng tác nghệ thuật khác. Phòng ngủ là nơi làm việc

của Ân, đang sửa soạn một luận án cho năm học cuối nên rất bận rộn. Họ sống không dư giả bằng tiền học bổng đại học của hai người. Nhưng mỗi năm Seon đi du lịch ít nhất hai lần, về thăm gia đình ở Kyong-Ju và ở những nơi khác, tu nghiệp hay thăm người bạn ở Mỹ, ở Đức... Ân bạn học thường để Seon đi một mình, thời gian Seon vắng mặt rất thường xuyên. Bà Diệu có đôi lần khuyên Seon nên giảm bớt du lịch để giảm bớt chi tiêu, hoặc tìm thêm việc làm phụ trội như các sinh viên thường làm nhưng Seon không mấy bận tâm. Ở Pháp, Seon luôn giao tiếp giúp đỡ những gia đình và bạn bè người Nam Hàn, những lần đó, Seon rất vui mừng được nói tiếng nói của quê hương, tụ họp ăn uống, tâm tình cởi mở với mọi người, quê hương Hàn Quốc như rất gần gũi, nhưng Ân lại bạn học ít khi tới tham dự. Lucie là một trong những người bạn gái xinh đẹp cùng trường, nói năng hoạt bát mà Ân tiếp xúc hàng ngày. Thấy Ân đôi lúc buồn rầu khác với bản tính khôi hài thường lệ, cô đến chuyện trò hỏi han và trong những lúc cô đơn, bất an, lo âu về tài chính Ân đã phải xiêu lòng. Chao ôi tình yêu của Ân bây giờ là cạm bẫy tội lỗi. Khi vừa mới yêu nhau, cưới nhau vợ chồng Ân cũng đã có những tháng ngày yên vui đầm ấm. Khi người ta sống trong hạnh phúc không ai biết đó là hạnh phúc. Hạnh phúc giống như một con chim xanh mãi miết chuyên cành, đợi khi ta đến gần liền vỗ cánh bay đi.

Bà Diệu và ông Tâm chưa có dịp được gặp gỡ cha mẹ của Seon, chỉ liên lạc bằng hình ảnh và thư tín. Ông bà Yoon là một gia đình trung lưu khá giả, rất hiền từ và rất nuông chiều con. Ngày Seon đang học đại học ở Séoul, ngó ý muốn sang Pháp du học, ông bà lo lắng nhưng vẫn để con gái một mình ra đi tìm định hướng cho tương lai. Thân gái dặm trường sống nơi xứ lạ quê

người không phải là dễ, mặc dù ông bà Yoon vẫn giúp đỡ con gái nhưng Seon rất tự tin và tự lập không muốn nhờ vả vào cha mẹ. Ngày Seon thông báo muốn ở lại Pháp không về Kyong-Ju sinh sống, ông bà buồn biết bao nhiêu nhưng thấy con gái có nơi nương tựa, ông bà tạm yên ủi còn mong muốn gì hơn. Bà Yoon gửi từng quyển vở, từng cái áo đẹp cho con gái, cho con rể. Ông Yoon gửi cho gia đình bà Diệu từng chai rượu ngũ cốc "sojou" với độ cồn cực mạnh, từng hộp hồng sâm thật đắt tiền. Bây giờ duyên phận lỡ làng, ngôn ngữ bất đồng, làm cách nào để nói một lời xin lỗi với cha mẹ của Seon?

Ông Tâm không đành lòng:

- Người Công giáo không chấp nhận ly dị, phụ tình người ta rồi gia đình tan nát. Tội của nó tày trời, bà biết không?

Bà Diệu tự an ủi:

- Nếu đã không tin tưởng nhau thì làm sao chung sống đến bạc đầu. Tội nó mỗi lần gặp nhau là mỗi lần ghen tương khóc lóc, giận hờn cãi vã.

- Nói năng dễ như bà tính vậy!

Lúc đó ông Tâm buồn bực, giận dỗi bỏ đi. Bà Diệu cũng đâu có khác gì. Vui cái vui của con. Buồn cái buồn của con. Có ai hiểu được nỗi lòng của những bậc làm cha mẹ. Ông bà Yoon nếu biết được cũng sẽ buồn như vậy. Lại càng buồn nhiều hơn khi con gái ở xa. Bà Diệu tự trách mình đã không khéo dạy dỗ con, để cho Ân mang tấm lòng phụ bạc. Bà cũng tự trách mình đã không ngăn cản con không nên thành hôn khi công danh sự nghiệp chưa thành đạt, việc hôn nhân ấy không cần gấp gáp. Tất cả đã muộn màng rồi! Bà nghĩ thật cảm phục những cha mẹ đã bỏ ra công sức nuôi nấng và sáng suốt khuyên bảo cho con cái nên người thành công trên đường đời, sống hạnh phúc, có vợ đẹp con ngoan làm vẻ vang cho gia đình thêm đẹp lòng cha mẹ.

Vợ chồng Ân quyết định ly dị khi những nỗi bất hòa, tự ái không sao hàn gắn được, mỗi người đi mỗi ngã, mỗi người tự lo lắng cho cuộc đời mình. Có những gia đình sum họp thì cũng có những gia đình tan tác chia ly. Không có cảnh huống nào nát lòng cho bằng sinh ly tử biệt. Bà Diệu chứng kiến cảnh Ân và Seon dọn nhà đi. Những tủ lạnh, máy giặt, bếp ga, giường, tủ... vừa mới sắm sửa đem bán mắc bán rẻ, những tác phẩm nghệ thuật, giá vẽ, quần áo, tư trang linh tinh không đem theo được đành vứt hết vào thùng rác. Hai vợ chồng Ân ngồi thật lâu trong căn phòng nhiều kỷ niệm đã ba năm chung sống, vui ít buồn nhiều, rồi chia tay nhau trong lặng lẽ bụi ngùi.

Bà Diệu xót xa khi nhớ lại những ngày yên vui đầm ấm của hai con. Lúc Seon đến từ già, bà ôm Seon vào lòng rơi nước mắt:

- Có lẽ người ta sống ở trên đời phải có đủ duyên đủ nợ mới được bền lâu. Con với Ân chỉ có duyên mà không nợ, nên bây giờ tất cả chúng ta đều không may mắn. Dù thế nào đi nữa, trước sau Mẹ vẫn nghĩ con là con dâu của Mẹ. Đành xin gửi lời tạ tội với ông bà Yoon, cha mẹ của con.

Những ngày cuối tháng giêng, bầu trời bao la áp ủ thật nhiều mây, cuộn cuộn từng đám mây xám trôi thênh thang như lúc nào cũng sẵn sàng đổ xuống một trận mưa rờn rã. Nhìn ra ngoài kia chân trời xa, màu xanh của ngàn thông chập chùng không che dấu được nỗi buồn cô đơn của bà Diệu. Mùa xuân về trên mái nhà, không thấy lũ chim đến líu lo xây tổ ấm. Bà Diệu chạnh nghĩ tới những ngày cuối của cuộc đời, sau này khi được gần gũi với những đứa cháu của bà, là con của Ân, nhưng Mẹ chúng không phải là Seon, một người đàn bà nào khác lạ xa, bà thật không đành lòng.

NGUYỄN MÂY THU

(Paris)

Đi giữa mùa xuân

Thanh Trang

Lento moderato

Ngày nào khi gió mùa lên
xưa Hương hoa diu vương ngát bên
Nghe chim hòa vang ý giao

thêm mùa Đâu đây vang khúc ca thanh xuân
Bâng khuâng chân bước bên muôn hoa

Lòng chợt như tuôn dâng mạch sống!
Người về qua xóm làng

Tình xuân ngày ngát trong lòng ta!
Thắm cát cao lời nguyện

ước Thế gian yên bình khắp nơi nơi

Để những tấm lòng xuân mới
Như cánh hoa Hồng

tươi!
Mình ta đi giữa mùa xuân

Tâm tư buồn vui đã bao lần
Hôm nay ta đón xuân có

nhân Niềm vui theo ánh dương tràn dâng!

VỀ BÀI HÁT “ĐI GIỮA MÙA XUÂN”

Đầu đuôi như sau: Bạn Phan Anh Dũng bên Richmond gửi biếu tôi vào dịp Tết 2 cái CDs do Ông Hoàng Trọng thực hiện vào năm 1997 nhân dịp Tết Kỷ Sửu, với chủ đề "Nhạc Xuân Tiên Chiến" với Ban "Tiếng Tơ Đồng". Hai CDs có 25 bài hát, trong đó 12 bài là của Hoàng Trọng. Tôi có dịp nghe lại những bài thuộc loại "cổ kính" về Xuân trong Tân Nhạc Việt Nam như "Xuân về" và "Cô láng giềng" của Hoàng Quý, "Xuân và tuổi trẻ" của La Hối (lời hát của Thế Lữ), "Mộng chiều Xuân" của Ngọc Bích, "Gió mùa Xuân tới" của Hoàng Trọng, là những bài hát thời Tiên Chiến mà xưa giờ tôi vẫn yêu thích. Tất nhiên trong 2 CDs đó không thể thiếu "Ly rượu mừng" của Phạm Đình Chương, thế nhưng ta đều biết rằng bài hát này (cũng như một số bài khác trong 2 CDs vừa nêu) ra đời vào thời Đệ Nhất Cộng Hòa, cho nên âm hưởng của bài hát vẫn là dòng nhạc Tiên Chiến, thế nhưng tính theo niên kỷ thì đã thuộc vào "một thời khác" rồi!

Vậy thì đêm Ba Mươi Tết vừa qua, trong khi ngồi đón Giao Thừa trước khi bước qua một năm Kỷ Sửu khác thì tôi lại chẳng mấy thanh thản để "đón Xuân" vì còn mãi ngay ngáy chờ đến giờ để gọi một con số "800", coi xem ngày hôm sau, Mừng Một Tết mới là quái ác, mình có phải đi thi hành phận sự "Jury duty" hay không! Lát sau, gọi được con số đó rồi thì hệ thống trả lời tự động trên điện thoại nó nói là mình khỏi phải đi, tuy chiều hôm sau phải gọi lại để coi xem Mừng Hai Tết có phải đi nạp mạng cho cái vụ đó hay không! Gỡ được một mối bận tâm trong đầu rồi thì tâm trí mới tương đối được tạm yên về mặt đó để còn có thể nghĩ đến chuyện khác ! Vậy thì trong

lúc chờ đợi mọi người trong đại gia đình tề tựu để "cúng Ông Bà" thì tôi bèn lan man nghĩ đến những "ngày Xuân xưa" tưởng chừng như đã xa lác xa lơ! Có điều là nhân vụ "nhạc Xuân Tiên Chiến" trong 2 CDs vừa nhận được và nghe qua thì tôi bèn lấy giấy bút ra phác thảo một cái gì đấy mang âm hưởng "Tiên Chiến" như xưa giờ tôi vẫn quen thuộc và yêu thích !

Thế nào mà sau việc "cúng Ông Bà", trước khi bước qua phần "cúng Giao Thừa" thì bài hát "Đi giữa mùa Xuân" đã xong cả nhạc lẫn lời ! Quá nửa đêm một chút thì tôi ngồi vào đàn, làm một màn "hoà tấu", rồi "tách ra" phần hòa âm để gửi cho bạn Phan Anh Dũng bên Richmond vào ngày hôm sau!

Tâm Hảo bên Virginia vừa hát xong bài này và tôi cho là "rất có lý"! Khi tôi viết mấy dòng này thì anh Vũ Trung Hiền bên Cali cũng đang rục rịch để hát cho xong; mà không chừng cũng đã hát xong rồi! Riêng tác giả thì sẽ không hát bài này vì cứ động đến cái gì xưa xưa một chút là tác giả lại dễ mủi lòng. Hát mà nghẹn ngào trong cổ họng thì làm sao hát?

THANH TRẠNG

Nam Cali - Đầu mùa Xuân Kỷ Sửu 2009



Tulips: Phạm Văn Tuấn

NHỚ MỘT DÒNG SÔNG

Phong Thu

*Hai mươi năm cánh lục bình nhưng nhớ
Nhớ dòng sông con nước vẫn chờ mong
Tôi đợi mãi một bóng người xa thăm
Chiều mệnh mang chìm vào cõi xa xăm
(Chiều Cuối Năm)*

Năm 2002, tôi quyết định trở về thăm gia đình sau mười hai năm xa quê hương. Chuyến bay 24 tiếng đồng hồ từ Hoa Kỳ về Sài Gòn và cuối cùng tôi đã trở về quê nhà. Dù tôi đã thấm mệt, nhưng tôi không thích ngủ. Không khí náo nức của ngày Tết cuốn hút bước chân tôi. Thế là tôi leo lên xe cùng chị tôi đi chợ Hoa Xuân.

Mỗi năm, khi đến ngày Tết Nguyên Đán là chợ Hoa Xuân bắt đầu nhóm họp. Những người trồng hoa ở miệt vườn quanh thị xã Thủ Dầu Một, Lái Thiêu, Búng, Sài Gòn, Thủ Đức, Biên Hoà và những chiếc ghe miền Tây chở kiếng, và hoa lên chợ Thủ bán. Chợ Hoa Xuân Thủ Dầu Một tuy nhỏ nhưng cũng rộn rịp và có nhiều loại hoa khác nhau được bày bán dọc theo bờ Sông Bạch Đằng. Dạo chợ Hoa Xuân, cũng là một thú vui của tôi khi còn sống tại Việt Nam. Tôi đếm lịch Ta mới biết chỉ còn một tuần nữa là đến ngày Tết Nguyên Đán. Và đêm nào tôi cũng đi lang thang ra chợ Thủ để xem chợ Tết. Đêm ẩm ướt và giá lạnh. Cái rét hiêm thấu vào những ngày cuối năm ở miền đông Nam Bộ. Cảnh vật, con người đã đổi thay. Những ngày giáp Tết làm sao mà ngủ được. Lúc nào chị Ba tôi làm biếng lái xe thì chị gọi Minh, bạn tôi lái xe van đến chở chúng tôi đi chợ Tết. Chợ rộn ràng, tập nập suốt ngày đêm. Tôi đi qua những gian hàng bánh mứt, trái cây, dưa hấu

chất đầy chợ...Nhưng nơi tôi thích đến nhất là chợ Hoa Xuân kéo dài từ ngã ba đường Bạch Đằng đến tận cuối chợ cá. Những ngày cuối xuân, ngày cũng như đêm, nơi đây đông đúc và nhộn nhịp. Hoa đủ loại được bày bán la liệt: Cúc mâm xôi với những cánh hoa nhỏ từng chùm đan kín, xoè rộng đủ màu, đủ sắc. Hoa cúc vàng thì to như bàn tay óng ả, yếu điệu. Hoa sứ có màu hồng đài các, hoa thược dược, hoa phong lan tím trang đài, u ần, hoa huệ trắng thơm ngát...Tôi thích hàng bông thọ nở vàng rực và tỏa mùi hương thôn dã làm tôi ngây ngất. Tôi không hiểu vì sao tôi không thể gọi là hoa thọ mà chỉ thích gọi là bông thọ vì vẻ đơn sơ, mộc mạc của nó. Nhưng bông thọ tượng trưng cho sự tôn kính, thanh cao mà những bà mẹ quê thường mua về cúng ông bà, hay trang trí trên bàn thờ tổ tiên trong ngày giỗ, hay Tết. Dù xa quê hương đã hai mươi năm, tôi vẫn nhớ bông thọ và mùi thơm riêng biệt của nó. Đặc biệt là các chậu hoa mai thì được những bàn tay nhà nghề của nghệ nhân uốn cong và cắt tỉa theo nhiều hình thái khác nhau rất đẹp mắt. Các chậu hoa mai được trồng trong các chậu sành có nhiều hoa vãn và giá rất đắt. Chỉ có người giàu mới dám mua về để chưng bày. Mọi người nhộn nhịp đi xem hoa, mua hoa và ngã giá. Tiếng xe chạy, tiếng người mua kẻ bán, tiếng cười nói xôn xao khắp nơi. Không khí ngày Tết thật rộn ràng, ấm áp vui vui.

Con đường Bạch Đằng bây giờ thay đổi nhiều quá. Dọc theo bờ sông đã trồng nhiều cây dừa và kiếng, có những chiếc ghế đá để ngồi hóng mát. Bạn tôi thèm cà phê nên anh đến cái quán cà phê bên đường ngồi uống. Minh nói chúng tôi đi chùng nào muốn về thì cho anh biết. Chị ba tôi thích đi chọn bánh mứt, trái cây, và rau. Còn tôi đi một vòng chợ

rồi thích ngồi nghĩ chân bên một chiếc ghé đá trống và nhìn sang chiếc cầu bên kia thành Công Bình. Chiếc cầu xa xa, đen thẫm như một sợi dây thừng dài vắt qua mặt nước dưới ánh đèn đêm khi mờ, khi tỏ. Một thời khói lửa xa xưa, nó đã trở thành mục tiêu của nhà văn quân đội, kiêm đặc công Chu Lai đặt mìn đánh sập. Mấy chục năm, nó hư hỏng và người dân hai bên bờ sông muốn thăm nhau phải đi bằng những chuyến đò đưa khách sang sông. Bến đò nằm ngay chợ cá, gần nhà thủy tạ. Khi tôi trở về, chiếc cầu đã được xây lại cho tử tế, nên tôi mới có dịp sang bên kia sông để ăn cá nướng trui. Trên con đường này, sát bờ sông có trường Mỹ Thuật. Bên kia đường đối diện cây đa là HVHNT tỉnh Bình Dương. Cây đa lá xanh rì, tàng xoè rộng che bóng mát cho người qua lại. Và cây đa cũng xòa những sợi dây dài như tóc của người con gái độ tuổi tròn trăng.

Nơi đây, bạn bè tôi thường tụ họp tán dóc và nói những chuyện trời trăng mây nước trong lúc bụng đói meo, cơm áo, gạo tiền vẫn còn oằn nặng trên đôi vai, nổi khắc khổ hiện rõ trên khuôn mặt từng người. Nói đến đây, tôi nhớ đến nhà thơ Trần Bình Dương, người bạn tài hoa của tôi đã vĩnh viễn rời bỏ kiếp con tầm nhả tơ để mang mơ ước viễn vu về cõi thiên thai. Có thể nơi xa xăm, bồng bềnh sương khói mong lung, anh đang ngồi làm thơ, viết văn, và kể cho những người bạn mới quen về cuộc đời khổ hạnh, về những năm tháng gian truân của một kiếp người. Tài sản của anh là con chữ, là những bài thơ, những bài văn bán đi chẳng ai mua. Châu ơi! Giờ đây, dù anh có đi về đâu trong khoảng không gian vô hình nào đó, thì những nếp nhăn và nỗi lo lắng vẫn luôn ẩn hiện trong đôi mắt anh. Làm sao tôi có thể quên cái dáng còm cõi của anh trên chiếc xe đạp có giỏ ngang cũ mềm rong ruổi trên những con đường chợ Thủ. Rồi những ngày tháng anh lang thang để hồn thơ bay cao trên dòng sông lộng gió.

Thông thường, người ta nhớ về những người có địa vị, danh vọng, giàu sang hay quyền thế, còn tôi lại nhớ những người bạn nghèo. Sự đổi ngôi của cuộc đời này đâu có gì lạ! Và có ai biết được ngày mai mình sẽ là ai? Và khi mình xuôi tay nhắm mắt, mình sẽ để lại cho xã hội những gì?

Tôi ngồi trên chiếc ghé đá lạnh lẽo và nhìn nhà hàng nổi trên con tàu trước mặt. Đèn sáng choang, tiếng nhạc, tiếng ồn ào cười nói vang vọng trên sóng nước. Những chiếc ghé từ miền Tây lên đây bán cá mắm linh, mắm lóc, nếp, gạo cho những nhà buôn trong chợ cá đậu kín hết bờ sông. Những người dân quê tôi vẫn lam lũ, nhọc nhằn. Họ bán thân xác trên những mảnh ruộng vườn cằn cỗi hay bơi xuống dọc ngang trên những chiếc đò xuôi dòng sông lên chợ Thủ. Cái bến đò chợ Thủ là nơi hò hẹn của những mối tình trai gái, là nơi người dân quê tôi từ bên này hay bên kia sông đón đò đưa họ sang thăm nhau, buôn bán, trao đổi hàng hoá. Bến đò đã trở thành nơi quen thuộc hàng trăm năm nay và vẫn tập nập tàu bè qua lại.

Trước 1975, hạm đội Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà đóng quân tại đây. Đối diện là ngọn đồi cao trồng nhiều cây xanh là dinh Tỉnh Trưởng. Những con tàu sắt ngày đêm tuần tra trên sông làm mặt nước gợn sóng. Bên kia sông là những mảnh vườn cây trái tiếp nối với cánh rừng dày đặc. Dọc theo bờ sông Bạch Đằng còn có nhà thủy tạ xây hình vuông với chiếc cầu bằng sắt bắc ra sông. Khi còn bé tôi và bạn bè thường đạp xe hoặc đi bộ ra đây chơi. Chúng tôi ngồi trên những chiếc ghé đá sơn màu vôi trắng đặt dưới chân một giàn hoa giấy màu đỏ, màu hồng. Đối diện là dinh tỉnh Trưởng, dinh thự này xây từ thời Pháp thuộc. Những cây dầu cao lớn, lá xanh rì quanh năm lao trong gió và tung xuống mặt đường những cánh hoa dầu xoay tít. Dòng sông ngày đó, nước trong xanh như gương vào những ngày nước biển tràn về.

Ngồi trên bờ, tôi có thể nhìn thấy đáy sông, cát, đá và những viên cuội trắng phau. Tôi có thể nhìn thấy những con cá cơm, cá liềm kiềm, nhỏ nhỏ tung tăng bơi lội. Nơi đây, tôi đã có những ngày hẹn hò với bạn bè, với những người thân yêu. Chúng tôi ngồi hàng giờ bên nhau, dưới ánh trăng, nhìn trăng rơi trên mặt nước lung linh, huyền ảo. Nơi đây đã chôn sâu những kỷ niệm từ thuở ấu thơ cho đến tuổi trưởng thành. Dòng sông này đã một thời gọi cho tôi bao mơ mộng, nhưng nhớ, tiếc thương. Nhưng dòng nước kia cũng đã song hành với thời gian và trôi đi không bao giờ trở lại bến sông xưa.

Bạn bè tôi thường hỏi vì sao gọi chợ Bình Dương là Thủ Dầu Một? Theo tài liệu của Bách khoa toàn thư – Wikipedia, thì Bình Dương là một trong 22 tỉnh của Nam Phần được chính quyền Việt Nam Cộng hòa thiết lập theo Sắc lệnh 143-NV ngày 22 tháng 10 năm 1956. Tỉnh lỵ là Phú Cường. Vào ngày 30/8/1957, Tỉnh Bình Dương bao gồm 5 quận, 10 tổng, 60 xã.

Bình Dương là một phần của tỉnh Thủ Dầu Một xưa kia được thành lập vào tháng 12 năm 1899 từ Sở Tham Biện Thủ Dầu Một, tách từ tỉnh Biên Hòa. Tháng 10 năm 1956 chính quyền Việt Nam Cộng hòa giải thể tỉnh Thủ Dầu Một để thành lập các tỉnh Bình Dương, và một phần tỉnh Bình Long.

Năm 1974 dân số tỉnh Bình Dương là 260.008 người.

Thủ Dầu Một là thị xã tỉnh lỵ tỉnh Bình Dương, cách trung tâm Quận 1, Sài Gòn khoảng 31 km về phía bắc. Thủ Dầu Một có diện tích 11.881 ha, gồm 11 phường: Phú Cường, Phú Thọ, Chánh Nghĩa, Hiệp Thành, Phú Hòa, Phú Lợi, Phú Mỹ, Phú Tân, Hòa Phú, Định Hòa, Hiệp An, và 3 xã: Tương Bình Hiệp, Chánh Mỹ, Tân An.

Địa danh Thủ Dầu Một có từ bao giờ? Câu hỏi này vẫn còn nhiều người tò mò muốn biết.

Theo nhà soạn từ điển Lê Văn Đức, nhà ngữ học Lê Ngọc Trụ, ở phần địa danh (trang 260) trong “Việt Nam từ điển” (Sài Gòn TB 1970) có nguồn gốc từ tiếng Campuchia. Ông cho rằng tên Thủ Dầu Một do âm Việt đọc tiếng Cao Miên “Thun Doán Bôth” có nghĩa là gò có đỉnh cao nhất vì lý sở Thủ Dầu Một ở trên ngọn đồi ven Sông Sài Gòn.

Các tác giả khác nghĩ Thủ Dầu Một là một cụm từ tiếng Việt được hình thành từ sự kết hợp giữa hai thành tố: “Thủ” là từ Hán - Việt có nghĩa là “giữ” vì nơi đây có đồn binh để canh giữ, kiểm soát; “Dầu Một” là tên đất, được cấu tạo theo cách: “Tên một loài thảo mộc. Theo truyền khẩu vì đồn binh canh giữ tại huyện lỵ Bình An nằm trên ngọn đồi có cây dầu lớn quen gọi là “cây dầu một” nên tên gọi THỦ DẦU MỘT ra đời.

Học giả Vương Hồng Sển trong từ điển “Tiếng nói miền Nam” xuất bản năm 1997 (trang 645) cho rằng người Campuchia gọi tên Thủ Dầu Một là “Chhocutal MucyDoem” (Chhocutal: gỗ dầu; Mucy: một; Doem: cây) có nghĩa là “cây dầu một”. Người Hoa cũng dùng tên “Thổ Long Mộc” (cây rồng đất: có thể hiểu đây là cây dầu rái hay dầu lông có chứa chất nhựa rất dễ cháy gọi là “mảnh hỏa du”, để chỉ vùng đất Thủ Dầu Một. Trong hồi ký viết về vùng đất Thủ Dầu Một (xuất bản tại Paris 1863), đại úy L.C Grammont, một viên sĩ quan Pháp đánh chiếm và quân quản Thủ Dầu Một trong thời gian 1861-1862), cũng hiểu “thủ” là “giữ”; “dầu một” là một loại cây nên đã dùng cụm từ Pháp để chuyển nghĩa tên Thủ Dầu Một “garde - un arbre” (garde: giữ, un arbre: một cây).

Riêng chữ “thủ” còn có người hiểu theo nghĩa là “đầu”, đứng đầu như trong các từ kép “thủ sở”, “thủ phủ” là nơi đặt trụ sở một đơn vị hành chính. Trong “Kỷ yếu Thủ Dầu Một - Bình Dương 300 năm hình thành...” (xuất bản năm 1998), nhà nghiên cứu địa bạ Nguyễn Đình Đầu giải thích địa danh Thủ Dầu Một:

“Trong địa phận làng này xưa có thú sở gần cây dầu lớn nhất...” (trang 49) (ngưng trích).

Nếu nói về cây dầu thì Bình Dương trước đây có rất nhiều cây dầu. Ngay ngã Sáu nhìn lên dốc con Cò, ngày nay loại cây này vẫn còn khá nhiều trên khu đồi UBND Tỉnh ủy Bình Dương. Chắc rằng tên Thú Dầu Một, bắt nguồn từ tên loài cây này mà ra.

Thị xã Thú Dầu Một nằm bên tả ngạn sông Sài Gòn. Phía Đông giáp các huyện Tân Uyên và Thuận An, phía Tây giáp thành phố Sài Gòn, Nam giáp huyện Thuận An, Bắc giáp huyện Bến Cát và Tân Uyên.

Sông Sài Gòn dài 256 km, chảy dọc trên địa phận thành phố khoảng 80km, có lưu lượng trung bình khoảng 54 m³/s, bề rộng tại thành phố 225m đến 370 m, độ sâu nhiều nơi 20m, diện tích lưu vực

trên 5.000 km². Sông Sài Gòn bắt nguồn từ lưu vực cao nguyên Hớn Quảng, tỉnh Bình Phước chảy qua địa phận tỉnh Bình Dương, Sài Gòn, rồi đổ vào sông Đồng Nai ở mũi Đền Đỏ, thuộc huyện Nhà Bè gọi là sông Nhà Bè với dòng hợp lưu của hai sông Đồng Nai và Sài Gòn.

Vì chảy qua nhiều vùng nên sông mang nhiều tên khác nhau: Từ đầu nguồn đến gần chợ Thú Dầu Một, Bình Dương, gọi là sông Ngã Cái.

Đoạn từ chợ Thú Dầu Một đến cư xá Thanh Đa Sài Gòn gọi là sông Thủ Khúc (ngưng trích).

Có một thời gian, chính quyền đã đổi tên Bình Dương là tỉnh Sông Bé. Nhưng đâu có ai thích cái tên này. Cuối cùng thì cũng phải đổi lại là tỉnh Bình Dương. Cũng như Sài

Gòn. Cái tên đã có trên 300 năm. Dù cho có ai muốn nó mất đi cũng không thể được vì tên gọi của nó đã ăn sâu trong tim óc của nhiều thế hệ nối tiếp.

Rời chợ Hoa Xuân, tôi đến ngồi với Minh. Anh hỏi tôi có đói không. Tôi gật đầu. Chị ba tôi mua quá nhiều đồ ăn và hoa nên Minh phải lái xe đưa chị về. Còn tôi cảm thấy đói bụng. Tôi muốn tìm cái gì đó để ăn. Minh đưa tôi đến quán bánh xèo Sài Gòn nằm dọc trên con đường Bạch Đằng gần bờ sông. Minh hỏi “Bạn có nhớ nơi này là không?” Tôi lắc đầu. Minh cười nói “Bên kia đường là nhà của bạn đó. Ngày xưa tôi thường đến đây thăm bạn. Con sông nhỏ chảy qua đây là nhà hàng này.” Tôi nhìn quanh và nhận ra chốn cũ. Tôi còn nhớ như in chi nhánh con sông



Hoa mai vàng:
Trương Minh Châu

nhỏ chảy, nước sông dâng cao và bấy vệt con tôi nuôi mỗi mùa hè bơi lội tung tăng trong đám lục bình. Tôi còn

nhớ con vịt mái lông trắng như tuyết đã ấp trứng trong cái ổ tôi lót dưới giàn mướp. Mỗi ngày nó đẻ trứng rồi ấp trứng. Tôi rình xem những chú vịt con có bộ lông tơ vàng óng, với đôi mắt to đen, cái mỏ nhỏ xíu xinh xắn nở ra từ cái trứng đã bóc vỏ như một kỳ quan lạ lùng của thiên nhiên làm tôi khoái chí cười vang. Tôi nâng niu từng chú vịt bé bỏng, mình còn đầy nhót nhao, ướm nhẹp rồi đem chúng đi sưởi ấm trong cái ổ rơm. Hàng ngày, sau khi đi học về tôi tha hồ chơi đùa với chúng. Mùa hè, tôi đi hái rong, hái bèo, và lục bình thả trên trong chiếc lưới mắt cáo trên sông để cho chúng bơi lội, bì bõm tìm mồi. Rồi chúng lớn lên, Má tôi phải năn nỉ tôi đem

đi làm thịt khi có khách quý đến nhà. Tôi cứ nằm lăn ra đất khóc hu hu... Tôi nuôi con gì là thương con vật đó như người. Sau này tôi lớn lên, gia đình bắt đầu kháng kiệt, tôi mới biết rằng gà vịt nuôi trong nhà không phải để làm kiêng. Tôi kể cho Minh nghe chuyện ngày tôi còn bé và kỷ niệm ngây thơ về dòng sông. Minh cười và nói: *“Dòng sông này đang cạn dần, lòng sông chứa đầy rác mà người ta thay nhau đem ném xuống sông. Nước sông bị ô nhiễm nặng. Bạn không còn dám bơi lội như xưa nữa đâu. Bao nhiêu năm nay rồi tôi nhìn dòng nước đen và ô nhiễm mà buồn trong bụng. Tôi gặt đầu đồng tình: “Hồi này tôi thấy nước lớn nên thích ngồi trên ghé đá nhìn ra sông. Gió lùa hơi nước xông lên mũi mùi hôi thối. Tôi hơi ngạc nhiên vì tưởng mùi bùn. Nhưng không, nước đang lên. Anh nói đúng dòng sông đang ô nhiễm nặng...chị tôi và các cháu nói rằng họ không dám thò chân xuống nước, nói chỉ tới chuyện bơi lội như ngày chúng tôi còn bé.”*

Mấy hôm sau, nhà thơ Trần Bình Dương, chị Xuyên và nhà thơ Nguyễn Công Đình cũng mời chúng tôi đi ăn bánh xèo Sài Gòn. Năm 2008, tôi trở về Thủ Dầu Một lần thứ hai, nhạc sĩ Võ Đông Điền và chị Mai cũng mời chị em tôi đi ăn trong cái nhà hàng này. Chị Ba tôi chỉ tay sang bên đường nói: *“Hồi đó nhà tôi ở đây đó”*. Hình như không ai để ý lời chị tôi nói vì không ai biết được rằng gia đình tôi đã sống nơi đó. Cái nhà hàng này đã dựng lên trên một nhánh nhỏ của con sông đã bị san lấp bằng phẳng chẳng còn để lại một vết tích nào. Nhìn sang con đường đối diện là căn nhà cũ của tôi. Người ta đã dựng lên những căn chòi bằng gỗ tranh và buôn bán những tấm phen lọc vách bằng lá dừa đan lại. Gỗ tranh, lá dừa khô vương vãi khắp nơi trong sân trước, sân sau. Nhánh sông cũng đã bị san lấp bằng phẳng và dùng cho việc kinh doanh, buôn bán. Tôi hỏi thăm bà chủ quán về những người quen cũ, nhưng bà hầu như

không biết ai. Những người hàng xóm thân quen đã từ từ rời bỏ nơi này ra đi. Họ đi đâu và về đâu nào ai biết. Cũng như gia đình tôi đã mất hết gia sản và phải dọn về một dãy phố chật hẹp mà xung quanh thiếu vắng tình người. Giờ đây, gần hai mươi năm xa quê hương, tôi trở lại nhìn cảnh cũ nhớ người xưa. Căn nhà tuổi ấu thơ sao hoang phế, tiêu điều. Khu vườn nho nhỏ, có bụi mía lau, hoa dâm bụt, hoa nhài, hàng chuối sứ, cây ổi, cây dừa, cây mận, cây mít... đã biến mất từ lâu. Người chủ mới đã xây một bức tường kiên cố bao quanh. Giàn hoa giấy đỏ, tím lay lay trong gió mà thuở bé tôi thường nghịch ngợm hái phơi khô kết thành những vòng hoa nhỏ để chơi đã không còn để lại một dấu vết. Người xưa đã khuất bóng và bề dâu cuộc đời đã đưa họ trôi dạt về đâu? Khuôn mặt những người bạn ấu thơ như còn quanh quẩn đâu đây trong trí nhớ của tôi. Nhưng âm thanh, giọng nói, tiếng cười và hình bóng họ chỉ còn là dĩ vãng. Thời gian đã xóa sạch vết tích cũ. Tôi tự hỏi *“vì sao tâm trí con người ghi lại làm chi những kỷ niệm mốc meo để lòng trĩu nặng nỗi buồn?”* Tôi hỏi tôi hay hỏi ai đó, những người tham dự vào dòng chảy của cuộc đời ngắn ngủi này, sao lại nghĩ ra chi cuộc chiến tranh trong tan, để thế hệ tôi bị chia ly vì ý thức hệ? Và giờ đây dù chiến tranh đã khép lại từ lâu, những con người có trái tim và bộ óc nhỏ như hột mít vẫn nuôi dưỡng lòng thù hận, ghét bỏ nhau? Lũ trẻ thế hệ chúng tôi vẫn chưa tìm ra được tình tự dân tộc để mơ ước ngày trở về sống yên bình trên quê hương thân yêu.

Đã nhiều năm tháng trôi qua, tôi mãi đi tìm những trái tim chân thành, biết ghét và yêu đúng nghĩa đã thật sự khó khăn. Từng bước chân tôi đi qua trong suốt những năm tháng của tuổi hoa niên và trưởng thành là nhìn thấy ly tán, đau buồn và nghiệt ngã nhiều hơn hạnh phúc và bình an. Tôi cũng nghiệm ra rằng mỗi người Việt Nam trên quê

hương tôi niềm đau và nỗi buồn lặn sâu vào tâm hồn của họ.

Ba ngày Tết rồi cũng đi qua. Đường phố trở nên vắng lặng. Sau những ngày chuẩn bị tổng cự, nghinh tân, mua sắm, chuẩn bị cho ba ngày Tết, mọi người lại bắt đầu cho ngày Rằm Tháng Giêng cũng nhộn nhịp không kém. Chị Ba tôi và các cháu muốn tôi ở lại ăn Rằm Tháng Giêng, xem múa lân và viếng thăm chùa bà Thiên Hậu. Nhưng tôi không có thời gian. Tôi đã chuẩn bị hành trang trở lại Hoa Kỳ. Đêm cuối cùng tôi không ngủ. Tôi lại ra bờ sông ngồi nhìn con nước trôi xuôi. Đi tìm một ghế đá trống lúc này thật khó khăn. Tất cả các ghế đá đều kín người. Người ta yêu con sông này và thích ra đây thổi gió, tâm sự. Nhưng không ai để ý đến cái chết âm thầm của một dòng sông.

Lòng tôi xao xuyến khi biết rằng ngày mai mình lại ra đi. Tôi đã mang dòng sông và đám

lục bình có màu hoa tím nhạt nhòa, chập chờn trên sóng nước vào những câu chuyện kể, những áng văn thơ và trong cả những giấc mơ. Tôi ao ước dòng sông sẽ xanh trong như ngày xưa để tôi được một lần trở lại trầm mình trong dòng nước mát, được bơi lội như ngày còn thơ bé, được uống một ngụm nước trong lành và nằm nghe dòng sông hát những lời tình tự dưới trăng.

Đêm nay, ngồi viết những dòng tâm sự cho người chợ Thủ, như nhớ như thương một tình nhân đã chia ly. Tôi thì thầm một mình “*Hãy ngủ đi sông ơi! Ngày mai đời đôi ngả. Hồn tôi sao buốt giá. Thương quê nhà thiết tha.*”

Phong Thu
(Maryland)

Chú thích: Tài liệu Bách Khoa Toàn Thư-Wikipedia online có ghi chép nhiều chi tiết quan trọng về tỉnh Bình Dương.



Cỏ Thơm hân hạnh giới thiệu CD “Như Còn Đây Mùa Xuân”, phát hành tháng 2, 2012
Quý vị muốn có CD với chữ ký của tác giả, xin vui lòng liên lạc Nhạc Sĩ Thanh Trang:
thanhtrang@verizon.net

Tìm Hiểu Nghệ Thuật Điện Ảnh Việt Nam

Nguyễn Quốc Khải

17-02-2012

sản xuất được 8 phim trong suốt 14 năm và toàn là phim tuyên truyền.

Phim Việt chọn lọc

Trước đây, tôi không chú ý đến phim Việt Nam. Thành kiến của tôi về nghệ thuật điện ảnh Việt Nam là số phim được sản xuất quá ít, cốt truyện lại không hấp dẫn, diễn xuất không chuyên nghiệp, thiếu tự nhiên và kỹ thuật làm phim thấp kém. Tuy nhiên cách đây khoảng 10 năm, trong dịp đến Little Saigon thuộc thành phố Westminster, California, tôi được một người bạn giới thiệu và dẫn đi mua một vài phim Việt Nam, trong số cả trăm phim bày bán tại một tiệm ở đường Bolsa. Những phim này đã dành cho tôi một sự ngạc nhiên với những tiến bộ rõ ràng. Những người làm phim xem ra được đào tạo về chuyên môn hẳn hoi. Một điểm quan trọng là xem phim Việt Nam thường được biết thêm về văn hóa và lịch sử Việt Nam, được nhìn thấy qua phong cảnh quê hương và hình ảnh về cuộc sống của người dân ở nhiều nơi mà nhiều khi chúng ta chưa bao giờ có dịp đặt chân tới. Từ đó tôi chú ý đến phim Việt Nam.

Trong bài này, chúng ta sẽ tìm hiểu điện ảnh Việt Nam từ 1990 đến nay. Trước đó, điện ảnh Việt Nam không có gì đáng nói. Trong giai đoạn 1975-1989, tư nhân không hoạt động trong lĩnh vực này. Nhà nước chỉ



Thùy Trang
trong phim *Tại Tôi*.

Những phim tôi đã xem trong đợt đầu gồm có *Cay Đắng Mùi Đồi* (Hồ Ngọc Xum), *Chiều Tàn Thu Muộn* (Phạm Thanh Phong và Vũ Trường Khoa), *Con Nhà Nghèo* (Hồ Ngọc Xum), *Đường Đồi* (Trần Thụy Linh và Trung Trung Đĩnh), *Hàn Mặc Tử* (Trần Mỹ Hà), *Hoa Xương Rồng* (Nguyễn Hữu Luyện), *Mùa Lá Rụng* (Đặng Minh Châu), *Những Đứa Con Hiếu Thảo* (Trần Phương), và *Nợ Đồi* (Hồ Ngọc Xum). Tên của các đạo diễn để trong ngoặc. Đây là những phim tâm lý xã hội hay. Trong số những phim này, *Cay Đắng Mùi Đồi*, *Con Nhà Nghèo* và *Nợ Đồi* phỏng theo tác phẩm cùng tên của Nhà Văn Hồ Biểu Chánh. Phim *Hoa Xương Rồng* phỏng theo truyện cùng tên của Nhà Văn Nguyễn Quang Thiều. Phim *Mùa Lá Rụng* soạn kịch bản từ hai tiểu thuyết của Nhà Văn Ma Văn Kháng: *Mùa Lá Rụng Trong Vườn* và *Đám Cưới Không Giấy Giá Thù*.

Phim *Đường Đồi* phỏng theo truyện *Nợ Đồi* của Nhà Văn Hoàng Dự.

Cũng trong thập niên 1990, Đạo Diễn Trần Anh Hùng cho ra đời hai phim tình cảm xã hội là *Mùi Đu Đủ Xanh* (1992) và *Xích Lô* (1995). Sau này ông sản xuất thêm *Mùa Hè*

Chiều Thăng Đứng (2000) và mới đây là hai phim *Và Anh Đến Trong Con Mưa* (2009) và *Rừng Na Uy* (2010). Phim *Mùi Đu Đủ Xanh* đã dành cho ông một giải nhất tại Đại Hội Điện Ảnh ở Cannes 1993 và giải Sutherland Trophy của British Film Institute vào năm 1994. Phim này cũng được đề nghị lãnh Academy Award về phim nói tiếng ngoại quốc. Phim *Xích Lô* đoạt được ba giải quốc tế: Golden Lion và FIPRESCI cùng tại Đại Hội Điện Ảnh Venice 1995, và Grand Prix tại Đại Hội Điện Ảnh Quốc Tế Flanders 1995 tại Ghent, Bỉ. Diễn Viên Trần Nữ Yên Khê, vợ của Đạo Diễn Trần Anh Hùng, đóng trong tất cả những phim này ngoại trừ phim *Rừng Na Uy*. Hai phim đầu tay của ông là *Thiếu Phụ Nam Xương* (1989) và *Hòn Vọng Phu* (1991). Trong những phim của Đạo Diễn Trần Anh Hùng, tôi rất tiếc mới được xem có ba phim *Mùi Đu Đủ Xanh*, *Xích Lô*, và *Mùa Hè Chiều Thăng Đứng*. Xem ra Đạo Diễn Trần Anh Hùng chú trọng đến nghệ thuật hơn là thị hiếu của khán giả.

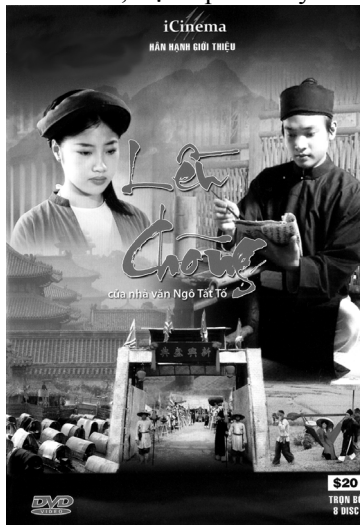
Vào những năm sau này ngành điện ảnh tư nhân ở Việt Nam phát triển, sản xuất nhiều phim video. Số phim dở cũng nhiều khiến báo chí trong nước phải than rằng phim truyền hình phát triển theo “tốc độ tên lửa” về số lượng nhưng về chất lượng, chẳng có bộ phim truyền hình nào thật sự ghi dấu trong lòng người xem. Vào đầu năm 2011, một đài truyền hình phải ngưng phát sóng phim *Anh Chàng Vượt Thời Gian* vì khán giả than phiền là phim dở. Nhà sản xuất đã phải ngưng làm phim này nửa chừng. Đôi khi đài truyền hình vì hệt sóng nên chấp

nhận chiếu những phim chưa đủ chất lượng chứ không phải đài bắt chấp dư luận. 1/ Cho nên chọn được phim hay không phải là dễ. Cách tốt nhất là hỏi ý kiến bạn bè hoặc tra cứu trên Internet. Ngoài ra, phim Việt bị sao chép khá nhiều, cho nên khi mua nên đòi bản gốc. Một số nhà phát hành phim cho dán thương hiệu hologram vào hộp đựng DVD để chống làm phim lậu. Vào thời kỳ này kỹ thuật làm phim khá hơn nên hình ảnh và âm thanh tốt hơn.

Trong đợt hai này tôi được xem một số phim hay khác phỏng theo những tiểu thuyết tình cảm xã hội. Đó là những phim *Khóc Thầm* (Võ Việt Hùng), *Lều Chông* (Nguyễn Thanh Vân), *Mé Thảo*, *Một Thời Vàng Bóng* (Việt Linh), *Tại Tôi* (Võ Việt Hùng), *Tân Phong Nữ Sĩ* (Võ Việt Hùng), *Tình An* (Võ Việt Hùng), và *Vịt Kêu Đồng* (Phương Nam). *Lều Chông* phỏng theo cuốn tiểu thuyết cùng tên của Nhà Văn Ngô Tất Tố. *Mé Thảo* phỏng theo tác phẩm *Chùa Đàn* của Nhà Văn Nguyễn Tuân. *Vịt Kêu Đồng* theo kịch bản của nhà biên kịch Nhất Mai. Bốn phim còn lại đều phỏng theo những tác phẩm cùng

tên của Nhà Văn Hồ Biểu Chánh. Đây là những phim giá trị. Ngoài ra còn phải kể ba phim nữa do các đạo diễn hải ngoại sản xuất. Đó là *Ba Mùa* (Tony Bùi), *Con Rồng Xanh* (Timothy Linh Bùi), và *Vượt Sóng* (Trần Hàm).

Phim *Ba Mùa* mô tả xã hội Việt Nam vào giai đoạn chuyển tiếp từ xã hội chủ nghĩa qua tư bản, vào đầu của thời kỳ đổi mới với ba mùa: mưa, nắng, và hi vọng. Bối cảnh chính của phim này là thành phố Sài Gòn. Phim trình



Bìa DVD của phim *Lều Chông*.

bảy bốn nhân vật: một anh đạp xe xích lô yêu một cô gái diêm, một cô thôn nữ yêu một ông thầy giáo mắc bệnh hủi, một em bé lai sống về nghề đánh giày trên các vỉa hè, và một cựu binh sĩ Hoa Kỳ về Việt Nam tìm đứa con rơi. Phim này đoạt được hai giải khán giả và giám khảo tại Đại Hội Điện Ảnh Sundance 1999.

Con Rồng Xanh ra đời vào 2001. Phim này quy tụ một số tài tử điện ảnh Việt và Mỹ như Patrick Swayze, Forest Whitaker, Đơn Dương, Lê Thị Hiệp, Catherine Ai, Nguyễn Trung Hiếu, Kiều Chinh, và James D. Dever. Patrick Swayze, Forest Whitaker, và Đơn Dương là ba diễn viên điều luyện trong ngành điện ảnh. Timothy Linh Bui vừa là người viết kịch bản vừa là đạo diễn. Phim nói về những mẩu chuyện của những người tị nạn Việt Nam khi mới đặt chân đến Hoa Kỳ và tạm cư trong Trại Pendleton, một căn cứ quân sự của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ tại California. Vì đóng trong phim này và phim *We Were Soldiers* (2002) mà Diễn Viên Đơn Dương đã bị chính quyền Việt Nam làm khó dễ khiến ông đã phải sang tị nạn tại Hoa Kỳ vào năm 2003. Đạo Diễn Timothy Linh Bui vì sản xuất phim *Con Rồng Xanh* cũng bị sách nhiễu.

Vượt Sóng được hoàn tất và trình chiếu vào đầu năm 2007. Phim này nói về thân phận của các tù nhân trong trại cải tạo tại Việt Nam và những cuộc vượt biên tìm tự do sau khi chiến tranh chấm dứt. Phim được thực hiện bởi Đạo Diễn Trần Hàm và Nhà Sản Xuất Nguyễn Lâm. Các diễn viên chính bao gồm Kiều Chinh, Diễm Liên, Nguyễn Long, Nguyễn Thái Nguyên, Jayvee Mai Thế Hiệp, Khanh Đoàn, và Cát Ly. Nhà cầm quyền Việt Nam không cho phép phim được quay tại Việt

Nam. Do đó phim *Vượt Sóng* đã được thực hiện tại Thái Lan. Phim *Vượt Sóng* là một cố gắng đáng được ca ngợi và hỗ trợ. Nhưng cần phải nói rằng các đạo diễn sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tuyển mộ những diễn viên chuyên môn ở hải ngoại để đóng phim Việt.

Phim *Vượt Sóng* nhận được nhiều lời khen chê lẫn lộn. Theo Wikipedia, “phim được hầu hết các nhà phê bình đánh giá cao. Tại Rotten Tomatoes, một website lưu trữ các lời bình phim của các nhà phê bình chuyên nghiệp, phim được 92% trong số tất cả các nhà phê bình và 100% nhà phê bình có uy tín khen. Nhật báo *The New York Times* nói rằng đạo diễn đã ‘thành công một việc bất khả thi’ (*achieves the impossible*) và cho rằng phim sẽ làm khán giả chảy nước mắt (*tearjerker*). Tờ

Los Angeles Times cho đây là một trường hợp làm phim tình vi và say mê bởi những người đã từng trải qua những cảnh mà phim đề cập. Báo *San Jose Mercury News* nói phim sẽ làm khán giả ‘đau lòng’ (*heartbreaking*) và cho phim 4.5/5 sao. Chuyên báo *Variety* của Hollywood nhận xét phim ‘đáng được nhiều người xem’ và ‘thường làm khán giả đắm mê’ (*frequently enthralling*).

Tuần báo *New York* cho rằng phim có một số đoạn mạnh mẽ nhưng nói chung thì phim ‘thiếu

sống động’. Tờ *Seattle Post-Intelligencer* cho rằng ‘*Hành trình* này không biết đi đến đâu’, và đánh giá thấp thuật ‘quay phim câu thả’ (*careless cinematography*) và sự ‘dàn cảnh vụng về’ (*clumsily staged*).”

Vào năm 2010, nhân dịp kỷ niệm 1000 năm đất Thăng Long, một số phim lịch sử ra đời gồm *Huyền Sử Thiên Đô* (Phạm Thanh Phong và Đặng Tất Bình), *Khát Vọng Thăng Long*



Tăng Thanh Hà và Lương Mạnh Hải trong phim *Bồng Dung Muốn Khóc*.

(Luu Trọng Ninh), và *Về Đất Thăng Long* (Trần Ngọc Phong, Đinh Thái Thủy và Lê Chí Bửu). Cả ba phim này đều trình bày một giai đoạn lịch sử Việt Nam từ thời Vua Lê Đại Hành đến thời Vua Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lư về Đại La tức là Thăng Long sau này và Hà Nội bây giờ. Cả ba phim đều có giá trị về nghệ thuật và lịch sử, rất đáng xem. *Về Đất Thăng Long* được bày bán ở các chợ Việt Nam dưới dạng DVD. *Huyền Sử Thiên Đô* gồm 72 tập, nhưng cho tới nay chỉ có 42 tập được hoàn tất, chưa có DVD, nhưng có thể tìm xem trên YouTube. Người ta chưa biết công ty bỏ vốn World Star Group có đầu tư thêm vào phim này hay không và bao giờ 30 tập còn lại sẽ được hoàn thành. Phim *Khát Vọng Thăng Long* đã được chiếu ở Việt Nam, chưa được phát hành DVD, nhưng đã được giới thiệu một phần trên YouTube. *Khát Vọng Thăng Long* là phim lịch sử duy nhất về *Lý Công Uẩn* đã hoàn tất để kịp thời ra mắt nhân dịp kỷ niệm thủ đô Hà Nội một ngàn tuổi.

Những phim lịch sử cần nhiều diễn viên chính và hàng trăm diễn viên công chúng. Riêng phim *Huyền Sử Thiên Đô* đã có tới 60 diễn viên chính. Thuộc tên các nhân vật trong kịch bản cũng là một vấn đề. Không những thế các nhà sản xuất phải bỏ nhiều công sức và tiền bạc để nghiên cứu và xây dựng lại cảnh trí 1,000 năm về trước. Những phim lịch sử Việt Nam ra đời vào thời điểm này tuy hơi trễ nhưng vẫn hữu ích vì khán giả Việt Nam đã chán những phim dã sử Trung Hoa và Đại Hàn. Ngoài ra, phim lịch sử Việt Nam còn nhắc nhở người Việt về công lao của tiền nhân trong việc xây dựng và bảo vệ bờ cõi và tham vọng xâm lăng cổ hữu của dân Đại Hán phương Bắc.



Đạo Diễn Trần Anh Hùng.

Gần đây tôi xem một số phim nói về xã hội đương thời, nhưng không kém phần hấp dẫn. Những phim này có lẽ hợp với tuổi trẻ vì dễ hiểu hơn so với những phim lịch sử hay tình cảm xã hội của năm ba thế hệ trước. Trong số phim này phải kể đến *Áo Lụa Hà Đông* (Luu Huỳnh), *Bi, Đừng Sợ* (Phan Đăng Di), *Bông Dưng Muốn Khóc* (Vũ Ngọc Đăng), *Cánh Đông Bất Tận* (Nguyễn Phan Quang Bình), *Hoa Giữa Đồi* (Bùi Ngọc Phương Nam), *Kiếp Chông Chung* (Khoa Nam), *Mẹ Chông Của Tôi* (Bùi Ngọc Phương Nam), *Những Đứa Con Khác Họ* (Bùi Ngọc Phương Nam), *Nữ Bác Sĩ* (Song Chi), *Tuyết Miền Nhiệt Đới* (Vũ Ngọc Đăng). Đặc biệt có ba phim hành động: *Chạy Án* (Vũ Hồng Sơn), *Cố Cồn Trắng* (Trần Hoài Sơn), và *Từ Đen Đến Trắng* (Khải Hưng). Ba phim này trong bộ phim *Cảnh Sát Hình Sự* được sản xuất từ

1997 cho đến nay với chủ đề là chống tội phạm. Phim *Nữ Bác Sĩ* và những phim *Cảnh Sát Hình Sự* đều mô tả tư tưởng và hành động cao cả của bác sĩ, y tá, công an, và cảnh sát, trái ngược hẳn với những gì xảy ra ngoài đời. Ôi, dù sao phim ảnh cũng giúp cho dân chúng có phương tiện để so sánh và ước ao.

Ngoài ra còn một số phim giải trí là *Chuyện Tình Xa Xứ* (Victor Vu), *Đế Mai Tinh* (Charlie Nguyễn), *Đồng Tiền Swong Máu* (Đinh Đức Liêm),

Gái Nhảy (Lê Hoàng), *Oan Hồn* (Victor Vu), *Quỳnh Chi & Lệ Chi* (Cao Mạnh), và *Tình Yêu Duy Nhất* (Thế Ngữ). Tôi xếp những phim này vào loại phim ngắn vì mỗi phim chỉ có một đĩa. Tất cả những phim còn lại là những phim dài gồm từ hai hay ba đĩa trở lên. Đối với phim dài (thường gọi là phim bộ), cứ mỗi đĩa là \$2. Phim có năm đĩa là \$10. Đây là giá ở vùng Washington-DC.

Đạo diễn

Sự thành công của một phim ảnh dựa vào nhiều yếu tố trong đó có đạo diễn, diễn viên, kịch bản, kỹ thuật, tài chính, quảng cáo, và phát hành. Đạo diễn chiếm một vai trò rất quan trọng, vì ở Việt Nam đạo diễn là người chính quyết định chọn lựa diễn viên và thực hiện kịch bản và cũng chính họ là người tìm những chuyên viên để thu hình. Điều này trái ngược với vai trò khiêm nhường hơn của đạo diễn so với nhà sản xuất, tác giả kịch bản, và diễn viên ở Hoa Kỳ.

Nhìn vào danh sách những phim chọn lọc trên đây, người ta nhận thấy các đạo diễn thường chỉ thực hiện một hoặc hai phim. Có một số ít đạo diễn có cơ hội thực hiện liên tiếp nhiều phim khác nhau như Hồ Ngọc Xum, Võ Việt Hùng, Vũ Ngọc Đăng, và Bùi Ngọc Phương Nam. Riêng đối với Đạo Diễn Nguyễn Thanh Vân, tuy chỉ có một phim *Lều Chông* trong danh sách trên đây, nhưng ông đã nổi tiếng với một số phim khác như *Cây Bạch Đàn Vô*

Danh, *Đời Cát*, *Người Đàn Bà Mộng Du*, và *Một Thời Đã Sống*. 2/ Trường hợp của Đạo Diễn Lưu Trọng Ninh cũng vậy. Ông là một đạo diễn có tiếng tăm ở Việt Nam. Ngoài phim *Khát Vọng Thăng Long*, ông đã thực hiện một số phim khác như *Hoa Cỏ May*, *13 Nữ Tù*, *Canh Bạc*, *Hãy Tha Thứ Cho Em*, *Ngã Ba Đồng Lộc*, *Bến Không Chông*, ...

Đạo Diễn Song Chi ngoài phim *Nữ Báo Sĩ* còn sản xuất phim *Phố Hoài* trong suốt 15 năm làm việc trong ngành điện ảnh. Đạo diễn Song Chi có lần tâm sự: “Có kịch bản mình ưng ý nhưng không được duyệt, cũng có

nhiều kịch bản được giao làm nhưng mình lại không thấy thú vị nên đành gác lại và làm những công việc khác có liên quan như phim quảng cáo, phim tài liệu để mưu sinh.” 3/ Do đó người ta thấy rằng phim video nhiều còn phim nhựa rất khan hiếm. Trong khi đang chuẩn bị để làm phim mới trong bộ phim Cảnh Sát Hình Sự Đạo Diễn Song Chi bị cắt tất cả hợp đồng tại các hãng phim quốc doanh và đài truyền Hình Việt Nam vì đã tham gia biểu tình chống sự xâm lăng của Trung Quốc tại Biển Đông nhân dịp nước này tổ chức rước đuốc Thế Vận Hội Thế Giới 2008 xuyên qua Việt Nam. Bà cũng đã viết một số bài trên blog cá nhân để bày tỏ quan điểm về



Ngô Thanh Vân và Johnny Trí Nguyễn trong phim *Dòng Máu Anh Hùng*.

những bất công xã hội và chống việc Trung Quốc xâm chiếm Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Đạo Diễn Song Chi đã trốn ra khỏi Việt Nam và sang Na Uy tị nạn chính trị vào tháng 9, 2009 theo quy chế bảo trợ của một tổ chức gồm các nước Châu Âu dành cho các trường hợp văn nghệ sĩ và trí thức gặp phải những vấn đề khó khăn với chính quyền của họ. Mỗi năm họ nhận rất nhiều hồ sơ

của nhiều trường hợp khác nhau ở các quốc gia khác nhau. Na Uy là nước đã tiếp nhận Đạo Diễn Song Chi với tư cách là một “guest writer” của họ để tiếp tục nói lên những điều người dân không nói được. 4/

Diễn viên điện Ảnh

Việt Nam không thiếu diễn viên xuất sắc. Chỉ cần xem qua những phim trên đây, người ta đã có thể nhận ra những tài năng này. Danh sách quá dài nên tôi chỉ liệt kê một số tên để làm thí dụ. Về phái nữ có Anh Thư, Bích

Hằng, Cao Thùy Dương, Diễm My, Đỗ Thị Hải Yến, Hạnh Thủy, Hồng Sáp, Hương Dung, Kim Loan, Kim Thanh Thảo, Kim Phương, Lê Khanh, Lê Phương, Mộng Trúc, Mỹ Sang (trẻ em), Nguyệt Ánh, Nhật Kim Anh, Như Quỳnh, Phan Hòa, Phi Phụng, Phương Trinh, Phương Dung, Phương Trinh, Quế Phương, Quỳnh Lam, Tăng Thanh Hằng, Thanh Hằng, Thu Trang, Thùy Trang, Thúy Diễm, Trần Nữ Yên Khê, Trương Ngọc Ánh, Việt Hà, ... Nam diễn viên gồm có Chí Hải, Công Ninh, Dũng Nhi, Duy Khoa, Đơn Dương (chết), Hà Trí Quang, Hiếu Hiền, Hòa Bình (trẻ em), Hoàng Anh, Hoàng Sơn, Khoa Nam, Lâm Minh Thắng, Lê Bình, Lương Mạnh Hải, Lý Hùng, Mai Sơn Lâm, Minh Cường, Minh Luân, Ngọc Hùng, Nguyễn Chí Trung, Quách Ngọc Ngoan, Quốc Cường, Thiện Tùng, Tiến Đạt, Trung Úy, Trương Minh Quốc Thái, Văn Báu, Việt Anh, ...

Tuy phim nhiều nhưng xem ra cũng không đủ việc làm cho số diễn viên này. Bằng chứng là các diễn viên không có nhiều cơ hội đóng nhiều phim khác nhau. Nhất là trong thời gian gần đây, phim video vẫn được sản xuất nhiều, nhưng số phim nhựa giảm xuống còn khoảng 15 mỗi năm. Trong đó một nửa được sản xuất theo đơn đặt hàng của nhà nước. Thật là đáng tiếc. Anh Thư, Dũng Nhi, Bình Minh, Đỗ Thị Hải Yến, Hiếu Hiền, Lương Mạnh Hải, Minh Luân, Như Quỳnh, Tăng Thanh Hà, Trần Nữ Yên Khê, Trương Ngọc Ánh, Việt Hà, ... là những diễn viên xuất hiện nhiều lần trong những phim mà tôi đã xem.

Tuy nhiên có một điều khó hiểu là tuy có sẵn những diễn viên chuyên nghiệp, nhưng một số nhà sản xuất và đạo diễn vẫn thường dùng người

mẫu hay ca sĩ để đóng phim, như Lam Trường và Minh Hằng trong ngôi *Nhà Hạnh Phúc* gồm nhiều tập nhưng tôi chỉ đủ kiên nhẫn xem một vài đoạn ở phần đầu. Một trường hợp cũng thường hay xảy ra là dù có diễn viên giỏi và đạo diễn kinh nghiệm nhưng nếu phim không có cốt chuyện hay thì kết quả sẽ không được như mong muốn. Cặp Tăng Thanh Hà và Lương Mạnh Hải sau khi cùng xuất hiện một cách xuất sắc trong phim *Bông Dưng Muốn Khóc* lại tái ngộ trong *Đẹp Từng Centimet* cùng với Đạo Diễn Vũ Ngọc Đăng, nhưng phim này không thể nào so sánh với phim trước được.

Những khó khăn của nghệ thuật điện ảnh Việt Nam.

Như vừa trình bày ở trên, thiếu kịch bản là một trong những khó khăn của điện ảnh Việt Nam hiện nay. Những kịch bản không phản ánh đời sống thực tế không thu hút được khán giả. Trong xã hội có nhiều thực trạng đau lòng, nhưng điện ảnh chưa dám đề cập tới. Theo Đạo Diễn Vi Tiến Sơn việc khan hiếm kịch bản có một số lý do nhưng “nguyên nhân chính là tài năng. Hiện nay sự phát triển văn học nghệ thuật của chúng ta nói chung còn hạn chế. Mà điện ảnh, trước hết là kịch bản phải được bắt nguồn từ nền văn học vững chắc, và nền văn học của chúng ta cũng đầy khó khăn cho nên về mặt tài năng con người chúng ta chưa có đủ khả năng làm được những kịch bản hay. Lý do con người chứ không phải là tiền nong hay cơ chế gì ở đây.” 5/

Ý kiến của Đạo Diễn Đặng Nhật Minh về vấn đề này như sau: “Lý do chính là chúng ta không có những người viết kịch bản chuyên nghiệp, không có những người tâm huyết áp ủ



Nhà Văn Nguyễn Ngọc Tư,
tác giả cuốn truyện
Cánh Đồng Bất Tận.

những điều sâu xa để viết lên trang giấy những kịch bản rung động người xem. Thứ hai là nhu cầu về phim truyền hình quá lớn. Theo tôi được biết là hiện nay mỗi năm sản xuất 7,000 tập phim truyền hình, lấy đâu ra người mà viết được nên dẫn tới tình trạng họ làm cho nhanh, làm cho kịp thời để phát sóng, bí thì lấy luôn chuyện của nước ngoài làm cho xong, cho đơn giản.” 6/

Như Đạo Diễn Đặng Nhật Minh nhận xét, hiện nay có một số nhà sản xuất phim Việt sử dụng chuyện phim của nước ngoài để làm phim Việt sau khi sửa đổi đôi chút cho phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Một số phim Việt phỏng theo chuyện phim của Hàn Quốc gồm có *Bông Dưng Muốn Khóc*, *Cô Gái Xấu Xí*, *Hương Nghiệp*, *Lối Sống Sai Lầm*, *Mùi Ngò Gai*, *Nụ Hôn Bóng Đêm*, *Sóng Tình*, *Sóng Đời*, *Trái Tim Lỡ Nhịp*, *Vòng Xoáy Tình*, ...

Một xã hội tù túng như ở Việt Nam đương nhiên không thể có nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà soạn kịch, ... hay nghệ sĩ nói chung. Nghệ sĩ là người yêu chuộng tự do. Nếu bị chỉ đạo và kiểm soát về tư tưởng, khả năng sáng tác của họ sẽ bị thui chột. Việt Nam ngày nay không có nhiều tác phẩm văn chương, kịch nghệ, hay thơ nhạc, không có những kịch bản hay để làm phim cũng vì lý do hiển nhiên này. Mặt khác một số tác phẩm ở Việt Nam sáng tác dưới chế độ cộng sản lại là những tác phẩm phản kháng.

Sau khi *Cánh Đồng Bất Tận* của Nhà Văn Nguyễn Ngọc Tư được xuất bản vào năm 2003, tác phẩm này đã được báo Văn Nghệ, tờ báo uy tín nhất của giới Văn học Việt Nam, chọn là một trong những truyện hay nhất của năm. Nhưng đến cuối năm 2005, tác phẩm này bị nhiều báo và tạp chí địa phương cũng như trung ương bình phẩm. Sang đầu năm sau, Nhà Văn Nguyễn Ngọc Tư đã bị Ban Tuyên Giáo Tỉnh Ủy Cà Mau đề nghị Hội Văn Học Nghệ Thuật Tỉnh Cà Mau (quốc doanh) “kiểm điểm phê phán tác giả một cách nghiêm khắc, rút kinh nghiệm khi viết, cần phải có thực tiễn cuộc sống, cái đẹp, cái tốt mà xã hội đang xây dựng và phát triển.” Có ý kiến cho

đây là thứ văn chương phản động, thậm chí chống lại chủ trương của đảng và nhà nước, nói xấu địa phương và đòi bãi trừ và trục xuất Nhà Văn Nguyễn Ngọc Tư ra khỏi địa bàn. 7/

Tuy nhiên, như một phép lạ, vào tháng 10, 2006 *Cánh Đồng Bất Tận* đã đoạt Giải thưởng Hội Nhà Văn Việt Nam 2006 tại Hội Nghị Ban Chấp Hành Hội Nhà Văn Việt Nam họp tại Hà Nội. Hai năm sau, tác phẩm này lại được trao tặng Giải thưởng Văn Học Đông Nam Á. Vào 2010, *Cánh Đồng Bất Tận* được Đạo Diễn Nguyễn Phan Quang Bình chuyển thành bộ phim điện ảnh cùng tên. Thí dụ trên đây cho thấy làm một người cầm bút dưới một chế độ độc tài khó khăn ra sao và tai họa có thể giáng xuống đầu họ bất cứ khi nào.

Tuy rằng chi phí để làm phim khá lớn nhất là đối với một nước nghèo như Việt Nam, nhưng theo nhiều chuyên gia trong kỹ nghệ điện ảnh Việt Nam, tiền lại không phải là vấn đề quan trọng nhất. Đạo Diễn Đặng Nhật Minh nhận định rằng: “những luận điệu mà cứ đổ lỗi thế này, đổ lỗi thế kia, tôi ở trong điện ảnh hàng chục năm nay tôi nghe mãi rồi. Nào là thiếu tiền, thiếu phương tiện, thiếu cái này thiếu cái kia, nhà nước cứ cho chúng tôi tiền nhiều vào rồi dứt khoát sẽ có phim hay, tôi nghe chán rồi. Có một điều mà không ai nghĩ ra là chúng ta còn kém tài, lực chúng ta yếu quá, chúng ta không tâm huyết, không sâu sắc, không đam mê, không làm cái gì cho đến nơi đến chốn, đó là lỗi chính. Khi nào các nhà điện ảnh tự nhận lỗi chính mình thì lúc đó may ra mới biến chuyển được.” Theo Đạo Diễn Vi Tiến Sơn: “Cuối cùng ra vẫn là vấn đề con người. Con người chúng ta cái tâm chưa tới thì dù có cho thêm tiền thì cũng không giải quyết được vấn đề bao nhiêu.” 8/

Theo Đạo Diễn Đới Xuân Việt, ngành điện ảnh Việt Nam còn thiếu thốn “rất nhiều thứ chứ không phải chỉ vài ông diễn viên, vài ông đạo diễn. Đội ngũ sáng tác còn hạn chế, mà còn cần đủ thứ loại nghề để có thể làm được phim. Ví dụ tôi nói ở Việt Nam chưa có người chuyên viết

nhạc cho phim. Âm nhạc chưa có một vị trí nhất định trong phim. Đây là tôi mới nói một vấn đề thôi, còn âm thanh, tiếng động, đủ các loại. Nói chung là nghề nghiệp để làm ra một phim hay đạt tầm cỡ nào đó thì mình chưa đủ sức. Chưa có cái gì, chưa có trường quay, mà phần lớn là sử dụng các bối cảnh thực tế cải tạo đi để làm.” 9/

Vào thập niên 1980, phim video của Mỹ và Hong Kong tràn ngập thị trường Việt Nam đã làm cho kỹ nghệ điện ảnh Việt Nam phá sản. Trong khi các nước Á châu khác tiếp nhận những kỹ thuật mới để phát triển ngành điện ảnh, Việt Nam áp dụng kỹ thuật video để giảm phí tổn làm phim. Đến giữa thập niên 1990, Việt Nam mới bắt đầu trở lại làm phim nhựa. Kỹ thuật làm phim của Việt Nam hiện còn khá chậm tiến so với ngay cả những nước Á châu khác. 10/

Tình trạng trì trệ của kỹ nghệ điện ảnh Việt Nam ngày nay một phần là hậu quả của thời bao cấp. Nhà nước hiện nay vẫn chú trọng đến mục tiêu tuyên truyền hơn là nghệ thuật và thương mại. Những người làm điện ảnh kỳ cựu của Việt Nam vẫn duy trì quan niệm bảo thủ về các giá trị của điện ảnh trong thời chiến tranh. Các công ty điện ảnh tư nhân vẫn bị chần ách bởi những công ty quốc doanh. Những phim làm theo đơn đặt hàng của nhà nước tốn phí rất cao, nhưng không thu vào được bao nhiêu. Thí dụ như phim *Ký Úc Điện Biên* tiêu tốn khoảng 13 tỉ đồng, một kinh phí khổng lồ, nhưng khi đem chiếu đã không thu hút được khán giả. 11/

Phim *Áo Lụa Hà Đông*, một phim tình cảm xã hội có liên quan đến cuộc di cư 1954 và chiến tranh tại Miền Nam Việt Nam vào thời kỳ 1957-1975, được hoàn tất vào năm 2006, là một phim suýt sắc với Đạo Diễn Lưu Huỳnh và ba diễn viên chính là Trương Ngọc Ánh, Quốc Khánh, và Như Quỳnh. Tuy nhiên phản tuyên truyền nặng nề ở đoạn cuối đã làm giảm giá trị của cuốn phim. Tốn phí hoàn thành cuốn phim lên đến 20 tỉ đồng. Mặc dù thu hút được một số đông khán giả, nhưng phim đã không thu vào đủ số vốn.

Để làm cho tình trạng điện ảnh Việt Nam bi thảm thêm, vào khoảng cuối năm 2011 Trung Tâm Điện Ảnh Việt Nam đã khám phá ra một vụ biển thủ công quỹ một số tiền là 44.6 tỉ đồng bởi một nhân viên kế toán của Trung Tâm. Cục Trưởng Cục Điện Ảnh, Cục Phó Cục Điện Ảnh kiêm Giám Đốc Trung Tâm Điện Ảnh đã bị cách chức.

Kết luận

Hiện nay Việt Nam có khoảng 100 rạp chiếu phim trên toàn quốc và khoảng 40 công ty làm phim tư nhân. Mỗi năm Việt Nam sản xuất được khoảng 15 phim nhựa (phim chiếu tại các rạp), khoảng 7,000 phim video (phim chiếu trên màn ảnh truyền hình), và nhập cảng khoảng 120 phim nhựa từ nước ngoài để thỏa mãn nhu cầu xem phim giải trí của người Việt.

Trên thực tế, người Việt vẫn thích xem phim Việt nhưng thiếu phim hay nên vẫn phải xem phim ngoại quốc. Thị trường đã có sẵn. Đạo diễn và diễn viên cũng đã có sẵn. Điện ảnh Việt Nam đã tiếp cận với điện ảnh thế giới và có dịp trao đổi kinh nghiệm và học hỏi kỹ thuật mới mẻ của những nước tân tiến. Một số phim Việt Nam tham gia đại hội điện ảnh quốc tế đã được khen ngợi hoặc đoạt giải thưởng điện ảnh thế giới, như phim *Chơi Voi* của đạo diễn Bùi Thạc Chuyên. Bộ phim *Bi, Dừng Sợ* (Phan Đăng Di) mặc dầu không được nhiều khán giả Việt hoan nghênh, nhưng liên tiếp đoạt giải tại các liên hoan phim quốc tế bao gồm hai giải của Hiệp Hội Phê Bình Điện ảnh Quốc Tế tại Cannes và giải phim đầu tay xuất sắc nhất tại Đại Hội Điện Ảnh Châu Á, Đại Hội Điện Ảnh Stockholm (Thụy Điển), và Đại Hội Điện Ảnh Vancouver (Canada).

Một số đạo diễn và diễn viên trẻ gốc Việt ở hải ngoại đã đến Việt Nam để làm phim. Trong đó phải kể đến Charlie Nguyễn, Dustin Nguyễn, Hellen Thanh Đào, Johnny Trí Nguyễn, Kathy Uyên, Lý Nhã Kỳ, Ngô Thanh Vân, Trần Anh Hùng, Trần Nữ Yên Khê, Victor Vũ, ... Ngoài ra

cần phải kể thêm Đạo Diễn Pháp gốc Việt Philippe Rostan. Ông chưa được nhiều người Việt biết đến nhưng đã làm rất nhiều phim tài liệu và phim ngắn về Việt Nam. Trong đó phải kể đến *Le Marché de l'Amour - Chợ Tình* (2011), *Le Lotus Dans Tous Ses États - Hoa Sen* (2011), *Les Trois Guerres de Madeleine Riffaud - Ba Cuộc Chiến Của Madeleine Riffaud* (2010), *Inconnu, Prémumé Français – Kẻ Vô Danh, Được Coi Là Người Pháp* (2009), *Le Petit Vietnam – Việt Nam Thu Nhỏ* (2006), *Cœur Coréen - Trái Tim Hàn Quốc* (2002), *Chiếc Bánh Ít* (2001) ... 12/

Là những người được đào tạo nghiêm chỉnh về kỹ thuật tại nước ngoài, họ sẽ tự nhiên góp phần vào việc đổi mới ngành điện ảnh Việt Nam. Ngược lại họ sẽ được học hỏi về văn hóa và đời sống xã hội từ những người ở trong nước. Như vậy cả hai bên đều mang lợi ích lại cho nhau. Phim *Dòng Máu Anh Hùng* của Đạo Diễn Charlie Nguyễn ra đời vào năm 2007 đã áp dụng những kỹ thuật mới về dàn dựng cảnh để quay phim và đã thu hút rất đông khán giả. Tiếp theo đó là một số phim của các đạo diễn trẻ ở trong nước như *Trai Nhảy*, *Chuông Reo Là Bắn*, *Đẹp Từng Centimet*, *Long Ruồi* và *Hotboy Nổi Loạn*. Đặc biệt phim *Cánh Đồng Bất Tận* đã thể hiện tính cách chuyên nghiệp của người làm phim. 13/

Nghệ thuật điện ảnh có phát triển được hay không cũng cần nhờ vào sự góp sức của khán giả. Khi có những phim hay, chúng ta nên đi xem để ủng hộ. Chúng ta không bao giờ nên mượn phim hoặc mua phim sao chép lại và nên báo với cảnh sát những tiệm bán hàng lậu (ở Việt Nam chưa thể làm được) để bảo vệ người sản xuất cũng như người tiêu thụ. Làm phim rất tốt kém và thường mất cả năm trời, nếu kể cả thời gian soạn kịch bản có thể còn lâu hơn nữa. Nếu những nhà sản xuất phim không có lợi nhuận, họ sẽ không có khả năng làm phim nữa và chúng ta sẽ

tiếp tục coi phim Tây, phim Tàu, phim Đại Hàn, và phim Ấn Độ.

Việt Nam có một đội ngũ đạo diễn và diễn viên hùng hậu. Đó là tích sản quý giá, một tiềm năng bảo đảm. Để phát triển văn hóa nói chung hay nghệ thuật nói riêng, bao gồm cả ngành điện ảnh, Việt Nam cần phải để cho các nghệ sĩ được tự do sáng tác. Người ta hi vọng điện ảnh Việt Nam sẽ được cải tổ và phát triển mạnh một ngày gần đây để phục vụ khán giả Việt Nam trong và ngoài nước và nâng cao vị thế của Việt Nam trong lãnh vực nghệ thuật điện ảnh thế giới.

Chú thích:

- 1/ Hoàng Lê – Nga Linh, “Phim Việt Liên Tục Gây Thất Vọng,” Tuổi Trẻ, 18-04-2011.
- 2/ Phạm Ngọc, “Đạo Diễn Nguyễn Thanh Vân: ‘Đừng Bao Giờ So Sánh Phim Nhựa Với Phim Truyền Hình’”, Việt Báo, 30-03-2005.
- 3/ Hương Nhu, “Đạo Diễn Song Chi: 15 Năm 2 Bộ Phim,” Người Lao Động, 29-10-2007.
- 4/ Trà Mi, “Đạo Diễn Song Chi Đã Tị Nạn Tại Na Uy,” RFA, 04-06-2009.
- 5/ Hạnh Ly, “Điện ảnh Việt: Thiếu Tầm Hay Thiếu Tiền?” BBC, 14-10-2011.
- 6/ Như trên.
- 7/ Trần Đức, “Cánh đồng bất tận không phản động nhưng...” , Tuổi Trẻ, 08-04-2006.
- 8/ Việt Hà, “Điện ảnh Việt Nam Chưa Có Lối Thoát,” RFA, 01-10-2009.
- 9/ Như trên.
- 10/ “Điện ảnh Việt Nam Lỡ Một Chuyến Tàu Hội Nhập,” Xa Lộ Tin Tức, 20-10-2011.
- 11/ Như trên.
- 12/ Thanh Hà, “Việt Nam tại Liên hoan phim châu Á Vesoul Bộ phim tài liệu ‘Chợ Tình’ của Philippe Rostan”, RFI, 16-02-2012.
- 13/ “Điện ảnh Việt Nam Lỡ Một Chuyến Tàu Hội Nhập,” Xa Lộ Tin Tức, 20-10-2011.

Dòng đời trôi: Con người và vũ trụ

Trần Tam Nguyên

Ngày qua lại ngày, như người mộng du trên con đường sỏi đá.

Dòng đời trôi, hành tinh, mặt trời, thiên hà, ngân hà đều là cát bụi, là chất liệu, đều giống như em, Phương Lan, giống như viên đá cuội nằm lơ lửng ở thiên núi, ở bờ biển lăn lóc theo dòng nước trôi, lăn quay theo sóng biển, trần trọc theo tháng ngày như thiếu mất một thứ tình yêu, tình người và bị bơ vơ trong chuyển động mất hút.

Dòng đời trôi, con đường bao la từ hành tinh này đến hành tinh kia, dài cả hàng ngàn năm ánh sáng, sau vụ nổ lớn khởi nguồn tung toé sinh nở vũ trụ, em từ đó bước ra, chân không vững, cùng với những hành tinh, cùng với những ngôi sao lớn, cùng với mặt trời quay, em cũng quay trong say sưa chất men kỷ niệm, em là một viên đá cuội, một nham thạch, một hạt cát bụi như những ngôi sao sáng trên trời, em được hiện hữu trong một giây, một chốc của hiện tại hay em chỉ là đám mây bay lang thang, rồi em trở về là chiếc lá thu được đốt lên hun nóng tình người.

Dòng đời trôi, em là hiện thân của một nhân vật đã trốn chạy và thoát khỏi ra ngoài một cuốn tiểu thuyết mà tác giả đã sáng tạo ra em như một vai trò trong sinh hoạt hàng ngày. Hôm nay em mỉm cười nhìn thấy và theo dõi được các hoạt động của tác giả. Tác giả vô tư ở trong thế giới hữu hình không nhìn thấy được thế giới vô hình của em, hay phải chăng sự mỏng manh của thế giới đó làm cho tác giả không nhìn thấy!

Dòng đời trôi, khi em còn là một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết, em không nhìn thấy được tận mặt tác giả, em tưởng tượng khuôn mặt người sáng tạo ra em một cách mơ hồ.

Sáng nay thức dậy, em đang sống và hoạt động cho ngày hôm nay, bây giờ và ở đây, nhưng em chơi vơi, lẩn lộn không biết đang ở trong hay ở ngoài cuốn tiểu thuyết. Phải chăng đó được gọi là một kiếp sống.

Dòng đời trôi, mỗi chúng ta là một con thuyền chạy chung quanh một mặt trời đang cháy ở giữa vũ trụ. Con thuyền mỗi chúng ta đi xuyên qua cuộc đời với hành lý gồm các phân tử di truyền. Nếu chúng ta đạt đến được việc giao hàng yên ổn ở một bến tốt đẹp thì chúng ta sẽ không sống trong vô ích.

Dòng đời trôi, những đóa hoa xuân nở trong lòng em khi nắng tươi hồng hiện trên cành lá, em là lá, là cây, là đám mây đen đang trôi nổi bèn bồng, em là gió bão, là nắng ấm, là nụ cười hay dòng nước mát thoát ra từ lòng đất, em là chất liệu của hành tinh xa lạ mượn thời gian du hành qua không gian để đến quả đất này như một cuộc mai rong chơi mất hút thời gian, quên mất cả hiện hữu và trở thành giấc mộng, em chỉ là cát bụi trong vũ trụ không định bờ bến.

Dòng đời trôi, em bị ném ra giữa dòng đời không biết trước, như một diễn viên bị xô đẩy ra giữa sân khấu, không được phân định một vai trò nào trước rõ ràng, em phải tự chọn lựa phải sống như thế nào, em bị bán loạn vì không tìm thấy một nơi nào để bám víu khi ý thức về sự hiện hữu, về sự chết đang chờ em ở một ngày nào đó, em cảm thấy xa lạ, bơ vơ và quá đáng trong một thế giới không có ý nghĩa và một tình cảm thất vọng, lo lắng, chán chường, điên cuồng, phi lý.

Dòng đời trôi, bỗng có tiếng gió thu bay về từ chốn đồng hoang xa xôi gõ nhịp vào hiện lạnh, em nghe có tiếng thở dài của lá phải rời cành bay phiêu bạt trong bầu trời ảm đạm để đi tìm giọt nắng thiên thu, tìm em

quặn thắt, nước mắt nhỏ giọt thương cho cuộc tình cây lá và thu.

Dòng đời trôi, buổi chiều vàng mây lụa mịn như tơ, em đi nhặt những lá thu vàng để thành đồng, một ý niệm biểu tượng kỷ niệm tình yêu chợt đến, em gom lá để đốt và sưởi ấm tình yêu bất chợt biến mất và cuộc đời phù phiếm vào lúc trời sang đông.

Dòng đời trôi, tình yêu cho em một hương vị tuyệt vời, em phải cho mới nhận được, em phải trung thực với chính em để có thể yêu, em trung thành với lương tâm và cảm xúc của chính em để sống đời của em vì hiện tại em chỉ có vồn vẹn một cuộc đời.

Dòng đời trôi, bỗng dưng tình yêu đổ về như thác lũ, như những trận mưa bão kéo từ đầu về, làm lòng chứa chan, em tự dưng cảm thấy sợ sệt cái mỏng manh nhìn thấy ở làn mây trôi trên khung trời.

Dòng đời trôi, thu có về mặc nó tại sao em phải hoãn hoãn ray rứt, phải chằng tình yêu đã đến bên em gần kề như tiếng chân ai bước nhẹ hay tiếng mưa nhịp nhàng rơi đều như những sợi dây chấp nối từ thiên đàng xuống địa ngục qua trung gian hiện thân em!

Dòng đời trôi, đông sang, em nhìn lá cành trơ trọi, nổi lòng giá băng theo tuyết lạnh, bầu trời xuống thấp gần kề trên mái ngói bốc hơi đen của những lò sưởi muốn hâm nóng lại tình yêu trống rỗng bỏ quên.

Dòng đời trôi, em thức dậy sớm vào buổi ban mai, em chạy vội vàng để theo dân chài đi đánh cá, chiều lại em ra ngoài vườn trồng những cây hồng và vun xới những luống đất, em mệt nhoài khi chiều tối đến, em sung sướng nằm trốn trong chăn nệm để tìm giấc ngủ. Cuộc đời gần giống như một trong những ngày như thế đó.

Dòng đời trôi, thời gian đóng kín những vết thương ngay cả không để lại cho em một vết sẹo. Em mừng tượng cha mẹ là những núi cao mà suốt đời em cố gắng leo lên và

quên hẳn rằng rồi một ngày chính em lại giữ vai trò đó.

Dòng đời trôi, tiếng ru con ngủ còn vắng vắng trong gió mùa thu, suốt năm canh dài em thức đủ trọn, nỗi buồn cô đơn thực tại khiến em nhớ đến người và trở thành tiếng kêu gọi hiện diện của tình tha thiết in hằn trong tiềm thức được ghi dấu bằng tiếng ời hời trong ca khúc mẹ ru tìm giấc ngủ cho con hây nín, hây ngủ đi nhé, để làm lắng dịu hình ảnh xáo trộn nào tình mẹ, nào tình yêu bị ướm át như chiếc diêm quẹt không bắt lửa giữa mùa mưa rơi.

Dòng đời trôi, mặc cho thời gian đi qua, cho không gian náo nhiệt hay lặng im hờ hững, em cứ gầy dựng những kỷ niệm tuyệt vời để ấp ủ, để nâng niu và để yêu dấu. Kỷ niệm cũng bốc hơi men giống như rượu nồng, làm cho em say đến ngất ngây. Rồi một ngày trời thật trong, em đem kỷ niệm đó bỏ vào chiếc hộp ngọc ngà, dù vẫn biết rằng khi mở ra chỉ còn là những chiếc lá khô vàng vì thời gian trôi qua.

Dòng đời trôi, sáng nay những con ve sàu lạng thình một chốc trước khi cất tiếng ca tiếp những bài ca hay nhất. Những cây cối cúi đầu theo những ngọn gió thổi nhẹ vào buổi sớm. Đại dương làm tan vỡ vài ngọn sóng trên những bờ đá, trước mặt em ngôi nhà như còn đang ngủ giống hình dáng còn lại trong giấc mơ của em.

Dòng đời trôi, có tất cả những âm thanh đồng điệu của sóng, của gió, của cát, rồi ở giữa buổi hòa nhạc không tưởng của cuộc đời và của những chất liệu này, có tôi có anh có em có tất cả mọi người chung quanh. Nhưng trong số này có bao nhiêu người nhìn thấy cảnh vật trước mắt và nghe những âm thanh này? Có bao nhiêu người thực hiện được vào mỗi buổi sáng cái ưu quyền thức dậy để nhìn thấy, để cảm giác, để sờ mó, để nghe và để nhận biết những hiện tượng đó? Có bao nhiêu người có khả năng quên đi trong một chốc

những bận rộn để thưởng ngoạn và thán phục cái hoạt cảnh kỳ ảo này? Đời sống riêng tư của em, của con người chính là phần vô thức to lớn nhất của nó. Em mở to đôi mắt nhìn cảnh vật chung quanh, những kỷ niệm đẹp không chóng tàn, em thấm nhiễm những màu sắc và những chất liệu này vì đó là nguồn gốc của những ưa thích, những nhớ tiếc, những hoài trông trong suốt cuộc đời.

Dòng đời trôi, em ngắm nhìn phong cảnh kỳ ảo mà thiên nhiên đang hiển dương cho em, bờ biển như được gọt dũa thành từng miếng rèm lạ lùng treo lủng lẳng, mặt trời làm sống lại ở đây hàng ngàn thứ ánh sáng khác nhau, mỗi cây đong đưa theo nhịp điệu môn trốn của gió.

Dòng đời trôi, dòng nước sông đang chảy cuộn cuộn như giận dữ, mãnh ruộng lơ dềnh, lạnh lùng như không để ý đến sự hiện diện của con người, núi cao vời vọi như chế ngự cảnh vật và cuộc đời, ánh mặt trời thay đổi từng giây phút suốt ngày từ màu nhạt đến màu đậm như những chất liệu bằng màu pha trộn bị đông đặc, những con chim vụt bay cao trên đầu, những con cá vừa tìm săn những con cá nhỏ khác vừa cố gắng tránh làm mồi cho những con chim bói cá đang bay lượn vòng quanh trên mặt nước.

Dòng đời trôi, những lần em cảm thấy cô độc như một khu vườn bị khô khan, những cây hoa mọc lên ở đó không có hương thơm. Những cảm xúc em tạo ra để được chia sẻ, sức lực và can đảm như hai cây nạn có thể quay chống trở lại và làm đau khổ cho những ai sử dụng chúng một cách vụng về.

Dòng đời trôi, em như bất lực trước những ham muốn, những thèm thường hay những nổi dậy trong lòng. Những cảm giác vượt quá sức chịu đựng cứ quay cuộn không ngừng, theo đuổi suốt cuộc đời, em cố quên đi nhưng rồi chúng trở thành như một ám ảnh. Em nghĩ đến nghệ thuật sống tùy thuộc vào khả năng chống lại sự bất lực đó, nhưng thật khó khăn vì sự bất lực thường làm nở rộng

thêm sự sợ hãi. Sự sợ hãi làm tiêu hủy phản ứng, trí thông minh và sự hiểu biết của em để mở đường cho sự yếu đuối.

Dòng đời trôi, nghi ngờ và chọn lựa đi theo bên em là hai sức lực làm rung động những sợi dây cảm xúc nhưng em cảm thấy chỉ có những kết hợp hòa điệu của sự rung động này mới thật đáng kể. Cũng như tất cả những buổi sớm mai đều yên lặng nhưng chỉ có một vài yên lặng nào đó đồng nghĩa với sự trống vắng, còn những yên lặng khác đôi khi đầy phức tạp.

Dòng đời trôi, niềm vui là một con chim bay lượn là đà trên những cánh đồng lúa đang trở bông. Nỗi buồn là một con chim đen với đôi cánh to khỏe mạnh bốc em lên phía trên cuộc đời đang lấp lánh chiếu sáng đến tận miền nước sâu, đến chỗ trong cùng của những cành lá che lấp mặt mù. Con chim phiền muộn bay vút cao lên bầu trời có những tầng mây xanh trắng, nơi đó có những thiên thần chăm sóc nỗi khổ đau đang canh gác cõi chết.

Dòng đời trôi, và phải chăng em đã ngủ? Và phải chăng, trong giấc ngủ, em đã mơ? Và phải chăng, trong giấc mơ, em đã đi đến tận thiên đàng và hái được một đóa hoa đẹp, lạ lùng? Và phải chăng, lúc thức dậy, em đã cầm đóa hoa ở trong tay? Và, rồi sao nữa đây?

Dòng đời trôi, ngày qua lại ngày, như người mộng du, con đường sỏi đá.

Em vẫn trôi theo dòng đời, rồi một hôm, một phút huy hoàng chợt đến, em dừng chân, em nhìn thấy một con đường đầy ánh sáng và xa lạ, con đường đi vào phía bên trong em, như con đường đi về phía bên kia của một tấm gương soi, trên con đường luôn luôn sáng rỡ, tựa hồ như không có thời gian, đây hoa thơm cỏ lạ này, em nhìn thấy lại những gì em đã trải qua trong nghìn đời trôi nổi không dừng bước và rồi chợt bỗng dòng đời ngừng trôi, thời gian dừng lại, chỉ còn em, Phương Lan, với nụ cười trên môi.

Trần Tam Nguyên (Paris)

Từ Hòm Ấy

Thơ:
Tường Vi

Phổ nhạc:
Huy Lâm
© 2000

Slow ♩ = 56

The musical score is written in a single system with a treble clef and a key signature of one flat (B-flat). The tempo is marked 'Slow' with a metronome marking of ♩ = 56. The time signature is 4/4. The score consists of eight staves of music. The first staff begins with a quarter rest, followed by a quarter note G4, a quarter note A4, and a quarter note B4. The second staff continues with a quarter note C5, a quarter note B4, a quarter note A4, and a quarter note G4. The third staff has a quarter note F4, a quarter note E4, a quarter note D4, and a quarter note C4. The fourth staff has a quarter note B3, a quarter note A3, a quarter note G3, and a quarter note F3. The fifth staff has a quarter note E3, a quarter note D3, a quarter note C3, and a quarter note B2. The sixth staff has a quarter note A2, a quarter note G2, a quarter note F2, and a quarter note E2. The seventh staff has a quarter note D2, a quarter note C2, a quarter note B1, and a quarter note A1. The eighth staff has a quarter note G1, a quarter note F1, a quarter note E1, and a quarter note D1. There are several triplets and slurs throughout the score. The lyrics are written below the notes.

Từ hòm ấy em trở về sông nhỏ Thả tóc buồn đan sợi nhớ mênh
mông Anh có nhặt tình cờ trên lá cỏ Một sợi thương cho lần ấy mận
nồng Từ hòm ấy nghe cuộc tình vẫy gọi Dòng thuyền theo ngày tháng mộng ra
khơi Tình thác lũ, dốc đá mòn phủ khói Bước tình nhân hoài quán quít không
thôi Từ hòm ấy tìm ngạt ngừng bối rối Bóng chiều rơi, hồn sông biển dâng
cao Dấu tình nhân ai đưa đường chỉ lối Lòng bước theo, ngàn lau lách xạc



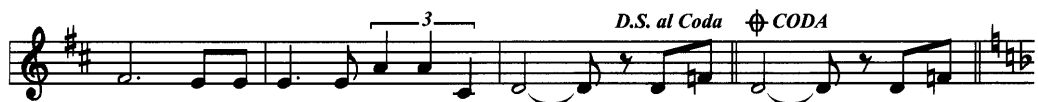
xào Từ hóm ấy — là những ngày — nắng — chói Hòn viên



vòng theo ngày tháng đông đưa — Rồi chợt biết tình chỉ — là mây khói Lòng mù



sương, trời se sát ngày mưa



D.S. al Coda Φ CODA

Từ hóm mưa Từ hóm



ấy em trở về sông nhỏ Thả tóc buồn đan sợi nhớ mệnh mông Anh có



nhật tình cờ trên lá cỏ — Một sợi thương cho lần ấy mặn



nồng — Một sợi thương cho người mãi — không quên —

“LƯU HƯƠNG KÝ” “ẢNH TRƯỜNG KỊCH GIỚI” ra mắt tại Westminster

Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích có một buổi nói chuyện về hai tác phẩm “Lưu Hương Ký” và “Ảnh Trường Kịch Giới” vào lúc 7 giờ 30 tối Thứ Sáu **27-1-2012** tại phòng sinh hoạt nhật báo Người Việt, Nam California.



Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích ký sách cho độc giả trước buổi nói chuyện về tác phẩm của Hồ Xuân Hương. (Hình: Đỗ Dzũng/Người Việt)

“Lưu Hương Ký” là tập thơ chữ Hán và chữ Nôm do nữ sĩ Hồ Xuân Hương viết ra cách đây gần 200 năm, cũng cổ bằng Truyện Kiều của Nguyễn Du, nhưng người ta mới tìm ra được cách đây chừng 60 năm. Từ đó đến nay, cuốn sách được khai thác dần, nhưng mới được chừng 3/4 tổng số bài thơ. Nhưng lần này, GS Nguyễn Ngọc Bích đã phiên âm ra được tất cả các bài thơ của Hồ Xuân Hương, gồm 44 bài thơ, gồm 15 bài chữ Hán và 29 bài chữ Nôm của bà.

Còn “Ảnh Trường Kịch Giới” là của Nhà văn Hồ Trường An, viết về điện ảnh miền Nam Việt Nam từ khi mới bắt đầu hồi

cuối thập niên 1930. Cuốn này chỉ dày 420 trang, ghi lại đầy đủ lịch sử điện ảnh là một chuyện chưa bao giờ có từ trước tới nay với những hình ảnh xưa liên quan đến điện ảnh miền Nam, nói về các diễn viên nam nữ, đạo diễn phim được đón nhận như thế nào và có các giải thưởng gì.

Cả hai tác phẩm “Lưu Hương Ký” và “Ảnh Trường Kịch Giới” đều do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản.

Độc giả muốn tìm mua, xin liên lạc Tổ Hợp Xuất Bản miền Đông Hoa Kỳ:

**2607 Military Rd.
Arlington, VA 22207 - USA
Tel & Fax: (703) 525-4538**



Hàng ghế đầu, từ phải, GS Nguyễn Tư Mô, nhà thơ Viên Linh, GS Trần Ngọc Ninh. Hàng ghế thứ nhì từ trái, nhà báo Huy Phương, TS Nguyễn Bá Tùng, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện.

HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỎ THƠM

Nhân dịp phát hành số báo mùa đông 57, Cỏ Thơm đã có một buổi họp mặt phân phối báo ngày 17 tháng 12, 2011 tại tư gia Nguyễn Quốc Khải. Xin mời quý vị xem vài hình ảnh văn thi hữu và độc giả Cỏ Thơm có mặt trong buổi họp mặt đó.



Hoàng Bạch Mai, Hùng, Kiều Nga, Ý Anh, Dương Nghiệp Bảo, Nguyễn Văn Thành



Từ trái
 Hàng ngồi:
 Phạm Trọng Lệ,
 Phạm Hữu Bính,
 Đỗ Ngọc Phú,
 Hoàng Song Liêm;
 Hàng đứng:
 Dương Nghiệp Bảo,
 Ngô Tăng Giao,
 Nguyễn Quốc Khải,
 Đăng Nguyên,
 Đặng Văn Hiền.



Hoàng Bạch Mai, Kiều Nga, Thái Phượng, Tường Huệ, Trúc Mai, Ý Anh, Hồng Thủy.



Hồng Thủy, Cung Thy Lan, Nguyễn Anh, Ý Nguyên, Bạch Mai, Ngọc Dung, Lan Hương, Hùng.



Thái Phượng, Ngọc Dung, Diễm Trân, Ý Nguyễn, Cung Thy Lan, Ngọc Dung, Ý Anh, Hồng Thủy, Chị Nguyễn Văn Thành.



Tường Huệ, Tú Nhật, Ngọc Dung, Ý Nguyễn, Nguyễn Anh, Diễm Trân, Thái Phượng, Kiều Nga.



SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC



PHÒNG MẠCH

BÁC SĨ VÕ ĐẠM

**591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901**

**Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do**

TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943

Cell Phone (24/24): (240) 422-3454





7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày:

- **Lunch: \$7.95**
- **Dinner: \$9.95**

Mở cửa 7 ngày trong tuần
Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

Trân Trọng Kính Mời

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ: US \$35.00 [] - Gia Nã Đại (In USA & Canada): US\$40.00 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO LÀ
ÂN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM

Giá báo: \$7.00

